

PRIMO LEVI



cố
được
là
người



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

PRIMO LEVI

Có được là người

Tập I

Người dịch:

NGUYỄN TRỌNG ĐỊNH

và

ĐOÀN NGỌC THANH

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ - HÀ NỘI 1996

Dịch theo bản Tiếng Pháp

LE DE UXIEME SEXE

Nhà xuất bản Gallimard Paris, 1976

Scan & tạo ebook: Tudonald78



Primo Levi (1919-1987) sinh tại Turin, là người Ý gốc Do Thái. Ông là nhà hóa học, hoạt động trong phong trào chống phát xít “Công lý và Tự do”: Đức Quốc xã bắt ông cuối năm 1943, ông bị chuyển qua một số trại tập trung, rồi cuối cùng là Auschwitz. Tại đây, ông trở thành nhân công tại nhà máy sản xuất cao su nhân tạo Buna, một kế hoạch sản xuất vừa tham vọng vừa điên rồ, ảo tưởng của phát xít Đức. Levi may mắn được chuyển vào làm việc trong phòng thí nghiệm hóa học, có một số ưu tiên nhất định so với các tù nhân khác. Đến gần ngày quân Đồng minh tiến vào giải phóng Auschwitz, Levi bị ốm và được đưa vào trạm xá của trại, tức Ka-Be. Quân Đức sơ tán toàn bộ những người còn chút sức lực trong trại, bỏ lại những ai ốm yếu. Cùng vài người bạn từ trong trạm xá, Levi đã trụ được cho tới lúc quân Đồng minh đến. Toàn bộ câu chuyện này được kể lại trong Có được là người.

Sau khi thoát khỏi Auschwitz, Primo Levi còn phải trải qua một cuộc hành trình gian khổ trước khi về tới được Turin quê nhà vào tháng Năm năm 1945. Có được là người xuất bản vào năm 1947 nhưng không mấy được chú ý, cả chục năm sau đó nó mới được "phát hiện" và nhanh chóng trở thành một hiện tượng lớn của văn chương thế giới. Primo Levi còn là tác giả của không ít tác phẩm văn học khác. Năm 1987, ông tự sát tại nhà riêng, cái chết của ông cho đến giờ vẫn được coi là một bí ẩn.

Cuốn sách này được xuất bản với sự hợp tác
của Đại sứ quán Italia

Rapporto suirorganizzazione igienico-sanitaria del campo di
concentramento di Monowitz per ebrei (Se questo è un uomo)

© 1958 by Giulio Einaudi Editore S.p.A

Dịch từ nguyên bản tiếng Ý, Se questo è un uomo,
NXB Einaudi.

Xuất bản theo hợp đồng nhượng quyền giữa
Giulio Einaudi Editore S.p.A và Nhà Nam, 2010

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông
Nhà Nam, 2010.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản,
sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc

biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép
bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn
hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ,
khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

Primo Levi



TRẦN HỒNG HẠNH dịch

Các anh, sống đời yên ổn

Trong căn nhà ấm áp của mình,

Các anh, tối đến trở về nhà

Có đồ ăn nóng sốt, có bạn có bè:

Xem thử đây có được là người

Quần quật trong bùn lầy

Không biết đến bình yên

Đánh nhau vì nửa miếng bánh
Chết vì một câu Có hay Không.
Xem thử đây có được là đàn bà,
Không tóc tai, không tên tuổi
Không còn sức mà nhớ
Đôi mắt trống rỗng và vòng tay giá lạnh
Như cánh cò ủ rũ mùa đông.
Các anh nghĩ xem cảnh này cảnh gì:
Tôi dặn các anh những lời này
Hãy khắc sâu vào tâm khảm
Dù đang ở nhà hay đang đi xa
Dù đang ngủ ngon hay là đã dậy
Hãy nhắc con cháu điều này.
Còn nếu không sẽ tan hoang nhà cửa,
Bệnh tật sẽ đổ vào người,
Con cái ngoảnh mặt quay đi.

LỜI TÁC GIẢ

May mắn cho tôi là đến tận năm 1944 mới bị bắt vào Auschwitz, nghĩa là sau khi chính phủ Đức do ngày càng thiếu nhân công lao động đã quyết định kéo dài thời gian sống của tù trước khi giết, và do đó đã cải thiện cuộc sống ở trại và tạm dừng các đợt hành quyết vô tội vạ.

Vì thế cuốn sách này của tôi sẽ không thêm được chi tiết kinh khủng nào về những trại hủy diệt đã nổi tiếng với bạn đọc toàn thế giới. Cuốn sách không được viết với mục đích đưa ra những lời buộc tội mới mà là để đưa ra vài tư liệu cho một nghiên cứu khách quan về tâm trạng con người. Rất nhiều cá nhân cũng như dân tộc, cố tình hoặc không, đã từng coi "kẻ khác máu là kẻ thù". Suy nghĩ ấy lan sâu vào tâm trí giống như một vết nhiễm trùng ẩn kín, chỉ hiện ra trong những hành động bất thường không định trước chứ không nằm trong một ý thức hệ nào. Nhưng khi nó đã xuất hiện khi đức tin không nói ra ấy trở thành tiền đề chính cho một chuỗi suy diễn thì kết quả cuối cùng sẽ cho ra Lager. Lager là sản phẩm của một quan niệm về thế giới đã mang đến những hệ quả với một sự kiên định khắt khe: chừng nào cái quan niệm ấy còn sống sót thì những hệ quả vẫn còn đe dọa. Câu chuyện về các trại diệt chủng cần được tất cả mọi người coi là một dấu hiệu nguy hiểm nghiêm trọng.

Tôi nhận thức được những nhược điểm về bố cục của cuốn sách, mong độc giả tha lỗi. Từ những ngày ở Lager các ý định và quan điểm về cuốn sách này đã ra đời dù tôi chưa viết. Cái nhu cầu được kể với những "người khác", chia sẻ với những "người khác" đã tạo nên trong chúng tôi, khi bị giam cầm cũng như sau này khi được giải phóng một động lực mãnh liệt và cấp thiết, thậm chí át cả những nhu cầu cơ bản nhất của con người. Cuốn sách được viết để thỏa mãn nhu cầu đó, mục đích đầu tiên của nó chính là để giải tỏa nội tâm. Cũng vì thế mà sách được bố cục rời rạc, các chương không được viết theo một trình tự logic mà theo mức độ cấp thiết cần được viết ra. Việc liên kết chúng được thực hiện về sau.

Tôi nghĩ không cần phải thêm rằng không có bất cứ sự kiện nào trong sách là bịa đặt.

HÀNH TRÌNH

Tôi bị quân cảnh phát xít bắt ngày 13 tháng Chạp năm 1943. Khi ấy tôi hai mươi tư tuổi, ít hiểu biết, không kinh nghiệm và dứt khoát muốn sống trong một thế giới siêu thực của riêng mình, thế giới của những bóng ma văn minh theo kiểu Descartes, của những tình bạn trai chân thực và tình bạn gái hiền lành. Cái xu hướng sống ấy tôi có được sau bốn năm chịu đựng chế độ chia rẽ mà những quy định phân biệt chủng tộc đã đẩy tôi vào. Tôi ấp ủ trong mình một ý tưởng nổi loạn vừa phải và trùu tượng.

Không dễ chút nào để chọn ra con đường lên núi và lập thành đội du kích, một đội ngũ mà trong tâm tưởng của tôi và những bạn bè cũng chẳng thông thạo hơn mấy nghĩ sẽ phải là một đội du kích liên kết với phong trào "Công lý và Tự do"^[1]. Liên lạc, vũ khí, cả tiền và kinh nghiệm để xoay xở được những thứ đó đều thiếu. Thiếu những người có khả năng, chúng tôi hòa vào cùng một số đông không đủ tiêu chuẩn, có hoặc không có lòng tin, những người chạy từ đồng bằng lên hòng tìm cho mình một tổ chức chính trị hoặc quân sự không hề tồn tại, hay thậm chí chỉ để tìm một sự bảo vệ, một chỗ trốn, một bếp lửa, một đôi giày.

Hồi ấy tôi vẫn còn chưa được dạy cái nguyên tắc mà tôi sẽ nhanh chóng học được ở Lager: cần theo đuổi những mục đích riêng của mình bằng mọi phương tiện có thể, ai sai lầm thì phải trả giá; tôi đã phải công nhận những gì xảy ra sau này đơn giản là theo đúng nguyên tắc đó. Ba trung đội quân cảnh phát xít xuất quân từ nửa đêm trên đường đánh úp một đội quân khác đang bị vây trong thung lũng mạnh và nguy hiểm hơn chúng tôi nhiều đã

tràn vào nơi trú ẩn của chúng tôi. Vào buổi bình minh ma quái đầy tuyết ấy, tôi - một đối tượng khả nghi - đã bị chúng bắt xuống thung lũng.

Trong các cuộc hỏi cung sau đó, tôi chọn cách khai mình là "công dân Ý gốc Do Thái" vì tôi nghĩ nếu không khai như thế thì không thể biện minh việc mình có mặt ở một chốn quá hẻo lánh ngay cả là để trốn tránh, và vì tôi tính (sau này mới thấy là sai lầm) rằng việc thú nhận hành động chống lại phát xít của mình sẽ dẫn đến bị tra tấn và chắc chắn sẽ bị giết. Là dân Do Thái, tôi được chuyển đến Fossoli ở Modena nơi có một trại giam lớn vốn dành cho tù binh Anh và Mỹ nhưng sau này được dùng để nhốt mọi loại người mà chính phủ Cộng hòa Phát xít mới ra đời không có cảm tình.

Lúc tôi đến, tức là vào cuối tháng Giêng năm 1944, có khoảng một trăm năm mươi người Ý gốc Do Thái, nhưng chỉ sau ít tuần con số này đã lên đến hơn sáu trăm. Thường là nguyên cả gia đình bị phát xít hoặc bọn phân biệt chủng tộc bắt do không cẩn thận hoặc do bị tố cáo ngầm. Một vài người khác thì tự nộp mạng vì cuộc sống lang thang làm họ tuyệt vọng, vì họ không có phương tiện sống nào khác, vì không muốn xa lìa người thân đã bị bắt, hoặc điên rồ hơn nữa là vì "muốn đặt mình trong vòng pháp luật". Ngoài ra còn có hơn một trăm tù binh Nam Tư và một vài người nước ngoài bị nghi ngờ về thái độ chính trị.

Việc một đội lính SS Đức đến trại lẽ ra phải khiến ngay cả những người lạc quan nhất phải lo lắng; thế nhưng thay vì những kết luận hiển nhiên chúng tôi vẫn cố suy diễn cái tin này theo nhiều cách. Thế nên khi tin sẽ bị chuyển đi ập xuống thì tinh thần chúng tôi vẫn chưa được chuẩn bị.

Ngày 20 tháng Hai ấy bọn Đức tiến hành điều tra kỹ lưỡng trong trại, âm ỉ quở trách công khai tay trưởng trại người Ý về chuyện quản lý bếp kém và có quá ít củi để đốt sưởi; thậm chí bọn chúng còn nói trại sẽ sớm mở một trạm xá. Nhưng đến sáng ngày 21 mọi người được biết hôm sau tất cả dân Do Thái sẽ đi. Tất cả: không có ngoại lệ nào. Kể cả trẻ con, người già, người

ồm. Đi đâu không biết. Phải chuẩn bị cho hành trình mười lăm ngày. Cứ một người điểm danh thiếu thì sẽ có mười người khác bị bắn.

Chỉ còn một số ít kẻ ngấy thơ và ảo tưởng là còn hy vọng: chúng tôi đã từng nói chuyện với những người vượt biên từ Ba Lan, từ Croatia và biết phải ra đi thế này có nghĩa là gì.

Với những kẻ bị kết án tử hình, theo truyền thống sẽ có một nghi lễ khố hạnh để tỏ rõ rằng mọi dục vọng và giận dữ đều đã hết, bản án chỉ còn đơn giản là một trách nhiệm buồn thảm với xã hội, và điều này khiến người phán quyết thương cảm kẻ bị kết án. Vì thế người ta tránh quan tâm quá mức đến tội phạm, cho phép họ ở một mình, an ủi họ về mặt tâm linh nếu họ muốn, tóm lại là người ta muốn để tội phạm không cảm thấy bị bao bọc bởi thù hận hay độc đoán mà bởi sự cần thiết, bởi công lý. Cùng với sự trừng phạt sẽ là tha thứ.

Nhưng chúng tôi thì không được thế, vì chúng tôi quá đông mà thời giam thì quá ít, mà suy cho cùng thì tại sao chúng tôi phải tự trừng phạt, vì tội lỗi gì mà chúng tôi cần được tha thứ? Trường trại người Ý quyết định mọi hoạt động đều phải diễn ra bình thường cho đến khi có lệnh khởi hành; bếp vẫn nấu, các nhóm dọn vệ sinh vẫn dọn như thường, thậm chí các thầy vẫn tiếp tục lớp học buổi tối như mọi ngày. Chỉ có điều tối hôm ấy bọn trẻ con không được giao bài tập về nhà.

Màn đêm xuống, một đêm rõ là mắt thường không thể dõi theo mà sống nổi^[2]. Mọi người đều cảm thấy điều đó: không một lính gác nào, Ý cũng như Đức, có lòng ngó xem những con người biết mình rồi sẽ phải chết đang làm gì.

Mỗi người chọn một cách từ biệt cuộc đời hợp với mình. Người thì cầu nguyện, người uống thả giàn, người lại say sưa dâm dăng một lần cuối. Nhưng những người mẹ thì lo lắng chuẩn bị đồ ăn cho chuyến đi, tắm cho bọn trẻ, chuẩn bị hành lý, và đến bình minh thì những sợi dây thép gai quấy

quanh trại đã phấp phới đầy áo quần trẻ con chờ hơng khô trong gió. Làm sao để không quên những tấm khăn cùng đồ chơi, hàng trăm thứ đồ vật bé nhỏ mà những người mẹ biết bọn trẻ sẽ cần. Bạn sẽ không làm đúng như thế sao? Nếu ngày mai người ta giết bạn cũng con mình, hôm nay bạn có thôi không cho nó ăn nữa được không?

Ở lô số 6A có lão Gattegno, vợ và lũ con cháu dâu rể đông đúc. Đàn ông đều làm thợ mộc, quê ở Tripoli. Cả nhà đã phải trải qua nhiều hành trình dài nhưng lúc nào cũng mang theo đủ đồ nghề, đồ bếp cùng cây đàn arcordeon và cây vĩ cầm để sau mỗi ngày làm việc lại nhảy múa cùng nhau, những con người vui vẻ và sùng đạo. Đàn bà nhà ấy là những người đầu tiên bắt tay chuân bị cho chuyến đi, nhanh nhẹn và lạng lẹ để còn có thời gian cho việc đưa tang. Khi mọi thứ đã xong, bánh đã chín, túi đã buộc, họ bèn cởi giày, xoa tóc và cắm lên mặt đất những cây nến tang, đốt chúng lên theo đúng phong tục ông cha rồi ngồi thành vòng tròn trên mặt đất để hờ, rồi khóc lóc, than thở cả đêm hôm ấy. Chúng tôi túm tụm lại thành một nhóm đứng trước cửa nhà họ, trải nghiệm nỗi đau buồn sâu thẳm trong lòng, nỗi đau buồn trước đây chưa từng biết đến, nỗi đau từ xa xưa của những kẻ không quê hương, nỗi đau không còn hy vọng về cuộc di cư mỗi thế kỷ lại tái diễn một lần.

Bình minh ló dạng, vầng dương mới mọc nhập bọn với kẻ thù, giống như một kẻ phản bội để chứng kiến chúng tôi bị hủy diệt. Những cảm xúc khác nhau dấy lên trong mỗi người, chấp nhận, phản kháng vô vọng, ruồng bỏ đức tin, sợ hãi, tuyệt vọng. Sau một đêm trắng những cảm xúc ấy trộn lẫn với nhau thành một cơn hoảng loạn tập thể không thể kiểm soát được. Thời gian để suy ngẫm, để ổn định đã hết, mọi lý lẽ tan biến trong một sự xáo động cực độ. Sáng lên như những tia chớp trên cái nền tuyệt vọng xáo động đó là ký ức đẹp đẽ về gia đình, vẫn còn gần gũi quá với chúng tôi về thời gian cũng như không gian, đau đớn như những mũi gươm thọc vào gan ruột.

Rất nhiều điều chúng tôi đã nói, đã làm cùng nhau khi ấy, nhưng có lẽ không nhớ gì thì hơn^[3].

Bọn Đức điểm danh, với một sự chính xác điên rồ mà sau này chúng tôi phải quen. Cuối cùng tên sĩ quan hỏi "Wieviel Stück?", tên hạ sĩ lập tức đứng nghiêm chào và trả lời có sáu trăm năm mươi "con", tất cả đều đúng quy định; sau đó chúng chất chúng tôi lên các xe chở nhỏ và đưa đến ga Carpi. Ở đây đoàn tàu và đội áp giải đã đợi sẵn. Ở đây chúng tôi lãnh những cú đòn đầu tiên: điều đó lạ và vô lý đến mức chúng tôi không thấy đau cả về thể xác lẫn tinh thần. Chỉ là một sự ngạc nhiên sâu sắc; không giận dữ gì sao người ta có thể ra tay đánh người khác?

Có mười hai toa chở hàng cho sáu trăm rưỡi con người; trong toa của tôi chỉ có bốn mươi lăm người, nhưng đó là một toa nhỏ. Hóa ra nó đẩy, đoàn tàu chở người nổi tiếng của bọn Đức, ngay trước mắt chúng tôi, ngay dưới chân chúng tôi, những đoàn tàu một đi không trở lại mà chúng tôi vẫn thường được nghe kể nhưng chỉ biết sợ và không tin là thực. Nhưng nó quả đúng là thế: những toa chở hàng cửa khóa bên ngoài, tàn nhẫn nhồi đầy đàn ông, đàn bà, trẻ con, như thể nhồi một thứ hàng tầm thường, chạy về một nơi vô định, một nơi nào đó ở dưới kia, tít xuống đáy sâu. Lần này thì chính chúng tôi ở trong cái đoàn tàu ấy.

Sớm hay muộn trong cuộc đời mình mỗi người sẽ khám phá ra rằng hạnh phúc hoàn hảo là không có thật, nhưng ít ai chịu ngẫm nghĩ về điều ngược lại: rằng một sự bất hạnh hoàn hảo cũng không hề có. Những vật cản để tiến đến hai thái cực này đều cùng một dạng: đều là vì đặc trưng của con người vốn luôn phản kháng lại những điều tuyệt đối, vô hạn.

Những đặc trưng ấy bắt nguồn từ hiểu biết chẳng bao giờ đủ của chúng ta về tương lai mà ta vẫn gọi khi thì là hy vọng, khi thì là sự bất trắc về ngày mai; là cái chết rồi sẽ đến của mỗi đời người, chết là chấm hết mọi niềm sung sướng cũng như mọi nỗi khổ đau; là những nỗi lo vật chất không tránh khỏi, có thể làm vẩn đục bất cứ hạnh phúc lâu dài nào cũng như có thể làm lãng đi những nỗi thống khổ, làm gián đoạn ý thức con người về nỗi bất hạnh của mình và khiến nó trở nên chịu đựng được.

Sự thiếu thốn, những cú đánh đập, cái lạnh, cái khát là những thứ đã giúp chúng tôi không chìm xuống nỗi tuyệt vọng thăm thẳm trong suốt chuyến đi và cả sau đây nữa. Đó không phải quyết tâm sống, không phải sự cam chịu có ý thức, những điều mà chỉ một số ít người có khả năng có được, còn chúng tôi chỉ là một nhóm người bình thường. Cửa bị đóng lại ngay lập tức, nhưng tàu mãi đến đêm mới khởi hành. Nghe đích đến mà chúng tôi thấy nhẹ cả người. Auschwitz: một cái tên lúc ấy chưa có ý nghĩa gì với chúng tôi nhưng ít nhất cũng là một nơi nào đó trên trái đất này.

Tàu chạy chậm chạp, với những chặng dừng dài mệt mỏi. Qua khe hở chúng tôi thấy những vách đá của thung lũng Adige và những cái tên thành phố Ý cuối cùng dần trôi qua mất. Chúng tôi vượt qua Brenner^[4] vào trưa ngày thứ hai, tất cả đều đứng dậy nhưng không ai nói lời nào. Trái tim tôi khắc khoải nghĩ đến chặng về, tôi tàn nhẫn dựng lên cho mình niềm vui phi thường của chuyến đi đó với những cánh cửa mở toang, không ai còn muốn trốn nữa, rồi những cái tên Ý đầu tiên... Tôi nhìn quanh và tự hỏi mình bao nhiêu, bao nhiêu trong số cát bụi con người ở đây sẽ bị số mệnh đập vùi.

Trong số bốn mươi lăm người trong toa tàu hôm ấy, chỉ có bốn người được nhìn thấy lại nhà mình, và đó đã là toa tàu may mắn nhất.

Chúng tôi phải chịu khát và lạnh: lần nào dừng chúng tôi cũng gào lên xin nước, hay ít ra cũng là một nắm tuyết, nhưng chẳng mấy ai chịu nghe; bọn lính áp giải không cho ai lại gần đoàn tàu. Hai bà mẹ trẻ đang nuôi con bú rên rỉ cả ngày lẫn đêm cầu xin nước. Tình trạng căng thẳng của chúng tôi khiến đói, mệt và mất ngủ thành ra ít giày vò hơn. Nhưng ban đêm thì thật là những cơn ác mộng dài bất tận.

Chỉ ít người biết cách đối mặt với cái chết một cách tự trọng, và thường là những người mà ta không ngờ tới. Ít người chịu ngậm miệng và tôn trọng sự im lặng của người khác. Giấc ngủ bất an của chúng tôi thường xuyên bị cắt ngang bởi những tiếng cãi cọ ồn ào vô ích, những lời nguyện rửa, những cú dấm đá mù quáng chống lại một đưng chạm lấn sang vốn không tránh khỏi

trong toa tàu. Rồi ai đó sẽ thấp lên một ngọn nén buồn thảm, soi lên một thảm nhung nhúc người trải dài trên sàn tàu, ken đặc và hỗn loạn, lơ dờ và đau đớn, thỉnh thoảng đột ngột trồi lên ở góc này hay góc kia rồi rũ xuống ngay lập tức vì kiệt sức.

Qua khe hở, những cái tên quen và không quen của các thành phố Áo, Salzburg, Viên. Rồi của Séc, cuối cùng là Ba Lan. Vào buổi tối ngày thứ tư cái lạnh trở nên khắc nghiệt: con tàu chạy xuyên qua những rừng thông đen bất tận, rõ là đang lên dốc. Tuyết rơi dày dưới đất. Tuyến đường này chắc chỉ là một tuyến phụ vì các ga đều nhỏ và vắng tanh. Những lúc tàu dừng chẳng ai còn cố liên lạc với bên ngoài nữa: chúng tôi tự cảm thấy mình đã "ở bên kia" rồi. Một chặng dừng dài ở giữa đồng, rồi lại lăn bánh cực kỳ chậm. Đến rất khuya đoàn tàu dừng hẳn lại giữa một vùng đồng bằng tối đen và im ắng.

Ở cả hai bên đường tàu có thể thấy những hàng đèn đỏ và trắng xa hút tầm mắt; nhưng không có tí tiếng ồn nào hứa hẹn có khu dân cư sinh sống. Trong ánh sáng khốn khổ của cây nến cuối cùng, tiếng bánh xe lăn tắt hẳn, những âm thanh của con người cũng tắt, chúng tôi chờ điều sẽ xảy đến.

Trong suốt chuyến có một phụ nữ đứng cạnh tôi, cũng bị các thân người chen chúc nghiền bẹp như tôi. Chúng tôi quen nhau từ nhiều năm, rồi cùng bị sự bất hạnh này tóm được, nhưng không biết gì nhiều về nhau. Giờ đây, trong giờ phút quyết định, chúng tôi nói những điều mà những người sống sẽ không nói với nhau. Chúng tôi tạm biệt nhau và rất nhanh, mỗi người chào qua người kia lời tạm biệt với chính cuộc đời. Chúng tôi không còn sợ nữa.

Sự ly tán xảy đến đột ngột. Cánh cửa toa mở ra loảng xoảng, trong bóng đêm vang lên những mệnh lệnh bằng tiếng nước ngoài, thứ tiếng Đức dă man cộc lốc khi ra lệnh nghe như thể chúng đang quạt thêm gió vào cơn giận xưa hàng thế kỷ. Chúng tôi thấy một khoảng sân ga rộng lớn được đèn chiếu rọi sáng. Sau đó một chút là một dãy xe tải. Rồi tất cả lại im lặng. Ai

đó dịch: chúng tôi phải mang hành lý xuống rồi để dọc theo tàu. Trong giấy lát sân ga phủ đầy bóng người. Nhưng chúng tôi sợ phá vỡ sự im lặng: mọi người đều loay hoay quanh hành lý của mình, tìm ai đó, gọi nhau nhưng đều chỉ thăm thì ngượng ngập.

Khoảng chục tên SS đứng tản mát, hai chân choãi rộng, đứng đưng. Được một lúc chúng len vào giữa chúng tôi lạnh lùng hỏi từng người một bằng một giọng thấp và một thứ tiếng Ý tẻ nhạt. Chúng không hỏi tất, chỉ vài người. "Bao nhiêu tuổi?", "Ốm hay khỏe?", và tùy theo câu trả lời chúng chỉ chúng tôi rẽ sang hai hướng khác nhau.

Không gian lặng như tờ, hay như cảnh trong mơ. Chúng tôi chờ đợi một cái gì đó có tính chất tận thế hơn, nhưng bọn này lại có vẻ như những tên cảnh sát bình thường. Điều ấy khiến chúng tôi bối rối và bất cảnh giác. Vài người mạnh dạn hỏi chuyện hành lý; chúng trả lời, "hành lý sau"; vài người không muốn bỏ lại vợ; chúng bảo, "sau đây lại gặp nhau"; nhiều bà mẹ không muốn rời con mình; chúng nói, "được rồi, ở lại với con". Luôn với cái vẻ bình tĩnh chắc chắn của người đang thi hành công vụ hằng ngày. Nhưng khi Renzo dừng hơi lâu để tạm biệt cô người yêu Francesca, chúng bắn gục cậu chỉ với một phát súng. Đây, đây chính là công vụ hằng ngày của chúng.

Chỉ chưa đến mười phút đàn ông khỏe mạnh được gom thành một nhóm. Điều xảy ra với những người khác, phụ nữ, trẻ con, người già, lúc ấy cũng như sau này, chúng tôi không hề biết. Bóng đêm đã hoàn toàn nuốt chửng họ, đơn giản thế thôi. Tuy vậy giờ đây chúng tôi biết trong cái lần phân loại tổng hợp nhanh gọn ấy, mỗi người trong chúng tôi được phán quyết xem có thể làm việc có ích cho Reich^[5] hay không; và trong cả đoàn chúng tôi chỉ có chín mươi sáu nam giới cùng hai mươi chín phụ nữ là được bước vào các trại tập trung ở Buna-Monowitz và Birkenau. Số còn lại, hơn năm trăm người, không ai sống được quá hai ngày sau đó. Chúng tôi cũng biết thêm rằng cái cách phân loại mong manh được hay không được ấy không phải bao giờ cũng áp dụng, những lần sau việc lựa chọn chỉ đơn giản là mở cửa ở cả

hai bên toa tàu, không có hướng dẫn hay cảnh báo gì. Ai xuống ở phía bên này thì vào trại, ai sang bên kia thì đến phòng hơi ngạt.

Emilia, cô bé ba tuổi đã chết như thế; bởi vì bọn Đức nghiêm nhiên coi chuyện giết trẻ con Do Thái từ xưa đến nay là cần thiết. Emilia, con gái của kỹ sư Aldo Levi người Milan, một bé gái tò mò, ham hiểu biết, vui vẻ và thông minh, đưa con gái mà trong cái toa tàu kín bưng ấy vẫn được bố mẹ nó cố gắng tắm cho bằng một cái chậu mạ kẽm và chút nước lạnh mà tên kỹ sư Đức súc vật lấy từ chính cái đầu máy đang đưa chúng tôi đến cỏi chết ra cho.

Những người vợ, bố mẹ già, con cái của chúng tôi đã biến mất như thế, chỉ trong khoảnh khắc. Hầu như không ai chào được ai. Chúng tôi chỉ thoáng thấy họ trong giấy lát trong cái đám đông tối đen tít đầu bên kia sân ga, rồi không thấy gì nữa.

Thay vào đó là hai nhóm người lạ hiện dần lên trong ánh đèn pha. Họ đi thành từng tổ, theo hàng ba với nhịp chân kỳ cục, lúng túng, đầu đung đưa ngả xuống trước, cánh tay cứng đờ. Họ đội trên đầu một loại mũ nồi tức cười, tất cả đều mặc một thứ áo khoác kẻ sọc nhìn từ xa cũng thấy bẩn thỉu rách rưới. Bọn họ đi quấy quanh chúng tôi thành một vòng tròn lớn nhưng không hề tiến lại gần, im lặng xục xạo đồng hành lý của chúng tôi, leo lên leo xuống các toa tàu rỗng.

Chúng tôi nhìn nhau không nói một lời. Tất cả đều thật khó hiểu và điên rồ, nhưng có một điều chúng tôi hiểu rõ, kia là sự chuyển hóa đang chờ chúng tôi. Ngày mai chúng tôi sẽ biến thành giống như bọn họ.

Tôi cũng không biết làm thế nào mình lại ở trong một cái xe tải cùng ba chục người khác. Chiếc xe phóng hết tốc độ vào đêm đen; xe bị che kín nên chúng tôi không nhìn được ra ngoài, nhưng từ những cú lắc thì có vẻ con đường rất quanh co khúc khuỷu. Có ai canh gác không? Hay chúng tôi nhảy xuống? Muộn rồi, muộn quá rồi, chúng tôi đã "xuống" quá sâu rồi. Mà sau

đó chúng tôi cũng sớm nhận ra không phải không có lính gác. Một tên lính kỳ quặc, một tên lính Đức vũ khí đầy người. Chúng tôi không nhìn thấy hăn vì tối quá, nhưng những lần xe lắc đẩy cả đám người sang phải hoặc sang trái đều khiến chúng tôi cảm thấy hăn một cách rõ rệt. Hăn bật đèn pin, thay vì hò hét, “Liệu đây bọn đáng nguyên rửa kia!” thì lại lịch sự hỏi từng người xem có tiền hay đồng hồ đưa hăn không, bằng tiếng Đức hoặc tiếng bồi: đảng nào thì chúng tôi cũng không cần đến tiền và đồng hồ nữa. Đó không phải mệnh lệnh, không phải quy định: rõ ràng đó chỉ là một cách bắt đầu riêng của tên chở đồ xuống địa ngục này. Điều ấy làm chúng tôi giận dữ, rồi cười lớn, và rồi thấy khuây khỏa lạ lùng.

DƯỚI ĐÁY SÂU

Chuyến đi dài không quá hai mươi phút, rồi chiếc xe tải dừng lại. Chúng tôi thấy một cánh cửa lớn với dòng chữ sáng chói bên trên (ký ức về nó vẫn còn ám ảnh tôi trong những giấc mơ): ARBEIT MACHT FREI, công việc mang đến tự do.

Chúng tôi xuống và được đưa vào một căn phòng lớn trống trơn chỉ được sưởi ấm qua loa. Sao mà khát thế! Dòng nước yếu ớt chảy trong bộ tản nhiệt khiến chúng tôi như phát cuồng: đã bốn ngày chúng tôi không được uống. Ở đây thì lại có vòi nước: phía trên là một tấm biển ghi cấm uống vì nước bẩn. Vớ vẩn, vãi tôi thì cái biển ấy rõ chỉ là trò đùa, "bọn họ" biết chúng tôi đang chết khát, thế mà Wassertrinken Verboten. Tôi rủ những người khác cùng uống, nhưng rồi phải nhổ ra, nước lạnh và lợ, có vị bùn. Đây thật là địa ngục. Thời đại bây giờ địa ngục chắc thế này đây, một căn phòng lớn, trống trơn còn chúng tôi phải đứng mệt mỏi, vòi nước nhỏ giọt những nước thì không thể uống. Chúng tôi chờ một cái gì khủng khiếp nhưng chẳng có gì xảy ra, mãi vẫn không xảy ra gì hết. Biết nghĩ thế nào đây? Không thể nghĩ nổi nữa, chúng tôi như thể đã chết rồi. Vài người ngồi xuống đất. Thời gian trôi qua nhỏ giọt.

Chúng tôi chưa chết; cánh cửa mở ra và một tên SS phì phèo thuốc lá bước vào. Hắn ta chậm rãi nhìn chúng tôi, hỏi: "Wer kann Deutsch?"^[6] Một người tôi chưa nhìn thấy bao giờ tiến lên, tên anh ta là Flesch; anh ta sẽ là phiên dịch của chúng tôi. Tên SS làm một bài diễn thuyết dài và lạnh lùng: phiên dịch dịch lại. Phải xếp thành hàng năm người một, người nọ cách người kia hai mét; sau đó phải cởi đồ và gói quần áo lại theo đúng quy định, đồ lên một bên và những đồ còn lại bên kia, cởi giày nhưng phải cẩn thận đừng để bị lấy mất.

Ai lấy mới được chứ? Sao lại có ai muốn lấy giày của chúng tôi? Còn giấy tờ của chúng tôi, ít giấy tờ mà chúng tôi có trong túi, còn đồng hồ? Tất cả nhìn phiên dịch, phiên dịch hỏi tên Đức, tên Đức chỉ hút thuốc rồi nhìn quanh quất như thể chúng tôi vô hình, như thể chẳng ai hỏi gì cả.

Trước đây tôi chưa nhìn thấy người già trần truồng bao giờ. Ông Bergmann có cái tã người già, ông hỏi người phiên dịch xem có phải tháo ra không, người phiên dịch ngần ngại. Nhưng tên Đức hiểu, hẳn vừa nghiêm nghị nói với phiên dịch vừa đưa tay chỉ vài người; chúng tôi thấy người phiên dịch miễn cưỡng nói: "Ngài sĩ quan bảo phải bỏ tã ra, rồi cụ sẽ được tã của ông Coen." Có thể thấy những lời Flesch thốt ra đầy cay đắng, đó là cách cười của tên Đức.

Rồi một tên Đức khác đến bảo để giày vào một góc, và chúng tôi để giày vào đó. Vì giờ thì tất cả đã hết rồi, chúng tôi thấy mình ở ngoài rìa cuộc sống, điều duy nhất còn lại là tuân lệnh. Một người cầm chổi đến và quét tát cả giày đi, dồn thành một đồng to ngoài cửa. Anh ta điên rồi, trộn lẫn tất cả giày vào với nhau, chín mươi sáu đôi, rồi sẽ lẫn hết mất. Cánh cửa bên ngoài mở ra, gió lạnh tràn vào, chúng tôi thì đang ở trần nên đành cố vòng tay che bụng. Gió thổi mạnh và đóng sập cửa vào, nhưng tên Đức lại mở ra và đứng đó chăm chú nhìn chúng tôi co ro tránh gió, người này cố nấp sau người kia. Rồi hẳn đi ra và đóng cửa lại.

Bây giờ sang hồi hai. Bốn người mang dao cạo râu, bàn chải và dao cạo tóc ập vào, họ mặc quần áo kẻ sọc, có số khâu trên ngực; có thể họ thuộc bọn người đêm qua (đêm qua hay đêm kia nhỉ?) nhưng cao to khỏe mạnh hơn. Chúng tôi xúm vào hỏi rất nhiều, nhưng họ chỉ tóm chặt lấy chúng tôi và trong chốc lát chúng tôi thấy mình đã bị cạo sạch râu và tóc. Không râu tóc nhìn mặt chúng tôi mới tức cười làm sao. Bốn người nói một thứ tiếng dường như không thuộc thế giới này, chắc chắc không phải tiếng Đức, vì tiếng Đức tôi hiểu được một ít.

Cuối cùng thì một cánh cửa khác cũng mở ra: chúng tôi bị nhốt vào trong một phòng tắm, tất cả ở trần, đầu trọc, chân nhúng trong nước. Chỉ có chúng tôi ở đây. Dần dần khi bớt ngỡ ngàng chúng tôi bắt đầu nói chuyện, tất cả đều cố hỏi, chẳng có ai trả lời. Chúng tôi đang ở trần trong buồng tắm, thế nghĩa là chúng tôi sẽ tắm. Chúng tôi sẽ tắm, nghĩa là bọn họ sẽ chưa giết chúng tôi ngay. Thế nhưng sao lại để chúng tôi đứng thế này làm gì, sao họ không cho chúng tôi uống, sao không ai giải thích gì cho chúng tôi cả, sao chúng tôi không có giày, không có quần áo mà lại trần truồng ngâm chân trong nước thế này. Trời thì lạnh, chúng tôi đi suốt năm ngày nay rồi mà bây giờ còn chưa được ngồi xuống.

Thế còn vợ chúng tôi?

Kỹ sư Levi hỏi tôi xem có nghĩ trong lúc này đây vợ chúng tôi cũng đang như thế này không, họ đang ở đâu, liệu chúng tôi còn gặp họ nữa không.

Tôi đáp là có, vì ông ấy có vợ và một đứa con gái; chắc chắn chúng ta sẽ gặp lại họ rồi. Nhưng thâm tâm tôi nghĩ tất cả chuyện này chỉ là một trò cười để chế nhạo chung tôi, rõ ràng là rồi chúng tôi sẽ bị giết, ai tin mình được sống chỉ là đồ điên, mắc mồi bọn chúng. Tôi thì không, tôi hiểu rằng sớm muộn rồi sẽ hết, có khi là ngay trong cái phòng này, khi mà họ chán nhìn chúng tôi trần truồng, nháy lò cò từ chân nọ sang chân kia hay thỉnh thoảng thử ngồi xuống sàn, nhưng dưới sàn ngập đến những ba đốt ngón tay nước lạnh nên đâu có thể ngồi được.

Chúng tôi vừa đi lại lung tung ngang dọc trong phòng phòng vừa nói chuyện, mỗi người đều nói với tất cả những người khác, ầm ĩ cả lên. Một cánh cửa mở ra, một tên Đức vào, chính là tên sĩ quan lúc này. Hắn nói ngắn gọn và người phiên dịch dịch lại. "Ông sĩ quan nói các anh phải im lặng, đây không phải trường giáo sĩ Do Thái mà nói nhiều thế." Những từ ngữ rõ là người phiên dịch không quen, những từ độc ác làm miệng anh ta nhăn nhó, khi những từ ấy chui ra trông anh ta tựa như đang nhổ ra một miếng thức ăn

hông. Chúng tôi xin anh ta hỏi xem chúng tôi phải chờ cái gì, còn phải ở đây bao lâu nữa, vợ chúng tôi, mọi chuyện: nhưng anh ta chỉ nói không, anh ta không muốn hỏi. Cái anh Flesch này phải miễn cưỡng mà dịch ra tiếng Ý những câu tiếng Đức lạnh lùng, và từ chối không dịch những câu hỏi của chúng tôi vì anh ta biết chỉ vô ích. Anh ta là một người Đức Do Thái khoảng năm mươi tuổi, trên mặt có một vết sẹo lớn lưu lại từ một vết thương trong trận đánh với người Ý trên sông Piave^[2]. Anh ta lầm lì, ít nói nhưng theo bản năng tôi thấy kính trọng anh ta, vì tôi cảm nhận được rằng anh đã bắt đầu đau khổ trước cả chúng tôi.

Tên Đức đi ra, chúng tôi vẫn im lặng, mặc dù hơi hổ thẹn vì sự im lặng của mình. Trời vẫn đang đêm, chúng tôi tự hỏi liệu có bao giờ trời sáng không. Rồi cửa lại mở ra, một người mặc quần áo sọc vào. Anh ta trông khác những người kia, già hơn, đeo kính, khuôn mặt trông có học và nhỏ con hơn nhiều. Anh ta nói với chúng tôi bằng tiếng Ý.

Giờ thì chúng tôi đã quá mệt không thể ngạc nhiên nổi nữa. Có vẻ như chúng tôi đang chứng kiến một vở kịch điên rồ, loại kịch nơi những mù phù thủy, Chúa thánh thần và quỷ dữ hiện lên trên sân khấu. Anh ta nói tiếng Ý khá tệ, đặc giọng nước ngoài. Anh ta nói dài, lịch sự và cố gắng trả lời hết các câu hỏi của chúng tôi.

Chúng tôi đang ở Monowitz, gần Auschwitz, vùng thượng Silesia: một vùng có cả dân Đức và Ba Lan. Trại này là một trại lao động, tiếng Đức gọi là Arbeitslager; tất cả tù binh (có khoảng một vạn) làm việc cho một nhà máy cao su tên là Buna, thế nên trại này cũng tên là Buna.

Chúng tôi có được nhận lại quần áo và giày không, không, không nhận lại đồ của mình; giày khác, quần áo khác, giống như của anh ta. Giờ chúng tôi phải ở trần vì phải đợi tắm và tẩy trùng, sẽ làm ngay sau còi báo thức, vì không được vào trại khi chưa tẩy trùng.

Tất nhiên là sẽ có nhiều việc để làm, ở đây tất cả đều phải làm việc. Nhưng có việc này việc kia: chẳng hạn như anh ta thì làm bác sĩ, anh ta là một bác sĩ người Hung, đã từng học ở Ý; anh ta là nha sĩ của Lager. Anh ta ở Lager từ bốn năm rồi (không phải chỉ ở trại này: Buna mới có từ một năm rưỡi nay), thế mà như chúng tôi thấy đây, anh ta vẫn khỏe, không gầy lảm. Sao lại phải vào Lager ư? Anh cũng là người Do Thái à? "Không, tôi là một tội phạm", anh ta nói một cách đơn giản.

Chúng tôi hỏi anh ta rất nhiều, thỉnh thoảng anh ta cười, câu thì đáp câu thì không, có thể thấy anh ta tránh không nói tới một số chuyện. Anh ta không nói về đám phụ nữ: chỉ bảo họ khỏe, chúng tôi sẽ sớm được gặp nhưng không nói ở đâu hay thế nào. Thay vào đó anh ta lảng sang chuyện khác, kể những chuyện kỳ cục điên rồ, có lẽ anh ta trêu chúng tôi. Có lẽ anh ta điên: ở Lager người ta sẽ phát điên. Anh ta bảo Chủ nhật nào cũng có ca nhạc và bóng đá, rằng ai đấm bốc giỏi sẽ thành đầu bếp, ai làm việc tốt sẽ được nhận phiếu – phần thưởng có thể dùng để mua thuốc lá và xà phòng, rằng nước đúng là không uống được, nhưng ngày nào cũng sẽ được phát cà phê thể phẩm, mà thường thì cũng chẳng ai uống vì xúp khá là loãng đủ để giải khát. Chúng tôi xin anh ta tìm giúp cái gì để uống nhưng anh ta bảo không được, anh ta trốn đến đây gặp chúng tôi là chống lại luật của SS vì chúng tôi còn chưa được tẩy trùng, anh ta phải đi ngay, anh ta đến vì quý người Ý và vì, anh ta bảo, "vẫn còn có lương tâm". Chúng tôi lại hỏi anh ta xem có những người Ý khác ở trại không, anh ta bảo cũng có vài người, ít thôi, không rõ là bao nhiêu, rồi anh ta đổi chủ đề ngay. Đúng lúc đó một hồi chuông vang lên, và anh ta lẫn mất, bỏ lại chúng tôi lúng túng và sửng sốt. Một vài người cảm thấy nhẹ nhõm hơn, nhưng tôi thì không, tôi vẫn tiếp tục nghĩ rằng kể cả tay nha sĩ này, cái tay khó hiểu ấy, cũng chỉ muốn lấy chúng tôi làm trò mua vui, và không muốn tin một lời nào trong những điều anh ta nói.

Cùng với tiếng chuông chúng tôi cảm nhận được bóng tối trên trại dần tan đi. Đột nhiên vòi phọt ra luồng nước nóng bỏng, năm phút sung sướng. Nhưng ngay sau đó lại có bốn người (có thể là thợ cạo) la hét đẩy chúng tôi

khi ấy vẫn còn ướt và bốc hơi sang căn phòng lạnh ngắt sát vách, ở đó một người khác cũng la hét ném vào người chúng tôi một đồng giẻ và nhét vào tay chúng tôi một đôi giày vớ vẩn đế gỗ. Chưa kịp hiểu gì chúng tôi đã thấy mình đứng ngoài trời, trên nền tuyết xanh nhợt và lạnh giá của buổi mai. Vẫn còn trần truồng, đi chân đất và ôm đồng đồ trên tay, chúng tôi phải chạy đến một cái lán khác cách đó khoảng ba mươi mét. Đến đó chúng tôi mới được phép mặc quần áo.

Khi mặc xong chúng tôi mỗi người đứng yên trong góc của mình, người này không dám ngước nhìn người khác. Không có gương soi, nhưng hình bóng chúng tôi ở ngay trước mắt, phản chiếu trên hàng trăm gương mặt xám ngoét, hàng trăm con rối khốn khổ nhóp nhúa. Chúng tôi đã biến thành những bóng ma thoáng thấy đêm hôm trước.

Và thế là lần đầu tiên chúng tôi hiểu rằng không có từ nào diễn đạt nỗi sự xúc phạm này, sự hủy diệt một con người. Trong khoảnh khắc, trực giác gần như tiên tri vạch trần sự thật cho chúng tôi: chúng tôi đã xuống đáy sâu. Sâu hơn nữa là không thể: hoàn cảnh con người không thể khốn cùng hơn, không thể tưởng tượng ra. Chúng tôi chẳng còn gì nữa: bị lột mất quần áo, giày, thậm chí cả râu tóc; nói không ai nghe, mà có nghe cũng không ai thèm hiểu chúng tôi. Chúng tôi bị lột cả tên; và nếu có muốn giữ lại tên mình chúng tôi sẽ phải tìm ra sức mạnh trong mình, sao cho cùng với cái tên còn giữ được vài điều gì đó của mình, của chúng tôi một thời sót lại được.

Chúng tôi biết khó mà hiểu được điều đó, cảm giác đó của chúng tôi, mà không hiểu thế lại tốt. Nhưng hãy thử nghĩ về giá trị, về ý nghĩa gói trong những thói quen hằng ngày nhỏ nhặt nhất, thậm chí là trong cả trăm vật dụng mà kể cả một tên ăn mày khốn khổ cũng có: một cái khăn tay, một lá thư cũ, một bức ảnh người thân. Những thứ đó là một phần của chúng ta, gần như một phần thân thể; thường nếu có cái gì cũ quá thì ta sẽ thay không khó khăn gì, nên không thể hình dung nổi lại có một lúc ta có thể mất hết chúng. Những đồ vật của mình, lưu giữ và gọi lại ký ức.

Hãy tưởng tượng một con người bị tước đoạt không chỉ những người thân yêu nhất mà cả căn nhà, các thói quen, quần áo của anh ta, tất cả, thực sự là sự là tất cả những gì anh ta có: anh ta sẽ thành một con người trống rỗng, chỉ còn biết đau đớn và cảm nhận những nhu cầu tâm thường nhất, quên lãng phẩm giá và sự kiên cường, mà người đã mất tất thì rồi cũng sẽ dễ dàng đánh mất bản thân mình. Sẽ thành một người mà cuộc sống hay cái chết sẽ được quyết định một cách hời hợt, thiếu đi những quan hệ thân thuộc giữa con người với con người, trong trường hợp may mắn nhất cũng chỉ dựa vào sự phán xét thực dụng. Chính ở chỗ này người ta hiểu được nghĩa kép của từ "trại hủy diệt", và chúng tôi đã hiểu rõ ràng ý nghĩa của cái câu "rơi xuống đáy".

Häftling: tôi học được rằng mình là một Häftling. Tên của tôi là 174517; chúng tôi đã được đặt tên lại, và chừng nào còn sống thì chúng tôi sẽ còn mang trên cánh tay trái cái hình xăm đó.

Việc xăm số diễn ra cực kỳ nhanh và chỉ hơi đau: họ xếp chúng tôi tất cả thành một hàng, theo thứ tự vần chữ cái. Lần lượt từng người đi qua chỗ một nhân viên thành thực dùng một cái kim chích mũi cực ngắn. Có vẻ như đây là sự bắt đầu theo đúng nghĩa: chỉ khi "trình số" mới được nhận bánh mì và xúp. Phải mất nhiều ngày và chịu không ít những cái tát và cú đấm chúng tôi mới làm quen được với việc chìa số của mình ra đủ nhanh để không làm lộn xộn việc phân phát thức ăn hằng ngày. Và phải mất hàng tuần, hàng tháng để học được cách nghe số ấy bằng tiếng Đức. Rất nhiều ngày sau đó, khi thói quen của thời tự do khiến tôi giơ cổ tay chỗ đeo đồng hồ lên để xem giờ thì mĩa mai chỉ thấy cái tên mới của mình, con số được xăm hằn màu chàm dưới da.

Phải rất lâu sau, một vài người trong chúng tôi mới từ từ hiểu ra vài điều về thứ tự tang tóc trong những con số ở Auschwitz, mà bên trong chứa cả một hình ảnh thu nhỏ những chặng đường hủy diệt dân tộc Do Thái ở châu Âu. Với những người cũ ở trại, con số này nói lên tất cả: thời gian đến trại, thuộc khu nào, và sau đó là quốc tịch. Mọi người đều nể nang những con số

từ 30.000 đến 80.000: chúng chỉ còn vài trăm và là đại diện cho số ít sống sót từ các ghetto Do Thái ở Ba Lan.

Cần thận trọng khi làm ăn với những người có số 116.000 đến 117.000: họ chỉ còn khoảng bốn mươi người, nhưng là bọn Hy Lạp ở Salonica, không được để bọn họ cho vào tròng. Còn những số lớn thì mang vẻ tức cười rõ rệt, như những kẻ ta vẫn gọi là “lính mới” hay “bị bắt nhập ngũ” ở ngoài đời. Điển hình của số lớn là một kẻ béo tốt, hiền lành và ngớ ngẩn, bạn có lừa cho hắn tin là ở trạm xá có phát giày da cho những người chân mềm, thuyết phục hắn chạy ra chỗ kia để để bắt xúp lại bạn "trông cho"; bạn có thể bán cho hắn một cái thìa lấy ba suất bánh mì; có thể bảo hắn đến chỗ tên dữ nhất trong hội Kapo (như tôi đã từng bị lừa như thế) hỏi xem đội của hắn có phải là Kartoffelschalenkommando, Đội Gọt Khoai tây không và có thể gia nhập đội đó được không.

Thật ra thì toàn bộ quy trình hòa nhập vào trật tự mới này đến với chúng tôi đầy vẻ chê nhạo kịch cớm. Sau khi xăm số, chúng tôi bị nhốt vào một lán trống. Giường chiếu được dọn gọn, nhưng chúng tôi bị cấm ngặt không được động vào hay ngồi lên: thế là chúng tôi loanh quanh nửa ngày trong khoảng trống nhỏ hẹp có được, với cơn khát kinh khủng của cuộc hành trình vẫn đang hành hạ. Rồi cánh cửa mở ra, một thanh niên mặc đồ kẻ sọc bước vào, trông có vẻ tử tế, tóc vàng, nhỏ con và gầy. Anh ta nói tiếng Pháp, và chúng tôi đổ xô vào anh ta, trút lên anh ta tất cả những câu hỏi mà cho đến lúc đó chúng tôi chỉ biết đặt cho nhau một cách vô ích.

Nhưng anh ta không trả lời nhiệt tình cho lắm, ở đây chẳng ai ăn nói cởi mở cả. Chúng tôi là người mới, chúng tôi chẳng có gì và chẳng biết gì; tại sao lại phải mất thời gian với chúng tôi cơ chứ? Anh ta miễn cưỡng giải thích rằng những người khác đang ở ngoài làm việc, tối sẽ về. Anh ta vừa xuất viện sang nay, hôm nay anh ta được nghỉ việc. Tôi hỏi anh ta (với một sự ngây thơ chỉ vài hôm sau đã trở thành không tưởng) rằng liệu chúng tôi có được trả lại bàn chải đánh răng không; anh ta không cười mà vút vào mặt tôi một câu "Vous n'êtes pas à la mai-son^[8]" với một vẻ cực kỳ khinh miệt. Và

đó là cái điệp khúc mà tất cả chúng tôi đều được nghe lặp đi lặp lại: các anh có còn ở nhà đâu, đây có phải viện điều dưỡng đâu, rời khỏi đây thì chỉ để đến Lò thiêu thôi. (Thế nghĩa là gì? Rồi chúng tôi sẽ sớm hiểu được thôi).

Mà đúng thế thật: cơn khát đã khiến tôi nhìn ra một cục băng trong tầm với bên ngoài cửa sổ, tôi bèn mở cửa bẻ lấy nó, nhưng ngay lập tức một tên cao to đang đi lại phía ngoài tiến ngay đến trước chỗ tôi và thô bạo giật lấy. "Warum?", tôi hỏi hăn bằng thứ tiếng Đức nghèo nàn của mình. "Hier ist kein warum", (ở đây không có tại sao gì cả), hăn đáp, đẩy mạnh tống tôi lại vào trong.

Lời giải thích đáng ghét nhưng đơn giản: ở chỗ này mọi thứ đều bị cấm, không vì những lý lẽ bí mật nào mà bởi vì trại được dựng lên chính vì lẽ đó. Nếu chúng tôi muốn sống thì phải sớm hiểu điều đó và hiểu rõ:

... Không có tượng thánh thần nào ở chốn này

Tắm nơi đây đâu phải như ở Serchio!^[9]

Từng giờ trôi qua, cái ngày dài dằng dặc trước cửa địa ngục dần kết thúc. Khi mặt trời lặn xuống trong đám hỗn độn những đám mây dữ tợn màu máu, cuối cùng người ta cũng cho chúng tôi ra khỏi lán. Liệu chúng tôi có được uống không? Không, chúng tôi lại bị xếp vào hàng, đưa đến một bãi rộng chiếm hết khu trung tâm trại, và xếp chúng tôi kỹ càng theo từng khối. Rồi một giờ nữa lại trôi qua mà chẳng xảy ra chuyện gì: có vẻ như đang phải đợi ai đó.

Một ban nhạc bắt đầu chơi, ngay cạnh cánh cổng trại: chơi bài Rosamunda, một bài hát tình cảm nổi tiếng, điều này với chúng tôi quả là lạ khiến mọi người đều phải nhếch mép cười đưa mắt nhìn nhau; một nổi nhẹ nhõm nảy nở trong lòng chúng tôi, có thể tất cả những nghi lễ này không là gì khác ngoài một tấn hài lớn theo kiểu Giéc manh. Nhưng kết thúc bài Rosamunda, ban nhạc lại tiếp tục chơi các bài khác, bài này nối tiếp bài kia. Rồi đột nhiên xuất hiện các nhóm bạn tù của chúng tôi từ chỗ làm trở về.

Họ đi thành từng hàng năm người một: dáng đi lạ lùng, thiếu tự nhiên, nặng nề, như những con rối cứng nhắc làm bằng xương, nhưng lại tuyệt đối theo đúng nhịp.

Bọn họ cũng xếp hàng như chúng tôi theo một trật tự chính xác trên khoảng sân to. Khi đội cuối cùng vào đến nơi, chúng tôi bị đếm đi đếm lại trong hơn một tiếng, nhiều lần kiểm tra dài, có vẻ như đều để báo cáo cho một tay mặc đồ sọc, rồi tay đó báo lại cho một nhóm SS mặc đồ chiến đấu.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng nghe thấy hét lên "Absperre!^[10]" (trời đã tối, nhưng trại được đèn pha chiếu sáng rực), sau câu đó các đội lập tức tỏa ra lộn xộn và hỗn loạn. Giờ thì bọn họ không đi thẳng tắp và cứng nhắc như lúc trước nữa: ai cũng lao đi với một sức mạnh rõ rệt. Tôi nhận thấy tất cả đều cầm trên tay hoặc đeo ở thắt lưng một cái bát sắt to như cái chậu.

Bọn mới đến chúng tôi cũng loay hoay giữa đám đông, tìm kiếm một giọng nói, một gương mặt bạn bè, một lời chỉ bảo.

Có hai thanh niên ngồi bệt xuống đất tựa lưng vào vách lán bằng gỗ: hai đứa đều có vẻ rất trẻ, chỉ mười sáu tuổi là cùng, cả hai đều có gương mặt và hai tay dầy đầy nhọ nồi. Một trong hai đứa gọi tôi trong lúc chúng tôi đi ngang qua, hỏi tôi mấy câu tiếng Đức mà tôi không hiểu; rồi hỏi tôi người nước nào. "Người Ý", tôi đáp; tôi muốn hỏi bọn nó nhiều thứ, nhưng tiếng Đức của tôi kém quá.

- Em là dân Do Thái à?

- Vâng, Do Thái Ba Lan.

- Em ở Lager bao lâu rồi?

- Ba năm, và đưa ba ngón tay lên. Chắc nó vào trại từ khi còn trẻ con, tôi kinh hoàng nghĩ; nhưng mặt khác thì điều này nghĩa là có người sống sót

được ở đây.

- Em làm việc gì?

- Schlosser^[11], nó đáp. Tôi không hiểu. Eisen; Feuer^[12], nó cố giải thích, rồi ra hiệu bằng tay miêu tả một người đang đập búa lên cái đe. Vậy ra nó làm thợ rèn.

- Ich Chemiker^[13], tôi nói; và nó gật đầu đầy vẻ nghiêm túc. Chemiker gut^[14]. Nhưng tất cả những điều này còn lâu nữa mới cần; lúc này cái hành hạ tôi là con khát.

- Uống, nước. Chúng tôi không có nước, tôi bảo nó. Nó nhìn tôi vẻ nghiêm nghị, gần như là gay gắt, rồi tuyên bố: Đừng uống nước, anh bạn, rồi một loạt những lời mà tôi không hiểu.

- Warum?^[15]

- Geschvvollen^[16], nó trả lời vẻ bí ẩn. Tôi lắc đầu không hiểu. Nó phồng má lên, lấy tay mô tả một cục sưng kinh khủng ở mặt và bụng để cho tôi hiểu. Warten bis heute abend. Chờ đến tối nay, tôi dịch từng từ một.

Rồi nó bảo tôi: Ich Schlome. Du?^[17] Tôi nói tên tôi, nó lại hỏi:

- Mẹ anh đâu?

- Ở Ý.

Schlome kinh ngạc: Người Do Thái ở Ý á? Ừ, tôi cố hết sức giải thích, nấp, không ai biết cả, bỏ trốn, không nói, không ai thấy. Nó hiểu; giờ thì nó đứng dậy, đến gần tôi và rụt rè ôm lấy tôi. Chuyện đã hết, tôi cảm thấy trong lòng một nỗi buồn thanh thản gần như là một niềm vui. Tôi không còn gặp Schlome nữa nhưng không bao giờ quên được gương mặt nghiêm nghị mà hiền dịu trẻ thơ của em đã đón chào tôi ở ngưỡng cửa cái chốn dành cho kẻ chết này.

Vẫn còn nhiều điều phải học, nhưng chúng tôi cũng đã học được nhiều điều. Chúng tôi đã có được hình dung về địa hình của Lager; Lager của chúng tôi hình vuông, dài khoảng sáu trăm thước mỗi chiều, bao quanh là hai vòng day thép gai, vòng trong có điện cao thế. Trại gồm sáu chục căn lán gỗ, gọi là các Block trong đó khoảng chục cái vẫn chưa dựng xong; ngoài ra còn có khu bếp xây bằng gạch, một trang trại thí điểm do một biệt đội Häftling được hưởng ưu tiên quản lý; các khu vệ sinh với nhà tắm và nhà xí, cứ khoảng sáu đến tám Block có một khu vệ sinh như thế. Ngoài ra, một số Block nhất định được dùng cho việc khác. Đầu tiên là một nhóm tám căn ở đầu phía Đông của trại được dùng làm trạm xá và khu khám bệnh; sau đó Block 24 là Krätzeblock, dành cho những người mắc các chứng bệnh ngoài da; Block 7, nơi chứa một Häftling bình thường nào vào, dành cho "Prominenz", tức là giới quý tộc, những tù nhân có chức vụ cao nhất; Block 47, dành cho Reichsdeutscher (người Đức Ariăng, tù chính trị hoặc tội phạm); Block 49, chỉ dành cho các Kapo; Block 12, một nửa dùng làm căng tin phân phối thuốc lá, thuốc diệt côn trùng và các đồ khác tùy dịp cho Reichsdeutscher và Kapo; Block 37 gồm Văn phòng Hậu cần và Văn phòng Phụ trách Lao động; và cuối cùng là Block 29, nơi cửa sổ lúc nào cũng đóng vì đó là Frauenblock, nhà thổ của trại, nơi có các Häftling nữ người Ba Lan, dành phục vụ cho các Reichsdeutscher.

Các Block bình thường để ở được chia thành hai phần; trường lán và bàn bè sống trong một phần (Tagesraum): có một cái bàn dài, ghế, ghế băng; một loạt đồ lạ mắt màu sắc rực rỡ, ảnh, mẫu cắt từ tạp chí, các bức vẽ, hoa giả, đồ trang trí vung vãi khắp nơi; trên tường là các dòng chữ lớn, tục ngữ, những câu thơ tán dương trật tự, kỷ luật và vệ sinh; còn trong góc là giá bày các dụng cụ của Blockfrisör (thợ cạo chính thức), muối chia xúp, hai cái dùi cui cao su, một đặc và một rỗng để giữ kỷ luật khi lời lẽ là không đủ. Phần bên kia là khu ngủ; không có ngoài một trăm bốn mươi tám giường ba tầng, được ngăn bởi ba dãy hành lang và được đặt sát sạt vào nhau như các ô của một tổ ong nhằm tận dụng tối đa khoảng không gian từ sàn lên đến nóc; đó là nơi sống của những Häftling bình thường, khoảng hai trăm đến hai trăm

rười một lán, nghĩa là thường thì hai người phải chung một giường. Giường làm bằng tấm gỗ rời với một lớp đệm rơm mỏng và hai cái chăn. Hành lang giữa các dãy giường hẹp đến nỗi khó lọt được hai người cùng một lúc. Sàn chật đến mức nếu có một nửa số người không lên giường nằm thì tất cả khó mà đứng lọt được hai người cùng một lúc. Chính vì thế mà có quy định không được đi sang Block không phải của mình.

Ở giữa Lager là sân Điểm danh, rất rộng, nơi chúng tôi tập hợp buổi sáng để họp thành các đội lao động, và quay lại buổi tối để được đếm. Đối diện với sân là một bãi cỏ được xén tỉa cẩn thận, khi cần giá treo cổ sẽ được dựng lên ở đó.

Chúng tôi nhanh chóng học được rằng dân cư của Lager được chia thành ba nhóm: tù tội phạm, tù chính trị và dân Do Thái. Cả ba đều mặc quần áo kẻ sọc, tất cả đều là Häftling, nhưng tù tội phạm có một tam giác màu lục ở cạnh số may trên áo; tù chính trị có tam giác đỏ; còn dân Do Thái, loại tù chiếm số đông nhất, mang ngôi sao Do Thái đỏ và vàng. Có bọn SS nhưng ít và chỉ ở ngoài trại, chỉ thỉnh thoảng mới gặp bọn chúng. Hội tam giác lục mới chính là những tay chủ thực thụ, có toàn quyền với chúng tôi. Ngoài bọn chúng còn có cả những tên thuộc hai nhóm kia nhưng tiếp tay cho bọn này, mà những tên ấy thì không ít.

Một điều nữa chúng tôi cũng học được, nhanh hay chậm tùy theo tính cách từng người, là việc trả lời "Jawohl"^[18], không hỏi han gì và giả vờ là mình hiểu. Chúng tôi học được giá trị của thức ăn; giờ thì chúng tôi cũng cần miễn cạo đáy bát sau khi ăn hết suất và chúng tôi cũng hứng bát dưới cằm khi ăn bánh mì để không rơi mất vụn bánh. Giờ chúng tôi cũng biết việc nhận được xúp mức trên mặt khác với xúp mức dưới đáy thùng, và chúng tôi đã biết tính, dựa trên dung tích các thùng xúp khác nhau, xem chỗ nào đứng xếp hàng là tốt nhất.

Chúng tôi học được rằng mọi thứ đều có ích: dây thếp để buộc giày, giẻ rách để quấn quanh chân, giấy để nhồi (phải giấu giếm) vào trong áo khoác để

chống lạnh. Rằng mọi thứ đều có thể bị lấy cắp, không chỉ thế mà đồ vật sẽ tự động mất ngay khi ta sơ sẩy một chút. Để tránh bị mất thì phải học được nghệ thuật ngủ gối đầu lên cái bọc làm bằng áo khoác chứa toàn bộ những gì mình có, từ bát đến giày.

Chúng tôi đã biết phần lớn quy định ở trại, một thứ phức tạp kinh khủng. Những điều cấm nhiều vô kể: cấm đến gần hàng rào kẽm gai quá nửa mét, khi ngủ cấm mặc áo khoác hay không mặc quần đùi hay đội mũ, cấm dùng những phòng tắm hay nhà xí đặc biệt "nur fur Kapos" hay "nur fiir Reichsdeutsche"; cấm không đến nhà tắm vào những ngày đã ghi, cấm đến nhà tắm vào những ngày không ghi, rời khỏi lán cấm mặc áo không cài cúc, hay cổ áo dựng lên, không mang giày hay rơm dưới áo khoác để chống lạnh, không được rửa ráy trừ phi để ngược trần.

Những nghi thức phải thực hiện thì nhiều vô số và đều vô nghĩa: hằng sáng phải "dọn giường", giường phải hoàn toàn phẳng và trơn, chải những đôi giày gỗ đây bùn kinh tởm bằng loại mỡ máy phù hợp, chùi sạch các vết bùn khỏi quần áo (các vết sơn, vết dầu mỡ hay vết gỉ thì được phép để lại); buổi tối phải kiểm tra cháy và kiểm tra việc rửa chân; thứ Bảy cạo râu cắt tóc, sửa hoặc gửi sửa quần áo rách; Chủ nhật kiểm tra chung bệnh ngoài da và kiểm tra cúc trên áo khoác cho đủ năm cái.

Ngoài ra còn có vô số những việc thường thì chẳng có gì nhưng ở đây lại là cả một vấn đề. Khi móng tay mọc dài thì cần phải cắt ngắn, mà chẳng có cách nào cắt ngoài việc dùng răng cắn (móng chân thì mài vào giày là đủ mòn); nếu đứt cúc phải biết cách đính lại bằng một sợi dây thép; nếu đi tắm hay vào nhà xí phải mang theo tất cả, đi đâu và bao giờ cũng thế, còn khi lau mặt thì phải kẹp chặt gói đồ vào giữa hai đầu gối: bất cứ cách nào khác đồ sẽ mất ngay lập tức. Nếu bị một cái giày làm đau chân thì cần có mặt ở chỗ đổi giày vào buổi tối: cả một cuộc thử thách kỹ năng cá nhân đây, làm sao chỉ nhìn thoáng qua trong số đám hỗn độn mà thấy được cái giày (không phải một đôi mà một cái) vừa chân mình, vì đã chớn rồi là không được phép đổi lần thứ hai nữa.

Đừng nghĩ rằng giày chỉ đóng vai trò thứ yếu trong cuộc sống ở Lager. Cái chết bắt đầu từ chính những đôi giày: với hầu hết chúng tôi giày chính là công cụ tra tấn, chỉ vài giờ đi đã gây ra những vết loét đau đớn rồi nhiễm trùng một cách chết người. Ai bị như vậy sẽ buộc phải bước đi hết như đeo tạ dưới chân (hóa ra đó là lý do cho nhịp đi lạ lùng của đoàn quân khi điều hành về buổi tối); đã bị thế thì lúc nào cũng đến cuối, ăn đấm, không thể chạy thoát nếu bị đuổi theo; chân sẽ sưng tấy lên, mà càng sưng thì phần gỗ và vải của giày chạm vào càng trở nên không thể chịu đựng được. Không còn cách nào khác là vào viện: nhưng vào viện với triệu chứng "dicke Füße" (chân sưng) thì nguy hiểm lắm, bởi ai cũng biết, đặc biệt là bọn SS, rằng không có cách nào chữa khỏi bệnh này.

Đây là còn chưa nhắc đến công việc, riêng bản thân nó đã là một sự rối bời của những quy định những cấm kỵ và những vấn đề.

Tất cả chúng tôi đều làm việc, trừ người ốm (để được công nhận là ốm đòi hỏi phải có một hành trang trí khôn và kinh nghiệm đáng kể). Hằng sáng chúng tôi đi theo đội từ trại đến Buna; hằng tối chúng tôi trở về, xếp theo đội hình 6 vuông. Chúng tôi được chia thành khoảng hai trăm Kommando để làm việc, mỗi Kommando có từ mười lăm đến một trăm năm mươi người do một Kapo điều hành.

Có Kommando tốt và có Kommando kinh khủng: phần này là làm vận chuyển, công việc khá nặng, nhất là vào mùa đông, chưa cần tính lý do đặc biệt nào mà đơn thuần là vì luôn phải ở ngoài trời. Có cả những Kommando chuyên môn (thợ điện, thợ xây, thợ nề, thợ hàn, thợ cơ khí, v.v...), mỗi loại gắn với một xưởng hay một phòng của Buna và trực thuộc đốc công là dân thường nhiều hơn, thường là dân Đức hoặc Ba Lan. Chuyện này cũng chỉ trong giờ làm việc còn trong thời gian còn lại thì thợ chuyên môn (tổng cộng chỉ có không đến ba bốn trăm người) không được đối xử gì khác so với những người làm việc bình thường. Việc phân từng người vào mỗi Kommando do một văn phòng đặc biệt của Lager thực hiện - Arbeitsdienst, phòng này thường xuyên liên lạc với ban giám đốc Buna. Arbeitsdienst

quyết định việc đó theo những tiêu chí không ai biết được, thường là dựa trên sự nâng đỡ và đút lót, theo cách mà nếu anh biết cách kiếm miếng ăn thì coi như cũng chắc kiếm được một chỗ tốt ở Buna.

Giờ làm việc thay đổi theo mùa. Mọi lúc trời sáng đều là giờ làm việc: vì thế phải làm ít giờ nhất vào mùa đông (8-12 và 12.30-16) và nhiều nhất vào mùa hè (6.30-12 và 13-18). Các Häftling sẽ không làm việc lúc trời tối hay khi có sương mù dày vì bất cứ lý do nào, nhưng công việc sẽ vẫn diễn ra bình thường khi trời mưa, tuyết hay (chuyện xảy ra khá thường xuyên) có gió dữ từ Các pát thối sang, lý do là vì bóng tối hay sương mù có thể tạo cơ hội thử cố trốn trại.

Cứ hai ngày Chủ nhật thì có một ngày phải đi làm như bình thường; còn trong những ngày Chủ nhật được coi là ngày nghỉ thì không phải làm việc ở Buna mà làm ở các xưởng bảo dưỡng của Lager, thế nên những ngày thực sự được nghỉ trở nên cực kỳ hiếm hoi.

Đó là cuộc sống của chúng tôi. Ngày ngày chúng tôi theo cái nhịp đã định trước, Ausrücken và Einrücken, đi làm và quay về; làm việc, ngủ và ăn; ốm, khỏi hoặc là chết.

... Rồi đến bao giờ đây? Những tù củ cười vào câu hỏi đó, ai đặt câu hỏi này rõ là bọn mới đến, những người cũ chỉ cười mà không trả lời: với họ từ hàng tháng, hàng năm nay vấn đề về tương lai xa xôi đã trở nên nhạt nhòa bên cạnh những vấn đề trước mắt cấp thiết và cụ thể hơn: hôm nay được ăn lúc nào, bao giờ có tuyết, liệu có phải chuyển than không.

Nếu sáng suốt hơn, chắc hẳn chúng tôi đã phải chấp nhận cái sự thật hiển nhiên là sẽ không thể hiểu được số phận mình nữa, rằng mỗi điều phỏng đoán chỉ đều tùy tiện và hoàn toàn không có cơ sở thực tế.

Nhưng con người hiếm khi sáng suốt trong những chuyện dính đến số phận của chính mình: thường thì họ chọn một thái cực. Vì thế mà tùy vào từng tính cách mà có những người trong chúng tôi lập tức cho rằng đã mất hết,

rằng ở đây không thể sống nổi và kết cục đã kề cận lắm rồi; và với những người khác thì dù cho cuộc đời còn lại dài ngắn thế nào họ vẫn nghĩ có thể sẽ được giải thoát và điều đó sẽ xảy đến sớm thôi, rằng nếu như có đức tin và sức mạnh thì rồi chúng tôi sẽ được thấy lại nhà cửa và người thân. Hai kiểu người, cực kỳ bi quan và cực kỳ lạc quan, thật ra cũng không phân biệt rõ nét: không chỉ vì có nhiều người không thể biết trước được họ sẽ thế nào mà bởi phần đông mọi người khi không kiên định và không còn ký ức sẽ chuyển từ thái cực này sang thái cực kia tùy từng lúc và tùy tâm trạng người mình gặp phải.

Vậy là tôi ở dưới đáy sâu này. Nếu bị bắt buộc con người ta sẽ nhanh chóng học được cách xóa đi quá khứ hoặc tương lai. Mười lăm ngày sau khi vào trại, tôi đã thường xuyên thấy đói, cái đói kinh niên mà người tự do không biết đến, làm cho ta buổi tối phải mơ thấy, ngự trị trong mọi phần cơ thể ta; tôi đã kịp học không để bị ăn cắp, không những thế khi thấy quanh mình cái thìa, mẩu dĩa, cái cốc nào lấy được mà không lo bị trừng trị, tôi đã biết bỏ túi và coi chúng hoàn toàn là của mình. Lòng bàn chân tôi đã có những vết cọ xát không thể lành được. Tôi đẩy xe, xúc đồ, dầm mình trong mưa, run người trong gió; cơ thể tôi không còn là của tôi: bụng tôi trương lên, da thịt gầy mòn; mặt tôi buổi sáng thì dày lên, buổi tối thì hõm vào; vài người trong chúng tôi da vàng đi, vài người khác thì lại xám ngoét; chỉ vài ngày không gặp là chúng tôi khó lòng nhận ra nhau nữa.

Những người Ý chúng tôi định họp mặt nhau vào cuối mỗi tối Chủ nhật tại một góc của Lager; nhưng rồi chúng tôi ngừng ngay lập tức. Vì mỗi lần gặp nhau đếm người lại thấy ít đi, ai cũng tiêu tụy hơn, nhợt nhạt hơn, thật quá buồn thảm. Và vì bước mấy bước đó sao mà nặng nhọc: gặp nhau để mà làm gì, chỉ khiến chúng tôi nhớ nhung, suy nghĩ, thà không gặp còn hơn.

BẮT ĐẦU

Sau những ngày đầu tiên di chuyển thất thường từ lán này sang lán khác, từ Kommando này sang Kommando kia, một tối muộn tôi được phân về Block 30 và được chỉ vào một cái giường trong đó đã có Diena đang ngủ. Diena tỉnh dậy và mặc dù mệt rũ, anh ta vẫn dọn chỗ cho tôi và đón tôi một cách thân thiện.

Tôi không buồn ngủ, hay nói đúng hơn là cảm giác buồn ngủ bị lấn át bởi trạng thái căng thẳng và lo âu mà tôi không tài nào rũ bỏ nổi, thế nên tôi cứ nói luôn mồm.

Tôi có quá nhiều điều muốn hỏi. Tôi đói, ngày mai khi nào thì phát xúp, không có thìa thì tôi ăn xúp thế nào? Làm sao có được một cái thìa? Người ta sẽ cho tôi đi làm ở đâu? Diena tất nhiên cũng chẳng biết gì hơn tôi, anh ta đáp lại tôi bằng những câu hỏi khác. Nhưng từ bên trên, bên dưới, giường gần, giường xa, từ tất cả các góc đã tối sập của căn lán, những giọng nói ngái ngủ và dận giữ quát tôi: Ruhe, Ruhe!^[19]

Tôi hiểu người ta bảo tôi im lặng, nhưng cái từ này với tôi vẫn còn mới mẻ, và bởi không biết nghĩa và những điều liên quan đến nó nên sự bất an của tôi càng tăng lên. Sự hỗn loạn của các ngôn ngữ là một yếu tố căn bản trong lối sống dưới này. Ta bị vây quanh bởi một mớ hỗn độn bất tận những tiếng nói khác nhau, ai cũng hét lên yêu cầu hay đe dọa gì đó bằng một ngôn ngữ trước đây ta chưa từng nghe thấy, nhưng ai không nhanh hiểu thì sẽ rất khốn. Ở đây không ai có thời gian cả, không ai nhẫn nại, không ai lắng nghe ai. Theo bản năng, những người mới đến chúng tôi cụm lại trong các góc tường, hết như bọn cừu, để cảm thấy sau lưng mình được che chắn.

Tôi thôi hỏi han, rồi nhanh chóng thiếp đi trong một cơn buồn ngủ đặng ngắt và căng thẳng. Nhưng thế này đâu phải nghỉ ngơi: tôi cảm thấy bị đe dọa, bị

vẩy hăm, từng giây từng phút đều sẵn sàng co mình để tự vệ. Tôi nằm mơ, cảm thấy như mình đang ngủ ngoài đường, ngủ trên cầu, vắt qua một cái cửa nơi rất nhiều người khác đi qua đi. Và rồi chuông báo thức vang lên, trời ơi sao mà nhanh thế.

Toàn lán rung chuyển đến tận móng, đèn bật lên, mọi người quanh tôi đột nhiên hồi hải hoạt động như phát cuồng: giữ chân làm tung lên từng đám mây bụi hôi hám, xỏ quần áo một cách vội vã cuống quýt, lao ra cái giá lạnh bên ngoài khi mới chỉ ăn vận xong một nửa, đổ xô về phía nhà xí và nhà tắm; để tiết kiệm thời gian nhiều người còn vừa chạy vừa tiểu như súc vật. Vì trong vòng năm phút nữa sẽ bắt đầu phát bánh, cái thứ bánh-Brot- Broid-chleb-pain-lechem-kenyér, cái cục màu xám thần thánh ở trong tay người khác thì có vẻ to khủng khiếp còn trong tay mình lại nhỏ đến phát khóc. Đó là cái ảo giác ngày nào cũng có và rồi thì rốt cuộc ta cũng quen: nhưng lúc khởi đầu nhiều người trong chúng tôi sau nhiều cuộc tranh cãi tay đôi dài dòng về sự rủi ro rõ rệt và liên tục của mình và về sự may mắn trơ trẽn của những người khác đã không thể cưỡng lại việc đổi bánh mì cho nhau, để rồi ảo tưởng quay ngược lại khiến tất cả đều thất vọng và chán nản.

Bánh mì còn là tiền của chúng tôi: trong vòng vài phút giữa lúc nhận bánh và ăn bánh Block ồn lên những tiếng gọi nhau tranh cãi và ẩu đả. Đó là lúc những người cho vay bánh mì hôm qua tranh thủ cái thời gian ngắn ngủi con nợ có thứ trả để đòi thanh toán. Còn sau đó là bắt đầu một khoảng yên tĩnh, nhiều người tranh thủ quay lại nhà vệ sinh để hút nửa điếu thuốc hoặc quay lại nhà tắm tắm lại cho tử tế.

Nhà tắm là một nơi không hấp dẫn gì. Đèn tối, trống gió, sàn gạch thì phủ một lớp bùn; nước có vị rất kinh không uống được và thường xuyên bị mất đến hàng giờ. Tường phủ đầy những bức vẽ giáo huấn kỳ cục: chẳng hạn hình một Häftling ngoan ngoãn, để trần đến thắt lưng đang càn cù xoa xà phòng lên cái sọ râu tóc cạo nhẵn thín; và Häftling xấu, với cái mũi đặc dân Xê mít, màu da xanh xao, xộc xệch trong bộ quần áo đầy vết bẩn, mũ đội nguyên trên đầu đang thận trọng nhúng một ngón tay vào nước trong bồn.

Dưới bức thứ nhất đề "So bist du rem" (thế này là sạch) còn dưới bức thứ hai đề "So gehst du ein" (thế này đời tàn); thấp hơn nữa là một dòng chữ tiếng Pháp đáng nghi ngờ được viết theo kiểu Gô tích "La propreté, c'est la santé"^[20].

Ngực trên bức tường đối diện là một con chấy khổng lồ màu trắng, đỏ và đen với dòng chữ: "Eine Laus, dein Tod" (một con chấy là người chết), và hai câu thơ ứng tác: "Nach dem Abort, vor dem ESSen Hände vvaschen, nicht vergeSSen." (Sau vệ sinh, trước khi ăn, nhớ rửa tay, chứ đừng quên).

Trong nhiều tuần liền tôi coi những lời cảnh báo về vấn đề vệ sinh ấy như các ví dụ điển hình cho tính hài hước Giéc-manh, kiểu như trò đùa về cái tã mà chúng tôi phải nghe lúc nhập Lager. Nhưng rồi tôi hiểu rằng những tác giả vô danh kia có thể là vô tình nhưng đã tiến đến rất gần vài sự thật quan trọng. Ở cái chốn này, tắm rửa hằng ngày bằng thứ nước đục lờ trong cái bồn dơ dáy hoàn toàn không có ích gì cho vệ sinh thân thể và cho sức khỏe, nhưng lại cần thiết như một cách giúp ta sống sót về mặt tinh thần.

Tôi phải thú nhận rằng chỉ sau một tuần trong tù, tôi đã mất đi bản năng tắm rửa. Tôi chỉ lượn qua buồng tắm, và kìa, Steinlauf, người bạn trạc ngũ tuần của tôi, ngực đồ trần đang kỳ cọ cổ và vai, không sạch ra nhiều (vì không có xà phòng) nhưng anh kỳ rất mạnh. Steinlauf nhìn thấy tôi, anh chào rồi không dài dòng gì hỏi luôn sao tôi không rửa ráy. Sao tôi lại phải rửa ráy cơ chứ? Liệu tôi có đỡ hơn được chút nào so với như thế này không? Có ai yêu quý tôi hơn không? Tôi có sống được thêm giờ nào, ngày nào không? Sống ít đi là chẳng khác, vì rửa ráy cũng là việc, một sự phí phạm năng lượng và hơi ấm. Chẳng lẽ Steinlauf không biết là chỉ sau nửa giờ vác than thì tôi và anh ta cùng chẳng khác gì nhau sao? Càng nghĩ tôi chỉ càng thấy rửa mặt mũi trong hoàn cảnh của bọn tôi bây giờ chỉ là một hành động ngu ngốc, thậm chí là phù phiếm: một thói quen máy móc, hay tệ hơn là một sự lặp lại đáng buồn nghi thức đã mai một. Tất cả chúng tôi rồi sẽ chết, chúng tôi đang chuẩn bị chết: nếu như còn mười phút từ khi thức dậy đến khi đi làm, tôi muốn để làm việc khác, để thu mình lại, hay chỉ đơn thuần ngắm trời và

nghe có lẽ đây là lần cuối; hoặc chỉ là để buông mình sống, cho mình sự xa xỉ là một khoảnh khắc nhàn rỗi.

Nhưng Steinlauf ngắt lời tôi. Anh đã rửa ráy xong, đang lau người bằng cái áo khác bằng vải mà lúc trước anh ta vo tròn giữa hai đầu gối, rồi chui đầu vào áo, vừa làm không dừng những động tác ấy anh vừa tổng kết cho tôi một bài học.

Tôi rất đau lòng là đã quên mất những lời anh nói, những từ thẳng thắn, rõ ràng, những lời của người từng là hạ sĩ quân đội Áo-Hung, đoạt huân chương chữ thập sắt thời kỳ chiến tranh 14-18. Tôi đau lòng bởi tôi phải dịch thứ tiếng Ý không thạo của anh, bài diễn thuyết chậm rãi của một người lính tốt sang cái thứ ngôn ngữ của một kẻ hoài nghi như tôi. Nhưng ý nghĩa của nó thì khi đó cũng như mai sau này tôi không bao giờ quên được: chính bởi Lager là một cỗ máy khổng lồ để biến chúng ta thành súc vật, thành thử chúng ta không được trở thành súc vật; rằng người ta có thể sống sót ngay cả ở chốn này, vì thế phải muốn được sống sót, để kể lại, để làm nhân chứng; và để sống thì quan trọng là phải cứu vãn ít nhất là bộ xương, cái khung, cái hình thái văn minh. Rằng chúng ta là nô lệ, không có quyền gì nữa, không thể tự vệ, bị đẩy đến cái chết mười mười, nhưng chúng ta vẫn còn một khả năng: cái khả năng không chịu chấp nhận. Vì thế chúng ta phải rửa ráy, chắc chắn là như vậy mặc dù không có xà phòng, mặc dù nước bẩn, phải lau lại bằng áo khoác. Chúng ta phải đánh giày cho sạch, không phải vì quy định là như thế mà vì tự trọng và để cho đúng mực. Chúng ta phải đi ngay ngắn, không lê gót giày, không phải vì trọng cái thứ kỷ luật của người Phổ này mà để giữ cho mình sống sót, để không bắt đầu chết.

Steinlauf, con người đầy ý chí, đã nói với tôi những điều đó; những điều lạ lùng với cái tai chưa quen của tôi, những điều tôi chỉ chấp nhận hay hiểu một phần. Những điều được làm dịu đi bằng một học thuyết dịu dàng hơn, dễ hơn và mềm dẻo hơn từ hàng thế kỷ trước đã tìm thấy chốn cư ngụ ở bên kia dãy Alpes. Theo học thuyết đó thì trong mọi thứ không có gì phù phiếm hơn là gắng sức nhồi nhét những hệ đạo đức do người khác nghiền ngẫm ở

một phương trời khác. Không, sự sáng suốt và đức hạnh của Steinlauf chắc hẳn là tốt cho anh nhưng với tôi thì không đủ. Đối mặt với cái thế giới hỗn loạn đáng nguyên rủa này, suy nghĩ của tôi trở nên lộn xộn; có thực sự cần phải suy ngẫm về một cơ chế đạo đức rồi áp dụng nó không? Ý thức được mình không có cơ chế nào lại chẳng tốt hơn sao?

KA-BE

Các ngày đều giống nhau, không dễ đếm. Từ bao nhiêu ngày rồi không biết chúng tôi phải làm việc theo từng nhóm hai người từ đường ray đến kho: khoảng ba mươi mét trên mặt đất phủ tuyết đang tan. Đi vào kho oằn mình dưới gánh nặng, đi trở ra với hai cánh tay buông thõng hai bên sườn, không nói năng gì.

Xung quanh mọi thứ đều là kẻ thù. Phía trên là những quầng mây hắc ám chạy đuổi theo nhau để ngăn chúng tôi khỏi những ánh mặt trời sưởi ấm; công trường sắt bắn thủ vấy lấy chúng tôi từ mọi phía. Chưa bao giờ chúng tôi trông thấy đường biên nhưng cảm nhận được sự tồn tại ác nghiệt của dây kẽm gai đang ở khắp xung quanh, chia cách chúng tôi với thế giới bên ngoài. Ở trên giàn giáo, trên những con tàu chạy qua, trên đường, trong mỏ, trong văn phòng, người với người, chủ và tớ, những tên chủ tự biến mình thành nô lệ; người thì sợ hãi, kẻ thì căm ghét còn mọi sức mạnh khác đều câm lặng. Tất cả đều là kẻ thù, là đối thủ.

Không, thật ra thì tôi không cảm thấy cái người cùng cặp làm việc với mình hôm nay, vất vả cùng tôi dưới cùng một sức nặng này, là kẻ thù hay đối thủ.

Cậu ta là Null Achtzehn. Cậu ta không có cái tên nào ngoài tên ấy, Không Mười Tám, ba con số cuối cùng trên sổ trại: tưởng như ai ai cũng hiểu rằng chỉ một con người mới được có tên, còn Null Achtzehn đâu phải là người nữa. Tôi tin chính cậu ta cũng đã quên tên mình rồi, cậu ta xử sự y như thể không nhớ gì nữa. Khi cậu ta nói, hay nhìn, có cảm giác như bên trong cậu ta hoàn toàn trống rỗng, chẳng có gì hơn là một cái xác. Cái vỏ mà bọn côn trùng lột xác vẫn để lại ven bờ ao đầm, dính hờ hững bằng một sợi tơ để gió lay.

Null Achtzehn còn rất trẻ, và đó là mối nguy lớn. Không chỉ vì bọn thanh niên chịu đựng sự vất vả đói khát kém hơn người lớn mà nhất là vì ở đây để sống sót mỗi người cần phải luyện tập chiến đấu bền bỉ chống lại tất cả, nhưng điều ấy đám thanh niên trẻ thường không có. Null Achtzehn không đặc biệt ốm yếu, nhưng tất cả đều trốn không làm việc cùng cậu ta. Cậu ta hoàn toàn dừng dừng với mọi sự đến mức không còn cố tránh việc nặng hay các cú đòn, cũng chẳng cố tìm thức ăn mà chỉ tuân theo mọi mệnh lệnh nhận được.

Có thể tưởng tượng ra khi bị người ta đưa đi giết cậu ta cũng sẽ đi với cái vẻ hoàn toàn dừng dung ấy.

Cậu ta không có nổi cái khôn ranh sơ đẳng của bọn ngựa thồ để biết cách dừng kéo trước khi kiệt sức, thay vì thế cậu ta kéo, vác hay đẩy chùng nào sức lực còn cho phép rồi gục xuống đột ngột không báo trước một tiếng, không ngước cả cặp mắt buồn bã mờ đục lên khỏi mặt đất. Cậu ta làm tôi nhớ đến bộ chó kéo xe trong truyện của London^[21], vất vả cho đến hơi thở cuối cùng rồi chết trên đường kéo.

Bây giờ vì chúng tôi đều tìm mọi cách tránh phải làm việc vất vả thành ra Null Achtzehn là người làm nhiều hơn tất cả. Và bởi thế cậu ta trở thành người cùng cặp nguy hiểm, không ai muốn làm cùng cả. Mặt khác vì cũng không ai muốn làm với tôi vì tôi yếu và vụng về nên hai chúng tôi thường hay bị vào cùng một đôi.

Lại một lần từ kho lê bước quay về, hai tay không mang gì. Đúng lúc ấy một đầu tàu kéo còi nhanh rồi cắt ngang đường chúng tôi. Null Achtzehn và tôi dừng bước, hài lòng vì khoảng nghỉ bắt buộc. Chúng tôi còng người tả tơi đợi các toa tàu từ từ diễu qua trước mặt cho đến hết.

... Deutsche Reichsbahn. Deutsche Reichsbahn. SNCF. Hai toa tàu to đùng của Nga, hình búa liềm xóa một cách cẩu thả. Deutsche Reichsbahn. Và rồi Cavalli^[22]-8, Uomini^[23]-40, Tara, Portata: một toa tàu Ý... Leo lên đó, vào

một góc, trốn kỹ dưới lớp than, nằm yên im lặng, trong bóng tối, lắng nghe nhịp bánh xe bất tận, mạnh hơn cả cái đói cái mệt; cho đến lúc, sau một quãng thời gian, tàu dừng lại, tôi sẽ thấy không khí ẩm áp và mùi cỏ, tôi có thể chui ra, dưới ánh mặt trời: rồi tôi sẽ quỳ xuống ôm hôn mặt đất, như vẫn đọc thấy trong sách và mặt vùi trong cỏ. Rồi sẽ có một người phụ nữ đi ngang qua, cô ấy sẽ hỏi tôi "Anh là ai" bằng tiếng Ý, và tôi sẽ kể cho cô ấy nghe, bằng tiếng Ý, cô ấy sẽ hiểu, rồi cô ấy sẽ cho tôi ăn, cho tôi ngủ. Cô ấy sẽ không tin những điều tôi kể, tôi sẽ cho cô ấy xem cái sổ tôi có trên cánh tay và rồi cô ấy tin...

... Kết thúc rồi. Toa tàu cuối cùng đã băng qua, và như khi tấm màn kéo lên, trước mắt chúng tôi là đồng thanh đỡ bằng gang, Kapo đứng trên đó với cái roi trong tay còn những người bạn tù xanh xao đang từng cặp đi đi về về.

Mơ mộng thật khốn: cái khoảnh khắc sáng suốt đi cùng với lúc thức tỉnh là sự đau đớn cùng cực nhất. Nhưng điều đó không hay xảy ra với chúng tôi, và chúng không phải là những giấc mơ dài: chúng tôi chỉ là những con thú kiệt quệ.

Chúng tôi lại đang đứng dưới chân đồng sắt. Mischa và Faliziano người Galicia nâng một thanh gang thô bạo đặt lên vai chúng tôi. Chỗ làm việc này là đỡ mệt nhất thế nên hai người đó cố sống cố chết để giữ: họ nhắc những người chậm chạp, giục giã, rầy la họ, tạo ra một nhịp độ công việc không thể chịu đựng nổi. Điều đó làm tôi tức điên mặc dù bây giờ tôi cũng hiểu chuyện những kẻ được ưu tiên đi ức hiếp những kẻ không được như vậy là bình thường: cấu trúc xã hội của trại dựa trên chính cái quy luật ấy của con người.

Lần này đến lượt tôi đi trước. Thanh đỡ nặng mà lại rất ngắn, vì thế cứ mỗi bước tôi lại cảm thấy bước chân của Null Achtzehn ngay đằng sau giẫm vào chân mình, cậu ta đã không biết cách lại còn chẳng quan tâm đến việc đi theo nhịp của tôi.

Hai mươi bước, chúng tôi đã đến đường ray, có một đoạn cáp phải bước qua. Thanh đỡ đặt lệch, có cái gì không ổn làm nó cứ trượt xuống vai. Năm mươi bước, sáu mươi. Cánh cửa nhà kho; còn chừng ấy đường nữa thôi rồi chúng tôi có thể đặt xuống. Thôi, không thể nào đi thêm được nữa, sức nặng bây giờ đã trượt xuống từ hết lên một bên tay tôi; không thể chịu được đau và mệt thêm tí nào nữa tôi hét lên, cố gắng quav lại, vừa đứng lúc thấy Null Achtzehn vấp và vút tất cả xuống.

Nếu có được cái nhanh nhẹn ngày trước tôi đã có thể nhảy ra đằng sau, nhưng thay vì thế tôi lại ngã sòng soài trên mặt đất, toàn bộ cơ thất lại, bàn chân bị thương kẹp chặt giữa hai tay, đau mờ mắt. Cái mấu nhọn bằng gang đã cắt ngang mu bàn chân trái của tôi.

Trong vòng một phút mọi thứ biến mất trong cái đau choáng váng. Khi tôi ngược được mắt lên nhìn xung quanh, Null Achtzehn vẫn đang đứng bất động, bàn tay rụt vào trong ống tay áo nhìn tôi vô cảm, không nói lời nào. Mischa và Faliziano chạy đến, nói với nhau bằng tiếng Yiddish, họ khuyên tôi cái gì không biết nữa. Rồi Templer David và tất cả những người khác cũng đến, tận dụng hoàn cảnh để ngừng tay. Kapo tới nơi, dấm đá chửi rửa, và những người bạn tù tản ra như trấu bị vãi tung. Null Achtzehn đưa một tay lên mũi rồi ngẩng ra nhìn vào bàn tay lấm máu. Tôi thì chẳng được gì ngoài hai cái tát của Kapo, cái kiểu tát không đau vì nó làm ta choáng luôn.

Tai nạn kết thúc. Đau hay không thì tôi cũng đứng lên được chứng tỏ xương không bị gãy. Tôi không dám bỏ giày ra vì sợ sẽ lại đau, và cũng vì tôi biết chân sẽ sưng không xỏ vào giày được nữa.

Kapo cho tôi ra thay Faliziano ở chân đồng sắt, tay này nhìn tôi giận dữ rồi đến chỗ của hắn làm cạnh Null Achtzehn; nhưng lúc đó bọn tù Anh đã bắt đầu đi qua, chẳng mấy chốc nữa là đến giờ về trại.

Tôi cố hết sức để đi nhanh trên chặng về nhưng vẫn không theo được nhịp. Kapo cử Null Achtzehn và Finder đỡ tôi cho đến đoạn đi qua trước bọn SS.

Rồi cuối cùng tôi cũng về được đến lán (may mà tối nay không có điểm danh) và có thể ngã vật xuống giường nằm thở.

Có thể là hơi nóng hoặc do chặng đi về vất vả nên chân tôi lại thấy đau, cộng thêm một cảm giác ẩm ướt lạ lùng ở bàn chân bị thương. Tôi cởi giày ra: đầy máu đã đông, lẫn với bùn và với mớ giẻ rách tôi tìm được thàng trước để cuốn chân, một ngày chân phải, một ngày chân trái.

Tối nay, ngay sau khi ăn xúp, tôi sẽ đến Ka-Be.

Ka-Be là tên tắt của Krankenbau, trạm xá. Khu này gồm tám lán, giống hết mọi lán khác trong trại, nhưng được ngăn cách bởi một hàng rào dây kẽm.

Trong đó có khoảng một phần mười dân số của trại, nhưng ít người ở đây quá hai tuần và hầu như không ai ở quá hai tháng. Trong thời hạn ấy tất cả sẽ phải chết hoặc khỏi bệnh: ai có chiều hướng khỏi thì sẽ được chữa lành ở Ka-Be, ai nặng lên thì từ Ka-Be sẽ được chuyển đến phòng hơi ngạt.

Tất cả chỉ vì chúng tôi được may mắn liệt vào loại "Do Thái có ích về kinh tế".

Tôi chưa bao giờ đến Ka-Be cũng như đến bên phòng khám, vì thế với tôi mọi thứ đều lạ lẫm.

Có hai trạm xá, Khám và Phẫu thuật. Đằng trước mỗi cánh cửa là hai hàng dài những cái bóng đứng trong đêm trước gió. Một vài người chỉ cần băng bó hoặc xin vài viên thuốc, vài người khác cần khám, một số người thì vẻ chết chóc đã hiện rõ trên mặt. Hai người đứng đầu mỗi hàng đã cởi giày và sẵn sàng vào; những người khác thì lần lượt tiến lại gần, xoay xở trong hàng người để cố gắng cởi dây giày và những sợi dây thếp gá giày, gỡ những lớp lót chân quý giá sao cho không bị mất chúng; không sớm quá đe khỏi phải đứng chân trần trên bùn một cách vô ích, không muộn quá để lỡ mất lượt của mình vì đi giày vào trong Ka-Be bị cấm tuyệt đối. Người giám sát việc ấy là một Häftling khổng lồ người Pháp ngồi trong cánh cổng nằm giữa hai

cánh cửa của hai khu. Anh ta là một trong những nhân viên người Pháp của trại. Cùng dừng nghĩ việc cả ngày chỉ ngồi nhìn những đôi giày đầy bùn và rách nát thế này là một ân sủng, thử nghĩ xem bao nhiêu người đã mang giày vào trong Ka-Be nhưng khi trở ra thì không cần đến nữa...

Khi đến lượt mình, tôi làm được điều phi thường là cởi giày và các tấm lót mà không làm mất thứ gì cả, cũng không để ai lấy cắp mất đôi găng và cái bát, giữ được thăng bằng dù phải ôm khư khư trong tay cái mũ mà theo quy định thì không được đội khi vào lán với bất cứ lý do nào.

Để giày ở chỗ giữ và lấy phiếu xong tôi được cho vào bên trong. Chân trần khập khểnh với hai tay vướng víu đủ các thứ đồ khốn khổ không dám để lại ở góc nào, tôi xếp tiếp vào một hàng mới dẫn đến phòng khám.

Trong hàng mọi người tuân tự cởi đồ, khi đến gần đầu àng sẽ phải cởi hết vì sẽ có một y tá nhét cặp nhiệt độ vào nách, ai vẫn còn mặc đồ sẽ mất lượt và phải quay lại xếp hàng từ đầu. Ai cũng phải đo nhiệt độ, kể cả khi chỉ bị bệnh ngoài da hoặc đau răng. Bằng cách này trại chắc chắn nếu ai chưa ốm nặng thì sẽ không vì một cơn đồng bóng mà đi thực hiện tất cả cái trình tự phức tạp này.

Cuối cùng cũng đến lượt tôi: tôi được cho đến trước bác sĩ, y tá lấy cặp nhiệt độ ra rồi báo: "Số 174517, kein Fieber^[24]". Không cần phải khám kỹ cho tôi: ngay lập tức tôi được tuyên bố là Arztvormelder, nghĩa là gì thì tôi không biết, nhưng đấy rõ ràng không phải chỗ để xin giải thích. Tôi thấy mình bị đẩy ra ngoài, lấy lại giày rồi về lán.

Chajim mừng cho tôi; tôi có vết thương tốt, không nguy hiểm mà lại đảm bảo cho tôi một kỳ nghỉ ngơi tử tế. Tôi vẫn ngủ ở lán với mọi người, nhưng ngày mai thay vì phải đi làm việc tôi sẽ đến chỗ các bác sĩ để khám kỹ: Arztvormelder nghĩa là như thế. Chajim thông thạo những chuyện này, anh ta nghĩ ngày mai có thể tôi có thể sẽ được đưa vào Ka-Be. Chajim làn bạn cùng giường với tôi và tôi tin tưởng anh ta tuyệt ddoosiv Anh ta người

Ba Lan, dân Do Thái sùng đạo, học luật rabbi. Anh ta tầm tuổi tôi và có nghề sửa đồng hồ, còn ở Buna thì anh ta làm thợ cơ khí chính xác. Vì thế anh ta thuộc số rất ít vẫn còn long tự trọng và tự tin có được nhờ cái nghề đã luyện.

Sự việc diễn ra đúng như vậy. Sau cò đánh thức và chai bánh, tôi được gọi ra cùng ba người nữa cùng lán với mình. Họ đưa chúng tôi đến một góc của sân Điểm danh, nơi có một hàng dài tất cả những Arctvormelder của ngày hôm nay; một tay đến lấy của tôi bát, thìa, mũ, găng. Tất cả cười rộ, tôi không biết là phải giấu những thứ đó đi sao, hoặc tốt nhất là bán hết đi, vì có được mang vào Ka-Be đâu? Rồi họ nhìn vào con số của tôi và lắc đầu: một tên mang số cao như thế thì có thể mắc phải đủ thứ trò ngu ngốc.

Rồi chúng tôi bị đếm, bị bắt cởi đồ ngoài trời lạnh, cởi giày, rồi lại bị đếm. Họ cạo râu tóc và lông chúng tôi, rồi lại đếm, và bắt chúng tôi tắm. Sau đó một tay SS đến, lãnh đạm nhìn chúng tôi. Hắn dừng lại trước một người bị trần dịch tinh mạc nặng và sai đưa anh ta sang một chỗ. Sau đó chúng tôi lại bị đếm một lần nữa và tắm một lần nữa mặc dù chúng tôi vẫn còn ướt từ lần tắm trước và vài người thì sốt phát run.

Bây giờ chúng tôi đã sẵn sàng để khám kỹ. Bên ngoài cửa sổ bầu trời trắng sáng, đôi khi mặt trời ló ra; ở cái xứ này có thể nhìn thẳng vào mặt trời qua những tầng mây, giống như nhìn qua một tấm kính mờ. Theo vị trí của mặt trời thì chắc phải quá hai giờ chiều rồi, đã qua giờ chia xúp. Chúng tôi đã phải đứng từ mười tiếng và cởi hết quần áo từ sáu tiếng nay.

Lần khám thứ hai này của tôi cũng rất nhanh: bác sĩ (anh ta cũng mặc đồ sọc như chúng tôi, nhưng phía trên khoác một cái blu trắng, anh ta có số thêu trên áo blu và béo tốt hơn chúng tôi nhiều) nhìn và đập đập vào bàn chân sung vù chảy máu của tôi cho đến khi tôi hét lên vì đau rồi bảo: “Arztvormelder, Block 23”. Tôi vẫn đứng nguyên mồm há to chờ thêm vài lời giải thích, nhưng ai đó đã thô bạo lôi tôi ra đằng sau, ném một tấm

choàng lên cái lưng trần của tôi, đưa một đôi xăng đan rồi vứt tôi ra ngoài trời.

Cách đó khoảng một trăm mét là Block 23; phía trên đề “Schonungsblock”: không hiểu thế nghĩa là gì? Bên trong họ lại lấy của tôi tấm choàng và xăng đan, thế là tôi một lần nữa ở trần đứng cuối một hàng dài những bộ xương trần trụi: những người được chữa trị hôm nay.

Từ lâu lắm rồi tôi đã thôi không cố gắng hiểu nữa. Bản thân tôi lúc ấy đã mệt mỏi vì phải đứng trên bàn chân bị thương vẫn chưa được thuốc thang gì, đói và ngấm lạnh đến mức không còn quan tâm đến điều gì nữa. Đây hoàn toàn có thể là ngày cuối cùng của tôi, phòng này có thể là phòng hơi ngạt mọi người nói tới, có như thế thì tôi cũng làm được gì cơ chứ? Gì thì cũng chỉ nên dựa mình vào tường nhắm mắt lại mà chờ đợi.

Người đứng cạnh tôi không thể là dân Do Thái. Anh ta không cắt bao quy đầu, lại còn nước da vàng hoe, gương mặt và thân hình to lớn rõ là đặc điểm của dân Ba Lan không phải Do Thái (đấy là một trong những điều ít ỏi tôi học được cho đến lúc đó). Anh ta cao hơn tôi hẳn một cái đầu, nhưng có nét mặt khá thân thiện, nét mặt mà chỉ những người không phải chịu đói mới có được.

Tôi thử hỏi anh ta xem bao giờ thì họ cho chúng tôi vào. Anh ta quay sang y tá, người giống anh ta như anh em sinh đôi đang đứng hút thuốc trong một góc; bọn họ nói chuyện và cùng cười nhưng không trả lời gì, như thể tôi không có đây. Sau đó một người trong bọn họ cầm tay tôi, nhìn số của tôi rồi cả lũ càng cười to hơn. Tất cả đều biết rằng những tù số một trăm bảy tư nghìn là dân Do Thái Ý, bọn Do Thái Ý nổi tiếng, đến đây hai tháng trước, toàn là luật sư, bác sĩ, đến khoảng hơn trăm người và giờ chỉ còn chưa đến bốn mươi, một bọn không biết làm việc, bị người ta cướp bánh mì và linh đôn từ sáng đến tối; lính Đức gọi bọn này là "zwei linke Hände" (hai tay trái), thậm chí bọn Do Thái Ba Lan cũng còn coi thường bọn này vì không biết nói tiếng Yiddish.

Tên y tá chỉ cho tên kia xương sườn của tôi, như thể tôi là một cái xác trong phòng giải phẫu; chỉ mí mắt, hai má sưng lên và cái cổ gầy gò của tôi, hằn bầm ngón trở lên xương chày ở chân tôi rồi cho tên kia thất vết tay hằn lằn sâu trên làn da nhợt nhạt, như thể hằn lên một lớp tro.

Tôi ước giá như mình đã không mở lời với tên Ba Lan: tôi cảm tưởng như trong đời mình chưa bao giờ phải chịu một sự sỉ nhục tệ hại đến thế. Khi đó tên y tá có vẻ đã kết thúc tấn trò của hắn với cái ngôn ngữ tôi không hiểu và thấy nghe thật kinh khủng, hắn quay sang nhân từ nói với tôi câu kết bằng thứ tiếng gần như tiếng Đức: “Du Jude, kaput. Du schnell Krematorium fertig”. (Mày Do Thái chết toi, mày sẽ sớm lò thiêu, hết đời).

Vài giờ nữa trôi qua cho đến khi tất cả bệnh nhân được nhận vào, phát áo và điền bảng của mình. Tôi vẫn luôn là người cuối cùng; một tay mặc quần áo kẻ sọc mới toanh hỏi tôi sinh ở đâu, trước đây khi "là thường dân" làm nghề gì, có con không, đã mắc những bệnh gì, một đồng câu hỏi. Liệu những câu hỏi ấy có ích gì cơ chứ, hay đây chỉ là một tấn kịch rườm rà để chế nhạo chúng tôi. đây mà là bệnh viện ư? Chúng tôi phải đứng, ở trần và trả lời câu hỏi.

Cuối cùng thì cánh cửa cũng mở ra cho tôi, và tôi được vào lán ngủ.

Ở đây cũng như mọi nơi khác, toàn giường ba tầng, chạy ba hàng dọc theo lán, ngăn cách nhau bởi hai hành lang cực hẹp. Có một trăm năm mươi giường, còn số người ốm khoảng hai trăm rưỡi: nghĩa là hầu hết các giường đều có hai người. Những người ốm ở tầng trên cùng áp sát với trần nhà hầu như không thể ngồi thẳng lên được; họ cúi người tò mò nhìn những người mới đến hôm nay. đây chính là thời khắc hay ho nhất của ngày, bao giờ cũng tìm được vài người quen biết. Tôi được phân vào giường 10; giường trống! Thật là một phép lạ. Tôi ngả người cẩn thận, đây là lần đầu tiên kê từ khi vào trại tôi có được riêng một giường. Mặc dù đói nhưng chỉ không đến mười phút sau tôi đã thiếp đi.

Cuộc sống ở Ka-Be là một cuộc sống trong quên lãng. Ít thiếu thốn vật chất hơn, trừ cái đói và những cơn đau bệnh. Không rét, không phải làm việc và không bị đánh trừ phi phạm lỗi nghiêm trọng.

Chuông đánh thức reo vào lúc bốn giờ sáng, với người ốm cũng vẫn thế; phải dọn giường và rửa ráy, nhưng không vội và cũng không nghiêm ngặt lắm. Bánh mì phát vào lúc năm rưỡi, có thể thoải mái cắt bánh thành những miếng mỏng và nằm xuống ăn thông thả; sau đó có thể lại thiếp đi cho đến khi phát xúp lúc mười hai giờ. Đến khoảng mười sáu giờ là Mittagasruhe, nghỉ ngơi buổi chiều; lúc đó thường có thăm khám và phát thuốc, phải tụt từ giường xuống, cởi áo ra và đứng xếp hàng trước bác sĩ. Suất ăn tối cũng được phát tại giường; sau đó đèn sẽ tắt hết vào hai một giờ, trừ ngọn đèn của gác đêm, và rồi là im lặng.

... Lần đầu tiên kể từ khi vào trại tôi ngủ được say khi chuông đánh thức vang lên, và việc thức dậy tựa như trở về từ hư vô. Vào giờ phát bánh, tiếng nhạc hiệu bắt đầu cất lên, vắng vắng xa xa bên ngoài cửa sổ trong không gian tối tăm: đây là những người bạn tù không bị ốm đang ra khỏi trại đi làm việc theo từng đội.

Từ Ka-Be tiếng nhạc nghe không rõ lắm: tiếng đập của trống và chũm chọe vang đến tai chúng tôi liên tục và buồn tẻ, trên cái nền ấy những câu nhạc chỉ còn đứt đoạn, tùy theo mức độ thất thường của gió. Chúng tôi nhìn nhau từ giường này sang giường khác, bởi tất cả đều cảm thấy điệu nhạc ấy như đến từ địa ngục.

Chỉ có khoảng một chục điệu nhạc, ngày nào cũng như ngày nào, sáng và tối: những bản hành khúc và dân ca vốn thân thuộc với người Đức. Tất cả thấm in sâu vào tâm trí chúng tôi, trở thành điều cuối cùng mà chúng tôi có thể quên đi về Lager: chúng là giọng nói của Lager, là biểu hiện rõ rệt của sự điên rồ máy móc của Lager, là cái cách mà bọn chúng khiến chúng tôi không còn là người nữa để rồi chậm rãi giết chết chúng tôi.

Khi tiếng nhạc ấy vang lên, chúng tôi biết rằng những người bạn tù của mình đang đi đều như những người máy trong sương mù ngoài kia, linh hồn đã chết chỉ có tiếng nhạc thay cho ý chí, đẩy họ đi, như gió đẩy những chiếc lá khô. Không còn ý chí nữa: mỗi nhịp trống trở thành một bước chân, một sự co kéo các cơ. Bọn Đức đã làm được việc đó. Cả mười nghìn tù, tất cả chỉ là một cỗ máy xám xịt; hoàn toàn bị chi phối, không nghĩ ngợi cũng không mong muốn gì, chỉ bước đi.

Bọn SS không bao giờ vắng mặt khi tù ra khỏi và quay về trại. Ai có thể ngăn bọn chúng theo dõi điệu múa mà chúng muốn, điệu nhảy của những con người đã chết, đội này nối tiếp đội kia, ra khỏi sương mù để lại chui vào sương mù? Liệu có cái gì thể hiện chiến thắng của bọn chúng rõ rệt hơn?

Những người ở Ka-Be cũng biết lúc ra khỏi và quay về trại, biết cái lực thôi miên của nhịp điệu bất tận bóp chết suy nghĩ và xoa nhẹ đau đớn ấy; họ đã thử và họ sẽ còn thử. Nhưng phải ra khỏi cái trạng thái đó, nghe tiếng nhạc ấy từ ngoài, như nghe nó từ Ka-Be hay như bây giờ chúng tôi nghĩ lại sau khi được giải phóng và hồi sinh, nghe mà không phải theo, không phải chịu đựng nó thì mới hiểu được nó là gì; để hiểu bọn Đức đã nghiền ngẫm thế nào để sinh ra cái nghi thức quái vật ấy và vì sao cho đến tận hôm nay, hể ký ức đưa lại bản nào trong số những bản nhạc vô tội ấy là máu chúng tôi nghiền lại trong huyết mạch, và chúng tôi hiểu rằng trở về được từ Auschwitz không phải là phúc nhỏ.

Tôi có hai bạn tù ở gần giường. Họ nằm sát sườn cả ngày lẫn đêm, da áp sát da, bắt chéo nhau như hai con cá trong hoàng đạo, chân người này sát với đầu người kia.

Một người là Walter Bonn, một thường dân Hà Lan khá có văn hóa. Khi thấy tôi không có gì cắt bánh mì anh ta đã cho mượn con dao, sau đó chào bán cho tôi lấy nửa suất bánh mì. Tôi mặc cả, trả giá thấp hơn, nghĩ thế nào chả mượn được ai trong Ka- Be này trong khi ở bên ngoài dao chỉ đáng giá một phân ba suất bánh. Không vì thế mà Walter kém lịch sự, đến trưa khi ăn

xúp anh ta nhiệt tình cho tôi mượn thìa sau khi dùng miệng chùi sạch (nguyên tắc quan trọng trước khi cho mượn nhằm làm sạch và không để phí các vệt xúp bám quanh).

- Anh bị bệnh gì thế Walter?

- Körperschwäche, suy nhược cơ thể. Căn bệnh tồi tệ nhất vì không chữa khỏi được. Vào Ka-Be với chứng ấy rất nguy hiểm, nếu không vì mắt cá chân bị phù nề (anh ta chỉ cho tôi xem) khiến anh không đi làm được thì anh ta đã cố để không báo ốm.

Về các loại nguy hiểm ấy tôi mới chỉ có những ý tưởng khá mù mờ. Tất cả đều không nói thẳng về chuyện ấy mà chỉ bóng gió, và khi tôi hỏi thì họ chỉ nhìn tôi rồi câm bặt.

Thế đúng như vẫn nghe bảo à, chuyện chọn lọc, chuyện hơi ngạt, chuyện Lò thiêu?

Lò thiêu. Người cùng giường với Walter giật mình thức giấc ngồi bật dậy: ai nói về lò thiêu đây? Chuyện gì thế? Không thể để yên cho người ta ngủ sao? Đó là một người Do Thái Ba Lan, bạch tạng, gương mặt chất phác hốc hác và không còn trẻ nữa. Anh ta tên là Schmulek, thợ rèn. Walter thuật lại ngắn gọn mọi chuyện cho anh ta.

Tức là "der Italeyner" không tin chuyện chọn lọc? Schmulek muốn nói tiếng Đức nhưng lại nói tiếng Yiddisch; tôi chỉ hiểu lảng máng. Nhưng Schmulek muốn là tôi phải hiểu anh ta. Ra hiệu cho Walter im để anh ta thuyết phục tôi:

- Đưa tôi xem sổ của anh: anh là số 174517. Cách đánh số này bắt đầu từ cách đây mười tám tháng, dành cho Auschwitz và các trại con. Hiện giờ chúng ta có mười nghìn người ở Duna-Monowitz, có thể là ba mươi nghìn tính từ Auschwitz đến Birkenau. Wo sind die Andere? Thế thì những người kia đâu?

- Chắc là chuyển sang các trại khác? tôi đoán.

Schmulek lắc đầu, quay sang Walter:

- Er will nix verstayen, cậu này không muốn hiểu.

Nhưng số phận đã định là tôi sẽ sớm hiểu và nhờ vào chính Schmulek. Tối đó cửa lán mở và một giọng thét lên: "Achtung!^[25] " Mọi tiếng động im bật và sau đó là im như thóc.

Hai tên SS tiến vào (một trong hai tên mang quân hàm rất cao, có lẽ là một sĩ quan), tiếng bước chân của chúng vang lên trong lán như thể lán không có người, chúng nói chuyện với bác sĩ trưởng, tay này vừa đưa chúng xem một cuốn sổ vừa chỉ đây chỉ đó. Tên sĩ quan ghi lại vào một cuốn sổ nhỏ. Schmulek chạm vào đầu gối tôi: "Pass'auf, pass'auf", nhìn đi.

Tên sĩ quan im lặng, lãnh đạm lướt quanh các giường, theo sau là tên bác sĩ; hắn cầm trên tay một cây roi, vụt vào một góc chắn rủ xuống từ một giường trên cao, người ốm vội vàng thu chắn lại. Tên sĩ quan đi tiếp.

Một người khác có gương mặt vàng vố, tên sĩ quan giật tung chắn anh ta ra, người đó giật này mình, hắn vố vào bụng anh ta, bảo: "Gut, gut" rồi đi tiếp.

Chết rồi, giờ thì hắn nhìn Schmulek: hắn rút sổ tay ra, kiểm tra số giường và số tù. Từ trên cao tôi nhìn rõ mọi việc: hắn ta gạch một chữ thập cạnh sổ của Schmulek. Rồi đi tiếp.

Giờ thì tôi nhìn Schmulek, đằng sau anh ta tôi thấy đôi mắt của Walter, thế là tôi không hỏi gì nữa.

Ngày hôm sau thay vì nhóm khỏi bệnh như bình thường thì có hai nhóm riêng rẽ chuẩn bị ra. Nhóm đầu tiên phải cạo râu tóc và tắm, nhóm thứ hai thì cứ thế mà ra, râu để nguyên và không được phát thuốc, không tắm.

Không ai chào những người trong nhóm đó cả, không ai nói với họ những lời nhảm nhí như với các bạn tù khỏi bệnh.

Schmulek nằm trong nhóm đó.

Mỗi ngày cuộc giết chóc lại diễn ra như thế ở tất cả các lán của Ka-Be, cẩn thận và điềm tĩnh, không ồn ào cũng không giận dữ, thòp lấy người này hoặc người kia. Khi ra đi Schmulek để lại cho tôi cái thìa và con dao, tôi và Walter tránh không nhìn nhau và chúng tôi im lặng rất lâu. Sau đó Walter hỏi làm sao tôi giữ được miếng bánh của ttdnh lâu thế, rồi anh ta kể thường thì anh ta cắt dọc bánh của mình để miếng bánh to hơn và phết mỡ dễ hơn.

Walter giải thích nhiều thứ cho tôi: Schonungsblock nghĩa là lán nghỉ ngơi, ở đó chỉ có các bệnh nhân nhẹ hoặc đang dưỡng bệnh, hoặc không cần phải chữa. Trong số đó ít nhất là năm mươi người mắc bệnh ly nặng hoặc nhẹ.

Họ được kiểm tra ba ngày một lần. Tất cả đứng thành một hàng dài dọc hành lang; ở cuối là hai cái xô thiếc và y tá mang sổ, đồng hồ, bút chì. Hai người khám một lần và sẽ có đúng một phút để trình ra là mình vẫn bị tiêu chảy, ở chỗ đó và ngay lập tức. Họ trình kết quả với y tá, y tá quan sát và đánh giá; rồi hai người rửa thật nhanh cái xô trong chậu rửa gần đó để hai người tiếp theo vào.

Trong những người ở đó một số thì vắn vẹo đau đớn cố giữ bằng chứng quý báu của mình thêm hai mươi, thêm mười phút nữa; số khác chưa có gì để đưa ra lúc ấy thì ngược lại cố mà rặn. Y tá đứng dưng theo dõi, nhai bút chì, liếc một cái vào đồng hồ, liếc một cái nữa vào vật chứng lần lượt được đưa ra, và nếu nghi ngờ gì thì mang cái xô đi hỏi bác sĩ.

... Tôi có người đến thăm: đó là Piero Sonnino, anh chàng quê Roma. “Cậu biết mình thu xếp thế nào không?” Anh chàng bị viêm ruột nhẹ, đã ở đây hai mươi ngày, khỏe, nghỉ ngơi và béo lên, chẳng lo lắng gì về vụ chọn lọc và quyết định bằng mọi giá ở lại Ka-Be đến hết mùa đông. Bí quyết của anh

chàng là xếp hàng ngay sau một ai đó bị tiêu chảy thật để đảm bảo thành công; khi đến lượt anh chàng nhờ cậu kia hợp tác (trả bằng xúp hoặc bánh mì), nếu cậu kia chịu và y tá nhãng đi một chút, hai người đổi chỗ và thế là xong. Piero biết mình đang mạo hiểm thế nào, nhưng cho đến lúc ấy mọi thứ vẫn trôi chảy.

Nhưng cuộc sống ở Ka-Be không phải vậy. Không phải những giây phút man rợ của việc chọn lọc, không phải những cảnh kỳ cục của việc kiểm tra tiêu chảy hay kiểm tra chảy, cũng không phải bệnh tật.

Ka-Be chỉ là Lager thiếu đi sự hành hạ thể xác. Vì vậy nếu ai vẫn còn vài mẫu nhận thức, nhận thức sẽ hồi lại. Thế là trong những ngày dài trống rỗng chuyện không chỉ còn về cái đói và công việc, người ta chạnh lòng nghĩ xem mình đã bị biến thành cái thứ gì, đã bị lột mất những gì, cuộc đời này là sao. Ở Ka-Be, trong những khoảnh khắc hiếm hoi tạm gọi là bình yên ấy, chúng tôi học được rằng nhân cách con người thật là mong manh, dễ bị đe dọa hơn nhiều so với mạng sống. Những nhà thông thái cổ thay vì cảnh báo chúng tôi "hãy nhớ rằng anh sẽ chết" lẽ ra nên nhắc nhở chúng tôi còn có cả cái mối nguy lớn ấy. Nếu từ trong Lager có thể gửi một thông điệp cho những người tự do thì thông điệp ấy sẽ là: làm sao để không phải chịu những điều chúng tôi đang chịu ở đây^[26].

Khi phải làm việc thì người ta phải chịu đựng và không còn thời gian để nghĩ: mái nhà xưa cũng không còn trong tâm trí. Nhưng ở đây chúng tôi có thời gian: từ giường này sang giường khác mặc dù bị cấm chúng tôi vẫn sang thăm nhau và nói chuyện, nói và nói. Cái lán gỗ đầy những tình người khổ đau, tràn ngập lời nói, ký ức và một nỗi đau khác. Tiếng Đức gọi nỗi đau đó là "Heimweh"; một từ đẹp, nghĩa là "nỗi nhớ nhà".

Chúng tôi biết mình từ đâu đến: kỷ niệm về thế giới bên ngoài chiếm lấy những giấc mơ và cả những lúc chúng tôi tỉnh táo, chúng tôi ngỡ ngàng nhận ra mình chẳng quên gì cả, tất cả đều hiện lên trước mắt chúng tôi rõ ràng đến đau đớn.

Nhưng chúng tôi không biết mình sẽ đi về đi đâu. Có thể chúng tôi sẽ vượt qua bệnh tật và thoát được các cuộc chọn lọc. Có thể chúng tôi cũng chịu được cả công việc và cái đói gặm nhấm chúng tôi: rồi sau thì sao? Ở đây, tạm thời xa được những lời chửi rủa và đánh đập, chúng tôi có thể quay lại với mình, suy ngẫm, và hiểu rằng chúng tôi không thể quay lại được nữa. Chúng tôi đã đến đây trong các khoang xe bịt kín, đã thấy vợ con đi mất vào chốn hư vô, chúng tôi bị biến thành nô lệ, đi đều cả trăm lần tiến lên rồi quay lại trong sự cực nhọc câm lặng, linh hồn đã tắt ngấm trước khi chết vô danh. Chúng tôi sẽ không được trở lại. Không ai được rời khỏi đây, để có thể mang ra ngoài không chỉ dấu ấn trên da thịt mà cả câu chuyện buồn về người đã nhẫn tâm làm gì với người ở Auschwitz.

ĐÊM CỦA CHÚNG TÔI

Sau hai mươi ngày ở Ka-Be, khi vết thương của tôi gần khỏi thì tôi phải ra viện, mang theo mình một nỗi tiếc nuối sâu sắc.

Thủ tục khá đơn giản, nhưng hàm chứa một thời kỳ thích ứng lại đau đớn và nguy hiểm. Tất cả những ai không có sự che chở đặc biệt nào khi ra khỏi Ka-Be đều không được quay về Block và Kommando cũ mà bị quay vòng đến một lán bất kỳ khác, phải làm một công việc khác, theo những tiêu chuẩn mà tôi hoàn toàn không biết. Không chỉ thế, ra khỏi Ka-Be chỉ có thân trần, rồi sẽ được nhận quần áo và giày "mới" (ý tôi muốn nói không phải những thứ đã gửi khi vào) và phải làm sao nhanh chóng kiếm được thứ mới hợp với mình. Việc này rất vất vả và tốn kém. Cần phải kiếm lại từ đầu thìa, dao. Và cuối cùng điều nghiêm trọng nhất là sẽ bị ném vào một môi trường xa lạ, với những người bạn tù không quen biết, đầy thù địch, với những tay cầm đầu mà mình không thuộc tính và vì thế khó mà tự bảo vệ trước bọn chúng.

Khả năng của con người trong việc đào tổ cho mình dựng lên một cái mai rùa hay cất lên một bức tường phòng thủ mong manh ngay cả trong những hoàn cảnh tuyệt vọng nhất thật đáng kinh ngạc và xứng đáng được nghiên cứu thật sâu. Nó là việc thích nghi quý báu, một phần thụ động và vô thức nhưng một phần lại rất tích cực: đóng một cái đinh phía trên giường để treo giày ban đêm, lập ra được những thỏa thuận ngầm không xung đột với những bạn tù bên cạnh, đoán ra và chấp nhận những thói quen và luật lệ của từng Kommando từng Block. Làm được như vậy sau vài tuần người ta có thể đạt tới một mức thăng bằng nhất định một mức độ an toàn trước những sự việc không ngờ tới; người ta xây cho mình một cái tổ, và cơn chấn động khi bị đẩy vào chỗ mới sẽ qua.

Nhưng một người ra khỏi Ka-Be, trần trụi và thường là chưa bình phục hẳn sẽ có cảm giác như mình bị vứt vào bóng tối và giá buốt của khoảng không mênh mông. Quần rộng sệ xuống, giày nghiền vào chân, sơ mi mất hết cúc. Anh ta tìm kiếm hơi ấm con người nhưng chỉ thấy những cái lưng xây lại. Anh ta không tự bảo vệ được mình, dễ bị tổn thương như một đứa trẻ sơ sinh, thế nhưng đến sáng anh ta vẫn sẽ phải dậy đi làm.

Tôi ở trong hoàn cảnh ấy khi sau những thủ tục hành chính quy định, tay y tá giao tôi cho tay Blockältester của Block 45. Nhưng ngay lập tức tôi sức nghĩ ra và mừng hú: may cho tôi rồi, đây là Block của Alberto!

Alberto là bạn thân nhất của tôi. Cậu ấy mới chỉ hai mươi hai, kém tôi hai tuổi, nhưng không ai trong số bọn Ý chúng tôi có được khả năng thích ứng như cậu ấy. Alberto ngẩng cao đầu bước vào Lager, và sống ở trại không bị tổn thương cũng không trở nên thối nát. Cậu ta hiểu trước tất cả chúng tôi rằng cuộc sống ở đây là một trận chiến, và không cho phép mình buông thả một chút nào. Cậu ta không mất thời gian than thở, thương xót bản thân mình hay những người khác, xông vào trận ngay từ hôm đầu tiên. Trí thông minh và bản năng giúp cậu ta trụ vững, thường cậu ta chẳng cần suy nghĩ nhưng cũng vẫn đúng như thường. Cậu ta nắm bắt mọi thứ trong chớp mắt: chỉ biết chút ít tiếng Pháp nhưng khi nghe tiếng Đức, tiếng Ba Lan cậu ta vẫn hiểu, rồi trả lời bằng tiếng Ý và bằng cử chỉ, khiến người khác cũng hiểu được và ngay lập tức mến cậu ta. Cậu ta đấu tranh vì cuộc sống của mình, nhưng vẫn là bạn của tất cả. "Biết" ai cần hối lộ, ai cần tránh, ai cần gọi lòng thương, ai cần chịu đựng.

Dù như thế cậu ta vẫn không bị biến thành một con người xấu xa đáng ghét (và vì thế mà đến bây giờ ký ức về ấy cậu vẫn thật gần gũi và thân thiết với tôi). Tôi luôn thấy và vẫn đang thấy ở cậu ta hình ảnh hiếm hoi của con người mạnh mẽ mà hiền hòa mà những thế lực đen tối không thể nào hạ gục nổi.

Tuy nhiên tôi không được ngủ cùng giường với Alberto, cả cậu ấy cũng không xin được mặc dù bây giờ đã khá nổi tiếng ở Block 45. Thật tiếc, vì có được một người bạn tin cậy, ít nhất cũng hiểu được nhau ở cùng giường với mình, là một lợi thế vô giá. Hơn nữa bây giờ là mùa đông, đêm dài, một khi bị buộc phải chia sẻ mồ hôi, mùi và hơi ấm cơ thể với ai đó, dưới cùng một tấm chăn và trong vón vện bảy mươi phân chiều rộng giường, ta mới mong mỗi người ấy là bạn mình biết chừng nào.

Mùa đông đêm dài, và giấc ngủ của chúng tôi có được một khoảng thời gian đáng kể.

Sự náo nhiệt trong Block lắng dần, bữa tối đã phát từ hơn một tiếng trước, giờ chỉ còn mấy kẻ ngoan cố vẫn đang vét cái đáy bát dù nó đã sáng bóng lên, lần lần quay nó từng tí một dưới ánh đèn, trán nhăn lại chăm chú. Kỹ sư Kardos đi quanh các giường chữa cho những người chân bị đau hay lên chai nhiễm trùng, đó là việc làm ăn của anh ta. Chẳng ai lại không sẵn lòng bớt đi một lát bánh mì để được chữa khỏi sự tra tấn của các vết cọ xát cứ bật máu suốt ngày sau mỗi bước chân. Bằng cách đó, kỹ sư Kardos đã giải quyết cuộc sống cho mình một cách trung thực.

Từ cánh cửa bên ngoài anh chàng kể chuyện len lén chui vào, nhìn quanh cẩn thận. Anh ta ngồi lên giường Wachsmann, ngay lập tức một đám đông nhỏ quây lấy anh ta, im lặng chờ đợi. Anh ta hát một bài về Yiddish dài bất tận, lần nào cũng là bài ấy, theo từng khổ bốn câu mang một nỗi u sầu cam chịu và xuyên thấu (tôi nhớ bài ấy phải chăng vì cái nơi, cái lúc mà tôi nghe nó?). Từ vài từ hiểu được tôi đoán bài về là do chính anh ta sáng tác, kể về cuộc sống trong Lager này từ mĩ đến từng chi tiết. Ai hào phóng trả công cho người kể chuyện một nhúm thuốc hay một đoạn chỉ, những người khác nghe chăm chú nhưng chẳng cho gì hết.

Tiếng chuông đột ngột vang lên cho hoạt động cuối cùng của ngày: "Wer hat kaputt die Schuhe?" (ai có giày hỏng). Ngay lập tức vang lên tiếng ồn bốn

năm chục người muốn đổi giày, họ chạy ủa về Tagesraum, giận dữ tuyệt vọng vì biết may lắm cũng chỉ có mười người đến đầu tiên là đổi được.

Sau đó là im lặng. Ánh đèn tắt đi một lần cuối để báo cho những người đang khâu để kim chỉ quý giá xuống; rồi tiếng chuông vang lên xa xa, gác đêm vào chỗ và mọi ánh đèn tắt hết. Chúng tôi chẳng còn việc gì khác là cởi quần áo và cuộn người lại.

Tôi không biết người cùng giường với mình là ai; cũng không chắc có phải luôn là một người ấy không. Tôi chẳng bao giờ nhìn rõ mặt anh ta ngoại trừ vài giây trong cái náo động lúc chuông báo thức. Lưng và bàn chân anh ta thì tôi biết rõ hơn mặt nhiều. Anh ta không làm việc trong Kommando của tôi và chỉ về ngủ ở giường sau khi mọi thứ đã im ắng. Anh ta chui vào chăn, cái hông đẩy xương thúc một cú đẩy tôi sang bên, quay lưng lại và bắt đầu ngáy ngay lập tức. Hai cái lưng tì vào nhau, tôi cố xoay xở cho mình một khoảng đệm vừa phải; căng hông đẩy hông anh ta, rồi quay lại thử đẩy bằng đầu gối. Tôi nhấc hai mắt cá chân anh ta lên cố đặt lùi ra một chút để không bị chân anh ta đạp thẳng vào mặt. Nhưng tất cả đều vô ích, anh ta nặng hơn tôi rất nhiều và gần như hóa đá khi ngủ say.

Thế là tôi cố để nằm như thế, buộc phải bất động với nửa người trượt ra gờ gỗ của giường.

Nhưng dù sao thì tôi cũng mệt và choáng váng lắm rồi nên chẳng mấy chốc cũng trôi vào giấc ngủ, cảm giác như mình đang nằm ngủ trên đường ray tàu hỏa.

Tàu đang đến: có thể nghe thấy tiếng đầu máy phì phò, chỉ người bạn cùng giường của tôi mới chịu đựng được tiếng ồn đó. Tôi vẫn chưa ngủ say đến mức không nhận ra tính chất hai mặt của đầu tàu. Nó chính là cái đầu tàu hôm nay đã kéo đến Buna những toa mà chúng tôi phải dỡ xuống: tôi nhận ra nó vì bây giờ khi nó lướt qua bên cạnh chúng tôi có thể cảm thấy rõ luồng hơi nóng phả ra từ bên sườn đen sì. Nó thở ra, tiến đến ngày càng gần thêm,

sắp đâm vào tôi đến nơi, nhưng lại không đâm bao giờ. Giấc ngủ của tôi chập chờn, chỉ là một lớp voan, nếu muốn tôi có thể xé nó ra. Tôi sẽ làm thế, tôi muốn xé nó ra để có thể rời khỏi đường ray. Rồi, tôi làm vậy, và giờ thì tôi đã thức: cũng không thức hẳn, chỉ hơi thức một chút, leo lên một bậc cái thang giữa tỉnh và mơ. Mắt tôi vẫn nhắm, tôi không muốn mở mắt ra để rời khỏi ra cơn ngủ bay mất, nhưng tôi nghe được các âm thanh: cái tiếng vang xa xa kia tôi biết là có thật, nó không xuất phát từ đầu tàu, có thể nghe thấy tiếng nó: đó là tiếng còi của Decauville, từ cái xưởng làm cả ca đêm. Một nốt dài và chắc, rồi một nốt khác trầm hơn nửa cung, rồi lại nốt cũ nhưng ngắn và cụt hơn Tiếng còi ấy là một thứ quan trọng, Theo một nghĩa nào đó là thứ quan trọng nhất: chúng tôi thường xuyên nghe thấy nó đi cùng với nỗi khổ sở của công việc trong trại đến mức nó đã trở thành biểu tượng chỉ cần nghe thấy nó là những điều ấy lại hiện lên rõ nét, như cái cách một số giai điệu và mùi hương có thể gọi đến một hình ảnh nhất định.

Ở đây có chị gái tôi, có vài người bạn không rõ nét, và rất nhiều người khác. Tất cả đang lắng nghe tôi, còn tôi đang kể đúng cái chuyện này: tiếng còi vào ba giờ đêm, cái giường cứng ngắt, người cùng giường tôi muốn dịch xa ra nhưng sợ nhờ đánh thức anh ta dậy vì anh ta to khỏe hơn tôi. Tôi cũng kể lung tung về cơn đói của chúng tôi, về những lần kiểm tra chảy, về Kapo đánh tôi vào mũi rồi bắt tôi đi rửa ráy vì tôi chảy máu. Một khoái cảm mãnh liệt, hữu hình không diễn tả nổi, được ở nhà củ mình, giữa bạn bè và có bao điều để kể: nhưng tôi không thể không nhận thấy mọi người không thèm nghe tôi, không chỉ thế bọn họ còn hoàn toàn thờ ơ, nói chuyện âm ỉ với nhau như thể tôi không có đấy. Chị tôi nhìn tôi rồi đứng lên bỏ đi không nói một lời.

Một nỗi đau khổ lẻ loi trào lên trong tôi, cùng kiểu những nỗi đau mơ hồ nhớ được về thời thơ ấu: một nỗi đau nguyên thủy không bị loãng bởi ý thức về thực tại hay hoàn cảnh bên ngoài xâm nhập mà giống với những nỗi đau khiến con trẻ òa khóc. Tôi phải trôi lên trên mặt nước một lần nữa thôi,

nhưng lần này tôi mở to mắt để có ngay trước mắt sự đảm bảo là mình thực sự đã thức.

Giấc mơ lơ lửng trước mặt tôi, vẫn còn ấm, còn tôi, dù đã thức nhưng những nỗi đau của nó vẫn ngập tràn trong tôi: thế là tôi nhớ ra đây không phải là một giấc mơ bất chợt, đó là giấc mơ mà từ khi vào đây tôi đã từng mơ, không chỉ một mà nhiều lần, chỉ thay đổi chút ít trong khung cảnh và chi tiết. Giờ thì tôi đã hoàn toàn tỉnh táo, tôi còn nhớ thậm chí đã kể cho Alberto về giấc mơ này, và tôi đã kinh ngạc khi cậu ấy thổ lộ với tôi cậu ấy cũng mơ như thế, rằng đó là giấc mơ của rất nhiều người, có thể là tất cả mọi người. Sao lại mơ như thế? Sao nỗi đau hằng ngày lại chuyển vào những giấc mơ thường xuyên đến vậy của chúng tôi, cùng một cái cảnh lặp đi lặp lại mình kể chuyện nhưng không được ai nghe?

Vừa suy ngẫm như thế, tôi vừa cố tận dụng lúc tỉnh táo để rũ khỏi mình những cảm giác đau đớn còn sót lại từ giấc ngủ để không ảnh hưởng đến lần ngủ sau. Tôi co gôi ngồi lên trong bóng tối, nhìn quanh và đóng tai lắng nghe.

Có thể nghe thấy tiếng những người đang ngủ thở và ngáy, ai đó rên rỉ, nói mơ. Rất nhiều người liếm môi và nhai nhóp nhép. Họ đang mơ được ăn: đó cũng là một giấc mơ chung. Một giấc mơ tàn bạo, ai đã tạo ra huyền thoại Tantalus^[27] chắc hiểu lắm. Người ta không chỉ hình dung rất rõ thức ăn mà còn cảm thấy nó trên tay, rõ ràng cụ thể, người thấy mùi vị béo và thơm sức; có người mơ xa đến mức cảm thấy thức ăn đã chạm vào miệng, rồi một việc gì đó xảy ra, mỗi lần mỗi khác, và thế là không ăn được. Giấc mơ tan biến thành muôn mẫu vụn, rồi lại tái diễn ngay lập tức, lại bắt đầu lại tương tự hay thay đổi đi một chút: cứ như vậy không ngừng nghỉ, với mỗi chúng tôi, trong mỗi đêm, trong suốt cả giấc ngủ.

Giờ chắc quá mười một giờ rồi vì mọi người bắt đầu ra vào liên tục chỗ cái xô để ngay cạnh gác đêm. Đó là một trò tra tấn bắn thiêu, một nỗi nhơ nhuốc khó phai. Ban ngày để chống lại cơn đói chúng tôi phải tống vào bụng mình

suất xúp mang một lượng nước lớn nên đến đêm cứ hai ba tiếng một lần lại phải bò dậy để thải bớt nó ra. Cái thứ nước hằng đêm cứ trướng căng lên ở mắt cá chân, ở bọng mắt, biến tất cả các đường nét trên mặt thành một kiểu dị dạng giống nhau, và thận của chúng tôi thì cứ phải vất vả suy yếu dần đi để lọc bớt.

Vấn đề không chỉ là lê được đến chỗ cái xô mà ở chỗ theo luật thì người cuối cùng dùng xô sẽ phải mang nó đi đổ ở nhà xí; luật cũng quy định rằng ban đêm rời lán chỉ được mặc đồ ngủ (áo và quần đùi) và phải báo số của mình cho lính gác đêm. Ai cũng hình dung được gác đêm sẽ miễn việc cho bạn bè, người cùng quốc tịch của hắn và miễn cho cả bọn đứng đầu trong lán. Việc nữa là những ma cũ của lán đã rèn luyện thính giác đến mức dù nằm nguyên trên giường, bọn họ chỉ cần nghe tiếng đập vào thành xô là phân biệt được xô đã đầy đến mức nguy hiểm hay chưa và luôn tránh được phiền phải đi đổ. Vì thế nên ở lán nào ứng viên cho việc đi đổ cũng chỉ còn vài đối tượng, trong khi lượng nước thải ít nhất cũng đến hai trăm lít, tương đương với hai mươi lần đi đổ.

Tóm lại là hằng đêm có một nguy cơ rất cao treo trên đầu chúng tôi, lũ không có kinh nghiệm và không được ưu ái mỗi khi nhu cầu đẩy chúng tôi đến chỗ cái xô. Gác đêm sẽ đột nhiên nhô ra từ góc của hắn, chớp lấy ngay, nguyệt ngọc viết số tù của anh, giao cho anh một đôi giày gỗ và cái xô rồi tổng anh ra ngoài, anh ra ngoài ngái ngủ và run rẩy trên mặt tuyết. Anh sẽ phải lê đến tận chỗ nhà xí với cái xô đập vào bắp chân trần, nóng ẩm đến phát tởm. Xô bao giờ cũng đầy một cách phi lý nên không thể tránh được việc lắc qua lắc lại và rớt một ít vào chân, thế nên dù công việc này có đáng ghét đến đâu thì thà là chính anh chứ đừng là người ngủ cùng giường phải làm việc ấy.

Đêm của chúng tôi lết đi như thế. Giấc mơ Tantalus và giấc mơ kể chuyện đan xen vào nhau trên nền những hình ảnh rõ nét hơn: nỗi chịu đựng ban ngày bao gồm cái đói, bị đánh, cái lạnh, cực nhọc, sợ hãi và lẫn lộn cả. Ban đêm chúng chuyển thành những cơn ác mộng không hình hài, tàn bạo chưa

từng thấy, những cơn ác mộng mà khi tự do chỉ những đêm sốt cao ta mới gặp phải. Chúng dựng chúng tôi dậy bất cứ lúc nào, tê lạnh vì sợ, chân tay run rẩy, tưởng tượng một giọng giận dữ đang quát tháo sai bảo mình điều gì bằng một thứ tiếng mình không hiểu. Việc đồ xô, tiếng chân trần giậm trên sàn gỗ hóa thành một hình tượng khác: chúng tôi, xám xịt và giống hệt nhau, nhỏ bé như bọn kiến mà cũng lớn chạm trời, ken đặc người sát người, tràn ngập hành tinh trải dài đến tận chân trời không đếm xuể; đôi khi lại tan vào một chất duy nhất, một đồng hỗn độn buồn thảm khiến chúng tôi cảm thấy tù túng ngột thở; đôi khi lại là đang mang xô đi đổ, không điểm đầu cũng không đích cuối, choáng váng xây xẩm, cơn buồn nôn khủng khiếp dâng lên tận cổ; cho đến khi cái đói, cái lạnh hoặc bông vải căng đầy chuyển những giấc mơ đó về những kiểu thông thường. Khi ác mộng hay sự khó chịu đánh thức, chúng tôi gắng sức vô vọng thoát khỏi những hình ảnh ấy, tổng khứ ra ngoài tâm trí để cố bảo vệ giấc ngủ của mình không bị chúng quấy nhiễu. Nhưng chỉ vừa nhắm mắt lại, chúng tôi lại thấy não mình bắt đầu hoạt động ngaofi ý muốn, lọc cọc vo ve không chịu nghỉ, sản sinh ra những bóng ma, những hình thù khủng khiếp và không ngừng tô đậm thêm, khuấy động trong chúng mớ sương mù xám xịt và vào trong những giấc mơ.

Nhưng ngự trị suốt đêm, qua những khoảnh khắc biến đổi từ ngủ sang thức hay ác mộng lại chính là nỗi sợ hãi, sự chờ đợi tới giờ đánh thức. Với những khả năng khó hiểu mà nhiều người biết, mặc dù không có đồng hồ chúng tôi vẫn có thể ước lượng được giây phút đó gần như chính xác. Vào cái giờ phải dậy, cái giờ thay đổi từ mùa này sang mùa khác nhưng bao giờ cũng trước bình minh, tiếng còi của trại vang lên một hồi dài, gác đêm mỗi lán kết thúc phiên: bật đèn, đứng dậy, vuốt thẳng người và phát ra lời kết án hằng ngày: “Aufstehen”, thường xuyên hơn là bằng tiếng Ba Lan: “Wstavac”^[28].

Rất ít người vẫn còn ngủ được khi nghe câu Wstavac: khoảnh khắc ấy quá tàn nhẫn nên khi nó đến thì cơn buồn ngủ có trĩu nặng đến đâu cũng phải tan biến. Tên gác đêm biết điều đó, vì thế hắn không quát lên kiểu ra lệnh mà

với một giọng nhẹ nhàng, khẽ khàng, như một kẻ biết rõ mọi cái tai đang đồng lên để chờ câu nói, mệnh lệnh sẽ được lắng nghe và tuân theo.

Cái từ nước ngoài ấy rơi thịch như một tảng đá xuống mọi linh hồn. "Dậy": thanh chấn ảo ảnh tạo nên từ lớp chăn ấm, vỏ bọc mong manh tạo nên từ giấc ngủ, thậm chí là những phút ngủ quẩn quại đều vỡ vụn ra. Thực tại thức tỉnh một cách phũ phàng, chúng tôi thấy mình bị phơi ra để lắng nhục, thấy mình trần trụi và yếu ớt. Lại một ngày nữa như những ngày khác, dài đến mức không lý trí nào thấy được điểm kết, vì còn quá nhiều thứ trước khi ngày khép lại: cái đói, cái lạnh, nỗi cực nhọc. Tốt hơn là tập trung sự chú ý mong mỏi của mình vào cái khúc bánh mì xám kia, nó bé đấy nhưng một giờ nữa nó là của chúng tôi, và trong vòng năm phút trước khi chúng tôi ngẫu nhiên xong, nó là tất cả những gì mà luật lệ chốn này cho phép chúng tôi có được.

Với Wstavac cơn náo loạn bắt đầu nổi lên. Cả lán đột nhiên hoạt động vội vã: mọi người trèo lên trèo xuống, dọn giường đồng thời cố mặc quần áo cùng lúc, tìm cách để không rời mắt khỏi vật gì của mình; không khí đầy bụi đến mức trở nên mờ ảo; những người nhanh nhất thúc khuỷu tay rẽ đám đông để đến nhà xí và khu rửa ráy trước khi phải xếp hàng dài. Những người quét dọn tràn vào, đuổi tất cả ra ngoài, vừa đánh đập vừa la ó.

Khi dọn giường và mặc quần áo xong, tôi tụt xuống sàn xỏ chân vào giày. Những vết đau trên chân lại bắt đầu vỡ ra, và một ngày mới bắt đầu.

CÔNG VIỆC

Trước Resnyk ngủ cùng giường với tôi là một tay người Ba Lan chẳng ai biết tên là gì, anh ta là người ôn hòa, lặng lẽ, với hai vết thương cũ ở xương ống chân và buổi tối thì bốc lên một thứ mùi dơ dáy của bệnh tật; anh ta lại còn yếu thận nên đêm nào cũng dậy và làm tôi dậy theo từ tám đến mười lần.

Một tối anh ta để lại cho tôi đôi găng rồi vào trạm xá. Tôi đã hy vọng trong nửa giờ rằng tổ trưởng sẽ quên mất là chỉ có mình tôi chiếm cả giường, nhưng rồi sau đó, khi chuông báo im lặng đã kêu, cái giường rung lên và một tay cao lớn tóc đỏ mang số của nhóm người Pháp Drancy trèo lên nằm cạnh tôi.

Có bạn cùng giường cao lớn là một bất hạnh, điều đó có nghĩa là thời gian ngủ mất bớt đi. Mà tôi thì toàn vớ được bạn cùng giường cao lớn bởi vì tôi thấp bé và vì hai người cao lớn thì không thể ngủ cùng một giường. Tuy nhiên có thể thấy ngay Resnyk dù cao lớn nhưng không đến nỗi tệ. Anh ta ít nói, lịch sự, sạch sẽ và không ngáy, đêm chỉ dậy có hai ba lần và lần nào cũng rất nhẹ nhàng. Buổi sáng anh ta nhận dọn giường (một việc phức tạp và khó khăn, hơn nữa lại mang trách nhiệm nặng vì những ai dọn giường không tử tế - những “schlechte Bettenbauer” sẽ bị trừng phạt rất kỹ), anh ta dọn nhanh và khéo đến độ sau đó khi thấy anh ta được phân vào cùng Kommando với mình, tôi đã cảm thấy một thoáng vui vẻ lướt qua trong lòng.

Trên đường đi làm vừa khập khiễng trong những đôi giày gỗ trên nền tuyết đóng băng chúng tôi vừa trao đổi vài lời. Tôi được biết Resnyk là người Ba Lan; anh ta đã sống hai mươi năm ở Paris nhưng nói một thứ tiếng Pháp kinh khủng. Anh ta ba mươi tuổi nhưng cũng như tất cả bọn tôi, người ta có thể đoán anh ta trong vòng từ mười bảy đến năm mươi tuổi. Anh ta kể cho

tôi nghe chuyện của mình, giờ thì tôi đã quên nhưng chắc chắn đó là một câu chuyện đau thương, nghiệt ngã và cảm động, như câu chuyện của mỗi chúng tôi, cả trăm nghìn câu chuyện, mỗi chuyện đều khác nhưng tất cả đều chứa đầy những hoàn cảnh bi thảm đến ngạc nhiên. Chúng tôi kể cho nhau nghe vào buổi tối, những câu chuyện xảy ra ở Na Uy, ở Ý, ở Algeria, ở Ukraine, những chuyện đơn giản và không hiểu nổi như chuyện trong Kinh Thánh. Nhưng những chuyện này chẳng phải chuyện của một Kinh Thánh mới hay sao?

Khi tới xưởng, chúng tôi được đưa đến Eisenrohreplatz, là cái bãi để dỡ các ống sắt xuống, rồi những việc thường lệ lại diễn ra. Kapo điểm danh lại, xem vắng tắt khoản thu mới rồi thỏa thuận với viên Meister^[29] thuộc nhóm thường dân về công việc ngày hôm nay. Sau đó hăng giao cho Vorarbeiter^[30] rồi đi ngủ trong lán đựng đồ chỗ gần lò sưởi. Tay này không phải loại Kapo hay gây chuyện vì hăng ta không phải người Do Thái và không lo bị mất chỗ làm. Vorarbeiter chia các đòn bẩy bằng sắt cho chúng tôi còn kích thì chia cho hội bạn của hăng. Thế là lại xảy ra cuộc chiến thường lệ để tranh lấy cái đòn bẩy nào nhẹ nhất. Hôm nay thật xấu ngày cho tôi, đòn bẩy của tôi cong và nặng dễ đến mười lăm cân; tôi biết chỉ nâng nó lên không thôi thì chỉ sau nửa tiếng tôi cũng đã chết vì mệt.

Rồi bọn tôi tảo đi, mỗi người cầm đòn bẩy của mình, khập khiễng trong tuyết đang tan. Mỗi bước tuyết và bùn lại dính thêm một ít vào đế giày gỗ, cho đến khi chúng tôi phải bước loạng choạng trên hai cái cục nặng nề không ra hình thù gì và không làm sao rũ ra được, cho đến lúc đột nhiên một cục bung ra và thế là chân này thành ra ngắn hơn chân kia đến cả gang tay.

Hôm nay phải chuyển một trụ bằng gang khổng lồ từ toa xe vào: tôi chắc đó là một trụ chính, nặng phải mấy tấn. Với chúng tôi thì thế lại hơn, ai cũng biết chuyển vật càng nặng thì càng đỡ mệt hơn là chuyển vật nhỏ, vì công việc được chia ra và chúng tôi được giao công cụ thích hợp. Nhưng mà nguy hiểm, không bao giờ được sơ suất, chỉ cần lơ đãng một nháy mắt là có thể bị đè nghiền xuống.

Meister Nogalla - tay giám sát người Ba Lan cứng nhắc, nghiêm khắc và lầm lì - thân chinh chỉ đạo việc chuyển trụ. Giờ thì ống trụ đã nằm trên mặt đất và Meister Nogalla nói: "Bohlen holen".

Tim chúng tôi thất lại. Thế có nghĩa là "chuyển tà vẹt" để làm thành một con đường giữa đồng bùn nhầy nhụa này rồi dùng đòn bẩy đẩy cái ống trụ vào ến trong xương. Tà vẹt thì bám chặt vào đất, nặng đến tám mươi cân; ngang ngưỡng chịu đựng của sức chúng tôi. Những tay cao to nhất trong chúng tôi nếu làm việc hai người một có thể vác tà vẹt trong vài tiếng, còn với tôi thì đó là cả một sự tra tấn. Sức nặng của nó nghiêng vào xương vai tôi, chỉ sau một lần vác tôi đã thành vừa mù vừa điếc vì cổ quá sức và sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì để tránh không phải đi chuyển thứ hai.

Tôi thử tìm cách để được ghép đôi với Resnyk, anh ta có vẻ giỏi làm, hơn nữa vì cao hơn tôi nên anh ta sẽ gánh phần lớn sức nặng. Theo nguyên tắc thì Resnyk sẽ khinh bỉ từ chối tôi và sẽ ghép cặp với tay nào khác cũng cao lớn; lúc ấy tôi sẽ xin đi vệ sinh và sẽ ở lại đó càng lâu càng tốt, rồi tôi sẽ tìm cách trốn vào đâu đấy dù biết rõ mình sẽ bị tìm thấy ngay lập tức, bị nhạo báng và bị đánh; nhưng dù là thứ gì thì cũng còn hơn cái công việc này.

Nhưng không phải vậy, Resnyk chấp thuận, không những thế anh ta còn tự nâng thanh tà vẹt lên và cẩn thận đặt xuống vai phải của tôi; rồi anh ta nâng nốt đầu kia lên, khom người đặt lên vai trái và chúng tôi vác đi.

Thanh tà vẹt bám đầy tuyết và bùn, mỗi bước đi nó lại đập vào tai tôi, tuyết rơi vào cổ tôi. Sau khoảng năm mươi mét tôi đã đến cái ngưỡng mà con người ta có thể chịu được, theo lý thuyết: đầu gối khụy xuống, vai đau như thể bị kim kẹp chặt, mất cân bằng một cách nguy hiểm. Mỗi bước chân tôi lại cảm thấy giày sục vào lớp bùn tham lam, cái lớp bùn Ba Lan hiện hữu khắp nơi thành nỗi rùng rợn đơn điệu úng ngập thán ngày của chúng tôi.

Tôi cắn chặt môi: chúng tôi đều biết một cơn đau do tác động từ bên ngoài, dù nhỏ cũng có thể kích thích huy động năng lượng dự trữ cuối cùng. Những

tên Kapo cũng biết điều đó: nhiều tên đánh chúng tôi vì bản tính thú vật hung tợn, nhưng cũng có những tên đánh chúng tôi khi thấy đồ nặng quá rồi, gần như đánh yêu, vừa đánh vừa hô hào cổ vũ, giống như lái xe đánh để thúc ngựa.

Đến chỗ cái trụ, chúng tôi đặt thanh tà vẹt xuống, tôi đứng chết đơ ở đó, mắt mờ, miệng há hốc, tay buông thõng, ngập chìm trong trạng thái mê đi phù du và khổ sở khi hết cơn đau. Trong cơn choáng váng kiệt sức tôi chờ một cú đẩy bắt tôi quay lại làm việc, cố tận dụng từng giây còn lại để hồi sức.

Nhưng cú đẩy không đến: Resnyk chạm nhẹ vào khuỷu tay tôi, chúng tôi quay về chỗ những thanh tà vẹt, cố đi chậm hết mức. Những người khác đang lượn lờ xung quanh thành từng cặp, ai cũng cố trì hoãn càng lâu càng tốt trước khi phải vác tiếp. "Allons, petit, attrape."^[31] Thanh tà vẹt này khô và nhẹ hơn một chút, nhưng hết chặng thứ hai tôi vẫn đến chỗ Vorarbeiter xin đi vệ sinh.

Chúng tôi may mắn vì nhà vệ sinh ở khá xa; điều đó cho phép chúng tôi mỗi lần một ngày được vắng mặt dài hơn một chút so với thông thường. Hơn nữa, vì không được phép đi đến đó một mình, Wachsmann, người yếu nhất và vụng về nhất của Kommando, sẽ được giao trọng trách ScheiSSbegleiter, "tháp tùng đi vệ sinh". Với bốn phận ấy Wachsmann phải chịu trách nhiệm nếu giả định có người bỏ trốn, nhưng giả định đó thật nực cười nên thực ra anh ta chịu trách nhiệm nếu có người đi quá lâu.

Đề nghị của tôi được chấp thuận, thế là tôi bước trong bùn, trong đám tuyết xám, giữa đám phế liệu kim loại, được anh chàng Wachsmann bé nhỏ giám sát. Tôi không hiểu anh ta vì chúng tôi chẳng nói chung thứ tiếng nào. Nhưng những người bạn của anh ta kể với tôi anh ta là giáo sĩ, thậm chí là một Melamed, một học giả về Torah, không những thế ở quê mình - Galicia - anh ta có tiếng là người chữa bệnh và có phép. Tôi cũng không thấy khó tin điều đó lắm vì chỉ cần suy từ việc một người mảnh dẻ, mong manh và yếu ớt như anh ta đã làm việc ở đây được hai năm mà không ốm, không

chết, lại còn đầy sức sống với ngôn từ và cái nhìn linh động đáng ngạc nhiên, bỏ ra trọn nhiều đêm dài thảo luận về những vấn đề Talmud khó hiểu, bằng tiếng Yiddish và tiếng Hebrew với Mendi - một giáo sĩ tân thời.

Nhà vệ sinh là một ốc đảo thanh bình. Đây là một nhà vệ sinh tạm, nơi bọn Đức chưa dựng lên những tấm ngăn bằng gỗ thường có để chia ra các phần: "Nur fur Engländer", "Nur fur Polen", "Nur fur Ukrainische Frauen", v.v... và, cách đó một chút: "Nur fur Haftlinge"^[32]. Bên trong là bốn Haftling ốm đói ngời, vai kề vai, một công nhân người Nga già râu ria với dòng chữ màu xanh OST trên cánh tay trái; một thanh niên Ba Lan mang một chữ P lớn màu trắng trên lưng và ngực; một tù binh người Anh, gương mặt bị cạo trọc râu tóc và bộ đồng phục ka ki ngay ngắn, phẳng phiu sạch sẽ, ngoại trừ cái dấu to tướng KG (Kriegsgefangener) trên lưng. Một Haftling đứng cạnh cửa, kiên nhẫn đều đều hỏi tất cả những người đang vừa vào vừa cởi thắt lưng: "Êtes-vous français?"^[33]

Khi tôi quay lại chỗ làm thì thấy xe chở đồ ăn chạy ngang qua, điều đó nghĩa là đã mười giờ, một mốc giờ chấp nhận được vì giờ nghỉ buổi trưa đã lộ dần ra từ đám sương mù tương lai, và chúng tôi bắt đầu tìm được thêm ít sức lực từ sự mong chờ. Tôi vác thêm hai hay ba chuyến gì đó cùng Resnyk, cố sức tìm những thanh tà vẹt nhẹ hơn thậm chí đến cả những đồng nằm ở xa để tìm, nhưng giờ này những thanh tốt nhất đã bị lấy hết rồi, chỉ còn lại những thanh khó chịu với các cạnh sắc nhọn, nặng trĩu tuyết với bùn, gấn những miếng kim loại để lắp vào đường ray.

Khi Franz đến gọi Wachsmann để đi lấy suất ăn thì đã là mười một giờ, buổi sáng đã gần qua buổi chiều thì ai cần nghỉ đến. Sau đó là khi bọn kia quay lại vào mười một rưỡi, và thế là lại những câu hỏi rập khuôn, hôm nay được bao nhiêu xúp ngon không, chúng tôi được từ trên hay từ dưới nồi. Tôi cố để không hỏi những câu ấy, nhưng không thể không dỏng tai lên nghe ngóng xem thế nào, hình mũi đón mùi thơm gió đưa từ bếp đến.

Cuối cùng thì, như một làn sao băng xanh lam siêu phàm và vô cảm như một dấu hiệu thần thánh, tiếng còi báo mười hai giờ vỡ òa ra để tạm yên sự mệt mỏi, những cơn đói vô danh mà tương đồng của chúng tôi. Và những việc thường lệ lại bắt đầu: tất cả chạy về phía lán, xếp vào hàng với cái bát cầm sẵn, tất cả chúng tôi đều sốt ruột như bầy thú chờ được bơm đầy cái chất nước hầm ấm nóng ấy vào bụng, nhưng không ai muốn là người đầu tiên vì người đầu tiên sẽ nhận phải phần xúp loãng nhất.

Như thường lệ, Kapo nhạo bang, sỉ nhục tính tham ăn của chúng tôi, cẩn thận tránh khuấy nổi súp lên vì phần dưới đáy là thuộc về hắn ta. Sau đó là niềm vui sướng (thực sự từ dạ dày) có cái bụng căng, có hơi ấm phát ra từ trong bụng và từ cái lò sưởi ồn ào kêu dưới mái lán. Những người hút thuốc cuộn một điếu mảnh với cử chỉ cung kính hà tiện, trong khi đó dưới sức nóng của cái lò, một làn hơi đặc bay ra từ lớp quần áo ẩm đầy tuyết và bùn của tất cả mọi người, mang theo mùi cống rãnh, mùi chuồng cừu.

Có một thỏa thuận ngầm là không ai nói cả: trong vòng một phút tất cả thiếp đi, lèn chặt khuỷu tay chèn vào trong khuỷu tay, đột nhiên ngật ngưỡng đổ ra trước rồi lại thẳng lưng lên. Sau những mí mắt vừa khép, các giấc mơ lại bùng ra, vẫn ra những giấc mơ như thường lệ. Mơ ở nhà mình, trong một bồn tắm ấm áp tuyết vời. Ở nhà quây quần quanh bàn ăn. Ở nhà kể lại về cái công việc vô vọng này, về cách ngu nô lệ này của chúng tôi.

Sau đó, theo hư ảo cả cơn tiêu hao uế oải, một mầm nhỏ đau đớn cô lại, đâm vào chúng tôi rồi lớn dần lên cho đến khi đầy sang được ngưỡng của trạng thái tỉnh táo và lấp đi sự sung sướng của giấc ngủ. “Es wird bald ein Uhr sein”: gần đến một giờ rồi đó. Nó như một căn ung thư cấp tính phàm ăn, bóp chết cơn buồn ngủ của chúng tôi và siết chặt chúng tôi như một điềm gờ được báo trước: chúng tôi đóng tai lên nghe gió rít bên ngoài và tiếng sột soạt của tuyết ghì lại trước gió, “es wird schnell ein Uhr sein”. Mỗi người đều cố bám lấy giấc ngủ của mình, các giác quan đều căng lên sợ hãi chờ đợi dấu hiệu sắp tới, đang ở ngoài cửa kia rồi, ở đây rồi...

Nó đây. Một tiếng ạch vang lên trên kính, Meister Nogalla ném một hòn tuyết vào cửa sổ, và giờ đang đứng nghiêm bên ngoài, quay mặt đồng hồ về phía chúng tôi. Kapo đứng dậy, đuổi người rồi nhẹ nhàng nói như một người biết rõ mình sẽ được tuân theo: "Alles heraus", tất cả ra ngoài.

Giá như khóc được! Giá như có thể đối mặt với gió như ta vẫn quen trước đây, bình đẳng, chứ không phải như chúng tôi bây giờ, chỉ là một lũ sâu bọ vô tri! Chúng tôi ra ngoài, mỗi người cầm cái đòn bẩy của mình. Resnyk rút đầu vào hai vai, kéo cái mũ sâu xuống hai tai, ngẩng mặt lên nhìn bầu trời thấp và xám xịt đang nhấn tâm vãi đầy những bông tuyết xoay tít: "Si j'avey une chien, je ne le chasse pas dehors."^[34]

MỘT NGÀY TỐT LẠNH

Niềm tin rằng cuộc sống có một mục đích của nó vốn ăn sâu vào tâm trí con người, đó là một điều mà loài người có được. Những con người tự do đặt cho mục đích ấy rất nhiều cái tên, và nhiều người suy ngẫm, thảo luận về bản chất của nó. Với chúng tôi thì điều đó đơn giản hơn nhiều.

Hôm nay, ở đây, mục đích của chúng tôi là sống được đến mùa xuân. Những chuyện khác bây giờ chúng tôi không lo tới. Sau cái đích ấy tạm thời không có đích nào khác. Buổi sáng khi xếp hàng ở sân điểm danh, chúng tôi chờ đợi đến lúc đi làm, mỗi cơn gió thổi lùa xuống dưới lớp quần áo lướt qua cơ thể không phòng vệ của chúng tôi thành từng cơn run bắn. Xung quanh mọi thứ đều xám, chúng tôi cũng xám xịt u ám; buổi sáng khi trời còn tối tất cả hướng lên phía Đông bầu trời tìm kiếm những dấu hiệu đổi mùa đầu tiên, và mỗi ngày lại bình luận mặt trời mọc thế nào: hôm nay mọc hơi sớm hơn hôm qua; hôm nay hơi ấm hơn hôm qua; hai tháng nữa, một tháng nữa cái lạnh sẽ tam buông tha, chúng ta sẽ bớt đi một kẻ thù.

Hôm nay lần đầu tiên mặt trời nhô ra rõ rang và rực rỡ từ lớp bùn ở chân trời. Đó là mặt trời ở Ba Lan, lạnh, trắng và tít trên cao, chỉ sưởi ấm được lớp da. Nhưng khi nó thoát khỏi những lớp sương mù cuối cùng thì tiếng trầm trồ chạy dọc đám đông nhột nhột chúng tôi. Và khi chính tôi bắt đầu cảm nhận được hơi ấm của nó xuyên qua lớp quần áo thì tôi hiểu ra người ta có thể tôn sùng mặt trời đến thế nào.

- Das Schlinimsto ist voruber, Ziegler hướng đôi vai xương xẩu của mình về phía mặt trời, nói: điều tệ hại nhất đã qua rồi. Cạnh chúng tôi là một nhóm Hy Lạp, cái bọn người kinh khủng và đáng nể, những tay Do Thái Salonica dũng cảm, gian xảo ranh ma, dữ tợn và đoàn kết, cực kỳ quyết sống và là những đối thủ tàn bạo trong cuộc chiến sinh tồn. Những tay Hy Lạp đã chiếm lĩnh cả khu bếp lẫn khu nhà kho, khiến bọn Đức cùng phải nể còn

bọn Ba Lan thì e sợ. Bọn họ đã ở trại đến năm thứ ba, và hiểu hơn ai hết trại nghĩa là gì. Giờ thì bọn họ đang đứng quây thành vòng tròn, vai sát vai cùng hát một trong những bài thánh ca bất tận của mình.

Tay Hy Lạp Felicio biết tôi. "L'année prochaine à la maison!", anh ta hét lên với tôi rồi thêm: "à la maison par la Cheminée"^[35]. Felicio đã từng ở Birkenau. Bọn họ tiếp tục, giậm chân theo nhịp và say sưa với bài hát.

Khi chúng tôi cuối cùng cũng đã ra hết ngoài cửa trại, mặt trời đã lên khá cao, trời trong. Giữa trưa có thể nhìn thấy núi; còn ở hướng Tây tháp chuông của Auschwitz hiện lên thân quen mà phi lý (tháp chuông ở chốn này!), những quả bóng phòng không buộc chặt vào rào cản ở khắp xung quanh. Khói nhà máy Buna in đậm trong không khí lạnh, có thể thấy được một dãy đồi thấp, phủ màu xanh của rừng: tìm chúng tôi thất lại, tất cả đều biết phía bên kia là Birkenau, nơi đã kết thúc cuộc đời của vợ con chúng tôi và chẳng mấy chốc là cả đời chúng tôi nữa, nhưng bình thường chúng tôi không quen nhìn nó.

Lần đầu tiên chúng tôi nhận thấy cỏ ở hai bên đường cũng vẫn xanh: khi không có mặt trời bãi cỏ trông như không phải màu xanh.

Buna thì không, Buna thì tuyệt đối xám xịt tối tăm. Cái đồng khổng lồ toàn sắt thép, xi măng, bùn và khói này là sự phủ nhận cái đẹp. Các con đường và văn phòng của nó được đặt tên giống như chúng tôi, chỉ bằng số và chữ, hoặc với những cái tên không mang tính người, đầy điềm gở. Đằng sau hàng rào của nó không mọc nổi một cọng cỏ, mặt đất đâm những thứ nước bùn và dầu độc địa, chẳng có gì sống ngoài máy móc và nô lệ, và trong hai nhóm đó thì máy móc còn có vẻ sống hơn cả con người.

Buna lớn như một thành phố: ngoài các sếp và kỹ sư người Đức ở đây còn có bốn mươi nghìn người nước ngoài, nói khoảng mười lăm đến hai mươi thứ tiếng khác nhau. Người nước ngoài sống ở các Lager khác nhau, còn Buna là trung tâm: có Lager của tù binh chiến tranh người Anh, Lager của

phụ nữ Ukraine, Lager của tình nguyện viên người Pháp, và những Lager khác chúng tôi không biết. Riêng Lager của chúng tôi (Judenlager, Vernichtungslager, Kazett) đã cung cấp khoảng mười nghìn lao động thuộc tất cả các quốc tịch ở châu Âu; chúng tôi là nô lệ của nô lệ, ai cũng có thể sai bảo, tên chúng tôi chỉ là những con số xăm trên tay và may trên ngực áo.

Tháp Các bua dựng lên giữa Buna, đỉnh của nó lặn vào đám sương mù, ít khi nhìn thấy được. Chính chúng tôi đã xây nên nó. Những viên gạch của nó được gọi là Ziegel, brique, tegula, cegli, kamenny, brick, téglak, và sự căm thù đã gắn chúng lại. Sự căm ghét và bất hòa, giống như tháp Babel, và chính vì thế chúng tôi gọi nó là Babelturm, Bobelturm, chúng tôi căm ghét giấc mơ thống trị của những tên chủ chất chứa trong tháp, sự chà đạp lên Chúa, lên con người, lên những con người chúng tôi.

Hôm nay cũng vậy, giống như trong các câu chuyện cổ tích cũ, tất cả chúng tôi và cả bọn Đức nữa đều cảm nhận được một lời nguyện rửa không siêu việt thần thánh nhưng hiện hữu và sâu xa đang treo lơ lửng trên ngọn tháp ngạo mạn, xay trên một mớ ngôn ngữ hỗn độn và vờn thẳng lên trời thách thức như một lời nguyện bằng đá.

Như tôi đã kể, cái nhà máy Buna mà bọn Đức chuẩn bị trong bốn năm, hành hạ và giết chúng tôi nhiều không đếm xuể ấy chưa bao giờ sản xuất được dù chỉ một cân cao su nhân tạo.

Nhưng hôm nay những bãi bùn vĩnh cửu phía trên đóng một lớp váng dầu kia đang phản chiếu một bầu trời trong xanh. Ống, thanh ngang, lò hơi vẫn còn lạnh cái giá lạnh ban đêm đang nhỏ sương. Nền đất dốc của mỏ, những đồng than, những khối xi măng đang bốc hơi lên trong lớp sương mù nhẹ.

Hôm nay là một ngày đẹp trời. Chúng tôi nhìn quanh, như người mù thấy lại ánh sáng, chúng tôi nhìn nhau. Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy nhau dưới ánh mặt trời: ai đó mỉm cười. Giá như mà không bị đói!

Bản tính tự nhiên của con người là như thế những nỗi đau buồn cùng một lúc ập đến không tích theo cấp số cộng trong tâm trí chúng ta mà lần bớt đi, nỗi đau nhỏ lần sau nỗi đau lớn hơn, như trong một quy luật phối cảnh rõ ràng. Thật may mà thế, nó giúp chúng tôi sống được ở trại. Cũng vì lý do ấy mà trong cuộc sống tự do người ta vẫn nói con người tham lam vô độ. Thực ra vấn đề không phải là con người không có khả năng đạt đến mức độ hoàn toàn sung sướng mà là nhận thức không đủ về sự bất hạnh, vì thế những nỗi khổ của sự bất hạnh, vốn rất nhiều và được xếp theo trật tự cấp thiết được gọi chung bằng một cái tên, tên của nỗi khổ đau lớn nhất. Cho đến khi nỗi khổ ấy bớt đi, chúng ta mới đau đớn nhận ra sau nó lại có một nỗi khổ khác, thực ra là cả một chuỗi đau khổ khác.

Bởi vậy khi cái rét, trong suốt mùa đông có vẻ là kẻ thù độc nhất của chúng tôi, vừa bớt đi, chúng tôi đã nhận ngay ra rằng mình còn đói nữa. Và thế là chúng tôi lại lặp lại sai lầm quen thuộc, hôm nay chúng tôi bảo nhau: "Giá như mà không bị đói!..."

Nhưng làm sao mà không đói được chứ? Lager là đói: bản thân chúng tôi là sự đói khát, nỗi đói khát biết sống.

Bên kia đường có một cái máy ủi hơi nước làm việc. Cái mồm của nó lơ lửng trên các hầm mỏ, ngoác ra những cái răng sắt, đung đưa một chút như không biết chọn chỗ nào, rồi nhào xuống lớp đất sét ẩm và hung bạo cạp vào, ồong khi một đám khói trắng đặc phụt ra đầy thỏa mãn từ buồng lái. Sau đó nó vươn lên, quay nửa vòng, nhổ ra sau cái đồng trong miệng rồi lại bắt đầu.

Chúng tôi tựa người vào xẻng nhìn nó say sưa. Mỗi cú tợp của cái hàm khiến những cái miệng cũng hé ra sau, yết hầu nhô lên nhô xuống trông thật tội nghiệp dưới lớp da nhèo. Chúng tôi không tài nào dứt ra khỏi màn trình diễn ngoạn mục của cái máy xúc.

Thằng Sigi mới mười bảy tuổi và hay đói hơn tất cả những người khác, mặc dù buổi tối có người cho nó thêm ít xúp, chắc cũng không phải không quan tâm. Nó bắt đầu kể về nhà mình ở Viên, về mẹ nó, nhưng rồi sa ngay vào chủ đề bắp núc và giờ thì nó đang thao thao về một cái bữa tiệc cưới nào không biết nữa, nó nhớ lại mà nuối tiếc rất thành thực là đã không ăn hết đĩa xúp đậu thứ ba. Thế là mọi người bắt nó im, nhưng không đến mười phút sau lại đến lượt Béla kể cho chúng tôi về vùng quê Hungary của anh ta, những cánh đồng ngô, công thức nấu bánh đúc ngô ngọt với lõi ngô nướng, mỡ, gia và... và bị chửi, bị nguyên rửa, rồi lại một người thứ ba bắt đầu kể...

Thân xác chúng ta mới yếu đuối làm sao! Tôi hoàn toàn hiểu được những ảo tưởng từ cơn đói này mới hão huyền làm sao, nhưng cũng không thoát được khỏi quy luật chung. Tôi thấy nhảy múa trước mắt mình những đĩa mì hôm ấy, Vanda, Luciana Franco và tôi, lúc ở trại tập trung tại Ý, chúng tôi vừa nấu xong thì biết tin ngày mai sẽ bị di chuyển đến đây; chúng tôi đã bắt đầu ăn rồi (mì mới ngon làm sao, vàng, đặc) thế rồi lại dừng, thật điên rồ ngu ngốc làm sao: giá như lúc ấy chúng tôi hiểu! Nếu còn xảy ra một lần nữa... Ngớ ngẩn; nếu có điều gì là chắc chắn trên cõi đời này thì sẽ là điều này: sẽ không xảy ra như thế nữa.

Fischer, người mới vào trại sau cùng, lôi từ trong túi ra một gói được bọc cẩn thận với sự tỉ mỉ chính xác của dân Hung, trong gói là nửa khoanh bánh mì: một nửa của suất bánh sáng nay. Mọi người đều biết chỉ có bọn Số Cao mới cất bánh mì trong túi; bọn cũ như chúng tôi không ai có khả năng để dành bánh quá một tiếng. Có rất nhiều lý thuyết biện minh cho sự thiếu năng ấy của chúng tôi: bánh mì ăn tí một sẽ không tiêu hóa hoàn toàn được; loại căng thẳng vì phải giữ bánh không được sờ tới trong khi đang đói thuộc loại căng thẳng có hại và gây suy nhược nhất; bánh mì cũ sẽ sớm mất bớt giá trị dinh dưỡng của nó, vì thế ăn sớm chừng nào bổ béo hơn chừng ấy; Alberto nói cái đói và bánh mì còn trong túi là hai khái niệm đối lập hoàn toàn, sẽ tự động loại trừ nhau và không thể tồn tại trên cùng một cá thể; và cuối cùng thì số đông khẳng định đúng đắn rằng bụng là cái kết sắt an toàn

nhất chống không bị trộm và bị trấn mất. "Moi, on m'a jamais volé mon pain!^[36]", David vừa găm gùr vừa vỗ vào cái bụng lép kẹp của mình: nhưng bản thân anh ta cũng không thể rời mắt được khỏi Fischer đang đều đặn, chậm rãi nhai, khỏi cái tên "may mắn" vẫn còn nổi nửa khoanh bánh mì vào lúc mười giờ sáng: "Sacré veinard, va!^[37]"

Nhưng niềm vui của ngày hôm nay không chỉ bởi đẹp trời: một bất ngờ đến với chúng tôi vào lúc trưa. Ngoài khẩu phần bình thường cho buổi sáng, chúng tôi thấy trong lán một thùng tuyệt vời những năm mươi lít, loại của Bếp Nhà máy, gần đây ắp. Templer nhìn chúng tôi kiêu hãnh: vụ "xoay xở" này là công anh ta.

Templer là nhân viên hậu cần của Kommando: Anh ta có một sự nhạy cảm đặc biệt với xúp của bên Thường dân, như cái cách ong ngửi thấy mùi hoa. Kapo của chúng tôi, vốn không phải là Kapo xấu, làm ngơ cho anh ta xoay sở, một cách có lý: Templer lên đường, theo những dấu vết không nhận biết được, như chó săn bám mùi, rồi quay về với những tin tức quý báu. Đám công nhân Ba Lan ở Methanol, cách đây hai cây số, bỏ thừa bốn mươi lít súp vì có mùi thiu, hay một xe củ cải không ai trông đang nằm ở chỗ đường ray bỏ hoang của Bếp Nhà máy.

Hôm nay chúng tôi có năm mươi lít xúp, cho mười lăm người, tính cả Kapo và Vararbeiter. Mỗi người ba lít: một lít buổi trưa thêm vào suất bình thường, còn hai lít nữa chúng tôi sẽ lần lượt về ăn ở lán, chúng tôi sẽ được thêm năm phút ngoại lệ nghỉ giải lao để về ăn no xúp.

Còn mong gì hơn nữa chứ? Công việc thậm chí có vẻ nhẹ nhàng hơn, với viễn cảnh có hai lít xúp đặc nóng hồi đợi chúng tôi trong lán. Kapo đều đặn đến chỗ chúng tôi gọi: "Wer hat noch zu fressen?" Hẳn nói thế không phải chế giễu hay châm chọc gì chúng tôi, mà bởi cái cách chúng tôi ăn đứng, hung tợn, bông cả mồm cả lưỡi, không có cả thời gian để thở đúng là "fressen", cái cách ăn của bọn súc vật chứ không phải "essen", ăn như những

con người vẫn ăn, ngồi trước bàn nghiêm chỉnh. “Fressen” là từ chính xác, được dùng thường xuyên trong bọn chúng tôi.

Meister Nogalla giám sát, và làm ngơ chuyện chúng tôi vắng mặt. Meister Nogalla cũng có vẻ đói khát, và nếu không vì mấy quy tắc cư xử chắc anh ta cũng không từ chối một lít cái thứ nước dùng nóng hổi ấy của chúng tôi.

Đến lượt Templer, người đã được tất cả bỏ phiếu dành cho năm lít xúp lấy từ đáy nồi. Templer ngoài việc lo hậu cần giỏi còn là một tay tiêu thụ xúp ngoại lệ. Độc hơn nữa, còn có thể xố rỗng dạ dày nếu muốn và nếu thấy cần để dành chỗ cho một bữa no nê, điều này bổ sung đáng kể cho khả năng tiêu thụ đáng ngạc nhiên của anh chàng. Templer dĩ nhiên là tự hào về món quà của mình, mọi người kể cả Meister Nogalla đều phải công nhận. Ông tiên Templer bước vào nhà vệ sinh trong niềm biết ơn của tất cả, ở đó vài phút rồi bước ra, rạng rỡ sẵn sàng, tiến về hưởng cái thành quả công sức của mình giữa sự triu mến chung: "Du, Templer, hast du Platz genug fur die Suppe gemacht?"

Hoàng hôn, tiếng còi Feierabend vang lên, báo kết thúc công việc. Và bởi tất cả chúng tôi đều no nê ít ra là trong vài giờ tới, nên sẽ không có cãi lộn, tất cả đều cảm thấy mình tốt bụng, Kapo cũng không muốn đánh chúng tôi, còn chúng tôi nghĩ được về mẹ mình, vợ mình, điều bình thường không làm nổi. Trong một vài giờ chúng tôi có thể cảm thấy bất hạnh theo cái kiểu của những con người tự do.

BÊN NÀY BỜ THIÊN ÁC

Chúng tôi có một xu hướng không thể sửa được là đặt cho mỗi sự kiện một biểu tượng hay dấu hiệu nào đó. Từ hơn bảy mươi ngày nay chúng tôi chờ đợi Waschetauschen, dịp thay quần áo lót. Đã có tin đồn ầm ĩ là thiếu đồ lót để thay vì ở tiền tuyến mặt trận đã mở rộng, do đó bọn Đức không có khả năng vận tải đồ đến Auschwitz, và "thế là" tự do đã gần kề. Song song với tin đồn ấy là tin đối ngược, chuyển đồ đến chậm là dấu hiệu chắc chắn cho một đợt thanh trừng toàn bộ trại sắp xảy ra. Nhưng cuối cùng thì đồ vẫn đến, và theo đúng như lệ thường, ban Quản lý Lager cẩn thận lo sao cho đồ thay đến bất chợt và cùng một lúc ở tất cả các lán.

Cần phải biết rằng ở Lager rất thiếu vải, vải là thứ cực kỳ quý. Cách duy nhất để chúng tôi kiếm được một mảnh để xì mũi, hay một dải cuốn chân là cắt một miếng ở áo sơ mi vào lúc đổi áo. Nếu áo sơ mi có tay dài thì cắt tay, nếu không chúng tôi đành cắt một mẫu chữ nhật ở dưới, hay tháo một trong các mảnh vá chi chít. Nhưng kiểu gì thì cũng mất thời gian để kiểm kim chỉ, và phải thực hiện một cách nghệ thuật để vết rách không quá lộ liễu khi đưa áo ra đổi. Đồ bẩn và rách sẽ được chuyển lẫn với nhau sang Phòng may của trại, được vá lại, đưa đi tẩy trùng bằng hơi (chứ không phải đi giặt) rồi được đưa về phát lại. Vì thế nên phải phát đồ thay một cách đột ngột, để quần áo không bị xé sửa theo những kiểu kể trên.

Nhưng cũng như mọi khi, không thể tránh được vài ánh mắt láu cá soi qua tấm phủ của cái xe chạy từ phòng tẩy uế ra và chỉ trong vài phút cả trại đã biết tin về một Waschetauschen sắp đến, không chỉ thế tin tức còn thêm vào là lần này có cả áo mới lấy từ một chuyến chở bọn Hung đến nơi từ ba ngày trước.

Cái tin này lập tức gây ảnh hưởng. Tất cả những người đang có lậu sơ mi dự trữ, thố hoặc xoay xở được, thậm chí là do mua lại sòng phẳng bằng bánh mì

để chống rét hay để đầu tư chờ lên giá ngay lập tức đổ về Chợ Trao đổi, hy vọng đến kịp để đổi được cái sơ mi dự trữ lấy thức ăn trước khi dòng thác sơ mi mới, hay thậm chí là tin tức về chuyện ấy làm cho hàng hóa của mình mất giá không cứu vãn được nữa.

Chợ lúc nào cũng náo nhiệt. Mặc dù tất cả các trao đổi (thật ra là mọi dạng sở hữu) đều bị cấm tuyệt đối, vờ mặc dù những vụ bắt quả tang thường xuyên của Kapo hay Blockaltester đều đặn tóm được người mua, người bán và cả những kẻ tò mò lượn quanh đó nhưng mỗi khi các đội làm việc ở chỗ làm về là ngay lập tức cái góc Đông Bắc của Lager (tức là cái góc cách xa lán của bọn SS nhất) liên tục đông đúc ầm ĩ, mùa hè thì ở ngoài trời, mùa đông thì trong một phòng tắm.

Ở đó lượn lờ từng đám cả chục người, miệng he hé, mắt sáng lên, những kẻ tuyệt vọng vì đói bị bản năng đẩy đến cái nơi các thứ hàng hóa bày ra khiến bụng càng sôi lên mạnh hơn và nước bọt càng tứa ra nhiều hơn. Bọn họ có trong tay nhiều nhận nhất là nửa suất bánh mì khổng lồ để dành được từ sáng với một nỗ lực đau đớn, hy vọng mù quáng sẽ có cơ hội đổi chác hời với một kẻ ngây thơ nào đó không biết giá cả thị trường. Một vài kẻ trong bọn họ, kiên nhẫn một cách man rợ, mua một lít xúp với nửa phần bánh mì, khi được xúp rồi thì sẫm soi cẩn thận để hút hết mấy miếng khoai tây ở đáy xúp, làm xong lại đem đổi xúp lấy bánh mì, và bánh mì lấy một lít xúp khác để tiếp tục vớt, cho đến khi thần kinh còn chịu được hoặc khi nạn nhân nào đó bắt quả tang cho hẳn một bài học đích đáng rồi trưng ra cho mọi người nhạo báng. Cùng loại đó còn có những kẻ đến chợ để bán cái áo duy nhất của mình: bọn họ đều biết điều gì sẽ xảy ra, Kapo sẽ phát hiện ngay ra họ chỉ ở trần dưới lớp áo khoác. Rồi Kapo sẽ hỏi họ đã làm gì cái áo, hỏi gọi là có thôi, chỉ là một cách để đi vào vấn đề. Còn bọn họ sẽ trả lời mình bị mất áo ở chỗ tắm rửa, câu trả lời cũng chỉ để có còn thì không ai hy vọng Kapo sẽ tin. Đến mấy cục đất ở Lager cũng biết chín mươi chín phần trăm những người không có áo là vì đói quá đã bán đi mất rồi, và họ phải chịu trách

nhiệm vì áo là thuộc về Lager. Thế là Kapo sẽ đánh họ, cho họ một cái áo khác mà sớm muộn họ sẽ lại bán đi tiếp.

Những tay buôn chuyên nghiệp đã ở chợ, mỗi người vào cái góc quen thuộc của mình: đầu tiên trong số đó là những tay Hy Lạp, bất động và im lặng như những con nhện sư, ngồi xồm sau những bát xúp đặc sánh, thành quả công việc của những vụ sắp xếp và của tình đoàn kết dân tộc. Hội Hy Lạp giờ chỉ còn rất ít, nhưng là hàng đầu trong việc cống hiến vào diện mạo của trại và vào ngôn ngữ quốc tế trao đổi ở đây. Ai cũng biết "caravana" là cái bát, "la comedera es buena" là xúp ngon; từ để chỉ một hành động trộm cắp nói chung là "klepsi-klepsi" thì rõ ràng là gốc Hy Lạp. Những người sống sót ít ỏi từ cộng đồng Do Thái ở Salonica đó, với hai ngôn ngữ chính tiếng Tây Ban Nha và tiếng Hy Lạp và với những hoạt động đa dạng, quả là cả một kho chứa trí tuệ cụ thể, trần tục và tỉnh táo, trong đó truyền thống của mọi nền văn minh vùng Địa Trung Hải hòa trộn vào nhau. Việc những trí tuệ ấy chuyển thành những kỹ năng khoa học và hệ thống để trộm cắp, để chiếm lấy quyền hành và độc quyền ở chợ cũng không khiến người ta quên rằng bọn họ rất ghét cái ác bản tính hay quên sự tỉnh táo đáng kinh ngạc của họ để bảo tồn long tự trọng vẫn còn tiềm tàng. Những đức tính ấy biến những người Hy Lạp thành một cộng đồng hạt nhân gắn kết nhất và xét về những mặt vừa nêu thì còn là văn minh nhất.

Có thể tìm thấy ở Chợ những tên chuyên thó đồ nhà bếp, áo khoác căng lên với những chỗ phồng đáng nghi. Trong khi xúp có giá khá ổn định (nửa phần bánh đổi được một lít xúp), giá của củ cải, cà rốt, khoai tây lại dao động rất nhiều, phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có cả sự cần cù và liêm khiết của các phiên lính gác đêm ở kho.

Mahorca cũng được mang bán: Mahorca là một loại thuốc lá phế phẩm, hăng và cứng, vẫn được bán ở Kantine trong loại hộp năm mươi gam, đổi lấy những "phiếu thưởng" mà Buna phát cho những người làm việc giỏi nhất. Nhưng việc phát phiếu được thực hiện bất quy tắc, bừa xỉn và bất công rõ ràng. Thế nên phần lớn các phiếu thưởng thường lọt vào tay của Kapo

hoặc những kẻ có máu mặt, trực tiếp hoặc bằng cách lạm quyền. Kiểu gì đi nữa, những phiếu thưởng ấy của Lager được quay vòng ở chợ Lager dưới dạng tiền, giá trị của chúng thay đổi tương quan mật thiết với các quy luật kinh tế cổ điển.

Có những thời kỳ phiếu thưởng được trả một phần bánh mì, rồi một khoanh một phần tư, một khoanh một phần ba, có ngày lên tới một khoanh rưỡi, nhưng sau đó Kantine nhận được ít Mahorca hơn và thế là mất vật đảm bảo, giá tiền sụt xuống chỉ còn một phần tư khoanh. Có một giai đoạn lên giá khác thì lại do vào một lý do độc nhất vô nhị: mấy cô cũ ở Frauenblock tự nhiên được đổi bằng các cô Ba Lan to lớn. Vì rằng một phiếu thưởng đổi được một lần vào Frauenblock (chỉ cho tù tội phạm và tù chính trị, còn dân Do Thái thì không bị vấn đề đó chi phối cho lắm), những kẻ quan tâm lập tức lũng đoạn thị trường: giá đổi, nhưng cũng chẳng giữ cao được lâu.

Trong số các Haftling bình thường, không có nhiều người tìm mua Mahorca đồ hút mà thường thì số thuốc ấy được mang ra khỏi trại bán cho các công nhân thường dân của Buna. Đó chính là một kiểu "kombinacja" khá phổ biến: Haftling bằng cách nào đó tiết kiệm được một phần bánh, đầu tư đổi thành Mahorca; cẩn thận tiếp xúc với một con nghiện" thường dân để bán Mahorca thu ngay hàng, một lượng bánh mì nhiều hơn giá mua ban đầu. Haftling ăn phần lãi rồi lại quay vòng phần bánh mì để lại. Đầu cơ kiểu này sẽ thiết lập một quan hệ giữa nền kinh tế bên trong Lager với cuộc sống kinh tế bên ngoài: khi việc cung cấp thuốc lá cho khu dân cư ở Cracow ngẫu nhiên bị đình trệ, điều ấy đã vượt qua hàng rào dây thép gai chia rẽ chúng tôi với thế giới con người và lập tức gây tác động trong trại, đẩy giá Mahorca vọt lên, và theo đó là giá phiếu thưởng.

Trường hợp miêu tả ở trên chỉ là một ví dụ đơn giản không hơn không kém. Một trường hợp khác phức tạp hơn như sau. Haftling xin được, hoặc đổi bằng Mahorca hay bánh mì với thường dân lấy một mảnh áo sơ mi rách rưới bẩn thỉu kinh tởm, nhưng dù sao cũng có nổi ba cái lỗ thích hợp để chui đầu và tay qua. Và chừng nào còn có vẻ là một thứ để mặc và không phải cắt

ghép mà thành, cái thứ ấy vào dịp Wäschetauschen sẽ được coi như một cái áo và có quyền được đổi. Cùng lắm thì cũng chỉ ăn một trận đấm đá xứng đáng về tội không giữ gìn đồ của trại cẩn thận.

Vì thế ở Lager giá trị của một cái áo còn đáng được gọi là áo không khác lắm so với giá của một mảnh giẻ đầy vết rách. Haftling đề cập đến ở trên không khó khăn gì để tìm một bạn tù có áo còn có thể đổi chác được nhưng lại không biết đầu tư với nó do không quen các công nhân thường dân, không biết tiếng, không có khả năng, do chỗ làm không thuận lợi. Anh này sẽ chấp thuận đổi áo lấy một lượng bánh mì nhỏ. Lần Wäschetauschen tiếp theo dù sao cũng sẽ lập lại cân bằng, phát đồ mới và đồ cũ một cách hoàn toàn ngẫu nhiên. Nhưng Haftling đầu tiên có thể bán lậu cái áo sơ mi tốt ở Buna, bán lại cho tay công nhân trước (hoặc một tay khác) lấy bốn, sáu cho đến mười phần bánh mì. Lợi nhuận cao đến thế xuất phát từ mức độ mạo hiểm của việc ra khỏi trại với hơn một cái áo trên người, hay về trại mà không có áo.

Có rất nhiều biến thể trong chủ đề này. Có những người không ngại ngần tháo lớp vàng bọc răng để bán ở Buna đổi lấy bánh mì hoặc thuốc lá; nhưng đổi chác kiểu ấy thường được thực hiện qua trung gian. Một "số lớn", tức là một tù mới đến, chỉ vừa nếm mùi đói và nhịp sống căng thẳng ở trại nhưng đã khá suy sụp, bị một "số bé" để ý vì hàm răng bọc nhiều vàng của anh ta. "Số bé" đề nghị "số lớn" tháo vàng đổi lấy ba hay bốn suất bánh mì.

Nếu số lớn chấp thuận, số bé trả rồi mang vàng đến Buna, liên hệ với một thường dân tin cẩn để không lo bị tố cáo hay trộm cắp, và thế nào cũng kiếm chác được từ mười đến hai mươi suất bánh tuồn dần cho anh ta một, hai suất mỗi ngày. Nhân chuyện này cũng phải biết rằng trái với lượng trao đổi ở Buna, các trao đổi diễn ra trong trại chỉ có giá trị đến bốn suất bánh là cao nhất. Vì nếu không sẽ không thể thực hiện hợp đồng nợ, hay giữ một lượng bánh lớn như thế khỏi lòng tham của kẻ khác và cơn đói của chính mình.

Làm ăn với thường dân là một yếu tố cơ bản của Arbeitslager, và như đã thấy nó quyết định cuộc sống kinh tế. Nhưng mặt khác nó lại là một tội, được nêu rõ trong quy định của trại và bị coi nặng ngang với tội "chính trị", vì thế sẽ bị xử đặc biệt nghiêm. Häftling nào bị coi là "Handel mit Zivilisten^[38]", nếu không có chỗ che chở quyền lực nào sẽ bị đưa về Gleiwitz III, về Janina, về Heidebreck chỗ các mỏ than, điều đó có nghĩa sẽ chết vì vất vả chỉ trong vòng vài tuần. Ngoài ra, tòng phạm thường dân có thể bị truy tố trước cơ quan chức năng của Đức và bị phạt ở Vemichtungslager, chịu chung hoàn cảnh của chúng tôi một thời gian dao động, theo như tôi biết, từ mười lăm ngày đến tám tháng. Những công nhân bị phán quyết chịu hình phạt này sẽ bị lột trần như chúng tôi khi vào, nhưng đồ đạc của họ thì được giữ trong kho. Họ không bị xăm số và được để tóc, điều khiến có thể nhận ra họ dễ dàng. Nhưng trong suốt thời gian phạt họ phải chịu làm cùng loại công việc với chúng tôi và cùng khung kỷ luật: tất nhiên là ngoại trừ phần chọn lọc.

Họ làm việc ở những Kommando đặc biệt và không có liên hệ theo bất cứ kiểu nào với các Häftling bình thường. Với họ Lager là sự trừng phạt và nếu họ không chết vì vất vả hay bệnh tật thì có rất nhiều khả năng sẽ được quay lại với con người. Nếu họ nói chuyện được với chúng tôi thì điều đó đã có thể đào được một lỗ qua bức tường đang khiến chúng tôi như những kẻ đã chết với thế giới bên ngoài, và rọi một tia sáng vào bí ẩn về tình trạng của chúng tôi, điều những người tự do vẫn hỏi. Với chúng tôi Lager không phải một hình phạt, chúng tôi không thấy được điểm kết thúc. Lager không là gì khác mà chính là kiểu tồn tại áp đặt cho chúng tôi trong lòng cái tổ chức xã hội của Đức này và không hề có giới hạn thời gian.

Chính vì thế một phần trại của chúng tôi được dành cho những lao động thường dân của tất cả các quốc tịch, những người phải ở một thời gian ngắn hoặc dài để chuộc lỗi cho những quan hệ phạm pháp của họ với Haftling. Phần này của trại bị ngăn với phần còn lại bởi một hàng rào dây kẽm gai, nó

được gọi là E-Lager, còn người trong đó được gọi là E- Haftling. E là chữ cái đầu của “Erziehung”, nghĩa là “giáo dục”.

Tất cả những trao đổi liệt kê cho đến giờ đều là dựa trên những thứ thuộc về Lager. Do đó mà bọn SS nghiêm khắc triệt tiêu chúng đến thế: vàng bọc răng chúng tôi là của chúng, giật ra từ răng người sống hay người chết thì sớm muộn gì cũng đều vào tay chúng cả. Vì thế đương nhiên chúng làm mọi cách để vàng không ra khỏi trại.

Nhưng về chuyện trộm cắp thì ban quản lý trại không phản đối gì. Điều đó thể hiện rõ rệt qua cách xử sự rất đồng lõa của bọn SS trong chuyện buôn bán lậu.

Ở đây mọi việc khá đơn giản. Đó là chuyện ăn cắp hoặc nhận vãi trong số rất nhiều dụng cụ đồ dùng, nguyên vật liệu, sản phẩm... mà chúng tôi tiếp xúc hằng ngày ở Buna trong thời gian làm việc, tối về đưa chúng vào trại, tìm khách hàng và thực hiện trao đổi lấy bánh hoặc xúp. Hoạt động ấy rất sôi động: với một số thứ, mặc dù là thiết yếu cho cuộc sống bình thường ở Lager, cách duy nhất và phổ biến nhất để có được là ăn cắp. Điển hình là chổi, sơn, dây điện, mỡ bôi giày. Việc trao đổi mỡ bôi giày có thể lấy ra làm ví dụ.

Như chúng tôi đã nói đến ở những phần trước, quy định của trại ghi rõ mỗi sáng giày phải được bôi mỡ và đánh bóng, mỗi Blockältester phải chịu trách nhiệm trước bọn SS về việc mọi người trong lán của anh ta đều tuân lệnh. Người ta sẽ nghĩ rằng mỗi lán sẽ được đều đặn giao mỡ đánh giày, nhưng không phải thế, cơ chế lại hoàn toàn khác, cần phải nói thêm là buổi tối mỗi lán nhận được một lượng xúp nhiều hơn tổng số suất quy định và phần dư ra sẽ do Blockältester xử. Đầu tiên tay này sẽ dành phần cho thêm bạn bè và những người hăn che chở, sau đó là trả công cho những người quét dọn, lính gác đêm, người kiểm tra cháy và tất cả lũ có nhiệm vụ quyền hành ở lán.

Nếu vẫn còn dư (Blockältester thông minh nào cũng đều làm sao để vẫn dư) thì được dùng để mua đồ.

Phần còn lại có thể tự hiểu: những Häftling có cơ hội ở Buna xúc đầy được một bát mỡ hay dầu máy (hay cái gì khác: bất cứ loại chất nào màu đen và nhờn đều được coi là thích hợp để đánh bóng giày), tối về trại, lượn vòng một cách hệ thống qua các lán cho đến khi tìm thấy một Blockältester hết hàng hoặc định mua hàng để trữ. Ngoài ra mỗi lán đều có người cung cấp quen, thỏa thuận một mức thù lao hằng ngày để tay này cung cấp hàng mỗi khi dự trữ chuẩn bị cạn.

Tối nào ở cạnh cửa Tagesräume cũng có lều của những tay cung cấp kiên nhẫn nằm đó; bọn họ đứng hàng giờ liền, bất chấp mưa tuyết, phấn khích thì thầm những chuyện liên quan đến giá cả thay đổi và giá phiếu thưởng. Thình thoảng một người tách ra, chạy vào kiểm tra nhanh Chợ rồi quay lại mang theo tin tức mới nhất.

Ngoài những vật đã nêu còn có vô số thứ lấy được từ Buna có thể dùng được trong trại hay được Blockältester thích, hoặc thu hút sự quan tâm tò mò của mấy tay có máu mặt. Đèn, bàn chải, xà phòng thường và xà phòng cạo râu, lưỡi lam, nhíp, túi, đinh, cồn methylic để pha uống, xăng cho bật lửa thô, thứ phi thường mà những thợ thủ công của Lager bí mật sản xuất.

Trong cái mạng phức tạp trộm cắp và chống trộm cắp được nuôi dưỡng bằng sự thù địch ngầm ngầm của bọn chỉ huy SS và chính quyền địa phương ấy, Ka-Be đóng một vai trò hàng đầu. Ka-Be là chỗ ít nghiêm ngặt nhất, cái van dễ thối bay các quy định và trốn tránh sự theo dõi của cấp trên nhất. Tất cả đều biết chính các y tá là người tung ra bán giá thấp trên thị trường quần áo, giày của người chết và của những người bị chọn lựa mà khi đi Birkenau chỉ được ở trần. Y tá và bác sĩ tuân hợp chất diệt vi khuẩn sulphonamide sang Buna, nó được phát, bán cho thường dân để đổi lấy các loại lương thực.

Y tá còn kiếm lời to khi buôn bán thìa. Lager không cấp thìa cho những người mới vào, mà không có nó thì không làm sao ăn được cái món xúp lơ. Thìa được các Haftling thợ chuyên môn của các Kommando chuyên gò rèn sắt thiếc làm ở Buna một cách bí mật trong những lúc rỗi. Đó là một thứ đồ nặng nề lờm chờm gò được bằng búa từ miếng sắt, thường có một cạnh được mài sắc để có thể dùng vừa như thìa vừa như dao cắt bánh. Chính những người làm ra bán chúng thẳng cho những người mới đến: một cái thìa đơn giản giá nửa suất bánh, một cái thìa-dao ba phần tư suất bánh. Còn có quy định là có thể mang thìa vào Ka-Be nhưng không được mang ra. Những người lành bệnh vào lúc xuất viện, trước khi mặc quần áo sẽ bị các y tá lột thìa rồi đem bán ra Chợ. Thêm vào số thìa của những người lành bệnh là thìa của người chết và người bị chọn lọc, tổng cộng mỗi ngày các y tá đem bán khoảng năm mươi thìa. Ngược lại, những người Xuất viện bắt buộc phải quay lại làm việc với bất lợi ngay đầu tiên là mất luôn nửa suất bánh mì để mua một cái thìa mới.

Sau rốt, chính Ka-Be còn là khách hàng và người tiêu thụ chính những đồ lấy được từ Buna: tổng số xúp dành cho Ka-Be, có đến hai mươi lít mỗi ngày được dành làm khoản mua đồ để đổi lấy những thứ đa dạng từ các tay chuyên nghiệp. Người thì ăn trộm ống cao su nhỏ để bán cho Ka-Be dùng làm ống thụt hay ống xông, người thì cung cấp bút chì và mực màu mà hệ thống kế toán phức tạp ở Ka-Be cần có, hay cặp nhiệt độ, các đồ thủy tinh, chất hóa học từ Buna chui vào túi các Haftling và thành các nguyên vật liệu y tế phát huy công dụng ở trạm xá.

Tôi không muốn bị coi là tự kiêu nhưng phải kể thêm cả sáng kiến của Alberto và tôi, ăn trộm các cuộn giấy chia mi li mét trong máy ghi nhiệt của Xưởng sấy khô đem bán cho bác sĩ trưởng của Ka-Be, gợi ý để dùng như bảng ghi biểu đồ mạch-nhiệt.

Tóm lại: trộm cắp ở Buna bị chính quyền địa phương trừng phạt nhưng lại được SS khuyến khích và cho phép; trộm cắp ở trại bị SS ngặt nghèo ngăn chặn còn dân địa phương lại coi như một hoạt động trao đổi bình thường;

trộm cắp giữa đám Haftling thường sẽ bị trừng phạt, nhưng cả kẻ trộm lẫn nạn nhân đều bị phạt nặng như nhau.

Chúng tôi muốn mời độc giả thử suy ngẫm xem, những cái từ như "thiện", "ác" "đúng" "sai" có ý nghĩa gì ở Lager; mỗi người hãy phán xét trên cái bức tranh mà chúng tôi đã vẽ ra và những ví dụ đã liệt kê xem khi đã vào bên trong cái lớp dây thép gai kia, thế giới đạo đức của chúng tôi còn lại được từng nào?

CHẾT CHÌM HAY SỐNG SỐT

Những gì mà chúng tôi đã và đang kể là cuộc sống không mấy rõ nét ở Lager. Rất nhiều người cùng thời chúng tôi đã sống trong cái cuộc sống nghiệt ngã, bị ép xuống đáy sâu đó. Nhưng mọi người chỉ sống một thời gian khá ngắn và vì thế người ta có thể đặt câu hỏi liệu có đáng và có nên ghi lại ít ký ức về cái hoàn cảnh ngoại lệ ấy của con người hay không.

Để trả lời câu hỏi đó, chúng tôi cảm thấy mình phải khẳng định là có. Chúng tôi thực sự tin rằng không một kinh nghiệm sống nào của con người là vô nghĩa và không đáng để phân tích. Không chỉ thế, từ cái cuộc sống đặc biệt mà chúng tôi đang kể người ta còn có thể rút ra những giá trị căn bản, cho dù không phải bao giờ những giá trị ấy cũng tích cực. Lager nổi tiếng còn vì nó là một thí nghiệm sinh học và xã hội vĩ đại, và chúng tôi muốn xem xét thí nghiệm ấy vĩ đại đến thế nào.

Hàng nghìn cá thể khác nhau về độ tuổi, hoàn cảnh, gốc gác, ngôn ngữ, văn hóa và thói quen bị nhốt chung với nhau sau những lớp rào dây kẽm gai, chịu một chế độ sống theo quy định, bị kiểm soát, tất cả đều chịu y như nhau, đều có mọi nhu cầu không được đáp ứng đủ. Cái chế độ ấy khắc nghiệt hơn bất cứ môi trường mà người muốn thử nghiệm có thể dựng lên nhằm tìm hiểu cái gì là cốt yếu và cái gì có thể học được trong cách xử sự của con thú-người khi phải vật lộn để sống.

Chúng tôi không tin vào suy luận hiển nhiên và dễ dàng cho rằng con người về cơ bản là xấu xa, ích kỷ, ngu ngốc và một khi các thể chế văn minh không còn nữa thì anh ta sẽ xử sự như vậy, còn "Häftling" không là gì khác ngoài một con người không có rào cản gì. Chúng tôi thì nghĩ, về chuyện đó không thể rút ra điều gì ngoài kết luận rằng khi đứng trước những nhu cầu và khó khăn vật chất dai dẳng, rất nhiều thói quen và bản năng xã hội sẽ giảm thành câm lặng.

Ngược lại chúng tôi thấy cần quan tâm đến chuyện này: con người có thể được chia thành hai dạng hoàn toàn khác biệt: những kẻ sống sót và những kẻ chết chìm. Những cặp đối nghịch khác (người tốt kẻ xấu, người khôn kẻ dại, kẻ hèn nhát người dũng cảm, người may người không may) đều không phân biệt được rõ nét, đều không thiết thực và có quá nhiều mức độ phức tạp ở giữa hai thái cực.

Phân biệt theo kiểu sống sót và chết chìm không được thấy rõ trong cuộc sống bình thường, vì bình thường con người không chỉ có một mình, khi cuộc đời chìm nổi số phận anh ta vẫn luôn gắn chặt với những người xung quanh và vì thế chuyện ai đó mạnh mẽ lên không giới hạn chỉ là ngoại lệ, cũng như chẳng có ai cứ rơi mãi từ thất bại này đến thất bại khác cho đến khi sụp hoàn toàn. Hơn thế nữa mỗi con người thường có những nguồn lực tinh thần, thể chất và tài chính, nên khả năng mắc vào một vụ chìm tàu hay một cảnh đói khát nào đó là khá thấp. Bên cạnh đó còn có những động thái giúp cân bằng từ phía luật pháp và từ ý thức đạo đức - vốn là luật pháp trong lòng mỗi người. Chính vì thế một xã hội càng được coi là văn minh nếu luật pháp ở đó càng hiệu quả sáng suốt và không để những người khốn khổ trở nên quá khốn khổ cũng như không cho những kẻ quyền thế trở nên quá quyền thế.

Nhưng ở Lager thì không như vậy: ở đây cuộc đấu tranh sinh tồn không nhân nhượng vì tất cả đều hoàn toàn cô độc. Nếu một tay Null Achtzehn bất kỳ chao đảo, anh ta sẽ không thấy bàn tay nào chìa ra với mình mà chỉ có những kẻ gạt anh sang vệ đường, vì không ai quan tâm đến việc lại một "musulman nữa hằng ngày lê bước đến chỗ làm. Nếu ai đó có được phép màu nhờ vào kiên nhẫn hay xảo quyệt, tìm được một cách để trốn khỏi những công việc nặng nhọc nhất hay có một nghệ thuật kiếm ra vài gam bánh thì sẽ cố mà giấu biệt. Anh ta sẽ được coi trọng, được nể trọng vì chuyện đó và bản thân anh ta sẽ thu lợi khi được nể trọng. Anh ta sẽ trở nên mạnh hơn, và vì thế sẽ được người khác sợ hãi, mà ai được người khác sợ hãi thì sẽ ngay lập tức trở thành ứng cử viên cho loại sống sót.

Trong lịch sử và trong cuộc sống đôi khi xuất hiện một quy định tàn bạo, được gọi là "ai có sẽ được thêm, ai không có sẽ mất hết". Ở Lager, nơi mà con người cô độc và cuộc chiến sinh tồn trở lại cái dạng nguyên thủy của nó thì cái quy định ấy hoàn toàn phát huy tác dụng và được tất cả mọi người biết đến. Với những người thích nghi được, các cá nhân mạnh mẽ và tàn bạo, bọn cầm đầu sẽ giữ quan hệ tốt, gần như thân mật vì chúng hy vọng sau này sẽ có thể có ích. Nhưng với mussulman - bọn đang suy sụp thì không đáng để nói chuyện, mà ai cũng biết bọn ấy chỉ biết than vãn, kể lể ở nhà được ăn những món gì. Bọn ấy cũng không đáng kết bạn, vì không có hiểu biết đặc biệt gì, không kiếm được thêm suất bánh nào, không làm việc trong các Kommando có lợi và không biết cách thức xoay xở bí mật nào. Ngoài ra, ai cũng biết bọn ấy chỉ ở đây lạm thời, vài tuần nữa bọn chúng sẽ chẳng lưu lại gì ngoài một nắm tro ở một trại nào đó cách đây không xa với một con số bị gạch chéo trong sổ. Và dù có bị nhận chìm, bị cuốn đi không kịp thở trong cái đám vô số những đứa giống hệt nhau như thế, bọn chúng cũng chỉ biết chịu đựng và buông trôi mình trong một sự cô độc riêng đen tối, rồi cô độc chết, cô độc biến mất mà không để lại dấu ấn gì trong ký ức của bất cứ ai.

Có thể đọc được kết quả của quy trình chọn lọc tự nhiên dã man ấy trong con số thống kê về dân số các Lager. Ở Auschwitz năm 1944 chỉ có vài trăm người sống sót trong số toàn bộ tù binh Do Thái cũ (về những người khác chúng tôi không nói ở đây vì điều kiện của họ khác) - các "kleine Nummer", những số nhỏ hơn một trăm năm mươi nghìn. Không một ai trong số sống sót là Haftling bình thường, chỉ làm việc trong những Kommando phổ thông và hưởng suất ăn bình thường mà chỉ toàn là bác sĩ, thợ may, thợ giày, nghệ sĩ, nấu bếp, những kẻ đồng tính hấp dẫn, những người là bạn hay đồng hương của chỉ huy nào đó trong trại. Thêm vào số đó là những kẻ đặc biệt tàn bạo, mạnh mẽ dã man được đưa vào những vị trí như Kapo, Blockaltester v.v... (chức: do bọn chỉ huy SS phong, cái bọn khi chọn lựa việc ấy đã chứng tỏ bọn chúng có một sự hiểu biết ma quỷ về con người). Cuối cùng là những người dù không nắm chức gì trong tay nhưng với sự

tin cậy và năng lực của mình luôn xoay sở thành công và nhờ thế kiếm được vừa đủ dùng vừa uy tín lại vừa được các thế lực trong trại nể vì, buông lỏng. Ai không biết cách trở thành một tay xoay sở Kombinator, Prominent (thật là những từ độc địa) sẽ sớm trở thành mussulman. Trong đời thường có thể tồn tại một lối thứ ba, quy định vốn là như thế; nhưng trong trại tập trung thì không.

Chết chìm là việc đơn giản nhất: chỉ cần tuân theo tất cả những mệnh lệnh nhận được, không ăn gì khác ngoài suất ăn, tuân thủ kỷ luật công việc và của trại. Kinh nghiệm cho thấy làm thế thì chỉ có những trường hợp cá biệt mới trụ được quá ba tháng. Tất cả các mussulman đến phòng hơi ngạt đều có cùng câu chuyện ấy, hay đúng hơn là họ chẳng có chuyện gì, họ theo con dốc trượt xuống tận đáy, tự nhiên như những con sông chảy ra biển. Bị đưa vào trại, trước khi kịp thích nghi họ bị vượt do không có khả năng, do đen đủi, do tai nạn ngớ ngẩn nào đó, họ bị đánh bại về thời gian, họ không học tiếng Đức, không rút ra được gì trong mớ bòng bong quỹ quái các luật lệ và điều cấm trước khi thân xác họ đã bắt đầu suy sụp. Đến lúc ấy thì chẳng cái gì cứu được họ khỏi bị chọn lọc hoặc chết vì kiệt sức. Cuộc đời của họ ngăn ngui nhưng những con số của họ thì bất tận. Họ, những mussulman, những kẻ chết chìm, phần chính của trại; họ, đám đông vô danh, liên tục đổi nhưng luôn giống hệt nhau, những kẻ không còn là người, đi đều và làm việc trong câm lặng, tia sáng trong họ đã tắt còn họ đã quá rỗng không thể thổi bùng nó lên. Người ta khó mà gọi họ là người sống nhưng cũng khó mà gọi cái chết của họ là cái chết, đứng trước cái chết bọn họ không sợ nữa, vì đã quá kiệt sức không còn hiểu chết nghĩa là gì.

Bọn họ tràn ngập ký ức của tôi, hiện diện nhưng không rõ mặt, để có một hình ảnh bao hàm được tất cả nỗi đau đớn của thời kỳ ấy của chúng tôi, tôi sẽ chọn hình ảnh mà tôi quá quen: người đàn ông hốc hác, đầu rũ xuống, vai gồ lên, gương mặt và đôi mắt trống rỗng không một vệt suy nghĩ.

Trong khi những kẻ chết chìm không có câu chuyện riêng của mình, con đường diệt vong rất rộng nhưng chỉ có một, thì để sống sót lại rất nhiều

đường, khó khăn và bất ngờ.

Như chúng tôi đã nói, con đường chủ đạo chính là Prominenz. Prominenz là tên gọi những kẻ có chức quyền, bắt đầu từ quản lý Haftling(Lageraltester) đến Kapo, rồi đầu bếp, y tá, gác đêm, cho tới cả những người quét dọn lán và các Scheissminister và Bademeister (phụ trách nhà xí và nhà tắm). Những Prominent Do Thái là trường hợp đặc biệt đáng quan tâm, vì trong khi những người khác khi vào trại sẽ tự động có được chức nhờ vào gốc gác hay uy thế tự nhiên thì dân Do Thái phải mưu đồ và đấu tranh khốc liệt mới hòng có được.

Những Prominent Do Thái hợp thành một hiện tượng nhân cách nổi bật và đáng buồn. Trong họ có nỗi chịu đựng trong hiện tại, trong quá khứ và được truyền lại từ ngàn xưa. Có sự thù nghịch trước đối phương vốn tồn tại sẵn trong truyền thống và được dạy từ tấm bé. Hai thứ đó quy tụ lại biến họ thành những con quái vật phi xã hội và vô cảm.

Bọn họ là sản phẩm đặc trưng của cỗ máy Lager Đức: những kẻ đang phải sống trong cảnh nô lệ thấy có một vị trí ưu tiên, nhẹ nhàng hơn, một cơ hội để sống sót đối được bằng việc phản bội lại tình bằng hữu với bạn bè mình, tất nhiên sẽ có kẻ can tâm đối. Những kẻ đó sẽ không còn chịu các luật lệ bình thường, không thể đụng đến hấn được nữa, và Scheissminister càng nắm nhiều quyền lực hấn sẽ trở nên càng căm ghét mọi người và bản thân mình thì đáng căm ghét hơn. Khi được trao quyền điều khiển một nhóm những người bất hạnh, nắm trong tay sự sống của họ, hấn sẽ dã man và bạo ngược vì hấn hiểu nếu không đủ dã man và bạo ngược thì sẽ có kẻ thích hợp hơn chiếm chỗ của mình. Ngoài ra, khi khả năng căm ghét của hấn không được những kẻ đàn áp thường công thì nỗi căm ghét ấy sẽ quay lại trút một cách vô lý lên những người bị đàn áp: hấn chỉ thỏa mãn được khi đổ lên đầu những người trong tay mình những bất công mà hấn phải chịu.

Chúng tôi hiểu rằng tất cả những điều này khác xa với cách bình thường vẫn có là những người bị đàn áp sẽ xích lại với nhau, nếu không phải để chống

chọi thì cũng là để đồng cam cộng khổ. Chuyện ấy chúng tôi cho rằng có thể xảy ra khi sự đàn áp ở dưới một mức nào đó, hay khi kẻ bị đàn áp chịu đựng hay cho phép chuyện đó vì khoan dung, vì thiếu kinh nghiệm. Nhưng chúng tôi thấy rằng ở thời của mình tại tất cả các nước bị một dân tộc ngoại lai tiến quân xâm lược đều hình thành một tình trạng ganh đua thù ghét tương tự giữa những người bị xâm lược. Điều ấy, cũng như nhiều đặc tính khác của con người đều có thể thấy ở Lager, thông qua những ví dụ đặc biệt tàn nhẫn.

Không có nhiều thứ để nói về các Prominent không phải Do Thái, vì bọn họ chiếm số đông (không có Haftling "Ariăng" nào không có chức, dù chỉ nhỏ mọn). Đương nhiên chúng cũng là một lũ vô cảm và thú vật, phần đông vốn là những tội phạm được chọn từ các nhà tù Đức để thực hiện công việc giám thị ở trại tập trung. Chúng tôi tin chắc bọn chúng đã được lựa chọn kỹ, vì không thể nào những con người kinh khủng sa đọa chúng tôi gặp phải ở trại lại có thể là ví dụ chung về người Đức, thậm chí cũng không thể là ví dụ chung về những tù nhân Đức. Khó mà giải thích được ở Auschwitz bọn Prominent chính trị người Đức người Ba Lan và người Nga tranh giành với tù thường một cách xấu xa như thế nào, nhưng người ta đều biết rằng loại hình tù chính trị ở Đức được áp dụng cho cả những trường hợp như vận chuyển lậu, quan hệ bất hợp pháp với phụ nữ Do Thái, ăn trộm của quan chức trong Đảng. Những tù "chính trị" thực sự bị giam và chết ở các trại mà tên tuổi cũng đã quá nổi tiếng, trong những điều kiện đặc biệt khắc nghiệt, nhưng khác xa những chuyện đang tả ở đây về nhiều mặt.

Ngoài những chức cụ thể đã nói đến, còn có một loại tù nữa mặc dù không được ưu ái từ đầu nhưng biết vật lộn để sống sót bằng sức mạnh của mình. Họ phải lội ngược dòng, chiến đấu từng ngày với sự vất vả, cái đói, cái lạnh và sự buông xuôi bắt nguồn từ những thứ kia. Họ phải kháng cự lại kẻ thù, không thương xót địch thủ; phải mài sắc trí khôn, dùi mài lòng kiên nhẫn, tăng cường ý chí. Ngoài ra, phải đập lên nhân phẩm và chôn vùi lương tâm, phải xông ra tàn bạo với những kẻ tàn bạo, phải buông theo những sức mạnh bản năng không ngờ trời dẫy đã từng cứu sống tổ tiên mình trong những thời

kỳ dã man xa xưa. Những con đường mà chúng tôi nghĩ ra và thực hiện để không phải chết cũng nhiều như muôn hình vạn dạng bản tính con người. Tất cả đều tạo nên một cuộc chiến kiệt lực của một người chống lại tất cả và là một đồng sai lầm, thỏa hiệp. Trừ những kẻ có quyền hoặc được may mắn phù hộ, chỉ một số rất ít những cá nhân nổi trội, có tính cách của những vị thánh hay những kẻ tử vì đạo mới có thể sống mà không từ bỏ đạo đức của mình.

Trong nhiều cách để vươn lên sống sót, chúng tôi muốn kể câu chuyện của Schepschel, Alfred L., Elias và Henri. Schepschel sống ở Lager từ bốn năm nay, anh ta đã chứng kiến hàng chục nghìn người giống mình chết, bắt đầu từ cuộc tàn sát khiến anh ta phải trốn khỏi ngôi làng ở Galicia. Anh ta đã từng có vợ và năm con, một cửa hàng bán yên ngựa rất ăn nên làm ra, nhưng anh ta đã quên không còn nghĩ về những chuyện ấy từ lâu lắm rồi mà chỉ còn coi mình là một cái vỏ cần tuần tự nhồi đầy. Schepschel không to khỏe cho lắm, không quá dũng cảm và cũng không quá xấu xa, cũng không cực kỳ ranh ma. Anh ta chưa bao giờ tìm được một cách xoay xở nào đỡ được nhiều cho mình, mà chỉ có những vụ lẻ tẻ nhỏ mọn - những "kombinaqe" như ở đây vẫn gọi.

Thình thoảng anh ta ăn trộm một cái chổi ở Buna và bán lại cho Blockältester, khi dành dụm được ít vốn – tức bánh mì - anh ta thuê mấy dụng cụ của tay đồng hương làm thợ giày ở Block, và chế ra dây đeo quần từ những sợi dây thép xoắn vào nhau; Sigi kể với tôi là trong giờ nghỉ trưa còn thấy anh ta hát và nhảy múa trước lán của bọn công nhân Ba Lan để bọn nó thình thoảng trả công cho ít xúp thừa.

Nghe kể thế người ta có thể cảm thấy thương Schepschel như thương một kẻ khốn khổ chẳng còn gì trong tâm hồn ngoài sự khúm núm và lòng ham sống sơ đẳng, dai dẳng theo đuổi cuộc chiến nhỏ nhoi của mình để không chết chìm. Nhưng Schepschel cũng chẳng phải ngoại lệ gì, khi có cơ hội anh ta không hề ngần ngại bán đứng Moischl, đồng phạm của mình trong vụ trộm cắp ở nhà bếp, hòng lọt vào mắt Blockältester và xin một chân cọ nôi.

Còn câu chuyện về kỹ sư Alfred L. lại chỉ ra cái chuyện hoang đường về gốc gác bình đẳng giữa người và người vô nghĩa đến thế nào.

Ở quê mình, L. quản lý một nhà máy sản xuất sản phẩm hóa học cực kỳ lớn, có tên tuổi trong giới công nghiệp trên toàn châu Âu. Anh ta khoảng năm mươi tuổi, khỏe mạnh. Không biết làm sao mà anh ta lại bị bắt vào trại, nhưng khi vào anh ta cũng chịu số phận như những người khác: trần trụi, vô danh, cô độc. Vào cái lúc chúng tôi mới quen thì anh ta đã khá suy sụp, nhưng vẫn giữ được trên gương mặt những dấu ấn của một tính cách đàng hoàng ngăn nắp. Thời ấy anh ta chỉ có ưu thế là được cọ rửa thùng xúp của đám công nhân Ba Lan; cái công việc không hiểu xoay xở bằng cách nào có được ấy giúp anh ta kiếm thêm nửa bát xúp mỗi ngày. Từng ấy tất nhiên không đủ để thỏa mãn cơn đói, nhưng chưa ai nghe thấy anh ta than thở bao giờ. Những lời thốt ra chỉ là những điều khiến người ta tưởng anh ta có thể lực bí mật nào ghê gớm lắm, một cách "xoay xở" vững chắc và rất hời.

Điều đó còn được khẳng định bởi vẻ ngoài của anh ta. L. có "tướng": khuôn mặt và bàn tay luôn sạch bong, cứ mười lăm ngày lại giặt áo chứ không đợi đến kỳ đổi hai tháng một lần- một sự tự giác hiếm hoi vì để giặt được áo cần phải kiếm ra xà phòng, thời gian, chỗ để phơi trong cái nhà tắm chật kín người; phải quen việc trông áo cẩn thận, không rời mắt một giây phút nào và mặc cái áo vẫn còn ướt vào người khi đến giờ trật tự và đèn đóm tắt hết. Anh ta có một đôi guốc gỗ để đi tắm, và thậm chí cái áo tù kẻ sọc cũng hợp với thân hình anh ta, cái áo duy nhất trong cả đám trông có vẻ mới và sạch sẽ. L. đã lo tạo cho mình vẻ ngoài của một Prominent khá sớm trước khi leo được lên mức đó. Rất lâu sau đó tôi mới biết rằng tất cả cái vẻ tươm tất trưng ra đó L. đã phải cố gắng bằng một sự ngoan cường khó tin để kiếm từng thứ một, từng ân huệ một bằng chính khẩu phần bánh của chính mình, ép mình vào một chế độ còn ngặt nghèo hơn nữa.

Chiến lược của anh ta là chiến lược dài hạn, và quả là đáng chú ý nếu xét đến việc phải thực hiện nó trong cái môi trường nơi chủ yếu người ta chỉ lo cái trước mắt. L. đã đi theo chiến lược của mình với một kỷ luật bản thân

cực kỳ nghiêm khắc, anh ta không thương xót bản thân và càng không thương xót những bạn tù lơ ngáng ngang đường. L. hiểu rằng khoảng cách giữa việc được nể nang và việc thực sự có quyền là rất gần, và bất cứ ở đâu, đặc biệt là giữa cái đám người ngang ngang nhau ở Lager này, một vẻ ngoài đáng nể là sự đảm bảo để được nể. Anh ta chăm chút để không bị lẫn vào đám đông, làm việc chăm chỉ, đôi khi còn quở trách những bạn tù lười bằng một thứ giọng vừa thuyết phục vừa khấn khoản. Anh ta tránh không tham gia cuộc chiến hằng ngày để dành chỗ tốt nhất khi xếp hàng lấy xúp, và tập cho mình nhận phần xúp đầu tiên, loãng nhất, nhằm mục đích khiến Blockaltester chú ý ến tính kỷ luật của mình. Anh ta còn luôn xử sự cực kỳ lịch sự với những bạn tù khác, điều này thật hợp với bản tính ích kỷ cực độ của anh ta, và thế là hoàn chỉnh sự cách biệt anh ta muốn tạo cho mình.

Khi Kommando Hóa được thành lập, như tôi sẽ kể ở phần sau, L. hiểu rằng thời cơ của mình đã đến: bộ quần áo nghiêm chỉnh và khuôn mặt dù bị trọc đầu nhưng cạo râu đàng hoàng của anh ta giữa cái đám bạn tù bẩn thỉu nhếch nhác đã đủ để thuyết phục ngay lập tức cả Kapo lẫn Arbeitsdienst rằng anh ta chính là kẻ sống sót điển hình, là một Prominent tiềm năng, và nhờ đó được phong thành chuyên viên", phong chức kỹ sư trưởng của Kommando, và được Ban quản lý Buna nhận vào làm phân tích trong phòng thí nghiệm của Khoa Xtiren. Sau đó dần dần anh ta được giao kiểm tra các nhân viên mới của Kommando Hóa xem khả năng chuyên môn của họ thế nào, việc mà anh ta thực hiện cực kỳ nghiêm ngặt, đặc biệt là với những người có khả năng trở thành đối thủ trong tương lai của mình.

Tôi không biết gì về phần sau câu chuyện của anh ta, nhưng rất có thể anh ta thoát chết, và đang sống cuộc đời lạnh lùng của một kẻ đứng trên quyết tâm và vô cảm.

Không hiểu tại sao Elias Lindzin, 141565, lại đột nhiên xuất hiện ở Kommando Hóa. Hẳn ta là một tên lùn không cao quá mét rưỡi, nhưng có những cơ bắp tôi chưa từng thấy ở người nào. Khi hắn cởi trần người ta có thể thấy từng múi cơ chuyển động dưới lớp da, nhanh nhẹn mạnh mẽ như

từng con thú riêng lẻ. Nếu phóng to thân thể hăn lên ta sẽ có một hình mẫu cho Hercules, nhưng đừng có nhìn vào mặt hăn.

Dưới lớp da đầu những gờ sọ của hăn nổi lên quá cao. Cái sọ to trông như làm bằng kim loại hay đá, trông rõ vết tóc ăn xuống chỉ cách lông mày chừng đốt ngón tay. Cái mũi, cái cằm, cái trán và gò má đều thô và bẹt, cả khuôn mặt hăn như cái thớt, trông chỉ đáng đập vào. Từ thân hình hăn tỏa ra một kiểu sức lực của loài thú.

Nhìn Elias làm việc là một cảnh gây sững sờ. Những Meister người Ba Lan, thậm chí bọn Đức đôi khi cũng đứng lại để chiêm ngưỡng hăn. Hình như không việc gì là hăn không làm được cả. Trong khi chúng tôi khó nhọc mới vác được một bao xi măng thì Elias vác hai, rồi ba, rồi bốn, giữ thăng bằng tất cả các bao kiểu gì không biết. Trong khi bước rất nhanh trên đôi chân ngắn ngủn bè bè của mình hăn nháy mắt dưới cái đồng đang phải đội, không ngừng cười, chửi, hét hay hát hò, tựa như lá phổi của hăn được làm bằng đồng vậy. Dù đi giày gỗ Elias vẫn leo lên giàn giáo thoăn thoắt như khi, chạy băng băng qua các cầu vượt trên cao, đội sáu viên gạch trên đầu mỗi lần. Hăn biết chế ra thìa từ một mẫu sắt hay mài một miếng thép phế liệu thành con dao; chỗ nào cũng có thể kiếm được giấy, gỗ, than khô và nhóm lửa chỉ trong nháy mắt ngay cả dưới trời mưa. Hăn biết nghề may, nghề mộc, nghề giày, nghề thợ cạo, nhổ nước bọt cực xa; hát với một giọng trầm không đến nỗi tệ những bài hát Ba Lan và Yiddish chưa ai nghe thấy bao giờ. Hăn có thể ăn sáu, tám đến mười lít xúp mà không nôn hay bị ỉa chảy, và sau đó đi làm ngay lập tức. Hăn có thể làm phình lên một cục như cái bấu ở giữa hai vai và khập khiễng lượn quanh các lán giả giọng, hét và chửi bới những từ không hiểu nổi trong sự hoan hỉ của bọn cầm đầu. Tôi đã nhìn thấy hăn đánh nhau với một tay Ba Lan cao hơn hăn hăn một cái đầu, hạ anh ta bằng một cú thúc sọ thẳng vào bụng chính xác và mạnh như viên đạn. Tôi chưa bao giờ trông thấy hăn nghỉ ngơi, im mồm hay ngồi yên, tôi cũng chưa nghe nói hăn ốm hay bị thương bao giờ.

Không ai biết gì về cuộc sống tự do trước đây của hắn. Hơn nữa tưởng tượng ra Elias như một người tự do đòi hỏi phải có trí tưởng tượng và suy diễn rất mạnh. Hắn không nói tiếng gì khác ngoài tiếng Ba Lan và một thứ tiếng Yiddish biến dạng hiểu chiến của vùng Vacsava. Không chỉ thế hắn còn không thể nói được một câu chuyện cho nghiêm chỉnh. Hắn ta tầm hai mươi mà cũng có thể là bốn mươi tuổi, thường thì hắn bảo hắn ba mươi ba và đã cho ra đời mười ba đứa con, điều không phải là không thể. Hắn nói luôn mồm, kể cả những chuyện vớ vẩn nhất, giọng lúc nào cũng vang rền và ngữ điệu hùng hồn, bắt chước loạn lên như thằng điên, như thể đang diễn trước một đám công chúng đông đúc. Mà tất nhiên hắn thì chả bao giờ thiếu người xem. Những tên hiểu được hắn nói gì thì nuốt từng lời của hắn rồi gập bụng vào mà cười, đập vào vai hắn phấn khích, cổ vũ cho hắn tiếp tục. Còn hắn thì kiêu hãnh làm trò giữa đám đông, lượn vòng quanh như một con ác thú trong vòng vây của khán giả, mắng hết người này đến người kia rồi đột nhiên vươn móng vuốt túm ngực áo ai đó, lôi người ta không cưỡng lại được gần hắn, phọt vào ặt anh ta một câu chửi không rõ nghĩa, rồi đẩy anh ta lại như đẩy một cộng rơm, hắn giơ hai tay lên trời như một con quái vật và tiếp tục cái vở diễn điên rồ dữ dội của mình trong tiếng cười và vỗ tay tán thưởng.

Tiếng tăm về khả năng làm việc của hắn lan ra khá nhanh, và theo quy định điên rồ của Lager hắn không phải làm việc. Chỉ khi nào có việc gì đặc biệt cần khéo tay hay cần sức thì Meister mới trực tiếp gọi hắn.

Ngoài những điều đáng kinh ngạc mà hắn láo xược và thô bạo thể hiện trước sự mệt nhọc hằng ngày của chúng tôi, hắn còn chuyên môn lẩn đi đâu, thăm viếng hay mạo hiểm không hiểu ở xó nào trong xưởng, sau đó quay về với túi áo phồng lên và cái bụng căng tròn rõ rệt.

Elias ăn trộm một cách bẩm sinh và vô tư: trong chuyện ấy hắn thể hiện một bản năng khôn ngoan của bọn thú hoang. Hắn không bao giờ bị bắt quả tang, vì hắn chỉ trộm khi nào thật an toàn. Nhưng khi có cơ hội, Elias sẽ trộm, không cưỡng lại được và hiển nhiên như một cộng một bằng hai. Khó mà

bắt quả tang được hăn, và nếu có bắt được thì trừng phạt hăn cũng không ích gì, với hăn trộm cắp cũng là một hoạt động sống như là thở hay ngủ vậy.

Giờ ta có thể hỏi cái tay Elias này là ai. Hăn có phải một tên điên, một dị nhân không hiểu nổi tình cờ rơi vào Lager hay không. Hay hăn là một tên lộn giống, khác với người thường, thích hợp hơn với những điều kiện sống nguyên thủy của cái trại này. Hoặc có thể hăn chính là một sản phẩm của trại, thứ mà chúng tôi sẽ trở thành nếu chưa chết và nếu cái trại này không tan tành trước.

Có vài phần sự thật trong cả ba giả thuyết. Elias đã sống sót qua sự hủy diệt ở bên ngoài, vì cơ thể hăn đúng là không thể hủy diệt được. Hăn tồn tại được qua sự hủy diệt ở bên trong, vì hăn mất trí. Vì thế đầu tiên phải nói hăn là kẻ sống sót: hăn phù hợp nhất, mẫu người tương thích nhất với kiểu sống này.

Nếu Elias lại được tự do, với những khuôn khổ của xã hội con người hăn sẽ bị khống chế trong một nhà tù hoặc một nhà thương điên. Nhưng ở đây, tại Lager, không có tội phạm cũng không có người điên. Không có tội phạm vì không có quy tắc đạo đức nào để vi phạm, không có người điên vì trong cái không gian và hoàn cảnh này chúng tôi chỉ có nổi một kiểu hành động duy nhất.

Ở Lager, Elias phát triển và đắc thắng. Hăn làm việc giỏi, xoay xở giỏi, và nhờ cú đúp đó hăn chắc chắn không bị chọn lọc và được các tên cầm đầu, các bạn tù nể nang. Với những ai không có nguồn nội lực vững vàng, không biết tự trau dồi sức mạnh cần thiết để đeo đẳng sự sống, con đường duy nhất để được cứu thoát là trở thành Elias: trở nên bệnh hoạn và thú vật. Tất cả những con đường khác đều không đưa đến đâu.

Nói như thế sẽ có người thử đưa ra kết luận, hay thậm chí là quy luật cho cuộc sống thường ngày của chúng ta. Xung quanh chúng ta chẳng cũng có những tên Elias đã thành hình ít nhiều rồi sao? Chúng ta chẳng cũng thấy những người sống không mục đích, chối bỏ mọi sự chi phối và mọi lương

tâm sao? Những tên đó chẳng đã sống chỉ cho bản thân mình đúng như Elias, bất chấp tất cả những khiếm khuyết của chúng.

Câu hỏi ấy rất nghiêm túc, nhưng sẽ không được bàn đến vì về những cá nhân sống ngoài Lager đã có rất nhiều người viết, còn chúng tôi muốn đây là những câu chuyện về Lager. Chúng tôi dù muốn nói thêm một điều, dù điều này có thể có ý nghĩa thế nào đi chăng nữa và dù từ bên ngoài chúng ta có thể phán xét hẳn đến đâu: Elias rất có thể là một con người hạnh phúc

Henri thì lại lành mạnh và văn minh xuất chúng, anh ta có cả một lý thuyết hoàn chỉnh và hệ thống về các cách sống sót ở Lager. Anh ta mới chỉ hai mươi hai tuổi, cực kỳ thông minh, biết nói tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh và tiếng Nga, với một tri thức khoa học và xã hội tuyệt hảo. Anh trai anh ta đã chết ở Buna mùa đông năm ngoái, và từ hôm ấy Henri chấm dứt mọi liên hệ tình cảm. Anh ta co mình lại trong một lớp vỏ bọc, tập trung đấu tranh để sống với tất cả sức mạnh chặt lọc được từ nền giáo dục tinh tế và trí tuệ nhạy bén của mình. Theo lý thuyết của Henri có ba cách thoát khỏi sự hủy diệt mà không hổ thẹn với việc làm người: xoay xở, tình thương và trộm cắp.

Bản thân anh ta thực hiện cả ba cách. Không một chiến lược gia nào qua mắt được Henri trong việc bịp (mà anh ta gọi là "gieo trồng") bọn tù người Anh. Trong tay anh ta bọn chúng thực sự trở thành những con gà đẻ trứng vàng, vì chỉ cần trao đổi một liều thuốc Anh là đủ no bụng một ngày. Đã có lần người ta trông thấy Henri được ăn hẳn một quả trứng luộc.

Việc trao đổi hàng hóa từ bọn Anh chịu sự độc quyền của Henri, và chính đó là chỗ để xoay xở.

Nhưng cái vũ khí chính để Henri làm ăn được với bọn Anh và với những người khác lại chính là tình thương. Henri có thân hình và khuôn mặt thanh thoát, trông tựa như Thánh Sebastian xứ Sodoma: đôi mắt anh ta đen và sâu, cằm chưa có râu và anh ta cử động với một vẻ trang nhã từ tốn bẩm sinh

(nhưng lúc nào cần thì cũng biết chạy nhảy nhanh như sóc, còn khả năng ăn uống của anh ta thì chỉ thua có Elias), Henri biết rất rõ những lợi thế tự nhiên ấy của mình, và anh ta tận dụng chúng với sự lạnh lùng của người thao tác máy móc khoa học.

Kết quả thật đáng kinh ngạc. Thực ra nó là một khám phá: Henri hiểu ra rằng tình thương - một tình cảm bản năng và không suy xét - sẽ lớn lên rất nhanh nếu được gieo trồng khéo léo chính ở tâm hồn của những kẻ cục súc chỉ huy chúng tôi, những kẻ không ngần ngại đâm gục chúng tôi chẳng vì lý do gì hay đập chúng tôi xuống đất. Anh ta đã không bỏ lỡ cái phát hiện đó và xây dựng một chiến thuật riêng của mình dựa vào đó.

Như con tò vò làm tê liệt những con sâu lông lá bằng cách tiêm trứng vào yếu huyệt duy nhất của chúng, Henri chỉ cần đưa mắt qua là đánh giá được đối tượng, "son type"^[39]; anh ta bắt chuyện ngắn gọn, nói với ai thì bằng chính ngôn ngữ của người ấy, và "type" đó bị chinh phục: càng nghe càng thấy có cảm tình với anh ta, xúc động trước số phận của chàng trai trẻ bất hạnh, và Henri không mất nhiều thời gian để có thể khai thác chuyện đó.

Không có tâm hồn chai sạn nào mà Henri không thể làm mềm nếu như anh ta thực sự muốn. Ở Lager, và cả ở Buna, số người bảo trợ cho anh ta nhiều không đếm xuể: bọn lính Anh, những công nhân thường dân người Pháp, Ukraine, Ba Lan, "tù chính trị" Đức; ít nhất là bốn Blockaltester, một đầu bếp, thậm chí là cả một tay SS. Nhưng chỗ yêu thích nhất của anh ta là Ka-Be. Henri tự do ra vào ở Ka-Be, bác sĩ Citron và bác sĩ Weiss không chỉ bảo trợ mà còn là bạn của anh ta, họ chữa cho anh ta bất cứ lúc nào và với bất kỳ chẩn đoán nào mà anh ta muốn, điều này thường xuyên xảy ra trước các kỳ chọn lọc hay trong những giai đoạn làm việc cực nhọc hơn, để "ngủ đông", như lời anh ta nói.

Có nhiều tình bạn đáng giá như thế, rõ ràng là Henri rất ít khi phải vận đến cách thứ ba, trộm cắp. Hơn nữa về chuyện này có thể thấy là anh ta không sẵn lòng tâm sự.

Nói chuyện với Henri trong những giờ giải lao rất dễ chịu. Và có ích nữa: không có chuyện gì trong trại mà anh ta không biết, không suy luận theo cái cách mạch lạc và rõ ràng của mình. Henri nói về những chiến công của mình một cách khiêm tốn có học, như nói về những con mồi ít giá trị, nhưng anh ta sẵn sàng lái sang chuyện các tính toán của mình khi đến gần Hans hỏi thăm cậu con trai đang ở ngoài mặt trận, hay chỉ cho Otto xem những vết sẹo trên cẳng chân.

Nói chuyện với Henri thú vị và có ích, đôi khi ta còn cảm thấy anh ta thật gần gũi và nhiệt tình, có thể trao đổi, thậm chí có cảm tình với anh ta. Ta tưởng như cảm nhận được một tâm khảm nhân văn, đau đớn và có ý thức trong nhân cách khác biệt của anh ta. Nhưng chỉ khoảnh khắc sau, khi nụ cười buồn bã của anh ta đông lại thành một cái nhăn nhó lạnh lẽo, như thể anh ta đã soi gương để chuẩn bị trước đó và Henri lễ phép xin lỗi: "... j'ai quelque chose à faire^[40]", "... j'ai quelqu'un à voir^[41]", để lại tung mình vào một cuộc săn và cuộc chiến mới. Tàn khốc, xa cách, đóng kín trong cái vỏ bọc của anh ta, kẻ thù của tất cả, xảo quyết lạ lùng và không thể hiểu nổi, giống như con rắn trong Sáng Thế ký.

Sau tất cả những cuộc trò chuyện với Henri, kể cả những lần thân mật nhất, tôi luôn vương vãi cảm giác của kẻ thua cuộc, hoang mang ngờ vực rằng mình đã sơ suất trở thành một công cụ trong đôi tay anh ta chứ không phải một người bạn trò chuyện.

Tôi biết bây giờ Henri vẫn còn sống. Tôi sẵn sàng đổi nhiều thứ để biết là người tự do anh ta sống thế nào, nhưng không hề muốn gặp lại anh ta.

KỠ THI HÓA

Lẽ ra Kommando 98 - còn được gọi là Kommando Hóa - phải là một Xưởng của các chuyên viên.

Vào cái ngày chính thức có tin về việc thành lập nó, trong sắc xám của bình minh, một nhóm nhỏ nhoi mười lăm Haftling đứng quây quanh Kapo mới trên sân Điểm danh.

Và bắt đầu thất vọng đầu tiên: Kapo vẫn chỉ là một "tam giác xanh", một tên tội phạm chuyên môn, Arbeitsdienst xét thấy Kapo của Kommando Hóa không cần phải là một nhà hóa học. Hỏi hấn chỉ phỉ hơi, hấn sẽ không trả lời, hoặc trả lời bằng những cú đá và lời hét, những thứ cần để bổ trợ thêm cho chiều cao kém mức trung bình và thân hình không lấy gì làm to khỏe của hấn.

Hấn phát biểu vài câu ngắn bằng một thứ tiếng Đức thô tục của trại lính, và thế là nỗi thất vọng càng được khẳng định. Mấy người này là dân hóa hả. Nghe đây, hấn là Alex, nếu bọn họ nghĩ đã được lên thiên đường thì nhầm to. Đầu tiên là, cho đến khi đi vào hoạt động Kommando 98 cũng chỉ là một Kommando chuyển hàng trực thuộc kho hàng Clo Magiê. Sau nữa, nếu bọn họ nghĩ rằng mình là những kẻ Intelligent, những trí thức, định giở trò với hấn , Alex, một Reichsdeutscher, thì được, Herrgottssacrament (câu chửi tiếng Đức), hấn sẽ cho họ biết, hấn sẽ... (tay hấn nắm chặt với ngón trỏ chìa ra, vệt ngang không khí diễn đạt một cách dọa dẫm của bọn Đức); và cuối cùng, đừng có nghĩ đến chuyện lừa ai, nếu ai dám tự giới thiệu mình là dân hóa mà không phải là như thế; một kỳ thi, phải các quý ông ạ, một trong mấy ngày tới; một kỳ thi hóa, trước ban lãnh đạo của Xưởng Pô li me: Doktor Hagen, Doktor Probst, Doktor Ingenieur Pannwitz.

Bây giờ thì, meine Herre^[42], mất thời gian thế đủ rồi, Kommando 96 và 97 đã khởi động, tiến lên, để bắt đầu, ai không đi đều bước thẳng hàng thì cứ liệu với hân.

Hân cũng chỉ là một Kapo như những Kapo khác.

Ra khỏi Lager, trước ban nhạc và chỗ đếm tù của bọn SS, phải đi thành hàng năm, mũ cầm tay, tay buông thông để yên dọc sườn, cổ thẳng và không được nói chuyện. Sau đó là đi thành hàng ba và có thể trao đổi vài câu lẫn vào âm thanh loảng xoảng của hàng ngàn ôi giày gỗ.

Những người bạn mới của tôi là ai nhỉ? Đi bên cạnh tôi là Alberto; cậu ta trước đang học dở năm thứ ba đại học, và chúng tôi quyết định lại cố ở bên nhau cả lần này nữa. Người thứ ba bên trái tôi chưa bao giờ nhìn thấy; cậu ta có vẻ rất trẻ, trắng bột như sáp và có số tù của dân Hà Lan. Ba cái lưng đi đằng trước tôi trông cũng lạ. Đằng sau thì không nên quay lại nhìn, có thể lỡ nhịp chân và vấp, thế nhưng trong một thoáng tôi kịp nhìn thấy gương mặt của Iss Clausner.

Chùng nào còn đang đi thì không có thời gian để nghĩ, phải lo để không giẫm vào giày của cái tay khập khiễng đằng trước và không để tay khập khiễng đằng sau giẫm vào giày mình; thỉnh thoảng phải nhảy qua một cái hố ngang đường, một vũng lầy lội phải tránh. Tôi biết chúng tôi đang ở đâu, chỗ này hồi ở Kommando cũ tôi đã đi qua. Đây là H-Strasse, con đường đến các kho. Tôi nói cho Alberto: đúng là mình đang đến xưởng Clo Magiê, ít nhất thì chuyện ấy cũng không phải chuyện bịa.

Chúng tôi đã đến nơi, trèo xuống một cái hầm rộng ẩm và đầy gió lửa, đây là trụ sở của Kommando, ở đây gọi là Bude. Kapo chia chúng tôi thành ba đội, bốn người vác đồ từ toa về, bảy người mang xuống, bốn người chất vào kho. Bốn người đó là tôi, Alberto, Iss và tay Hà Lan.

Cuối cùng thì đã có thể nói chuyện, với tất cả chúng tôi những điều Alex nói nghe như giấc mơ của một tên điên.

Làm bài thi hóa với những gương mặt mất hồn này, với những cái sọ cạo nhẵn thín và những bộ quần áo đáng hổ thẹn này của chúng tôi ư? Mà rõ ràng sẽ phải thi bằng tiếng Đức. Chúng tôi sẽ phải xuất hiện trước một thằng cha tóc vàng Doktor Ariăng nào đó, hy vọng sẽ không phải xì mũi vì hăn không biết chúng tôi có mùi soa và sẽ không làm sao mà giải thích điều ấy cho hăn được. Mà chúng tôi lại còn mang theo bệnh đói kinh niên, đứng vững trên hai chân đã là khó rồi, hăn thể nào cũng ngửi thấy mùi của chúng tôi, cái mùi bây giờ chúng tôi đã quen nhưng mấy ngày đầu thì rất rõ: mùi của củ cải và bắp cải sống, nấu và bốc ra từ dạ dày.

Thế đấy, Clausner kết luận. Bọn Đức cần kỹ sư hóa đến thế cơ à? Hay chỉ là một trò mới, một cỗ máy "pour faire chier les Juifs?"^[43]. Bọn chúng có nhận thức được cái kỳ thi yêu cầu chúng tôi làm là lỗ bịch điên rồ không, chúng tôi đâu còn sống nữa, chúng tôi đã tụt nửa đường xuống cái thang đang đợi đưa đến chỗ chẳng còn gì rồi. Clausner chỉ cho tôi xem trên bát cẩu mình. Ở cái chỗ mà những người khác viết số tù, còn tôi và Alberto viết tên cẩu mình, Clausner viết: " Ne pas chercher à comprendre"^[44].

Nhưng vì mỗi ngày chúng tôi chỉ nghĩ không quá mất phút, và ngay cả bây giờ khi ở trong một tình huống cách biệt với bên ngoài, chúng tôi biết rõ rồi sẽ đến mình bị chọn lọc. Tôi hiểu mình không phải loại có thể tồn tại được, tôi còn người quá, nghĩ nhiều quá, tôi vất kiệt mình khi làm việc. Nhưng giờ thì tôi biết tôi có thể sống sót nếu trở thành Chuyên viên, và tôi sẽ thành Chuyên viên nếu tôi qua được kỳ thi hóa.

Hôm nay, trong giờ phút tôi ngồi đây viết những dòng này, bản thân tôi vẫn không tin những điều đó đã thực sự xảy ra.

Ba ngày nữa trôi qua, ba ngày bình thường chẳng có gì đáng nhớ, dài lê thê khi chúng tôi đang sống nhưng quá ngắn khi đã trôi qua, và tất cả đã thôi không tin vào chuyện thi hóa nữa.

Kommando rút xuống còn mười hai người: ba người biến mất xuống dưới kia theo cái cách thường xảy ra, hoặc sang lán bên cạnh hoặc đã là bỏ thế giới. Trong số mười hai người thì năm người không phải dân hóa: cả năm ngay lập tức xin Alex cho quay về Kommando cũ của mình. Bọn họ không tránh khỏi bị đánh, nhưng lại không được chuyển đi, không biết quyết định không ngờ đó là của cấp nào, và thế là trở thành dân lưu vong ở Kommando Hóa.

Alex đến kho Clo Magiê gọi bảy người chúng tôi ra ngoài đi thi. Thế là bảy thằng chúng tôi, giống như bảy con gà con vụng về sau gà mẹ, đi theo Alex leo lên những bậc thang của Polymerisations-Buro. Chúng tôi đứng ở tầng trệt, có bảng ghi ba cái tên nổi tiếng đã được nhắc tới. Alex kính cẩn gõ cửa, bỏ mũ xuống đi vào, có tiếng nói điềm tĩnh bên trong, rồi Alex lại quay ra. "Ruhe, jetzt. Warten", im lặng chờ.

Chúng tôi lấy làm mừng. Khi chờ đợi thời gian trôi qua êm ả, không cần phải làm gì để đẩy nhanh. Còn khi làm việc mỗi phút trôi qua đều vất vả và phải cố để nó qua đi. Chúng tôi lúc nào cũng mừng nếu được chờ, chúng tôi hoàn toàn có thể chờ đợi hàng giờ liền, như bọn nhện bắt động sau tấm lưới.

Alex có vẻ sốt ruột, hần đi đi lại lại, còn chúng ‘tôi nhường đường cho hần. Bản thân chúng tôi ững không bình tĩnh gì, mỗi người theo một kiểu của mình. Chỉ có Mendi là không. Mendi là giáo sĩ, người Nga vùng Hạ Các pát, cái chốn của những người nói ít nhất ba thứ tiếng, còn Mendi nói được bảy. Mendi biết rất nhiều thứ, ngoài giáo sĩ anh ta còn là nhà ngữ văn, là luật sư, từng là du kích và ở trong đội quân phục quốc. Một người nhỏ bé can đảm, bướng bỉnh và sắc sảo. Anh ta không phải nhà hóa học nhưng vẫn muốn thử lần này.

Balla có một cái bút chì, tất cả vây lấy anh ta. Chúng tôi cũng không biết mình có viết được không nữa nên đều muốn thử.

Kohlenwasserstoffe, Massenwirkungsgesetz. Tên tiếng Đức của các định luật và hợp chất hóa học hiện lên trong đầu tôi: tôi thầm cảm tạ trí óc mình, dù không được tôi quan tâm chăm sóc nữa nhưng nó vẫn phục vụ tôi tốt đến thế.

Alex kia rồi. Tôi là một nhà hóa học, liên quan gì đến cái tên Alex này? Hẳn đứng sừng sững trước mặt tôi, thô bạo sửa lại cổ áo cho tôi, lột mũ tôi ra rồi đặt lại lên đầu, lùi một bước, ngắm thành quả với vẻ kinh tởm rồi quay lưng lăm bẫm: "Was fur ein Muselmann Zugangr!", cái thẳng bất tài nhếch nhác.

Cánh cửa mở ra. Ba giáo sư quyết định buổi sang sẽ chọn sáu người, còn người thứ bảy thì không. Người thứ bảy là tôi, tôi có số cao nhất, và thế là phải quay về làm việc. Đến tận chiều Alex mới quay lại đón tôi, đen thệt, tôi thậm chí không nói chuyện được với những người kia để biết “ họ hỏi câu gì”.

Lần này bị thật rồi. Alex sầm mặt nhìn tôi ở cầu thang, hẳn cảm thấy phần nào phải chịu trách nhiệm về cái vẻ khốn khổ của tôi. Hẳn không thích tôi vì tôi là người Ý, tôi là dân Do Thái và vì trong cả bọn tôi là đứa khác với cái hình mẫu cứng rắn lý tưởng của hẳn. Theo cái chiều hướng ấy, dù không hiểu gì về hóa học Alex vẫn tỏ ra không tin tưởng gì vào cơ hội thi qua của tôi, hẳn còn lấy làm tự hào về chuyện chẳng biết gì về hóa.

Chúng tôi vào phòng. Chỉ có Doktor Pannwitz. Alex mũ cầm t ên tay thầm thì nói với ông ta: "... dân Ys, mới đến trại ba tháng nay, đã kaputt đến một nửa rồi... Er sagt er ist Chemiker^[45]..." nhưng hẳn, Alex, rất là nghi ngờ cái chuyện ấy.

Alex nhanh chóng bị đẩy ra và dẹp sang một bên, và tôi cảm thấy mình như Oedipus đứng trước con nhân sư. Tâm trí tôi vẫn rõ ràng, tôi nhận thức được cuộc chơi này quan trọng đến thế nào, thế nhưng tôi vẫn cảm thấy một mong muốn điên rồ được biến đi, trốn khỏi kỳ thi này, Pannwitz cao, gầy, tóc vàng: ông ta có đôi mắt, tóc và cái mũi đúng kiểu dân Đức, ngời lừng lừng

sau cái bàn giấy đầy ắp. Tôi, Haftling số 174517, đứng trong văn phòng của ông ta, một cái văn phòng đúng nghĩa, ngăn nắp sạch sẽ bóng lộn, khiến tôi cảm thấy mình động vào đâu cũng sẽ để lại một vết bẩn.

Viết xong, ông ta ngược mắt lên nhìn tôi.

Từ hôm ấy, tôi đã nhiều lần nghĩ đến Doktor Pannwitz và theo nhiều cách khác nhau. Tôi tự hỏi ngoài đời con người ông ta xử sự thế nào, ông ta làm gì ngoài việc ở xưởng Pô li me và nghĩ gì về dân tộc Đức thượng đẳng. Và nhất là tôi muốn gặp lại ông ta, khi tôi lại được tự do, không phải để trả thù mà chỉ để thoả mãn trí tò mò của tôi về tâm hồn con người.

Vì cái kiểu nhìn ấy không phải là cách người nhìn người. Nếu tôi có thể giải thích thấu đáo bản chất của cái nhìn ấy, cái nhìn như đang soi qua lớp kính thủy cung, giữa hai loài vật ở trong hai thế giới khác biệt, thì tôi cũng sẽ giải thích được bản chất sự bệnh hoạn khủng khiếp của bọn Đức.

Trong giây phút ấy những điều chúng tôi vẫn nghĩ và nói về bọn Đức lập tức trở nên rõ ràng. Bộ não chi phối cặp mắt xanh lơ và bàn tay chăm sóc cẩn thận kia nói:” Cái thứ đẳng trước ta thuộc về cái loại tất nhiên nên diệt. Trong trường hợp đặc biệt này, trước khi giết cần chắc chắn là nó không có thứ gì có thể có ích.” Còn trong đầu tôi rung lên như những hạt bí rung trong lớp vỏ rỗng:”Mắt xanh tóc vàng là bản chất độc ác. Không thể nói chuyện gì được. Tôi là chuyên gia hóa mỏ. Tôi chuyên về hữu cơ tổng hợp. Tôi chuyên về...”

Và buổi thi bắt đầu, trong một góc, sinh vật thứ ba – Alex – ngáp và nhai ầm ỉ.

-Wo sind Sie geboren? Hẳn gọi tôi là Sie, là ông: Doktor Ingenieur Pannwitz không có khiêu hài hước. Quý tha ma bắt hẩn đi, hẩn không may may cố nói thứ tiếng Đức để hiểu một chút.

Tôi tốt nghiệp đại học ở Turin năm 1941, summa cum laude^[46], trong khi nói tôi có cảm giác chính xác là ông ta không tin, nói thật ra thì bản thân tôi cũng không tin được nếu nhìn vào đôi bàn tay bẩn thỉu sứt sẹo, cái quần tù nhân bết đầy bùn. Nhưng chính là tôi, cử nhân của Turin, và đặc biệt trong lúc này đây, khi mà kho kiến thức về hóa hữu cơ của tôi mặc dù nằm yên đã lâu nhưng bật ra trả lời câu hỏi một cách trơn tru không ngờ thì lại càng không thể nghi ngờ con người tôi. Và nữa, tôi cảm thấy sự sáng suốt, sự phấn khích nóng rực trong mạch máu, tôi biết nó là thứ gì – cơn sốt của các kỳ thi, cơn sốt của tôi ở các kỳ thi của tôi, khi tất cả 1 năng lực logic và kiến thức tự phát huy động - cái khả năng đã từng khiến các bạn học phải ghen tị với tôi.

Buổi thi đang diễn ra tốt đẹp. Khi dần dần nhận ra điều đó, tôi cảm thấy như mình cao lớn hẳn lên. Giờ thì hẳn hoi tôi đã làm đề án tốt nghiệp về chủ đề gì. Tôi phải cố gắng lắm mới lôi ra được những ký ức có vẻ như đã xa lắm rồi: kiểu như khi ta phải nhớ lại những sự việc đã xảy ra trong kiếp trước.

Có điều gì đó bảo vệ cho tôi. Các Đo đạc chất điện môi bất biến của tôi được cái tên tóc vàng Ariăng tốt số này quan tâm đặc biệt: hẳn ta hỏi tôi có biết tiếng Anh không, chỉ cho tôi một quyển sách của Gattermann^[47]. Thật điên rồ, không thể thế được, sao lại có một quyển Gattermann ở dưới này, bên trong lớp rào dây thép gai, giống y hệt cái quyển mà ngày xưa tôi học ở Ý năm thứ tư đại học.

Giờ thì xong rồi: sự kích động đã theo tôi trong suốt bài thi đột nhiên biến mất, tôi đứng đó ngơ ngẩn nhìn theo bàn tay trắng trẻo đang ghi số phạm mình lên một trang giấy trắng bằng những ký hiệu không hiểu được.

“Los, ab!” Alex trở lại sân khấu, và tôi lại nằm trong tay hắn. Hắn dận gót dày chào Pannwitz và được tay kia đáp lại bằng một cái nhướn mày cực nhẹ. Tôi loay hoay trong giây lát nghĩ cách chào thích hợp nhưng vô ích, tiếng Đức của tôi chỉ biết mấy từ ăn, làm, ăn trộm, chết; và axit sulphuric, áp

suất khí quyển, phất điện sóng ngắn nhưng tôi hoàn toàn không biết phải chào một người quan trọng như thế nào.

Chúng tôi đã ra đến thang. Alex chạy như bay xuống các bậc thang: hẳn không phải dân Do Thái nên có được một đôi giày da, đôi giày ấy ở chân nhẹ bẫng. Hẳn đứng dưới nhìn lên cầu kính trong khi tôi chậm chạp và ầm ỉ trong đôi giày to tướng chiếc nọ khác chiếc kia của mình, tay bám chặt vào lan can như một ông già.

Bài thi có vẻ tốt, nhưng chỉ điên mới hy vọng vào chuyện đó. Tôi đã biết Lager đủ rõ để hiểu rằng đừng bao giờ tính toán trước, nhất là những tính toán lạc quan. Điều chắc chắn là tôi đã có một ngày không phải làm việc, và thế là tối nay tôi sẽ đỡ đói hơn một chút, đó mới là mối lợi, chắc chắn và đã có.

Để quay về Bude phải đi qua một bãi đất đầy những đồng cọc và cột kim loại. Một sợi dây thép của cái tời vắt ngang qua đường, Alex nắm lấy nó trèo qua, nhưng giờ thì bàn tay hẳn đã đầy một thứ mỡ đen nhầy nhựa rồi. Đúng lúc ấy tôi đi tới nơi: Alex chùi tay luôn lên vai tôi cho sạch, quệt mu rồi lại lòng bàn tay, một hành động không vì căm ghét cũng không nhạo báng gì. Hẳn sẽ ngạc nhiên, cái tên Alex cục súc khốn khổ ấy, nếu có ai cho hẳn biết rằng tôi phán xét hẳn, Pannwitz và vô số những tên xử sự như chúng, lớn hay nhỏ, ở Auschwitz hay bất cứ đâu, qua chính cái hành động ấy.

KHÚC CA CỦA ULYSSES

Chúng tôi có sáu người để cọ sạch phần bên trong của một bồn chứa xăng dưới đất; ánh mặt trời chỉ chiếu đến chỗ chúng tôi qua cánh cửa ra vào nhỏ. Đây là một công việc xa xỉ vì không bị ai kiểm tra, nhưng mà bị ẩm và lạnh một chút. Bụi gỉ sắt làm cay xè mắt và bao lấy miệng lấy họng chúng tôi thành một vị gần như vị máu.

Cái thang treo buộc ở cửa rung lên: ai đó đang đến. Deutsch dụi phắt điều thuốc, Goldner đánh thức Sivadjan, tất cả chúng tôi quay lại ra sức cọ cái thành bằng thiếc kêu ầm ỹ.

Nhưng không phải Vorarbeiter mà chỉ là Jean, Pikolo của Kommando chúng tôi. Jean là một sinh viên Alsatian, mặc dù đã hai mươi tư tuổi nhưng cậu ấy là Haftling trẻ nhất của Kommando Hóa. Thế nên cậu ta được giao chân Pikolo, nghĩa là người đưa tin, chịu trách nhiệm lau chùi lán, phân phát dụng cụ, rửa bát và kê sổ giờ làm việc của Kommando.

Jean nói trôi chảy tiếng Pháp và tiếng Đức. Vừa nhận ra đôi giày của cậu ta trên nấc thang cao nhất tất cả đều quay lại.

- Also, Pikolo, wasgibt es Neues?^[48]

- Qu'est-ce qu'il y a comme soupe aujourd- d'hui?^[49]

...Kapo hôm nay tâm trạng thế nào? Chuyện Stern bị hai lăm roi là sao? Ngoài trời thế nào? Đã đọc báo chưa? Hôm nay bếp thường dân tỏa ra mùi gì? Mấy giờ rồi?

Jean rất được quý ở Kommando. Cần phải biết cái chức Pikolo đã là một bậc khá cao trong ngôi thứ giữa các Prominent: Pikolo (thường là những người dưới mười bảy tuổi) không làm việc chân tay, được toàn quyền vét nôi phát

xúp và có thể quanh quẩn cả ngày gần lò sưởi: "vì thế" có quyền thêm nửa suất bánh, có nhiều khả năng thành bạn hay thân cận của Kapo và sẽ được tên này thái cho quần áo và giày cũ. Jean là một Pikolo tuyệt vời. Cậu ta lanh lợi và khỏe mạnh, nhưng đồng thời cũng rất tử tế và thân thiện: dù phải thực hiện ngoan cường dũng cảm cuộc đấu bí mật của riêng mình chống lại trại và cái chết, cậu ta vẫn không sao lãng việc gìn giữ những quan hệ nhân tính với những bạn tù thiệt thòi hơn. Mặt khác, cậu ta rất khéo léo và kiên nhẫn nên đã dành được cả sự tin tưởng của Alex - tên Kapo.

Đúng như hăn từng hứa hẹn, Alex tỏ ra là một con thú tàn bạo và không đáng tin. Trong lớp áo giáp làm bằng sự ngu xuẩn và dốt nát khủng khiếp, hăn chỉ có độc cái khả năng quản tù có được từ bản năng và kinh nghiệm. Hăn không bỏ lỡ cơ hội nào để tỏ ra tự hào vì dòng máu thuần chủng và cái tam giác màu lục của mình, thể hiện một sự coi thường ngạo mạn đối với những nhà hóa học rách rưới đói ăn của hăn: "Ihr Doktoren! Ihr Intelligenten!,, hăn châm chọc họ hằng ngày khi thấy họ vây quanh với những cái bát giơ sẵn chờ phát xúp. Hăn cực kỳ hạ mình phục tùng những Meister thường dân, còn với các SS thì hăn giữ quan hệ bạn bè thân mật.

Alex rõ ràng là sợ chuyện sổ sách của Kommando và những báo cáo công việc hằng ngày, Pikolo đã chọn dịp đó để tỏ ra hữu ích. Đó là cả một công trình cẩn thận, chậm rãi và tinh vi mà cả Kommando suốt một tháng trời nín thở theo dõi. Nhưng cuối cùng thì lớp phòng thủ của con quái đã bị hạ và Pikolo đạt được nhiệm vụ đó trong sự hài lòng của tất cả những người liên quan.

Chỉ riêng chuyện Pikolo không lợi dụng vị trí của mình đã khiến chúng tôi biết rằng lời nói của cậu ta rất có sức nặng, nhất là khi thể hiện bằng giọng điệu cần có và vào đúng lúc cần thiết. ã nhiều lần nó cứu cho vài người trong số chúng tôi khỏi bị đòn hay bị tố giác với bọn SS. Chúng tôi đã kết bạn từ một tuần nay, sau khi quen biết nhau trong một trường hợp ngoại lệ - khi có báo động máy bay. Nhưng sau đó, bị cuốn theo cái nhịp điệu khốc liệt

của Lager, chúng tôi không làm được gì hơn ngoài việc chào nhau vội vã ở nhà xí hay khu tắm rửa.

Bám một tay vào thang đu, Pikolo chỉ vào tôi, nói: "Aujourd'hui c'est Primo qui viendra avec moi chercher la soupe."^[50]

Cho đến tận hôm trước thì đó là việc của Stem, tay mắt lác người Transylvania, hẳn đang đen đui dính vào một vụ ăn cắp chổi ở nhà kho, thế là Pikolo đưa được tôi vào thế chân giúp việc trong Essenholen, phục vụ suất ăn hằng ngày.

Cậu ta leo ra ngoài, tôi vừa theo sau vừa chớp mắt vì ánh sáng ban ngày. Ngoài trời ấm áp, mặt trời làm bốc lên một mùi véc ni và nhựa đường nhẹ nhẹ từ đất khiến tôi liên tưởng tới những bãi biển mùa hè trong thời thơ ấu. Pikolo đưa cho tôi một trong hai đầu quang gánh rồi chúng tôi cất bước dưới bầu trời tháng Sáu trong xanh.

Tôi bắt đầu cảm ơn, nhưng cậu ta ngắt lời, không cần. Có thể thấy dãy Các pát phủ tuyết. Tôi hít thở không khí trong lành và cảm thấy nhẹ nhàng khác thường.

- Tu es fou de marcher si vite. On a le temps, tu sais^[51]. Nhà bếp còn cách một cây số. Sau đó sẽ phải quay về với cái thùng đựng đầy năm mươi lít treo trên đòn gánh. Một công việc khá nặng nhọc, nhưng có chặng đi dễ chịu không phải gánh gì, và dù sao cũng là cơ hội đáng ao ước để được mon men lại gần bếp.

Chúng tôi đi chậm lại. Pikolo quả là thành thạo, cậu ta đã chọn đường theo cách chúng tôi sẽ đi một vòng xa ít nhất là một cây số mà không gây nghi ngờ gì. Chúng tôi nói về nhà của mình, về Strasbourg và về Turin, về chuyện đọc, chuyện học hành của chúng tôi. Về mẹ chúng tôi: mọi bà mẹ mới giống nhau làm sao! Mẹ cậu ta cũng hay quở trách chuyện cậu ta không bao giờ biết mình có bao nhiêu tiền trong túi; mẹ cậu ta cũng sẽ ngạc nhiên nếu biết cậu ta trụ được, rằng cậu ấy vẫn trụ được ngày qua ngày.

Một tên SS đi xe đạp qua. Đó là Rudi, tên Blockfuhrer. Dừng lại, chú ý, bỏ mũ xuống. Sale brute, celui-là. Ein ganz gemeiner Hund."^[52] Với cậu ta nói tiếng Pháp hay tiếng Đức chả khác gì nhau thì phải? Không khác gì, cậu ấy có thể nghĩ bằng cả hai thứ tiếng. Cậu ấy đã ở Liguria một tháng, cậu ấy thích nước Ý và muốn học tiếng Ý. Tôi rất vui lòng dạy cậu ấy tiếng Ý: chúng ta không làm được sao? Làm được. Làm luôn ấy chứ, chẳng nào cũng thế, quan trọng là không để mất thời gian, không phí mất một tiếng đồng hồ này.

Tay người Roma - Limentani - lê bước ngang qua với một cái bát giấu dưới áo. Pikolo chăm chú nghe, cậu ta nghe được vài từ chúng tôi nói chuyện và vừa cười vừa nhắc lại: "Zup-pa, cam-po, ac- qua."^[53]

Tay chỉ điểm Frenkl đi qua. Nhanh chân lên, không biết thế nào được, cái thằng ấy chỉ thích hại người.

... Khúc ca Ulysses. Không hiểu tại sao và thế nào mà tôi lại nghĩ đến nó: nhưng chúng tôi không có thời gian chọn lựa, một tiếng đồng hồ không còn được một tiếng nữa rồi. Nếu Jean thông minh cậu ấy sẽ hiểu được. Sẽ hiểu thôi: hôm nay tôi thấy mình thật giỏi.

... Dante là ai? Thần khúc là gì? Nếu ta cố giải thích ngắn gọn Thần khúc là gì thì sẽ thấy cảm giác mới lạ lùng thế nào nhỉ. Địa ngục được chia thế nào, có những hình phạt gì. Virgilio là Lý trí, Beatrice là Thần học.

Jean rất chăm chú. Tôi bắt đầu, chậm rãi và chính xác:

... Tia cao nhất của ngọn lửa cổ xưa

Bắt đầu lay động và nói thầm thì,

Như đang lung lay trước gió.

Ngọn lửa chao đi đảo lại,

Như một cái lưỡi đang nói,

Rồi một giọng nói thoát ra, "Khi mà".

Đến đó tôi dừng lại và thử dịch. Tệ hại: tội nghiệp Dante và tiếng Pháp! Nhưng dù sao thì mọi việc cũng có vẻ hứa hẹn: Jean ngưỡng mộ sự tương đồng kỳ lạ của thứ tiếng mới, cậu ta gợi ý cho tôi những từ thích hợp để nghe có vẻ "cổ xưa".

Sau "Khi mà" là gì nhỉ? Mù tịt, trí nhớ của tôi thiếu mất một góc. "Trước khi Aeneas đặt tên cho vùng đất ấy." Một góc nữa thiếu. Láng máng mấy đoạn vô tác dụng "Cả tình thương của người cha già cả. Cả tình yêu đem lại hạnh phúc cho nàng Penelope", liệu có đúng không nhỉ?

... Thế là ta xông ra muôn trùng biển cả

Cái này thì được, cái này tôi chắc chắn, tôi có thể giải thích cho Pikolo cách phân biệt "tôi xông ra" không giống như "tôi đặt mình", nó mạnh và táo bạo hơn nhiều, là sự dứt bỏ, là ném mình sang bên kia rào cản, chúng tôi hiểu rõ sự bốc đồng ấy. Muôn trùng biển cả: Pikolo đã đi trên biển và cậu ấy hiểu câu ấy diễn đạt cái gì, khi chân trời biển vào chính nó, thoải mái tiến lên, đơn giản và không còn mùi gì khác ngoài mùi biển: những điều ngọt ngào xa xôi làm sao.

Chúng tôi đã đến Kraftwerk, nơi Kommando chuyên về đặt cáp làm việc. Kỹ sư Levi hẳn phải ở đây. Kia rồi, chỉ thấy cái đầu anh ta nhô lên khỏi cái hào. Anh ta vẫy tay chào tôi. Levi là người giỏi giang, tôi chưa bao giờ nhìn thấy anh ấy suy sụp tinh thần, không bao giờ anh ấy nói về chuyện ăn uống.

"Biển cả". "Biển cả". Tôi biết nó có vần với "bỏ rơi ta : Những chiến hữu không bao giờ bỏ rơi ta", nhưng tôi không nhớ nó đi trước hay đi sau. Và chuyến đi nữa, cái chuyến đi liều mạng bên kia những cột trụ của Hercules, thật đáng buồn khi phải kể lại như văn xuôi, thật báng bổ. Tôi chỉ nhớ được độc một câu, nhưng cũng đáng để dừng lại:

... Điềm mọi người chớ có vượt qua

vượt qua : phải vào đến Lager này tôi mới nhận ra cách diễn đạt như lúc trước, "xông lên".

Nhưng tôi không chia sẻ với Jean, tôi không chắc nhận xét ấy có quan trọng không. Còn bao nhiêu điều khác để nói, mặt trời đã lên cao, vội phát điên lên mất.

Đây, Pikolo chăm chú, mở tai và mở cả tâm trí của cậu ra, tôi muốn cậu hiểu rằng:

Hãy nghĩ về dòng dõi của chúng ta

sinh ra không phải để sống như súc vật

mà để theo đuổi đạo đức và trí tuệ

Dường như tôi đang nghe nó lần đầu tiên, như một tiếng thét vọng lên từ mộ, như giọng nói của Chúa. Trong giây lát tôi quên mất mình là ai, mình đang ở đâu.

Pikolo bảo tôi nhắc lại. Pikolo thật tử tế, cậu ấy nhận ra việc ấy tốt cho tôi. Hay còn điều gì nữa: có thể cậu ấy hiểu được cái thông điệp mặc dù tôi dịch rất chán, bình thơ tẻ nhạt và vội vã. Cậu ấy hiểu câu thơ liên quan đến mình, đến tất cả những gì con người phải vật lộn, đặc biệt là đến chúng tôi, liên quan đến hai chúng tôi - những kẻ đã dám suy ngẫm về điều này với đòn gánh xúp trên vai.

... Những bạn đồng hành của tôi náo nức

... tôi cố gắng, nhưng vô ích, thử giải thích chữ "náo nức" ở đây có nghĩa là gì. Lại sót mất một đoạn ở đây, lần này thì không tài nào cứu vãn được.

"Ngọn lửa bên dưới vàng trắng" hay tương tự thế, nhưng trước đó thì sao? Chẳng nghĩ ra gì cả, "keine Ahnung" như ở đây vẫn nói. Pikolo tha lỗi cho tôi nhé, tôi quên mất ít nhất là bốn khổ rồi.

- Ca ne fait rien, vas-y tout de même. ^[54]

... Khi một ngọn núi hiện lên sẫm màu

Còn cách xa mà hình như cao vợi vợi

Tôi chưa từng thấy bao giờ!

Phải rồi, "cao vợi vợi" (alta tanto) chứ không phải "rất cao" (molto alta), tính từ kép. Và núi, khi nhìn thấy núi từ xa... núi... Pikolo ơi, ơi Pikolo, nói gì đi, nói đi, đừng để tôi nghĩ về những dãy núi của mình, những ngọn núi hiện lên trên bóng đêm buổi tối mỗi khi tôi ngồi trên tàu từ Milan về Turin.

Đủ rồi, phải tiếp tục thôi, có những điều chỉ nghĩ chứ không nên nói. Pikolo nhìn tôi chờ đợi.

Tôi sẵn lòng cho đi suất xúp hôm nay để nối được câu "chưa từng thấy bao giờ" với đoạn kết. Tôi gắng sức dựng lại từ các vắn, nhắm mắt, cắn ngón tay nhưng chẳng ích gì, phần còn lại trống không. Vài câu khác nhảy múa trong đầu tôi: "mặt đất dầm nước nổi gió" ^[55], không, đó là cái khác. Muộn rồi, muộn mất rồi, chúng tôi đã đến bếp, phải kết thúc thôi:

Ba lần mũi tàu xoay tròn trong nước

Đến lần thứ tư thì đuôi tàu chống ngược lên trời

Rồi mũi tàu cắm xuống như ý ai đã muốn.. ^[56]

Tôi giữ Pikolo lại, cậu phải nghe, cực kỳ cần và cấp thiết, cậu phải hiểu cái câu "như ý ai đã muốn" trước khi quá muộn, ngày mai tôi và cậu có thể sẽ chết, hoặc không bao giờ gặp nhau nữa, tôi phải bảo cậu, phải giải thích với cậu về thời Trung Cổ, về cái hoàn cảnh lịch thời không ngờ tới nhưng sao nhân văn và thiết thực đến thế^[57]. Còn nữa, một thứ vĩ đại lắm mà chính bản thân tôi bây giờ mới thấy, trong một phút lóe lên của trực giác, lý do số phận của chúng ta, sao chúng ta lại ở đây...

Lúc này chúng tôi đã đứng xếp hàng chờ xúp, giữa cái đám đông bán thu thuế nhếch nhác của những người gánh xúp cho các lán khác. Những người mới đến xô vào lưng chúng tôi. "Kraut und Ruben? Kraut und Riiben." Xúp hôm nay được tuyên bố là xúp củ cải bắp cải: "Choux et navets. Kaposzta és répak."

"Cuối cùng trên chúng tôi biến cả khép lại rồi."

NHỮNG SỰ KIỆN MÙA HÈ

Trong suốt mùa xuân nhiều chuyến vận chuyển từ Hungary đã tới; bây giờ cứ hai người tù thì một là người Hung, tiếng Hung trở thành ngôn ngữ thứ hai của trại, chỉ sau tiếng Yiddish.

Tháng Tám năm 1944, chúng tôi - những người vào trại năm tháng trước - giờ được coi là ma cũ. Vì là ma cũ nên số tù ở Kommando 98 này không lấy làm ngạc nhiên là những lời hứa hẹn với chúng tôi và cả việc vượt qua kỳ thi hóa đều không tạo ra hệ quả gì. Chúng tôi không ngạc nhiên cũng chẳng rầu rĩ quá, thật ra tất cả trong tâm khảm đều có một nỗi sợ hãi những chuyện thay đổi. "Khi đổi chỉ có đổi thành tệ hơn", một trong những câu ngạn ngữ của trại đã nói thế. Hơn nữa kinh nghiệm đã vô số lần bắt chúng tôi chứng kiến những tiên đoán đủ kiểu đều tan thành mây khói: sao lại phải lo sợ để đoán tương lai khi mà mọi hành động, mọi lời nói của chúng tôi đều không thể thay đổi được mảy may nào. Chúng tôi là những Haftling ma cũ: sự thông thái của chúng tôi đúc kết trong câu “đừng cố mà hiểu”, không hình dung về tương lai, không hành hạ mình xem tất cả chuyện này sẽ kết thúc như thế nào, bao giờ; không hỏi ai, không tự hỏi mình câu nào hết.

Chúng tôi giữ lại những ký ức về cuộc sống trước đây, nhưng chôn vùi và chìm chúng xuống rất sâu, vì thế những ký ức ngọt ngào và buồn sâu sắc như ký ức của mỗi người về thời thơ ấu và những điều đã qua. Ngược lại, giây phút bước chân vào trại với mỗi người chúng tôi lại thuộc về một ký ức khác, ký ức gần và nặng nề, liên tục được hiện tại bồi thêm như một vết thương cứ mỗi ngày lại toác miệng.

Tin tức nghe được ở xưởng về cuộc đổ bộ của quân đồng minh xuống Normandie, chuyện quân Nga phản công, về cuộc tấn công thất bại của Hitler đã làm dấy lên những làn sóng hy vọng cháy bỏng nhưng cũng chóng qua. Tất cả đều cảm thấy sức lực của mình cạn kiệt từng ngày, long ham

sống nguội lạnh, tâm trí mờ mịt hơn. Normandie và Nga nghe sao xa lắc, còn mùa đông đã cận kề. Cái đói và sự cô đơn thì quá rõ ràng trong khi những gì còn lại đều hư ảo, hư ảo đến mức không thể tồn tại một thế giới nào, một thời kỳ nào khác ngoài cái thế giới đầy bùn của chúng tôi, ngoài cái chuỗi ngày căn cỗi trì trệ mà giờ đây chúng tôi không tài nào hình dung ra điểm kết.

Với con người sống trong một đơn vị đo thời gian bao giờ cũng có ý nghĩa của nó, thời gian càng dài nội lực của người trải qua nó càng cao lên; nhưng với chúng tôi từng giờ, từng ngày, từng tháng ị ạch trườn từ tương lai về quá khứ bao giờ cũng có vẻ quá chậm, trở nên một thứ vô giá trị không cần thiết mà chúng tôi chỉ muốn rũ đi càng nhanh càng tốt. Đã khép lại cái thời mà mỗi ngày trôi qua đều sống động, quý giá và không thể lấy lại được, trước mặt chúng tôi giờ đây là tương lai xám xịt và mờ mịt, như một rào chắn không thể vượt qua. Với chúng tôi, thời gian đã chấm hết.

Nhưng đến tháng Tám năm 1944 bắt đầu có những đợt ném bom xuống vùng thượng Silesia ngừng rồi lại ném không theo quy luật gì, kéo dài như thế suốt cả mùa hè, mùa thu cho đến tận khi xảy ra khủng hoảng thực sự.

Cái công việc tập trung cao độ khủng khiếp để cho ra đời Buna đột ngột dừng lại, và ngay lập tức gây ra những hoạt động rời rạc, điên cuồng và bột phát. Ngày khởi công dây chuyền sản xuất cao su nhân tạo mà hồi tháng Tám còn có vẻ sắp tới giờ dần dần bị hoãn lại, và cuối cùng thì bọn Đức thôi không nói đến chuyện đó nữa.

Công việc xây dựng bị đình lại, sức lực của đám vô số nô lệ kia được điều sang chỗ khác, và càng ngày càng tỏ ra hỗn loạn và thù địch, một cách thụ động. Lần kiểm tra nào cũng phát hiện ra những sai sót phải sửa chữa. Cái cỗ máy phức tạp vừa vất vả lắp xong mấy hôm trước lại phải tháo ra đưa đi. Phải dựng thật nhanh các tường bảo vệ và chỗ trú ẩn nhưng chỉ ngay lần thử đầu tiên đã lại thấy không hiệu quả và chắc chắn.

Chúng tôi đã từng tin rằng bất cứ thứ gì xảy ra cũng còn hơn việc lặp đi lặp lại cái chuỗi ngày giống hệt nhau và dài dai dẳng này, hơn sự cùng cực đều đặn và hệ thống ở Buna. Nhưng rồi chúng tôi đã phải đổi ý khi Buna bắt đầu vỡ thành từng mảnh rơi khắp xung quanh, tựa như trúng phải một lời nguyền mà chúng tôi cảm thấy mình cũng bị cuốn vào trong. Chúng tôi đã phải toát mồ hôi trong lớp bụi và những đồng đồ nát bốc khói, run rẩy như những con vật, dán mình xuống đất dưới cơn cuồng nộ của lũ máy bay. Ban đêm chúng tôi quay về trại, những đêm dài lộng gió của mùa hè Ba Lan, suy sụp vì vất vả và khô kiệt vì khát để rồi thấy trại tan hoang, không có nước để uống và tắm rửa, không có xúp cho những mạch máu đã cạn, không có điện sáng để mà bảo vệ miếng bánh của mình khỏi cơn đói của những kẻ khác và đến sáng hôm sau lại thấy đôi giày và quần áo của mình trong cảnh hỗn loạn tối tăm gào thét của Buna.

Bọn thường dân Đức ở Buna nổi điên, cơn thịnh nộ của người đang được bảo đảm bằng bình tĩnh khỏi cơn mê thống trị, thấy sự suy tàn của mình nhưng không muốn hiểu. Những Reichsdeutsche của Lager, kể cả bọn “chính trị” vào thời khắc nguy hiểm lại cảm thấy mỗi ràng buộc với nòi giống và quê hương. Sự kiện mới đã đưa những hận thù và không hiểu nhau chẳng chịt trước đây thành đơn giản hơn và chia lại trại thành hai phe; bọn “chính trị” cùng với bọn tam giác lục và bọn SS một phe, chúng nhìn thấy hoặc tin là mình nhìn thấy trên mỗi gương mặt chúng tôi vẻ chế nhạo của chiến thắng ngược dòng cũng như hần học của sự trả thù. Và vì đó cũng là điều chúng nghĩ nên sự hung bạo của chúng tăng lên gấp đôi.

Không một tên Đức nào có thể quên chuyện chúng tôi ở về phía bên kia: phía của những thần sấm khủng khiếp đang rạch nát bầu trời bá chủ của Đức, vượt lên trên mọi sự phòng thủ bẻ cong xương sống những công trình của chúng, ngày càng tàn sát gần hơn cho đến khi vào đến tận ngôi nhà chưa từng bị xâm phạm của dân tộc Đức.

Còn chúng tôi thì đã quá kiệt quệ, không thể thực sự sợ hãi. Số ít còn có thể đánh giá và cảm nhận đúng đắn thì tìm thấy trong những đợt ném bom hy

vọng và sức mạnh mới, những người mà cơn đói chưa đẩy được đến sự tê liệt hoàn toàn thì tận dụng những cơn hoảng loạn chung để tiến hành những chuyến mạo hiểm có nguy cơ đúp (ngoài việc có thể bị trúng bom thì trộm cắp trong tình trạng khẩn cấp sẽ bị phạt treo cổ) ở bếp của nhà máy và ở kho. Nhưng phần lớn thì hoàn toàn dừng dưng với những nguy hiểm và khốn khổ mới: đó không phải là sự cam chịu có nhận thức mà chỉ là sự trệ顿 của bọn súc vật đã nhờn đòn và không còn sợ bị đánh nữa.

Chúng tôi bị cấm vào hầm trú ẩn. Khi mặt đất bắt đầu rung chuyển, chúng tôi lê bước choáng váng khắp khiêng qua những đám khói hủy diệt của bom khói đến tận khu vực rộng lớn bỏ hoang, bắn thiêu căn cối gần hàng rào Buna. Đến đó chúng tôi nằm rạp xuống, người này đè lên người kia như đã chết, nhưng vẫn cảm nhận được sự ngọt ngào trong giây lát của cơ thể được nghỉ ngơi. Chúng tôi ngược mắt dừng dưng nhìn những cột khói và những tia lửa lóe lên xung quanh, và trong những giây phút thanh bình ấy, giữa những âm thanh đe dọa mà mọi người dân châu Âu đều biết rõ rằng tới chúng tôi nhặt những lá diếp và bông cúc còi cọc bị dày xéo cả trăm lần lên và nhai chúng rất lâu trong im lặng.

Khi báo động chấm dứt. Chúng tôi tòà từ các nơi về chỗ làm, vô số bây người câm lặng, đã trở với cơn giận của con người và vạn vật, và lại bắt tay vào công việc của mình, cái công việc giờ không chỉ đáng ghét như nó vẫn luôn như thế mà lại còn vô ích và vô nghĩa.

Trong cái thế giới chao đảo ngày càng sâu hơn bởi các điềm báo của một kết cục sắp đến, giữa những nỗi sợ mới, những hy vọng và những khoảng ngừng của chế độ nô lệ khắc nghiệt, tôi đã gặp Lorenzo.

Quan hệ giữa tôi và anh là một câu chuyện vừa ngắn lại vừa dài, vừa thầm lặng vừa bí hiểm, câu chuyện của một thời kỳ, một hoàn cảnh giờ đây đã bị xóa đi khỏi bất cứ hiện thực nào và vì thế tôi tin rằng hiểu được nó cũng khó như hiểu những diễn biến của truyền thuyết hay lịch sử đã xa.

Cụ thể mà nói thì câu chuyện chỉ có vài chi tiết: trong suốt sáu tháng, một thường dân Ý làm công nhân đã hằng ngày mang cho tôi một mẫu bánh và ít xúp thừa lấy từ khẩu phần của anh ấy, cho tôi một cái áo đã vá vúu nhiều, viết giúp tôi một cái bưu thiếp gửi về Ý và còn nhận thư trả lời giúp tôi. Anh không đòi cũng không chịu nhận bất cứ sự trả công nào cho tất cả những điều ấy, vì anh là một người tốt bụng và giản dị, anh không nghĩ rằng làm điều tốt là phải được trả ơn.

Tất cả những điều ấy không phải là ít. Và trường hợp của tôi không phải là duy nhất. Như tôi đã kể chúng tôi có nhiều mối quan hệ đa dạng với các thường dân, và nhờ vào đó để sống sót: nhưng đó là những mối quan hệ thuộc dạng khác. Các bạn tù của tôi trao đổi về chúng với cái giọng bí ẩn và đầy những ám chỉ mà người ta vẫn thường dùng để nói về quan hệ trai gái của mình: tức là như khi anh nói về những chuyến phưu lưu đáng tự hào và đáng để ghen tị, nhưng đồng thời ngay cả những kẻ ngoại đạo nhất cũng hiểu đó là những điều mà một người đúng đắn và trung thực sẽ không làm và vì thế cũng không lợi lộc gì tỏ ra thích thú quá chuyện ấy. Thế là các Haftling kể về những "người bảo trợ" và "bạn bè" thường dân với một sự phô trương kín đáo, không nêu tên để không tạo cho họ và nhất là không tạo cho mình những đối thủ không mong muốn. Những kẻ thành công nhất, những bậc thầy quyến rũ như Henri thì thậm chí không kể một tí nào, bọn họ lan truyền những thành quả của mình dưới một bức màn bí ẩn khả nghi, chỉ hở ra vài lời bóng gió hay ám chỉ được tính toán đủ khơi gợi cho người nghe cái danh tiếng không rõ ràng và bất an về ơn huệ họ có được từ những người quyền lực và hào phóng vô biên. Điều ấy nhằm vào một mục đích duy nhất: tiếng tăm về sự may mắn của mình. Thứ mà như chúng tôi đã nói sẽ cực kỳ có ích với người biết cách loan nó ra.

Tiếng tăm của kẻ quyến rũ, kẻ "xoay xở" tạo nên cùng một lúc sự ghen tị, khinh bỉ, coi thường và ngưỡng mộ. Ai để bị bắt quả tang đang ăn thứ "xoay xở được" sẽ bị coi là một lỗi nặng: ngoài chuyện ngu ngốc anh ta sẽ còn bị coi là cực kỳ không khiêm tốn và tế nhị. Và sẽ ngu ngốc láo xược không

kém nếu ai đó đặt những câu hỏi kiểu như: "ai cho anh đây? anh kiếm đâu ra đây? làm thế nào đây?" Chỉ những Số lớn ngu ngốc vô dụng không biết tự bảo vệ và không biết gì về những luật lệ của Lager mới đi hỏi những câu ấy. Không ai trả lời những câu ấy và nếu có trả lời thì sẽ là "Verschwinde, Mensch!", "Hau' ab", "Uciekaj", "Schiess in den Wind", "Va chier", tức là với một trong những biến thể của câu "Cút ra chỗ khác" mà kho tiếng lóng của trại vốn rất nhiều.

Có cả những người chuyên thực hiện các chiến dịch dò la kiên nhẫn và phức tạp để xác định ai là đối tượng hoặc nhóm nào anh ta chỉ huy, để sau đó tìm mọi cách hất cẳng người kia. Từ đó đã ra đời vô số những tranh cãi về ưu tiên, và người ta cay đắng thấy rằng một thường dân đã "vào tròng" bao giờ cũng béo bở hơn, và nhất là an toàn hơn so với một thường dân lần đầu tiếp xúc với chúng tôi. Người kia có giá trị hơn nhiều vì những lý do hiển nhiên về tình cảm và cách thực hiện: anh ta đã biết những vấn đề cơ bản của chuyện "xoay xở", về luật lệ cũng như các mối nguy hiểm, và nhất là anh ta đã tỏ ra mình vượt được qua rào cản về tầng lớp.

Trên thực tế đối với lớp thường dân này chúng tôi là những kẻ không thể động tới. Họ đều đoán già đoán non, nửa thương cảm nửa khinh bỉ rằng chúng tôi chắc đã phạm phải những lỗi lầm khủng khiếp bí ẩn nghiêm trọng lắm thì mới bị trừng phạt sống cái cuộc sống này và đi đến cái nông nỗi này. Họ ghét nghe chúng tôi nói đủ các thứ tiếng mà họ không hiểu và thấy kỳ cục như tiếng thú vật. Họ thấy chúng tôi phải nhục nhã làm nô lệ, không tóc tai, không danh dự cũng không tên tuổi, ngày nào cũng bị đánh đập và càng ngày càng khốn nạn hơn, nhưng lại không bao giờ thấy một tia phản kháng hay an bình hay tin tưởng nào trong mắt chúng tôi. Họ coi chúng tôi trộm cắp, không đáng tin cậy, đói khát bẩn thỉu đầy bùn và vì lẫn lộn giữa nguyên nhân và hậu quả, họ phán xét rằng chúng tôi chịu nhục thế là đáng đời. Họ không phân biệt được ai với ai trong lũ chúng tôi. Với họ tất cả là một lũ "Kazett", cùng một duộc.

Tất nhiên điều đó không ngăn cản nhiều người trong bọn họ thỉnh thoảng cho chúng tôi mẫu bánh và củ khoai, hay sau giờ phát "Zivilsuppe" đưa cho chúng tôi bát xúp của họ để vét nốt rồi rửa sạch đem trả họ. Họ làm thế để thoát khỏi ánh mắt đói khát cầu xin nào đó, hay vì một giây phút động lòng, hay chỉ vì tò mò muốn nhìn chúng tôi từ mọi hướng đổ xô tới tranh giành cái miếng ấy với nhau như bầy súc vật không biết kiềm chế cho đến khi tên khỏe nhất nuốt được vào mồm và những kẻ khác đành bẽ bàng bước thấp bước cao bỏ đi.

Giữa tôi và Lorenzo không có những chuyện đó. Và dù việc cố gắng giải thích những nguyên nhân đã giúp cuộc đời tôi - trong hàng nghìn những số phận tương đồng khác - đã trụ được qua thử thách có thể có ý nghĩa như thế nào đi nữa, tôi tin rằng mình còn sống đến hôm nay chính là nhờ anh. Không chỉ nhờ những giúp đỡ về vật chất của anh mà vì sự có mặt của anh. Cái kiểu tốt bụng nhẹ nhàng và tự nhiên của anh đã liên tục nhắc nhở tôi rằng vẫn còn một thế giới ngay bên ngoài cái thế giới của chúng tôi, còn có một điều gì đó, một ai đó vẫn trong sáng và tròn đầy, không bị nhiễm bẩn, không lây thù nghịch, xa lạ với lòng căm ghét và nỗi sợ hãi, một điều khó định nghĩa nổi, một mầm nhỏ nhoi của cái thiện, và do đó đáng để sống vì nó.

Nhân vật trong những trang sách này không phải con người. Tính người của họ đã bị vùi lấp, chính họ đã tự chôn nó vì sự xúc phạm phải chịu hay đã gây ra cho người khác. Những tên SS độc ác và bệnh hoạn, những Kapo, tù chính trị, tội phạm, Prominent lớn nhỏ cho đến những nô lệ Hafttling người này giống hệt người kia, tất cả các bậc trong cái hệ thống điên rồ bọn Đức dựng lên ấy đều bị gom lại đây nghịch lý trong một sự tồi tàn nội tâm giống hệt nhau.

Nhưng Lorenzo là một con người, tình người của anh thanh khiết, không bị vấy bẩn. Anh ở ngoài cái thế giới của những tiêu cực. Nhờ Lorenzo mà tôi đã không quên rằng bản thân mình cũng là một con người.

THÁNG MƯỜI NĂM 1944

Chúng tôi dùng hết sức lực của mình chiến đấu chống lại mùa đông đang đến. Chúng tôi bám chặt vào những giờ ấm áp, và mỗi hoàng hôn lại tìm cách níu kéo mặt trời ưu lại thêm một chút trên bầu trời, nhưng tất cả đều vô ích. Tối qua mặt trời lặn mất không thể cứu vãn được sau cái đám hỗn độn của sương mù bắn thủ xen lẫn với khói nhà máy và dây cáp. Và đến sáng nay thì đông về.

Chúng tôi biết mùa đông là gì vì đã ở đây mùa đông năm ngoái, những người khác thì cũng sẽ sớm hiểu được thôi. Có nghĩa rằng trong những tháng tới, từ tháng Mười đến tháng Tư, cứ mười người trong chúng tôi thì bảy người sẽ chết. Ai không chết thì cũng sẽ phải chịu đựng từng giây từng phút, từng ngày, tất cả các ngày: từ buổi sáng trước khi mặt trời lên đến tận lúc phát xúp buổi tối sẽ phải liên tục căng người, nhảy từ chân này sang chân kia, đập tay xuống dưới nách để chống đỡ cái lạnh. Sẽ phải bớt bánh mì để đổi lấy gừng, và nếu gừng rách lại mất hàng giờ không được ngủ để vá lại. Và vì không thể ăn ngoài trời được nữa, chúng tôi sẽ phải tiêu thụ các bữa trong lán, mỗi người chỉ có một gang mặt sàn để đứng ăn, trèo lên giường bị cấm tuyệt đối. Tất cả đều có những vết thương toác miệng trên tay, mà để có được một mẫu băng thì phải đứng chờ hàng giờ trong gió và tuyết.

Giống như việc cái đói của chúng tôi không phải cái cảm giác bị nhin một bữa ăn, cái lạnh của chúng tôi lẽ ra cũng phải có một cái tên khác. Chúng tôi nói "đói", chúng tôi nói "mệt", "sợ", "đau", chúng tôi nói "mùa đông" và những điều khác. Đó là những từ tự do, được những con người tự do tạo ra và sử dụng khi họ sống sung sướng hay đau khổ ở nhà mình. Nếu Lager tồn tại lâu hơn nữa thì chắc sẽ có một thứ ngôn ngữ chưa xót hơn ra đời vì sẽ cần một thứ tiếng diễn đạt rõ hơn thế nào là vất vả cả ngày trong gió lạnh,

hiệt độ dưới không độ, trên người chỉ phong phanh áo, quần đùi, quần và áo khoác, trong người chỉ có sự ồm yếu, đói khát và sự cảm nhận cái chết đang dần đến.

Cũng như khi người ta cảm thấy tắt đi một niềm hy vọng, chúng tôi thấy mùa đông đến sáng nay. Chúng tôi nhận ra nó khi ra khỏi lán đi rửa ráy: trời không sao, tối và có mùi tuyết. Ở sân Điểm danh khi chuẩn bị đi làm trong ánh sáng đầu ngày, không ai nói gì cả. Khi nhìn thấy những bông tuyết đầu tiên chúng tôi chạnh nghĩ nếu năm ngoái vào giờ này có ai bảo chúng tôi sẽ còn nhìn thấy mùa đông sau ở Lager thì có lẽ chúng tôi đã ra đâm đầu vào hàng rào điện cao thế, và bây giờ chúng tôi sẽ làm thế nếu còn minh mẫn, nếu không có sự điên rồ vô lý của hy vọng không thú nhận nổi.

Vì "mùa đông" còn mang đến một điều khác nữa.

Mùa xuân trước bọn Đức đã dựng hai cái lều khổng lồ trên một bãi trống của Lager chúng tôi. Mỗi cái lều trong mùa ấm áp chứa đến hơn nghìn người. Giờ đây hai cái lều đã bị dỡ đi, và hai nghìn người trọi lên đã khiến các lán của chúng tôi thành đông nghẹt. Những tên tù cũ chúng tôi biết rằng bọn Đức không thích cái kiểu phá quy tắc này và sớm hay muộn sẽ xảy ra điều gì đó để giảm số lượng tù xuống.

Các cuộc chọn lọc có vẻ đang đến gần. "Selekcja"; người ta nghe thấy cái từ lai giữa tiếng Latinh và tiếng Ba Lan ấy một lần, rồi hai lần, nhiều lần trong các cuộc trao đổi bên ngoài, lúc đầu chưa phân biệt được rõ ràng nhưng rồi bắt đầu khiến ta để ý, và cuối cùng thì hành hạ chúng tôi.

Sáng nay bọn Ba Lan nói "Selekcja". Bọn Ba Lan là những người đầu tiên biết tin, và tất nhiên là tìm cách bưng bít, vì biết được điều gì khi những người khác chưa biết bao giờ cũng là một lợi thu. Đến khi mọi người đều biết chọn lọc sắp diễn ra rồi thì bọn chúng cũng đã độc quyền được những gì ít ỏi có thể làm để thoát (đút lót bác sĩ hay Prominent nào bằng bánh hay

thuốc lá, chuyển từ lán vào Ka- Be hay ngược lại vào đúng lúc phù hợp để trốn đoàn kiểm tra).

Trong những ngày tiếp theo, không khí ở Lager và ở xưởng chỉ toàn "Selekcja": không ai biết gì chính xác nhưng ai cũng nói chuyện về nó, thậm chí cả những người công nhân tự do, Ba Lan, Ý, Pháp mà chúng tôi vẫn gặp một cách giấu giếm. Cũng không thể nói nó gây nên một làn sóng chán nản. Tinh thần chung của chúng tôi đã quá mờ mịt và bất hoại khó có thể bị chấn động. Cuộc chiến với cái đói, cái lạnh và công việc chữa lại quá ít chỗ cho việc suy ngẫm, kể cả những suy ngẫm kiểu này. Mỗi người phản ứng theo cách của mình, nhưng hầu như không ai có được cái phản ứng hợp lý, phản ứng thực hơn như chấp nhận hay tuyệt vọng.

Ai cố thử làm được gì thì thử, nhưng chỉ một số ít, vì rất khó thoát được khỏi bị xét chọn lọc, bọn Đức thực hiện việc này rất nghiêm túc và miễn cưỡng.

Ai không cố thử được gì cụ thể thì tìm cách tự vệ kiểu khác. Ở nhà xí, ở nhà vệ sinh, chúng tôi chỉ cho nhau xem ngực, hông, đùi và các bạn tù sẽ an ủi: "Cậu yên tâm được rồi, lần này chưa bị đâu... du bist kein Muselmann... còn tốt thì...", và đến lượt bọn họ tụt quần vén áo.

Không ai tiếc ai sự nhàn hậu ấy: không ai tự tin về mình đến mức có thể đang tâm phán xét người khác. Cả tôi cũng đã trơ tráo nói dối tay tù già Wertheimer, tôi bảo anh ta nếu có bị hỏi thì nhớ nói mình bốn mươi lăm tuổi thôi, và đừng có quên cạo râu đêm hôm trước dù có mất một phần tư suất bánh đi chẳng nữa. Ngoài chuyện ấy ra thì anh ta không phải sợ, đã chắc gì chọn lọc là để đưa vào phòng hơi ngạt, anh ta không nghe thấy Blockaltester bảo những người bị chọn sẽ chỉ phải đi Jaworszno chỗ trại an dưỡng hay sao?

Có điên thì Wertheimer mới hy vọng như thế: trông anh ta phải đến sáu mươi tuổi, bị giãn tĩnh mạch nặng, không cảm thấy gì nữa kể cả cơn đói.

Thế nhưng anh ta vẫn an tâm thanh thản quay về giường mình, và nếu ai hỏi anh ta sẽ đáp đúng như tôi đã bày cho. Đó là mặt khẫu của trại trong những ngày này, bản thân tôi cũng lặp đi lặp lại, chỉ trừ các chi tiết cụ thể. Tôi đã nghe thấy cả Chajim đọc thử chúng mặc dù anh ta đã ở Lager được ba năm và cực kỳ tự tin vì anh ta khỏe và to cao, và tôi tin vào chúng.

Tôi đã qua được đợt chọn lọc lớn năm 1944 một cách thanh thản kỳ lạ với cái nền đỡ mong manh ấy. Tôi thanh thản vì tôi đã có thể đối mình đủ để thanh thản. Còn chuyện tôi không bị chọn lại phụ thuộc nhiều nhất vào sự chẳng may, và vì thế không chứng tỏ niềm tin của tôi đã bén rễ chặt cho lắm.

Kể cả những người trông đã biết sẽ là nạn nhân bị chọn như Monsieur Pinkert cũng vậy, nhìn mắt ông ta là hiểu. Ông ta ra hiệu gọi tôi, và với vẻ tin cậy kể cho tôi nghe là ông ta biết được từ một nguồn không thể tiết lộ cho tôi rằng lần này đúng là khác: Tòa Thánh, thông qua tổ chức Chữ Thập Đỏ... Đến cuối chuyện bản thân ông cam đoan với tôi rằng sẽ không có bất cứ nguy hiểm gì, tuyệt đối là không với ông cũng như với tôi: ngày trước ông ta nổi tiếng vì làm nhân viên trong đại sứ quán Bỉ tại Vacsava.

Thế là bằng nhiều cách khác nhau, những ngày cuối cùng trước đợt chọn lọc ấy mà bây giờ nghe kể chắc sẽ nghĩ chúng phải kinh khủng vượt qua mọi sức chịu đựng của con người cũng đã trôi qua không khác mấy so với những ngày khác.

Hôm nay là ngày Chủ nhật phải làm việc, Arbeitssonntag: sẽ làm cho đến một giờ chiều, sau đó về trại tắm rửa, cạo râu tóc và kiểm tra chung bệnh ngoài da và chảy. Nhưng ở xưởng không hiểu tại sao tất cả đều biết chọn lọc sẽ vào ngày hôm nay.

Cũng như mọi khi cái tin ấy đến và được bao bọc trong một mớ những chi tiết đáng ngờ trái ngược nhau: ngay sáng nay đã có chọn lọc ở trạm xá, phần trăm chọn là bảy phần trăm trên tổng số, là ba mươi, là năm mươi phần trăm người ốm. Ở Birkenau ống khói lò thiêu xác đã phun được mười ngày nay

rồi. Phải dọn chỗ cho một đợt tù lớn đang từ khu Do Thái Poznan đến. Những người trẻ nói với người trẻ rằng sẽ chọn bọn già. Người khỏe nói với người khỏe là sẽ chọn bọn ốm đau. Những chuyên gia sẽ không bị. Do Thái Đức sẽ không bị.

Những Số nhỏ sẽ không bị. Anh sẽ bị chọn, tôi sẽ không bị.

Như thường lệ vào đúng một giờ chiều xưởng không còn ai nữa và cái đám đông xám xịt bất tận diễu qua trước hai trạm kiểm tra trong vòng hai tiếng – nơi bọn chúng hằng ngày đếm đi đếm lại chúng tôi - và trước cái ban nhạc chơi cũng liên hai tiếng những bản nhạc để chúng tôi nhịp bước đi theo, cả lúc đi lẫn lúc về.

Có vẻ như mọi chuyện vẫn như hằng ngày, ống khói bếp vẫn phun như bình thường, xúp cũng bắt đầu phát. Nhưng rồi tiếng còi vang lên, và thế là chúng tôi hiểu đã đến lúc rồi.

Vì tiếng còi ấy thường chỉ vang lên lúc bình minh, vào giờ đánh thức, nhưng nếu nó kêu vào ban ngày thì có nghĩa là "Blocksperre", tất cả vào trong lán. Điều này xảy ra khi có chọn lọc để sao cho không ai có thể trốn được, và vào lúc những người bị chọn lên đường đến phòng hơi ngạt để không ai nhìn thấy họ ra đi.

Blockaltester của chúng tôi rất biết nghề. Hắn kiểm tra chắc chắn xem chúng tôi đã vào hết chưa, khóa cửa lại, đưa cho mỗi người một tờ phiếu trên đó có số tù, tên, nghề nghiệp, độ tuổi và quốc tịch rồi ra lệnh cho tất cả cởi hết quần áo, chỉ giữ lại giày. Chúng tôi chờ đợi đoàn chọn lọc đến theo cách đó ở trần với tờ phiếu trong tay. Chúng tôi ở lán số 48 nhưng không ai biết sẽ bắt đầu chọn từ lán 1 hay lán 60. Nhưng kiểu gì thì chúng tôi vẫn còn được yên ít nhất là một tiếng nữa, và chẳng có lý do gì lại không chui lên giường, vào chăn mà sưởi ấm.

Nhiều người đã thiếp đi khi một loạt tiếng ra lệnh, chửi thề, và những cú đánh cho thấy đoàn chọn lọc đang đến. Blockaltester và những tên giúp việc cho hắn vừa hét vừa đâm lùa cái đám trần trụi hốt hoảng từ tít đầu kia của lán ra đằng trước và nhồi hết vào trong Tagesraum, tức là phòng quản lý hậu cần. Tagesraum là một căn phòng nhỏ bảy nhân bốn mét vuông: khi lùa xong thì trong Tagesraum là một khối người nén chặt nóng hổi, lan đến từng góc trong cùng và ép lên những tấm vách gỗ khiến chúng kêu lên răng rắc.

Bay giờ tất cả chúng tôi đã ở trong Tagesraum và ngoài chuyện không có thời gian thì chỗ cũng không có để mà sợ. Cảm giác da thịt nóng ẩm ép lên người mình từ khắp xung quanh lạ lẫm và không khó chịu. Chỉ cần cố hướng mũi lên lấy không khí thở và không làm nhàu hay mất cái phiếu cầm trong tay.

Blockaltester đóng cánh cửa thông giữa Tagesraum với chỗ ngủ và mở hai cánh cửa của hai phòng ấy thông ra bên ngoài. Ở đây, đằng trước hai cánh cửa là kẻ phán xét số phận chúng tôi, một tên hạ sĩ quan SS. Bên phải hắn là Blockaltester còn bên trái là nhân viên hậu cần của lán. Mỗi người trong chúng tôi trần truồng đi ra từ Tagesraum trong cái lạnh tháng Mười, sẽ phải đi nhanh mấy bước chân giữa hai cánh cửa trước mặt ba tên, nộp cái bảng cho tên SS và quay lại qua cửa phòng ngủ. Tên SS trong một phần mấy giây giữa hai lần đi, với một cái liếc trước mặt và sau lưng sẽ phán xét số phận của người đó và đưa cái phiếu cho tên bên trái mình hoặc tên bên phải mình, và điều đó sẽ là sự sống hay cái chết cho mỗi người trong chúng tôi. Cả một lán hai trăm con người được "làm" trong ba hoặc bốn phút, và chỉ trong buổi chiều là toàn bộ cái trại với mười hai nghìn con người.

Mắc kẹt^[58] giữa khối thịt da trong Tagesraum, tôi cảm nhận được mạch đập người giảm dần xuống quanh mình, và chẳng mấy chốc đến lượt mạch của chính tôi. Như tất cả tôi cũng đi với bước chân mạnh mẽ và mềm dẻo, cố giữ đầu cao, ngực ưỡn, căng và cố phô ra cơ bắp. Tôi liếc qua đuôi mắt mình và có vẻ như phiếu của tôi được đưa sang bên phải.

Dần dần chúng tôi quay vào trong khu ngủ và có thể mặc lại quần áo. Vẫn chưa ai biết số phận của mình sẽ thế nào, đầu tiên phải hiểu được phiếu bị chọn là phiếu chuyển sang bên trái hay bên phải. Giờ thì không cần dẫn đo mê tín hay nể nang người khác, tất cả vây lấy những người già nhất, ốm yếu nhất, những "muselmann" nhất: nếu phiếu của họ trao sang bên trái, bên trái chắc chắn là bên của những người bị kết án.

Trước khi chọn lọc xong tất cả đều đã biết bên trái đúng là bên "schlechte Seite", bên gở. Tất nhiên vẫn có những trường hợp vô lý: René chẳng hạn, trẻ khỏe như thế mà lại sang trái; có khi vì cậu ta đeo kính, có khi vì cậu ta đi hơi còng như người bị cận thị, nhưng nhiều khả năng nhất là bị nhầm: René đi qua trước mặt ban chọn lọc ngay trước lượt của tôi, có lẽ hai phiếu đã bị nhầm với nhau. Tôi nghĩ lại và nói với Alberto, chúng tôi nhất trí rất có thể là như thế. Tôi không biết ngày mai và sau này tôi sẽ nghĩ gì về điều ấy nhưng lúc bấy giờ thì nó chẳng gây cho tôi cảm xúc gì đặc biệt.

Tương tự như vậy, trường hợp của Sattler hẳn cũng bị nhầm, anh ta là một nông dân người Transylvania to lớn hai mươi ngày trước vẫn còn đang ở nhà mình. Sattler không hiểu tiếng Đức không hiểu tí gì về cái chuyện đang xảy ra và đang đứng yên trong góc sửa áo. Liệu tôi có phải ra bảo anh ta là anh ta không cần đến áo nữa không?

Không có gì để ngạc nhiên vì những lỗi nhầm đó: việc kiểm tra quá nhanh và sơ sài. Hơn nữa với ban quản lý của Lager quan trọng không phải là loại bỏ những người vô dụng nhất mà là dọn sạch chỗ dựa trên một tỉ lệ phần trăm đã xác định trước.

Giờ đã chọn xong ở lán chúng tôi nhưng vẫn còn tiếp tục ở những lán khác, vì thế chúng tôi vẫn bị khóa lại bên trong. Nhưng sau đó những thùng xúp đến, Blockkaltester quyết định sẽ phát luôn xúp. Những người bị chọn được phát gấp đôi. Tôi không bao giờ hiểu được đó là một ý tưởng nhân đạo điên rồ của Blockaltester hay một mệnh lệnh rõ ràng của bọn Đức, nhưng đúng là trong hai ba ngày (thỉnh thoảng còn lâu hơn nữa) từ khi bị chọn đến lúc lên

đường, những nạn nhân của Monowitz-Auschwitz được hưởng cái ưu tiên ấy.

Ziegler đưa cái bát ra, lắc lắc cái khẩu phần thường rồi đứng đó đợi. "Mày còn muốn gì nữa?" Blockaltester hỏi: hắn ta không nghĩ Ziegler được quyền có khẩu phần thêm và đẩy anh ta ra, nhưng Ziegler quay lại và nhẫn nhục xin nữa. Anh ta rõ ràng bị chuyển sang bên trái mà, Blockaltester cứ đi mà xem chỗ phiếu, anh ta có quyền nhận suất đó. Khi lấy được rồi, Ziegler lặng lẽ mang về giường ăn.

Giờ thì ai nấy đang cẩn thận dùng thìa vét đáy bát để vớt nốt những giọt xúp cuối cùng, một hồi còi hồi hả chói tai vang lên báo hiệu ngày đã hết. Mọi thứ dần trở nên yên lặng, từ giường mình ở tầng ba tôi nhìn thấy và nghe thấy người tù già Kuhn cao giọng cầu nguyện, mũ cầm tay, ngực đảo mạnh. Kuhn tạ ơn Chúa vì anh ta không bị chọn.

Kuhn thật ngu xuẩn. Anh ta không thấy ở giường bên cạnh Beppo - cậu người Hy Lạp mới hai mươi tuổi ngày kia sẽ đến phòng hơi ngạt - đang nằm nhìn chăm chăm ngọn cái đèn con, không nói gì cũng không nghĩ ngợi gì nữa. Kuhn không biết lần sau sẽ tới lượt anh ta sao. Kuhn không hiểu rằng cái sự việc kinh tởm xảy ra hôm nay là thứ mà không một lời cầu nguyện nào hay sự tha thứ nào, không một sự đền tội nào hay bất cứ một thứ gì trong tầm quyền lực của con người có thể chữa lành được nữa hay sao?

Nếu tôi là Chúa, tôi sẽ nhốt toẹt vào lời cầu nguyện của Kuhn.

KRAUS

Khi nào trời mưa thì chỉ muốn bật khóc lên được. Đang tháng Mười một, mưa đã mười ngày nay rồi, mặt đất như thể cái đáy đầm lầy. Cái gì bằng gỗ cũng bốc mùi mốc.

Giá như tôi được bước mười bước sang trái, có mái che, tôi sẽ trú được vào đó; tôi chỉ cần một cái bao để che vai, hay chỉ là một niềm hy vọng về một bếp lửa để sấy khô mình, hay may ra là một mảnh vải khô để chèn giữa lưng và lớp áo. Tôi nghĩ về những chuyện cấy giữa những nhát xẻng và thực sự tin có được mảnh giẻ khô quả là hết sức hạnh phúc.

Bây giờ thì không thể ướt hơn nữa được rồi, nhưng phải cố cử động càng ít càng tốt và nhất là không làm cử động mới để không có thêm chỗ da nao dính vào lớp quần áo ướt sũng và giá lạnh

May ma hôm nay trời không gió. Lạ thật, kiểu gì người ta cũng có được cái cảm giác là mình may mắn, là vẫn có một sự kiện nào đó, có thể là rất nhỏ, giữ ta lại trên bờ tuyệt vọng và cho phép ta sống được. Mưa, nhưng không có gió. Hay mưa và gió, nhưng anh biết là tối nay đến lượt anh được thêm súp, và thế là hôm nay anh tìm được sức mạnh để trụ đến tối. Hay hơn nữa, mưa, gió, đôi như thường, lúc đó nếu thực sự anh chỉ thấy trong tim mình sự chịu đựng và chán nản, điều đôi khi vẫn xảy ra, rằng mình đã chạm xuống đáy thật rồi, được, vậy nghĩ rằng nếu muốn, bất cứ lúc nào ta cũng có thể đâm đầu vào lưới điện cao thế, hoặc lao mình xuống dưới đoàn tàu đang chạy, và sau đó mưa sẽ ngừng rơi.

Chúng tôi bị kẹt trong đồng bùn này từ sáng, chân dang rộng, không lần nào nhấc lên khỏi hai cái vũng ăn sâu xuống mặt bùn nhão nhoẹt, lão đảo trên hông sau mỗi nhát xẻng. Tôi đứng ở khoảng giữa hố, Kraus và Clausner

dưới đây, Gounan đứng trên tôi ở ngang mặt đất. Chỉ Gounan là nhìn được xung quanh và bằng những âm thanh rời rạc báo động cho Kraus khi nào phải tăng nhanh tốc độ hay khi nào có thể nghỉ ngơi tùy theo ai đang đi qua. Clausner cuốc, Kraus xúc đất lên đưa cho tôi từng xèng một, tôi dần dần nâng lên cho Gounan xếp thành đồng bên cạnh. Những người khác dùng xe cút kít đưa chỗ đất đi đâu đó, chúng tôi không quan tâm, hôm nay thế giới của chúng tôi là cái hố bùn này.

Kraus lỡ tay, một đám bùn bay lên đập thẳng vào đầu gối tôi. Đây không phải lần đầu tiên, tôi bảo cậu ta chú ý nhưng không hy vọng gì: Kraus là người Hung, không hiểu mấy tiếng Đức, còn tiếng Pháp thì một từ cũng không biết. Cậu ta cao thật là cao, đôi mắt và gương mặt nhỏ không cân đối đến lạ, khi cười trông cậu ta như một đứa trẻ, mà lại hay cười. Cậu ta làm quá nhiều, quá hăng, chưa học được cái nghệ thuật ẩn của chúng tôi để biết tiết kiệm tất cả: sức lực, cử động, thậm chí cả suy nghĩ. Cậu ta chưa biết rằng thà chịu đánh còn hơn, vì thường không ai chết vì bị đánh nhưng chết vì kiệt sức thì có, lại còn tệ hơn ấy chứ, mà đến lúc nhận ra thì đã quá muộn rồi. Cậu ta vẫn nghĩ rằng... ôi không, Kraus tội nghiệp ời, cậu không biết suy xét mà chỉ là sự chân thực ngốc nghếch của bọn người làm thuê nhỏ mọn mà cậu ấy mang theo vào tận đây. Cậu ấy nghĩ ở đây cũng như ngoài kia nơi làm việc là trung thực và logic, lại có lợi nữa vì mọi người đều bảo ai càng làm việc nhiều bao nhiêu thì càng kiếm được và được ăn nhiều bấy nhiêu.

- Regardez-moi ça! Pas si vite, idiot!^[59]

Gounan từ trên cao quát xuống, rồi chợt nhớ ra anh ta dịch tiếng Đức: "Langsam, du blöder Einer, langsam, verstanden?" Kraus có thể tự giết mình vì kiệt sức nếu cậu ta muốn thế, nhưng không phải hôm nay khi mà chúng tôi làm việc theo dây chuyền và nhịp độ công việc phụ thuộc vào cậu ta.

Đây rồi, tiếng còi bên Các bua, bây giờ nhóm tù người Anh sẽ về, bốn giờ rưỡi rồi. Sau đó sẽ là nhóm các cô người Ukraine, lúc năm giờ, chúng tôi đã có thể vươn vai, bây giờ chỉ còn lượt đi về, điểm danh và kiểm tra chảy trước khi được nghỉ.

Đến lúc tập trung, "Antreten" từ tất cả các phía; và từ tất cả các phía những hình nhân đầy bùn đuổi chân tay co cứng mang dụng cụ về lán. Chúng tôi rút chân ra khỏi hố, cẩn thận để không bị tuột mất giày rồi đi, lảo đảo nhể nhại đứng vào hàng về trại. "Zu dreien", hàng ba. Tôi tìm cách đi cạnh Alberto, hôm nay làm việc tách nhau nên chúng tôi muốn hỏi ngay xem mọi chuyện thế nào. Nhưng ai đó đã thúc cho tôi một cú vào bụng thế là tôi tụt lại đằng sau, xem ai ở cạnh này, đúng Kraus.

Giờ chúng tôi bắt đầu đi. Kapo hô nhịp bước chân bằng một giọng nặng nề: "Links, links, links^[60]"; đầu tiên hơi đau chân, nhưng rồi sẽ ấm dần lên và sẽ bớt căng thẳng. Hôm nay cũng thế, cả cái ngày hôm nay mà buổi sáng có vẻ như dài bất tận không thể qua nổi này chúng tôi cũng đã sống hết từng phút một cho đến hết; giờ thì nó rũ xuống khép lại, và sẽ ngay lập tức bị lãng quên, nó đã không còn là một ngày nữa, không để lại một dấu ấn gì trong ký ức bất kỳ ai. Chúng tôi biết ngày mai cũng sẽ lại như hôm nay: có thể mưa nhiều hơn hoặc ít hơn một chút, có thể chúng tôi sẽ sang bên Các bua vác gạch thay vì đào đất. Hoặc ngày mai có thể chiến tranh sẽ kết thúc, hoặc chúng tôi sẽ bị giết hết, hoặc chuyển sang một trại khác, hoặc sẽ có một sự thay đổi lớn trong số những thay đổi mà từ khi Lager là Lager mọi người không ngừng đoán trước là sắp đến nơi rồi và chắc chắn lắm rồi. Nhưng ai có thể nghiêm túc nghĩ đến ngày mai cơ chứ?

Ký ức là một công cụ đáng ngạc nhiên: từ khi vào trại trong tâm trí tôi cứ vơ vẩn hai câu thơ mà một người bạn viết cho tôi từ lâu lắm rồi:

... cho tới một hôm

nói đến ngày mai không còn có nghĩa

Ở đây là thế. Các bạn có biết "không bao giờ" nói bằng tiếng lóng của trại thế nào không? "Morgen fruh", sáng mai.

Bây giờ là lúc "links, links, links, und links", giờ thì không được đi nhằm bước. Kraus vụng về và đã ăn một cái đá của Kapo vì không đi được thẳng hàng: và đấy, giờ thì cậu ta bắt đầu ra hiệu và cố nhả ra một thứ tiếng Đức khốn khổ, nghe này nghe này, cậu ấy muốn xin lỗi tôi vì chuyện năm bùn, cậu ta vẫn không hiểu chúng tôi đang ở đâu, phải nói dân Hung đúng là độc nhất vô nhị.

Đi đều bước và nói một câu chuyện phức tạp bằng tiếng Đức là quá nhiều, lần này đến lượt tôi nhắc cậu ta đang bước sai nhịp, tôi nhìn cậu ấy, và tôi thấy đôi mắt cậu ấy đằng sau những giọt mưa đang chảy trên mắt kính, đôi mắt của con người - Kraus.

Thế là đã xảy ra một chuyện quan trọng, và kể nó bây giờ cũng chính vì cái lý do mà vì thế nó đã xảy ra. Tôi đã nói chuyện rất lâu với Kraus: bằng tiếng Đức rất tệ, nhưng chậm, rời rạc và mỗi câu lại cố đảm bảo là cậu ta đã hiểu.

Tôi kể rằng tôi đã mơ được ở nhà mình, căn nhà nơi tôi sinh ra, ngồi với gia đình tôi, chân đế dưới bàn và trên bàn là nhiều, rất nhiều đồ ăn. Lúc ấy là mùa hè, và ở Ý: ở Napoli à?... ừ đúng đấy, đây không phải lúc giải thích chi tiết phụ. Thế rồi chuông cửa reo, tôi lo lắng đứng dậy đi ra mở cửa, và thấy ai biết không? Cậu, cái cậu Kraus Pasili này đây, nhưng đủ râu tóc, sạch sẽ và béo, ăn mặc như người tự do và cầm trong tay một cái bánh mì tròn. Loại hai cân vẫn còn đang nóng. Thế là: "Servus, Paisli, wie geht's?"^[61], và tôi thấy ngập tràn niềm vui, tôi mời cậu vào và giải thích với bố mẹ tôi cậu là ai, cậu đến từ Budapest, và tại sao cậu lại ướt thế: phải bởi vì cậu cũng ướt hết như bây giờ. Rồi tôi mời cậu ăn uống, cho một cái giường ấm áp để ngủ vì đã tối rồi, nhưng mà trời ấm áp tuyệt vời nên chỉ trong một lát chúng ta đã khô người. (Phải, vì cả tôi lúc ấy cũng ướt lướt thướt).

Cái cậu Kraus này hồi là dân thường hẳn phải tốt lắm: cậu ấy sẽ không sống lâu được ở trong này, điều đó có thể thấy từ cái nhìn đầu tiên, như một định lý toán học. Tôi tiếc mình không nói được tiếng Hung, sự xúc động của cậu ấy đang trào lên vỡ đập và biến thành một biển những từ tiếng Magyar không hiểu nổi. Tôi chẳng hiểu được gì ngoài tên tôi, nhưng từ những cử chỉ trang trọng tôi hiểu cậu ấy hứa và cầu chúc.

Tội nghiệp cậu ngốc Kraus. Nếu cậu ấy biết không phải thế, tôi hoàn toàn không mơ thấy cậu ta, với tôi ngoài một giây lát ngăn ngủi kia cậu ấy cũng chẳng là gì hết, cũng như tất cả ở dưới này đều chẳng là gì ngoài cái đói bên trong, cái lạnh và mưa bên ngoài.

DIE DREI LEUTE VOM LABOR

Chúng tôi vào trại từ mấy tháng rồi nhỉ? Đã bao nhiêu ngày trôi qua kể từ khi tôi được Ka-Be cho ra viện? Từ cái ngày thi hóa? Từ đợt chọn lọc tháng Mười?

Alberto và tôi thường hỏi nhau những câu như thế, và còn rất nhiều câu khác nữa. Khi vào đây chúng tôi có chín mươi sáu người, số người Ý chuyển vận chuyển số một trăm bảy mươi tư nghìn; hai mươi chín người sống được tới tháng Mười, rồi trong số đó lại có tám người bị chọn lọc. Bây giờ chúng tôi còn lại hai mươi mốt, mà mùa đông mới chỉ bắt đầu. Bao nhiêu trong số chúng tôi sẽ sống sót sang được năm sau? Bao nhiêu sống đến mùa xuân?

Từ nhiều tuần nay những cuộc ném bom đã ngừng lại, mưa tháng Mười một chuyển thành tuyết phủ kín những đồng đỗ nát. Bọn Đức và bọn Ba Lan đi làm bằng ủng cao su, mũ che tai bằng lông và áo khoác nhiều lớp, bọn tù người Anh có những chiếc áo khoác bằng da tuyết vời của chúng. Ở Lager của chúng tôi ngoài bọn được nâng đỡ thì không ai được phát áo khoác. Những người ở trong

Kommando chuyên môn như chúng tôi chỉ có độc quần áo mùa hè vì theo lý thuyết chuyên viên chỉ làm việc trong nhà.

Chúng tôi chuyên về hóa học, vì thế chúng tôi làm việc với những bao phenylbeta. Chúng tôi đã dọn sạch kho sau những đợt ném bom đầu tiên, dập đúng giữa hè: lúc ấy cái chất phenylbeta này dính chặt lấy người chúng tôi dưới lớp quần áo trên thân thể nhể nhại mồ hôi và cắn phá như bệnh ghẻ, da mặt chúng tôi bị lột từng mảng lớn. Sau đó ngừng ném bom, và chúng tôi mang các bao quay lại kho. Rồi kho lại bị ném bom, chúng tôi cứu các bao sang kho Xtiren. Còn bây giờ kho đã được sửa và lại cần chuyển những cái

bao ấy đi một lần nữa. Cái mùi gay gắt của phenylbeta ngấm vào bộ quần áo duy nhất của chúng tôi, đeo đẳng chúng tôi cả ngày lẫn đêm như một cái bóng. Cho đến bây giờ, lợi thế của việc nằm trong Kommando Hóa giới hạn ở những việc sau: những người khác nhận được áo khoác còn chúng tôi thì không, những người khác vác bao xi măng năm mươi cân, chúng tôi vác bao phenyl-beta sáu mươi cân. Biết nghĩ thế nào về cái kỳ thi hóa và những ảo tưởng hồi ấy? Trong mùa hè chuyện Phòng thí nghiệm của Doktor Pannwitz ở Bau 939 được nhắc đến tận bốn lần, và có tin đồn là sẽ chọn ra trong chúng tôi những nhà phân tích cho khoa Pô li me.

Giờ thì đủ rồi, giờ thì đã hết. Đây là cảnh cuối: mùa đông đã đến rồi và cùng với nó là trận chiến cuối cùng của chúng tôi. Không còn lý do gì do nghi ngờ đó sẽ không phải là trận cuối nữa. Bất cứ lúc nào trong ngày chúng tôi cũng thấy mình lắng nghe tiếng nói cơ thể mình, chất vấn thân thể mình và câu trả lời là duy nhất: chúng tôi không còn đủ sức. Mọi thứ xung quanh chúng tôi đều nói về chuyện suy sụp và kết thúc. Một nửa Bau 939 là một đồng tấm tôn biến dạng và các mảnh vỡ vụn, từ những ống dẫn khổng lồ trước đây vẫn gầm ra làn hơi cực nóng bây giờ đổ sụp xuống trên sàn, cong queo bám đầy tuyết xanh lơ và to như những cái cột. Buna bây giờ thật tĩnh lặng, khi gió thổi mạnh nếu căng tai có thể thấy những tiếng rung từ dưới lòng đất phát ra không rõ rệt, đó chính là mặt trận đang xích lại gần. Ba trăm tù nhân Do Thái ở Lodz mà bọn Đức đưa đi trước khi quân Nga tấn công đã đến trại: bọn họ mang đến tận chỗ chúng tôi lời kể về trận chiến huyền thoại ở khu Ghetto Do Thái Vacsava, kể cho chúng tôi bọn Đức đã tiêu hủy trại Lublin như thế nào: bốn súng máy đặt ở bốn góc và các lán bị đốt, từ năm trước rồi. Phía bên thường dân không hay biết gì cả. Không biết bao giờ thì đến lượt chúng tôi?

Sáng nay Kapo tiến hành chia các đội như lệ thường. Mười người của nhóm Clo Magiê đến chỗ Clo Magiê, và bọn họ lê bước lên đường đi một cách chậm rãi hết mức, vì Clo Magiê là một công việc rất nặng: sẽ phải ngâm đến

mắt cá chân cả ngày trong cái thứ nước mặn lạnh cóng sẽ ngấm vào giày, vào quần áo và da thịt. Kapo cầm một viên gạch ném vào đám người, cả bọn vung về tránh nhưng vẫn không đi nhanh lên thêm chút nào. Điều này giờ đã gần như thành thói quen, sáng nào cũng xảy ra và không phải bao giờ Kapo cũng định làm đau họ thật.

Bốn người bên Scheisshaus vào việc: thế là bốn người phụ trách việc xây nhà xí mới lên đường. Cần phải biết rằng từ khi có những chuyến tàu từ Lodz và Transylvania tới chúng tôi đã vượt khỏi con số năm mươi Haftling, và bộ máy quan liêu bí ẩn Đức kiểm soát những chuyện này đã cho phép chúng tôi được dựng thêm một "Zweiplatziges Kommandoscheisshaus", tức là một nhà vệ sinh hai chỗ dành cho Kommando chúng tôi. Chúng tôi không dừng dưng trước dấu hiệu phân biệt đã khiến Kommando của chúng tôi trở thành một trong số ít có thể khoe khoang về mình: tuy nhiên như thế cũng có nghĩa là không còn một trong những cách đơn giản nhất để trốn việc và để xoay xở với bên thường dân. "Noblesse oblige^[62]", Henri, cái tay vẫn còn nhiều mối hàng đã kết luận thế.

Mười hai người bên gạch. Năm người bên chỗ Meister Dahm. Hai người cho thùng. Bao nhiêu người vắng? Ba. Homolka vào Ka-Be sáng nay, Fabbro chết hôm qua, Francois chuyển không biết đi đâu và tại sao. Số thế là chính xác rồi, Kapo hài lòng ghi lại. Bây giờ ngoài những Prominent của Kommando thì chỉ còn tám người bên phenyl-beta chúng tôi. Và chuyện không ngờ đã đến.

Kapo bảo: Doktor Pannwitz thông báo với Arbeitsdienst là chọn ba Haftling cho Phòng thí nghiệm: 169509, Brackier; 175633, Kandel; 174517, Levi. Trong giây lát tai tôi ù lên, Buna chao đảo quanh tôi. Có ba Levi ở Kommando này, nhưng Hundert Vierundsiebzig Funf Hundert Siebzehn là tôi, không nghi ngờ gì nữa, tôi là một trong ba người được chọn.

Kapo nhìn chúng tôi với một nụ cười ghen ghét. Một người Bỉ, một người Rumani và một người Ý; chỉ là ba "Franzosen". Sao mà ba thằng Franzosen

này lại có thể được chọn vào cái thiên đường Phòng thí nghiệm nhỉ?

Rất nhiều bạn tù chúc mừng chúng tôi: đầu tiên là Alberto với niềm vui chân thật không một thoáng ghen tị. Alberto không có gì phản đối cái may mắn mà tôi vớ được, ngược lại cậu ấy lấy làm mừng, một phần vì tình bạn, một phần nữa vì cậu ấy cũng sẽ có lợi: chúng tôi giờ đã gắn bó với nhau qua một tình đồng minh cực kỳ thân thiết và vì thế mỗi miếng ăn "xoay xở" được sẽ được chia thành hai phần thật đều nhau. Cậu ấy không có lý do gì để ghen tị với tôi cũng còn vì cậu ấy không hy vọng cũng như mơ ước gì được vào Phòng thí nghiệm. Máu Alberto quá sôi sục thành thử người bạn không chịu bị chế ngự ấy của tôi không thể nghĩ đến việc đặt mình vào một khuôn khổ; bản năng của mình đưa cậu ấy đến nơi khác, chỗ những giải pháp, những chuyện không lường trước được, những chuyện phải ứng phó nhanh, những điều mới mẻ. Alberto không ngần ngại chọn những bất ổn, những trận đánh "hành nghề tự do" hơn là một công việc ổn định.

Trong túi tôi có một tờ giấy của Arbeitsdienst, viết rằng Haftling số 174517 với tư cách là chuyên viên được quyền có áo và quần lót mới và phải cạo râu vào thứ Tư hằng tuần.

Buna tan hoang nằm dưới lớp tuyết đầu mùa, im lặng và cứng nhắc như một xác chết khổng lồ. Ngày nào tiếng còi Fliegeralarm^[63] cũng rú lên, quân Nga chỉ còn cách có tám mươi cây số. Trung tâm điện đã đóng, những cái cột methanol không còn nữa, ba trong số bốn bình chứa khí ga dùng thắp sáng đã nổ tung. Mỗi ngày những tù nhân "cứu được" từ các trại trên khắp miền Đông Ba Lan lại bừa bãi đổ về trại của chúng tôi. Số ít đi làm việc, số nhiều chắc chắn sẽ đến Birkenau và Lò thiêu. Suất ăn bị cắt. Ka-Be quá tải, các E-Haftling đã mang đến trại bệnh ban đỏ, bệnh bạch hầu và bệnh sốt xuất huyết.

Nhưng Haftling 174517 đã được phong làm chuyên viên, và anh ta có quyền có áo và quần đùi mới, và sẽ phải cạo râu thứ Tư hằng tuần. Ai dám khoác lác là hiểu được cái bọn Đức này nhỉ.

Chúng tôi bước vào phòng thí nghiệm rụt rè, nghi ngờ và mất phương hướng như ba con thú hoang đi vào một thành phố lớn. Sàn ở đây mới trơn và sạch làm sao! Đây là một phòng thí nghiệm giống một cách ngạc nhiên với những phòng thí nghiệm khác. Ba dãy bàn làm việc dài, bày hàng trăm dụng cụ quen thuộc. Những đồ thủy tinh nhỏ giọt trong một góc, cái cân tiểu ly, một cái lò sưởi Heraeus, một máy đo nhiệt độ Hoppler. Cái mùi ở đây làm tôi nhảy dựng lên như bị roi quất: mùi hương liệu nhẹ nhàng của phòng thí nghiệm hữu cơ. Trong thoáng chốc nó mạnh mẽ gọi lên căn phòng lớn tranh tối tranh sáng của trường đại học, năm thứ tư, cái mùi của tháng Năm ở Ý, rồi vụt tắt.

Herr Stawinoga chỉ cho chúng tôi chỗ làm việc. Stawinoga là một người Đức-Ba Lan hãy còn trẻ, với khuôn mặt năng động nhưng đồng thời cũng mệt mỏi và buồn. Anh ta cũng là Doktor: bằng của anh ta không phải về Hóa mà về ngữ văn, nhưng dù sao anh ta cũng là trưởng phòng thí nghiệm. Anh ta không thích nói chuyện với chúng tôi lắm nhưng cũng không tỏ ra thiếu nhiệt tình. Anh ta gọi chúng tôi là Monsieur^[64], một điều thật lố bịch và làm chúng tôi lúng túng.

Nhiệt độ trong phòng thí nghiệm thật tuyệt: nhiệt kế chỉ 24 độ. Chúng tôi tự nhủ mình có thể cọ dụng cụ thủy tinh, quét nhà, mang những bình hydro, bất cứ việc gì miễn là được ở lại đây, và vấn đề mùa đông của chúng tôi sẽ qua. Và sau đó trong lần kiểm tra sau chuyện đói cũng sẽ không khó giải quyết. Họ có thực sự muốn lục soát chúng tôi mỗi ngày khi ra về không? Mà có thể đi chẳng nữa thì mỗi lần chúng tôi xin đi vệ sinh thì sao? Chắc chắn là không rồi. Mà ở đây thì có xà phòng, xăng, cồn. Tôi sẽ may cho mình một cái túi bí mật bên trong áo khoác, sẽ xoay xở với tên người Anh làm việc trong xưởng và buôn xăng. Để xem việc kiểm tra nghiêm ngặt cỡ nào: tôi ở Lager được một năm rồi, và tôi biết khi một người muốn ăn trộm thứ gì và dồn hết tâm huyết vào đó thì không có sự kiểm tra nào, không có kiểu lục soát nào có thể ngăn anh ta được.

Có vẻ như số phận đã thu xếp thông qua một con đường không ngờ tới để ba chúng tôi - đối tượng ghen tị của mười nghìn kẻ bị kết án - sẽ không bị lạnh và đói mùa đông này. Điều đó có nghĩa là nhiều khả năng sẽ không bị ốm nặng, sẽ không bị công, thoát khỏi bị chọn lọc. Trong những điều kiện đó, những kẻ thiếu chuyên nghiệp hơn chúng tôi về những việc ở Lager chắc sẽ thử hy vọng sống sót và sẽ nghĩ về tự do. Chúng tôi thì không, chúng tôi biết những việc này sẽ đi đến đâu; tất cả những thứ này là một tặng vật của số phận, và phải tận hưởng mãnh liệt hết sức có thể, và ngay lập tức; nhưng về ngày mai thì không có gì là chắc chắn. Miếng kính đầu tiên làm vỡ, lỗi đo sai đầu tiên, sơ suất đầu tiên, là tôi sẽ quay về mài mình trong gió và tuyết cho đến khi sẵn sàng cho Lò thiêu. Hơn nữa, ai mà biết được điều gì sẽ xảy ra khi quân Nga tới?

Vì quân Nga sẽ tới. Mặt đất rung chuyển cả ngày lẫn đêm dưới chân chúng tôi: trong cái im ắng trống trải của Buna giờ đây không dứt tiếng pháo văng vẳng chập chờn vọng lại. Không khí căng thẳng, một không khí quyết tâm. Những người Ba Lan không làm việc nữa, những người Pháp lại ngẩng cao đầu đi lại. Những người Anh nháy mắt với chúng tôi, và chào chúng tôi giấu giếm với ngón trỏ và ngón giữa giơ thành hình chữ V, mà không phải bao giờ cũng giấu giếm.

Nhưng bọn Đức là một lũ mù và điếc, bị lấp dưới cái lớp vỏ ngoan cố và cố tình không hiểu. Chúng lại một lần nữa lên lịch ngày bắt đầu khởi công nhà máy sản xuất cao su nhân tạo: sẽ vào mùng 1 tháng Hai năm 1945. Bọn chúng làm hào và hầm trú ẩn, sửa lại các chỗ hư hại, xây dựng tiếp; bọn chúng chiến đấu, ra lệnh, tổ chức và giết chóc. Chúng còn có thể làm gì nữa? Bọn Đức mà: cái cách phản ứng của chúng không chín chắn sâu sắc mà chỉ đi theo bản tính và số phận mà chúng đã chọn. Đâu có thể làm gì khác: nếu một cơ thể đang chết bị thêm một vết thương, dù cơ thể có chết ngay ngày hôm sau thì vết thương ấy vẫn bắt đầu lên da non.

Giờ đây mỗi sáng vào lúc chia các đội làm việc, Kapo gọi ba người của phòng thí nghiệm chúng tôi ra đầu tiên. “Die drei Leute vom Labor “.

Ở trại vào buổi sáng sớm và buổi tối tôi không có gì khác với đám đông tù, nhưng ban ngày ở chỗ làm tôi được ở trong nhà ấm áp, và không ai đánh tôi cả; tôi ăn trộm xà phòng và xăng bán đi mà không bị nguy cơ nào lớn, và tôi có thể sẽ có một phiếu thưởng để đi mua giày da. Hơn nữa việc ở đây có thể gọi là công việc thật không? Làm việc nghĩa là đẩy toa, vác tà vẹt, đập đá, đào đất, áp hai tay trần đẩy vào cái lạnh kinh hồn của sắt đóng băng. Còn tôi thì được ngồi cả ngày với quyển vở và cái bút chì, người ta thậm chí còn đưa cho tôi một cuốn sách để ôn lại các phương pháp phân tích. Tôi có ngăn kéo để để mũ và găng, còn khi nào muốn ra ngoài thì chỉ việc báo với Herr Stavvinoga, anh ta không bao giờ nói không cũng chẳng hỏi gì nếu tôi về muộn, trông như chính anh ta đang phải chịu đựng cái cảnh đổ nát xung quanh mình.

Những bạn tù ở Kommando ghen tị với tôi, họ như thế là phải; chẳng lẽ tôi lại không hài lòng sao? Nhưng đến sáng khi tôi khó nhọc thoát khỏi những làn gió dữ dội đặt được chân vào bậc cửa phòng thí nghiệm thì cái điều vẫn luôn xảy ra trong những thời khắc ngưng chiến lại vọt ra trong tôi, từ những lúc ở Ka-Be cho đến những ngày Chủ nhật được nghỉ: nỗi khổ ghi nhớ lại, niềm ao ước cháy bỏng xa xưa được cảm thấy mình là một con người mà chỉ cần nhận thức từ bóng tối đến hiện tại là lập tức cháy bùng lên. Thế là tôi cầm lấy nút chì và vở, viết vào đó những điều tôi không biết nói cùng ai.

Ở đây còn có các cô gái nữa. Không biết bao nhiêu tháng rồi tôi không nhìn thấy một người con gái? Ở Buna chúng tôi cũng hay gặp những công nhân nữ người Ukraine hay Ba Lan, mặc quần và áo khoác da, chắc nịch và dữ tợn hết như đàn ông xứ ấy. Mùa hè trông họ mờ mờ hồ hồ nhếch nhác, còn mùa đông thì to sù trong đồng quần áo. Họ làm việc bằng cuộc xêng, và chúng tôi không hề cảm thấy ở bên mình có phụ nữ.

Ở đây thì khác. Đứng trước các cô gái của phòng thí nghiệm ba chúng tôi thấy xấu hổ và lúng túng chỉ muốn chui xuống đất. Chúng tôi biết về ngoài của mình thế nào: chúng tôi nhìn nhau và thấy như đang soi mình trong một tấm gương trong. Chúng tôi trông lở bịch và phát tím. Cái sọ trọc lóc vào ngày thứ Hai, còn đến thứ Bảy thì phủ một lớp mốc màu nâu ngẩn. Mặt chúng tôi phù nề vàng ửng, lúc nào cũng có vết xước vì tay thợ cạo vội vàng và thường xuyên thâm tím, sứt sẹo. Cổ chúng tôi dài và gồ lên như gà bị lột da. Quần áo chúng tôi hẳn không thể tin được, đây vết bùn, máu và dầu mỡ. Cái quần của Kandel chỉ ngắn đến nửa bắp chân, để lộ ra mắt cá chân lồi xương lông lá; áo khoác của tôi thì rũ xuống vai như đang phủ lên cái mắc áo. Người chúng tôi đầy bọt chết và thường phải gãi không biết ngượng; chúng tôi cứ suốt ngày xin đi vệ sinh nhiều đến phát xấu hổ. Những đôi giày bằng gỗ thì ẩm ỉ không chịu nổi, luân phiên bám đầy hoặc là bùn hoặc là dầu mỡ.

Và còn cái mùi của chúng tôi nữa, chúng tôi quen rồi nhưng các cô gái thì không, và họ không bỏ lỡ cơ hội nào để tỏ rõ chuyện ấy. Không phải cái mùi khi ít tắm rửa mà là mùi của Haftling, gây gây nồng nồng mà chúng tôi đã ngửi thấy khi đến Lager, cái mùi bốc lên dữ dội từ chỗ ngủ, từ giường, từ chỗ tắm rửa và từ nhà xí của Lager. Mùi ấy ám vào người ngay lập tức và không rũ đi được nữa: "trẻ mà đã hôi thối", chúng tôi vẫn thường chào đón bọn tù mới bằng câu đó.

Với chúng tôi mấy cô gái này giống như các sinh vật ngoài trái đất. Có ba cô trẻ người Đức, thêm Fraulein Liczba, cô người Ba Lan làm thủ kho và Frau Meyer làm thư ký. Họ có làn da mượt mà hồng hào, quần áo đẹp sắc sỡ, sạch sẽ và ấm áp, những mái tóc vàng dài và chải kỹ; họ nói chuyện rất duyên dáng và có học. Lễ ra phải giữ phòng thí nghiệm sao cho ngăn nắp, sạch sẽ thì họ chui vào góc hút thuốc, công khai ăn bánh mì phết bơ và mứt, giữa móng tay, làm vỡ rất nhiều đồ thủy tinh rồi tìm cách đổ tội cho chúng tôi. Khi quét nhà họ quét cả vào chân chúng tôi. Bọn họ không nói chuyện với chúng tôi, và nhăn mũi lại khi thấy chúng tôi đi vào phòng thí nghiệm,

nhọt nhọt, khốn khổ, vụng về bấp bênh trong đôi giày gỗ. Một lần tôi hỏi Fraulein Liczba chuyện gì đó, cô ta không trả lời mà quay sang Stawinoga với vẻ khó chịu và nói nhanh với anh ta. Tôi không hiểu câu đó, nhưng từ “stinkjude” (Do Thái hôi hám) thì nghe rõ, và máu trong người tôi ứ lại. Còn Stawinoga bảo tôi có bất cứ câu hỏi gì trong công việc cũng phải hỏi thẳng anh ta.

Những cô gái ấy cũng hát như mọi cô gái ở các phòng thí nghiệm khác trên trái đất này, điều đó làm chúng tôi buồn sâu sắc. Họ nói chuyện với nhau: về phiếu phát đồ, về người yêu, về nhà cửa, về những ngày lễ sắp tới...

- Chủ nhật cậu có về nhà không? Mình không về: đi lại bất tiện quá.

- Giáng sinh mình mới về. Chỉ hai tuần thooh, rồi sau đó lại chờ đến Giáng sinh sau: không thể tin được, năm nay trôi đi nhanh thế!

... Năm nay trôi đi nhanh thế. Năm ngoái giờ này tôi là một con người tự do, ngoài vòng luật pháp nhưng tự do, tôi có một cái tên và một gia đình, có một trí tuệ sang láng sôi động, và một cơ thể khỏe mạnh nhanh nhẹn. Tôi đã từng nghĩ đến bao điều: công việc của tôi, khi chiến tranh kết thúc, đến cái thiện và cái ác, về bản chất sự vật và về những quy luật chi phối cách hành xử của con người; tôi còn nghĩ về núi non, về ca hát, về tình yêu, về âm nhạc, về thơ. Tôi có một niềm tin lớn lao, sâu sắc và ngu ngốc vào sự tốt đẹp của số kiếp, bị giết hay phải giết với tôi là những điều xa lạ, chỉ có trong sách vở. Có ngày vui có ngày buồn, nhưng giờ đây tôi thương tiếc tất cả, ngày nào lúc ấy cũng mãnh liệt và tích cực, những điều sẽ đến hứa hẹn một trời phong phú. Từ cái cuộc đời ấy giờ tôi chẳng còn gì ngoài những thứ vừa đủ để chịu đói, chịu lạnh, tôi giờ đây thậm chí còn không đủ sức sống để kết liễu đời mình nữa.

Nếu nói tiếng Đức giỏi hơn tôi đã có thể cố giải thích tất cả những điều ấy cho Frau Meyer, nhưng chắc chắn cô ta sẽ không hiểu, và nếu cô ta có đủ thông minh và tốt bụng để hiểu đi chẳng nữa thì cũng không thể chịu đựng

được tôi khi đến gần, cô ấy sẽ trốn khỏi tôi như người ta tránh động chạm vào một con bệnh không thể chữa khỏi hay một tử tù. Hoặc có thể cô ta sẽ cho tôi một phiếu thưởng để lấy nửa lít xúp bên thường dân. Năm nay trôi đi sao mà nhanh thế.

NGƯỜI CUỐI CÙNG

Giờ đã gần Giáng sinh. Alberto và tôi vai sát vai đi trong đám tù dài xám xịt, khom người về phía trước chịu gió. Đêm xuống rồi, lại có tuyết nên không dễ mà đứng thẳng được, lại càng khó để đi đều bước và giữ thẳng hàng: thỉnh thoảng ai đó phía trước vấp và ngã lăn xuống bùn đen, cần cẩn thận tránh anh ta ra rồi đứng lại vào chỗ của mình trong hàng.

Từ khi tôi vào phòng thí nghiệm, Alberto và tôi làm việc xa nhau và trên đường về trại chúng tôi có rất nhiều chuyện để nói. Thường thì không phải những thứ cao xa lắm: chỉ là công việc, các bạn tù, bánh mì, cái lạnh. Nhưng từ một tuần nay thì có chuyện mới: Lorenzo mang cho chúng tôi mỗi tối ba đến bốn lít xúp của các công nhân Ý là thường dân. Để giải quyết chuyện đem xúp về chúng tôi đã phải kiếm cái thứ ở đây gọi là “Menaschka”, tức là một cái cặp lồng ngoại cỡ bằng kẽm, to như cái xô chứ không phải cặp lồng. Silberlust, tay thợ thiếc, đã làm nó từ hai miếng ống máng để đổi cho chúng tôi lấy vài suất bánh mì. Quả là bình chứa tuyệt vời, chắc chắn, chứa được nhiều và mang đặc thù của một dụng cụ thời đồ đá.

Trong cả trại chỉ có vài tay Hy Lạp có được cặp lồng to hơn cái của chúng tôi. Cái cặp lồng ngoài tác dụng vật chất của nó còn cải thiện đáng kể vị trí xã hội của chúng tôi ở trại. Một menaschka như của chúng tôi là một chứng chỉ quý tộc, một kiểu gia huy: Henri trở thành bạn của chúng tôi và trò chuyện với chúng tôi một cách ngang hàng; L. thì nói với một giọng cha chú hết lòng; còn Elias thì bám chặt lấy chúng tôi, một mặt để lảng tránh dò la bí mật cách “organisacja” của chúng tôi, mặt khác thì trút lên chúng tôi một loạt câu bày tỏ không hiểu nổi về tình cảm và gắn bó, hét điếc tai chúng tôi một điệp khúc những câu chữ thề, những lời lẽ tục tĩu kỳ quặc bằng tiếng Ý và tiếng Pháp không hiểu học được ở đâu để thể hiện sự kính trọng với chúng tôi.

Về mặt đạo đức của cái vị thế mới này Alberto và tôi buộc phải nhất trí rằng không có gì để tự hào cả, nhưng cũng dễ dàng tìm ra các cách tự phân bua. Hơn nữa cái việc có thêm nhiều chuyện mới để nói với nhau cũng là một lợi thế không thể bỏ qua.

Chúng tôi bàn về kế hoạch mua thêm một cái menaschka thứ hai để thay đổi với cái thứ nhất, như thế chúng tôi sẽ chỉ phải đi mỗi ngày một lần đến cái góc xê của xưởng chỗ Lorenzo làm việc. Chúng tôi nói chuyện về Lorenzo và cách trả ơn anh ấy. Sau này khi chúng tôi trở về thì tất nhiên rồi, chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể cho anh ấy, nhưng nói về chuyện sau này làm gì cơ chứ? Anh ấy cũng như chúng tôi đều biết rõ chúng tôi khó mà quay về được. Cần phải làm cái gì ngay, chúng tôi có thể thử chữa giày cho anh ấy trong xưởng giày của Lager, chỗ đó được sửa giày miễn phí (nghe có vẻ ngược đời nhưng về lý thuyết thì ở trại tập trung mọi thứ đều miễn phí). Alberto nhất trí: cậu ấy là bạn của tay phụ trách xưởng, có khi vài lít xúp là đủ.

Chúng tôi nói chuyện về ba vụ làm ăn mới nhất của mình, và đồng ý với nhau rằng không nên để lộ ra vì những lý do bí mật chuyên môn hiển nhiên, tiếc thật, uy tín của chúng tôi lẽ ra có thể tăng lên đáng kể.

Vụ đầu tiên là sản phẩm của tôi. Biết là Blockaltester 44 không có chổi, tôi đã lấy trộm một cái từ kho, nhưng chỉ lấy không thì không có gì đặc biệt cả. Khó là ở chỗ làm sao mang được chổi vào Lager trong lúc đi đều về trại, và tôi đã giải quyết chuyện ấy bằng một cách độc đáo, xẻ cái đồ ăn trộm ấy thành ba mảnh: phần chổi quét và cái cán, rồi chia đôi cán. Tôi đưa riêng từng mảnh (hai mảnh cán buộc chặt vào đuôi dưới lớp quần, sau đó ghép lại tại Lager bằng một mảnh sắt, búa và ít đinh. Toàn bộ công việc chỉ mất có bốn ngày.

Trái với sự lo lắng của tôi, khách hàng không chỉ không chê cái chổi mà còn đưa cho bọn bạn của hăn xem cái vật ngộ nghĩnh ấy, và tôi nhận được thêm đơn đặt hàng cho hai cái chổi khác “cùng loại đấy”.

Còn Alberto thì có trò khác. Đầu tiên cậu ấy chấm dứt “vụ lưỡi lam” đã thực hiện thành công được hai lần. Alberto đến kho dụng cụ và xin mượn lưỡi lam, và chọn lấy một cái khá to. Tên thủ kho ghi “một lưỡi lam” cạnh số tù của cậu ấy. Alberto đi ngay đến chỗ một thường dân an toàn (một tên bất lương hàng đầu người Trieste tinh ranh hơn cả quỷ sứ và giúp Alberto vì thích những trò này hơn là vì lợi nhuận hay nhân đức). Tên này không khó khan gì đổi lưỡi lam to thành hai lưỡi lam nhỏ trên thị trường tự do, hoặc còn hơn nữa. Alberto trả “một lưỡi lam” về kho còn lưỡi kia thì bán.

Mấy ngày nay thì cậu ấy đang hoàn thiện tuyệt tác của mình, một sự phối hợp táo bạo, mới mẻ và lịch lãm độc nhất vô nhị. Cần phải biết rằng từ vài tuần nay Alberto có một nhiệm vụ đặc biệt: buổi sang ở xưởng cậu ấy được giao cho một cái xô đựng kim, tuốc nơ vít và hàng trăm nhãn bằng cel-luloid nhiều màu khác nhau để dán lên những cái kẹp tương ứng nhằm phân biệt các loại ống dài đủ kiểu dẫn nước nóng, nước lạnh, khí, khí nén, ga, dầu, chân không v.v... chạy ngang dọc trong Khoa Pô li me. Cũng cần phải biết rằng (chuyện này có vẻ không liên quan gì, nhưng thiên tài chẳng phải nằm trong việc tìm thấy hay tạo ra mối liên hệ giữa những chuyện xuất phát từ ý tưởng hoàn toàn xa lạ sao?) tất cả Haftling chúng tôi không ưa gì chuyện tắm vì rất nhiều lý do (nước ít, lạnh hoặc quá nóng, không có chỗ thay quần áo, không có khăn lau, không xà phòng và trong lúc vắng mặt bắt buộc sẽ rất dễ bị trộm). Nhưng vì tắm là bắt buộc nên các Blockaltester phải có một cách kiểm tra để có thể phạt những người không chịu tắm. Không chỉ thế, một tay chân tin cẩn của Block sẽ đứng cạnh cửa trong vai Poliphemus^[65], sờ lên từng người đi ra xem có ướt không. Ai ướt sẽ được một phiếu, ai khô thì sẽ nhận ngay năm gậy. Sáng hôm sau chỉ ai đưa phiếu ra mới được nhận bánh mì.

Alberto chú ý đến mấy cái phiếu kia. Thông thường thì chúng là những mẫu giấy khốn khổ, được trả lại trong tình trạng ướt, nhàu và không nhận dạng nổi. Alberto hiểu tính bọn Đức và trường phái Đức: bọn chúng si mê trật tự, hệ thống, thủ tục và mặc dù là những kẻ thô lỗ, nóng nảy, côn đồ, bọn chúng

lại có một sự thích thú rất trẻ con với những thứ đồ lấp lánh và nhiều màu sắc.

Chủ đề là thế, còn đây là sự triển khai xuất sắc: Alberto đã giấu đi một loạt nhãn các màu, mỗi nhãn cậu ấy làm ba mẫu tròn nhỏ (dụng cụ cần thiết là cái đục lỗ thì tôi xoay xở được ở phòng thí nghiệm), khi được hai trăm mẫu, đủ cho một Block, cậu ấy mang đến chỗ Blockaltester và chào cái "Spezialitat" ấy với một cái giá điên rồ là mười suất bánh trả dần. Khách hàng mừng rỡ chấp nhận và giờ thì Alberto sở hữu một mặt hàng thời thượng ăn khách ở tất cả các lán, mỗi lán một màu (không một Blockaltester nào muốn mình là kẻ hà tiện hay lạc hậu). Nhất là không sợ bị cạnh tranh vì chỉ mình cậu ấy có nguyên liệu để làm hàng. Tính toán thế có giỏi không cơ chứ?

Chúng tôi vừa nói những chuyện ấy vừa vấp vào hết bãi bùn này đến bãi bùn khác, ở trên là bầu trời tối đen còn dưới chân là bùn. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện. Tôi cầm hai cái cặp lồng rỗng còn Alberto mang cái menaschka đầy đặn ấm áp. Lại các điệu của ban nhạc, rồi nghi thức "Mutzen ab", trước mặt bọn SS lộ ngay mũ ra; lại một lần nữa Arbeit Macht Frei, rồi thông báo của Kapo: "Kommando 98, zwei und sechzig Haftlinge, Starke stimmt", sáu mươi hai tù, đủ rồi: Nhưng vẫn chưa được rời hàng, chúng tôi phải đi đến tận sân Diễm danh. Sẽ diễm danh hay sao? Không phải. Chúng tôi nhìn thấy ánh sáng thô bạo của ngọn đèn pha soi rõ hình dáng cái giá treo cổ.

Các đội tiếp tục đi về trong hơn một tiếng sau nữa, tiếng đế gỗ đập xuống nền tuyết đóng băng chát chúa. Khi tất cả các Kommando đã vào ban nhạc đột nhiên câm bặt, một giọng Đức rè ra lệnh im lặng. Trong cái yên lặng bất an ấy, một giọng Đức khác cất lên, giận dữ nói khá lâu vào màn đêm thù nghịch. Và đến cuối cùng thì kẻ chịu án bị lôi ra trong quầng sáng của ngọn đèn pha.

Tất cả những sự phô trương, những nghi thức dã man này không lạ gì với chúng tôi. Từ khi vào trại tôi đã chứng kiến mười ba lần treo cổ trước toàn trại thế này rồi, nhưng những lần khác thường là xử những tội thông thường, ăn cắp ở bếp, phá hoại, tìm cách trốn. Lần này thì khác.

Tuần trước một trong những Lò thiêu của Birkenau đã bị nổ tung. Không ai trong số chúng tôi biết (và có thể sẽ không ai biết) việc ấy đã thực sự diễn ra như thế nào. Mọi người nói tới Sonderkommando, Kommando đặc biệt phụ trách phòng hơi ngạt và lò. Đơn vị ấy bị triệt tiêu định kỳ và được giữ bí mật với toàn bộ phần còn lại của trại. Vài trăm người ở Birkenau, cũng làm nô lệ kiệt sức như chúng tôi đã tìm thấy sức mạnh để cùng lên, để biến nỗi căm ghét của họ thành hành động.

Cái người sẽ chết trước mặt chúng tôi là một trong số họ. Thấy bảo anh ấy có quan hệ với những người nổi loạn ở Birkenau và đã mang vũ khí vào trại của chúng tôi. Anh ấy định châm ngòi cho một cuộc nổi loạn đồng thời giữa hai trại. Hôm nay anh ấy sẽ chết trước mặt chúng tôi, có thể bọn Đức không hiểu rằng cái chết đơn độc, cái chết dành cho anh ấy sẽ mang đến cho anh không phải ô nhục mà là sự vinh quang.

Khi bài diễn thuyết bằng tiếng Đức không ai hiểu gì kết thúc, cái giọng rè rè lại cất lên: "Habt ihr verstanden?", Các người có hiểu không?

Ai đã đáp "Jawohl"? (Có ạ). Tất cả và không ai cả: tựa như sự cam chịu đáng nguyên rủa của chúng tôi tự động cất lên một tiếng nói chung đâu đó trên đầu chúng tôi. Tất cả nghe thấy tiếng thét của người đang chết, nó xuyên qua lớp rào cản đồ sộ lâu đời của sự trì trệ và quy phục, đập vào cái lõi vẫn đang sống của phần người còn trong mỗi chúng tôi:

- Kamaraden, ich bin der Letzte (Các bạn, tôi là người cuối cùng).

Tôi những muốn kể rằng trong chúng tôi, trong cái đám đông xám xịt ấy cất lên một giọng nói, một tiếng than, một dấu than, một dấu hiệu hưởng ứng! Nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Chúng tôi đứng yên, không lưng xám xịt, đầu

cúi xuống, và chúng tôi chỉ bỏ mũ ra khi tên Đức ra lệnh. Cái bọc đồ xuống cơ thể người đàn ông giãy giụa khủng khiếp. Ban nhạc lại cất tiếng, và chúng tôi lại trật tự xếp hàng đi đều đều qua trước những cơn co giật của người hấp hối.

Dưới chân giá treo cổ, bọn Đức đứng nhìn chúng tôi; công trình của chúng đã hoàn thành, hoàn thành tốt đẹp. Giờ thì quân Nga có thể đến: không còn nổi một người mạnh mẽ trong số tù, người cuối cùng giờ đang treo lơ lửng trên đầu chúng tôi. Với những người khác chỉ vài sợi dây treo cổ là đủ. Quân Nga có thể đến, họ sẽ chẳng tìm thấy gì ngoài lũ chúng tôi đã quy phục, đã tắt ngấm, chỉ xứng bụng xuôi đến cái chết đang chờ chúng tôi.

Phá hủy một con người là điều khó, khó gần như khi tạo ra, không dễ dàng gì, không nhanh, nhưng chúng mày đã làm được, bọn Đức kia. Chúng tao đây, thuần phục dưới cái nhìn của bọn mày, chúng mày chẳng có gì phải sợ nữa: không một hành động phản kháng, không một lời thách thức, thậm chí không một cái nhìn phán xét.

Alberto và tôi quay về lán, không dám nhìn thẳng vào mặt nhau. Người đàn ông ấy chắc kiên cường lắm, chắc phải có một tính cách khác với chúng tôi. Cái hoàn cảnh khiến chúng tôi gục ngã đã không khuất phục nổi anh ta.

Vì chúng tôi cũng gục ngã, cũng bị chế ngự: mặc dù chúng tôi biết cách thích nghi, dù cuối cùng chúng tôi cũng học được cách tìm thức ăn cho mình chịu đựng sự vất vả và cái lạnh, dù chúng tôi có được trở về.

Chúng tôi đã đưa cái menaschka lên giường, đã chia phần và thỏa mãn cơn đói dữ dội hằng ngày. Còn giờ đây, nỗi hổ thẹn đè nặng lên chúng tôi.

MƯỜI NGÀY CUỐI

Từ nhiều tháng nay chúng tôi nghe thấy tiếng pháo quân Nga đã văng đến từng hồi. Đến ngày 11 tháng Giêng năm 1945 tôi bị tình hồng nhiệt và lại được đưa vào chữa ở Ka-Be. “Infektionsabteilung”: một căn phòng thật ra cũng khá sạch sẽ với mười cái giường hai tầng, một cái tủ, ba cái ghế và một ngăn nhỏ có cái xô để giải quyết nhu cầu cá nhân. Tất cả trong ba nhân năm mét vuông.

Trèo lên giường tầng trên rất khó vì không có thang, nên khi bệnh nhân ốm nặng thì sẽ được chuyển xuống tầng dưới.

Khi vào đó tôi là người thứ mười ba, mười hai người kia thì bốn người bị tình hồng nhiệt - hai người tù chính trị Pháp và hai thanh niên Do Thái Hung, ba người bị bạch hầu, hai người bị thương hàn và một người bị viêm quầng nặng trên mặt trông rất kinh. Hai người còn lại thì bị không chỉ một bệnh và kiệt quệ không thể tưởng tượng được.

Tôi bị sốt cao. May mắn được một cái giường cho riêng mình, tôi nhẹ nhõm co người lại, yên tâm vì biết mình có quyền nghỉ bốn mươi ngày cách ly, nghĩa là bốn mươi ngày nghỉ ngơi. Tôi tự thấy mình cũng còn sức để không lo ngại nếu bị biến chứng từ tình hồng nhiệt và cũng không phải lo sẽ bị chọn lọc.

Nhờ vào kinh nghiệm giờ đã khá nhiều về những việc ở trại, tôi mang được theo mình các thứ đồ cá nhân: một cái thắt lưng bằng dây điện xoắn lại, một cái thìa kiêm dao, một cái kim với ba đoạn chỉ, năm cái cúc và cuối cùng là mười tám viên đá lửa ăn trộm được ở phòng thí nghiệm. Mỗi viên ấy nếu mài bằng dao thật kỹ thì sẽ được ba viên nhỏ hơn, kích cỡ vừa cho một bật lửa bình thường. Chúng có giá bằng sáu đến bảy suất bánh mì.

Tôi ở đó bốn ngày yên tĩnh. Ngoài trời có tuyết và rất lạnh, nhưng lán được sưởi ấm. Tôi được phát thuốc sunpha liều cao, buồn nôn kinh khủng và không ăn được, cũng không muốn nói chuyện.

Hai người Pháp mắc tinh hồng nhiệt rất dễ mến, đó là hai anh tỉnh lẻ vùng Vosges ới vào trại được mấy ngày theo một chuyến chở thường dân bị bọn Đức càn quét khi chúng rút khỏi Lorraine. Người già hơn tên là Arthur, anh ta là nông dân, thấp và gầy. Người kia nằm cùng giường với anh ta tên là Charles, anh ta ba hai tuổi, làm giáo viên. Charles khoog có sơ mi mà chỉ là một cái áo ngủ mùa hè ngắn cũn cỡn.

Đến ngày thứ năm tay thợ cạo đến. Hẳn là một người Hy Lạp vùng Salonica: hẳn chỉ nói được thứ tiếng Tây Ban Nha hay ho ở vùng đó, nhưng thứ tiếng nào cũng biết vài từ. Tên hẳn là Askenaxi, ở trại được ba năm rồi. Không hiểu làm sao mà hẳn kiếm được cái chân "Frisor" này ở Ka-Be, hẳn không nói được cả tiếng Đức lẫn tiếng Ba Lan và cũng không phải loại cực kỳ xấu xa. Trước khi vào bên trong tôi nghe thấy hẳn nói chuyện sôi nổi rất lâu với bác sĩ vốn là đồng hương của hẳn. Hẳn có vẻ khác bình thường, nhưng vì cách diễn đạt của bọn Levantine này khác với chúng tôi nên tôi không hiểu hẳn đang sợ hãi hay mừng rỡ, hay xúc động. Hẳn cũng biết tôi, hoặc ít nhất cũng biết rằng tôi là dân Ý.

Khi đến lượt mình, tôi cẩn thận leo từ giường mình xuống. Tôi hỏi hẳn bằng tiếng Ý xem có chuyện gì không: hẳn dừng tay cạo, nheo mắt nghiêm nghị đầy ngụ ý, hất cằm ra phía cửa sổ rồi vung mạnh tay về phía Tây:

- Morgen, alle Kamarad weg. ^[66]

Hẳn trợn mắt nhìn tôi như chờ tôi sẽ sững sờ, rồi thêm: "Todos todos", rồi lại tiếp tục công việc của mình. Hẳn biết tôi có mấy viên đá lửa nên cạo cho tôi khá nhẹ nhàng.

Cái tin ấy không hề gợi lên trong tôi một cảm xúc cụ thể nào. Từ nhiều tháng nay tôi đã không còn biết đau đớn, biết vui hay sợ hãi ngoại trừ mấy

cái cảm giác xa cách đặc thù của Lager này, những cảm xúc mà ta có thể gọi là bị chi phối.

Tôi hoàn toàn tỉnh táo. Alberto và tôi đã thấy trước từ lâu rồi những nguy hiểm sẽ đến khi trại bị sơ tán hay được giải phóng. Với cả điều Askenazi báo mang đến cũng chỉ là khẳng định thêm cái tin đã lan ra nhiều ngày nay rồi: quân Nga đã ở Censtochowa, cách đây một trăm cây số về phía Bắc, đã ở Zakopaxe, cách đây một trăm cây số về phía Nam, rằng ở Buna bọn Đức đã chuẩn bị bom để đánh sập nhà máy.

Tôi nhìn gương mặt những người cùng phòng mình, rõ ràng là không cần phải nói chuyện này với họ, vì họ sẽ trả lời tôi “ Ừ thì sao?", và câu chuyện sẽ chấm dứt ở đó. Nhưng mấy người Pháp thì không, họ chỉ mới vừa đến đây.

- Các anh biết chưa? tôi nói với bọn họ, ngày mai sơ tán trại đấy.

Họ trút vào tôi một đồng câu hỏi: "Sơ tán đi đâu? Đi bộ à?... Cả người ốm nữa à? Thế những người không đi nổi thì sao?" Bọn họ biết tôi là tù cũ và hiểu tiếng Đức, và đoán chắc là tôi biết nhiều hơn nhiều những gì tôi chịu nói ra.

Tôi không biết gì nữa cả: tôi bảo với họ thế nhưng bọn họ cứ tiếp tục hỏi. Thật là khó xử. Nhưng cũng phải thôi, họ mới chỉ đến Lager có mấy tuần, vẫn chưa học được là ở đây người ta không hỏi han gì.

Buổi chiều tay bác sĩ người Hy Lạp đến. Hắn thông báo trong số những người ốm thì tất cả những người còn đi lại được sẽ được cấp giày và quần áo rồi lên đường ngày hôm sau cùng với những người khỏe mạnh, chặng đi khoảng hai mươi cây số. Những người khác sẽ ở lại Ka-Be với những hộ lý chọn ra từ số bệnh nhẹ hơn.

Tay bác sĩ trông vui vẻ một cách bất thường, hình như hân say. Tôi biết hắn, một người có học, thông minh, ích kỷ và tính toán. Hắn còn bảo tất cả mọi

người sẽ được nhận gấp ba suất bánh bình thường không phân biệt người đi hay ở lại, và điều đó khiến các bệnh nhân vui lên thấy rõ. Chúng tôi hỏi hẳn rồi mình sẽ thế nào, hẳn bảo có thể bọn Đức sẽ bỏ mặc chúng tôi cho số phận. Không, hẳn không nghĩ chúng tôi sẽ bị chúng giết. Hẳn chẳng thêm cố che đậy điều ngược lại, sự vui vẻ của hẳn có ý riêng của nó.

Hẳn đã trang bị đồ để lên đường. Khi hẳn vừa ra khỏi, hai thanh niên người Hung bắt đầu trao đổi rộn lên với nhau. Bọn họ đã bắt đầu hồi phục nhưng vẫn còn rất yếu. Người ta thấy rõ họ sợ phải ở lại với những người ốm khác và quyết định sẽ lên đường cùng những người khỏe mạnh. Lúc ấy không còn lý trí nữa rồi, bản thân tôi nếu không cảm thấy mình quá ốm yếu thì chắc tôi cũng hành động theo bản năng số đông, nỗi sợ hãi là một thứ truyền nhiễm rất mạnh và con người sợ hãi sẽ nghĩ đến chuyện chạy trốn đầu tiên.

Ở ngoài kia trại đang náo loạn bất thường. Một trong hai bệnh nhân Hung đứng lên, đi ra ngoài và lát sau quay lại với một ôm quần áo rách nát. Chắc anh ta lấy từ kho đồ chuẩn bị chuyển đi tẩy trùng. Anh ta và bạn vợ vã mặc quần áo choàng vào người hết mảnh giẻ này đến mảnh giẻ khác. Người ta có thể hiểu họ đang cố đặt mình vào một sự đã rồi trước khi chính nỗi sợ lại khiến họ thay đổi quyết định. Yếu ớt như họ mà nghĩ đến chuyện đi bộ dù chỉ một giờ thôi cũng đủ ngu xuẩn lắm rồi, ngoài trời thì đang tuyết, mấy đôi giày nhặt được phút cuối cùng này thì rách nát. Tôi thử cố khuyên giải họ, nhưng họ chỉ nhìn tôi không đáp. Đôi mắt họ như mắt thú hoảng loạn

Trong giây lát tôi chợt nghĩ có khi họ có lý. Rồi họ vụng về trèo qua cửa sổ ra ngoài. Tôi nhìn theo hai cái bọc không ra hình thù gì lảo đảo đi vào bóng tối. Họ không quay lại nữa. Rất lâu sau tôi mới biết họ đã không theo được và bị bọn SS bắn chết chỉ vài giờ sau khi chặng đi bộ bắt đầu.

Tôi cũng cần phải có một đôi giày: rõ là như thế. Nhưng phải mất có lẽ đến một tiếng để chiến thắng cơn buồn nôn, cơn sốt và sự trì trệ. Tôi tìm được một đôi ở hành lang. Những người khỏe mạnh đã lục cả kho giày của bệnh nhân và mang đi những đôi tốt nhất: những đôi tẻ nhất, đế nứt và cọc cạch

vương vãi khắp kho. Chính ở đó tôi gặp Kosman, tay người Alsace. Trước đây khi tự do anh ta làm phóng viên thường trú cho Reuter ở Clermont-Ferrant. Anh ta cũng đang kích động đến mất trí, bảo tôi: "Nếu cậu về được trước thì nhớ viết thư cho thị trưởng Metz là tôi đang về nhé."

Kosman khá nổi tiếng trong giới Prominent, vì thế sự lạc quan của anh ta khiến tôi thấy vững tin hơn và tôi dùng nó để tự biện minh cho sự trì trệ của mình. Tôi giấu giày đi và quay về giường.

Đến khuya tên bác sĩ Hy Lạp lại quay lại, đeo túi trên tay và một túi ngủ dùng khi đi núi. Hắn vút lên giường tôi một cuốn tiểu thuyết Pháp: "Cầm lấy, đọc đi, anh chàng Ý. Cậu sẽ trả cho tôi khi nào gặp lại nhau nhé." Cho đến hôm nay tôi vẫn cầm thù cái câu nói đó của hắn. Hắn biết rõ chúng tôi đã bị kết án.

Cuối cùng thì Alberto bất chấp điều cấm đến chào tôi qua cửa sổ. Cậu ấy đã là một phần không tách rời của tôi, chúng tôi được coi là "bọn hai tên Ý", thậm chí những bạn tù nước ngoài còn nhầm tên chúng tôi với nhau. Chúng tôi ngủ chung giường từ sáu tháng nay, và chia sẻ từng gam thức ăn xoay xở được thêm. Cậu ấy thì đã bị tinh hồng nhiệt từ nhỏ rồi nên bây giờ không bị lây từ tôi. Và thế nên cậu ấy sẽ đi, còn tôi ở lại. Chúng tôi chào nhau, không cần phải nói gì nhiều, chúng tôi đã nói cho nhau mọi chuyện của mình không biết bao nhiêu lần. Chúng tôi không tin sẽ phải xa nhau lâu. Alberto kiếm được một đôi giày da to, còn khá tốt. Cậu ấy thuộc cái loại bao giờ cũng kiếm ra được thứ mình cần.

Cậu ấy cũng vui vẻ và tin tưởng như tất cả như những người sẽ lên đường. Điều ấy hoàn toàn hiểu được: một chuyện mới mẻ, vĩ đại đang xảy ra: chúng tôi cảm nhận được quanh mình một sức mạnh mới không phải của bọn Đức, cảm nhận được cái thế giới đáng nguyên rủa quanh chúng tôi đang vỡ vụn thành từng mảnh. Hay ít nhất đó cũng là điều mà những người còn khỏe mạnh cảm thấy, vì dù mệt mỏi và đói khát đến đâu họ vẫn đang có thể đi lại được. Nhưng còn chúng tôi, những kẻ quá yếu, không quần áo, không giày

thì lại suy nghĩ cảm nhận theo cách khác, rằng từ ngày mai trong tam trí chúng tôi sẽ chỉ còn cái cảm giác tê liệt rằng mình hoàn toàn bất lực trong bàn tay số phận.

Tất cả những người còn khỏe mạnh đã ra đi vào cái đêm ngày 18 tháng Giêng năm 1945 ấy (chỉ trừ vài người được khuyến nhủ đến phút cuối cùng đã cởi đồ trốn vào một buồng trạm xá). Bọn họ có tất cả khoảng hai mươi nghìn người đến từ nhiều trại khác nhau. Hầu như tất cả đã bỏ mạng trong chuyến đi bộ sơ tán: Alberto cũng nằm trong số ấy. Ai đó sẽ viết lại câu chuyện của họ.

Còn lại chúng tôi trong cái ổ của mình, đơn độc với cơn bệnh, và sự trì trệ còn lớn hơn cả nỗi sợ hãi.

Toàn Ka-Be có khoảng tám trăm bệnh nhân. Trong phòng chúng tôi giờ còn lại mười một người, mỗi người một giường trừ Arthur và Charles nằm cùng nhau, cỗ máy khổng lồ của Lager đã tắt nhịp, và mười ngày sống bên lề thế giới và thời gian của chúng tôi bắt đầu.

18 tháng Giêng. Trong cái đêm đi sơ tán bếp của trại vẫn hoạt động, và sáng hôm sau trạm xá phát xúp lán cuối cùng. Trạm phát điện cho máy sưởi bị bỏ trống, trong các lán vẫn còn lưu lại chút hơi ấm nhưng mỗi giờ trôi qua nhiệt độ lại giảm thêm xuống và có thể thấy rằng chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ bị lạnh. Ngoài trời dễ phải tới âm 20 độ trong khi phần lớn các bệnh nhân chẳng có quần áo gì ngoài cái sơ mi, nhiều người thậm chí sơ mi cũng không có.

Không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra với chúng tôi. Một vài tên SS ở lại, vài tháp canh vẫn hoạt động.

Đến khoảng giữa trưa một tên sĩ quan SS đi một vòng quanh các lán. Hắn chọn ra trong bọn không phải Do Thái một người phụ trách cho mỗi lán, và ra lệnh lập ngay một danh sách bệnh nhân, chia thành Do Thái và không Do Thái. Mọi việc thật quá rõ ràng. Không ai ngạc nhiên thấy đến tận phút cuối

cùng bọn Đức vẫn giữ cái tình yêu của đất nước chúng với sự phân biệt chủng tộc, và không một người Do Thái nào nghĩ rằng mình sẽ sống được đến ngày hôm sau.

Hai người Pháp không hiểu gì và rất hoảng sợ. Tôi miễn cưỡng dịch cho họ nghe những câu của tên SS. Tôi khó chịu thấy họ sợ hãi, họ mới chỉ ở đây chưa đầy một tháng, vẫn chưa biết đói là gì, họ thậm chí còn không phải dân Do Thái, thế mà họ lại sợ được.

Được phát một lần bánh mì nữa. Cả buổi chiều tôi đọc cuốn truyện tay bác sĩ để lại, truyện rất hay và tôi vẫn còn nhớ được nó với một sự dịnh xác điên rồ. Tôi sang thăm khoa bên cạnh lần nữa để tìm chẩn: rất nhiều bệnh nhân ở đó đã cố đi và chẩn của họ bỏ lại đây. Tôi lấy cho mình vài cái ấm nhất.

Khi biết tôi vừa sang Khoa kiệt lý về Arthur nhăn mũi bảo: "Y avait point besoin de le dire^[67]" đúng là chúng bần thật. Nhưng tôi nghĩ với những gì đang chờ đợi thì ngủ ấm một chút vẫn hơn.

Chẳng mấy chốc đêm xuống, nhưng ánh đèn điện vẫn còn. Chúng tôi nhìn thấy một tên SS mang vũ khí đứng ngay ở góc lán với một nỗi sợ hãi bình thản. Tôi không muốn nói chuyện, không thấy sợ hãi gì trừ cái kiểu sợ xa xôi và bị chi phối mà tôi nói, tiếp tục đọc sách cho đến khuya.

Không có đồng hồ ở đây, nhưng lúc đèn tắt chắc khoảng mười một giờ, những ánh đèn pha trên tháp canh cũng tắt. Những ánh đèn pin của gác đêm thấp thoáng xa xa. Rồi một cụm ánh sáng cực mạnh nổ tung ra trên bầu trời, đứng nguyên chiếu xuống mặt đất sáng rực. Tiếng máy bay bắt đầu gầm lên.

Rồi đợt ném bom bắt đầu. Cũng chẳng phải chuyện gì mới mẻ, tôi trèo xuống đất, xỏ đôi chân trần vào giày và chờ đợi.

Nghe có vẻ xa xa, có lẽ là ở Auschwitz.

Thế nhưng bắt đầu một tiếng nổ ở gần và trước khi tôi kịp suy nghĩ tử tế thì đã đến tiếng thứ hai rồi thứ ba giáng xuống vầng tai. Tiếng kính vỡ, lán rung lên, cái thìa tôi gắn vào giữa hai khe trên bức tường gỗ rơi bộp xuống sàn.

Rồi có vẻ kết thúc. Cagnolati - một thanh niên vốn là nông dân, cũng người Vosges - trần truồng nhảy ra khỏi giường nấp vào một góc la hét, cậu ta chắc chưa thấy ném bom lần nào.

Sau đó vài phút chúng tôi hiểu trại đã trúng bom. Các lán cháy dữ dội, hai lán đã biến thành tro, nhưng đều là các lán không người. Khoảng chục bệnh nhân, trần truồng khốn khổ từ một cái lán đang bị lửa thiêu chạy lại cầu cứu. Nhưng không thể cho vào được. Đám người cố nài nỉ rồi đe dọa bằng đủ các thứ tiếng, chúng tôi phải chặn cửa lại. Bọn họ bỏ đi sang chỗ khác, ngọn lửa chiếu sáng bóng họ chạy chân trần trên tuyết đang tan. Sau lưng nhiều người còn bám những dải băng bị tung ra. Lán của chúng tôi thì có vẻ chưa có nguy cơ gì, trừ phi gió đổi chiều.

Bọn Đức không còn đẩy nữa. Những tháp canh trống không.

Giờ thì tôi nghĩ nếu chưa từng có một trại tập trung như Auschwitz thì thời chúng tôi sẽ chẳng còn ai nghĩ đến chuyện được phù hộ: nhưng đúng là lúc ấy ký ức về sự cứu rỗi kịp thời trong Kinh Thánh vẫn thường xảy ra trong những nghịch cảnh khủng khiếp nhất đã lướt qua tâm trí chúng tôi.

Không ai ngủ được, một tấm kính đã bị vỡ nên trong phòng rất lạnh. Tôi nghĩ chắc chúng tôi phải tìm một cái lò sưởi để lắp trong phòng và đi kiếm than, gỗ, thức ăn. Tôi biết cần phải làm những việc ấy, nhưng nếu không ai giúp đỡ tôi sẽ không đủ sức làm được. Thế là tôi nói chuyện với hai người Pháp.

19 tháng Giêng. Mấy người Pháp đồng ý. Ba chúng tôi thức dậy từ lúc bình minh. Tôi ốm và lười, lạnh và sợ.

Những bệnh nhân khác nhìn chúng tôi với vẻ tò mò kính nể: chúng tôi không biết bệnh nhân thì không được quyền ra khỏi Ka-Be hay sao? Nhờ bọn Đức chưa đi hết thì sao? Nhưng họ không nói gì hết, họ mừng vì có người ra xem thử.

Hai người Pháp không có ý tưởng gì về thực địa ở Lager, nhưng Charles là một tay cao to, dũng cảm còn Arthur thì sắc sảo và tháo vát theo kiểu nhà nông. Chúng tôi quần người sơ sài trong mấy cái chăn rồi bước ra ngoài trời giá lạnh, sương mù và gió.

Điều chúng tôi thấy không giống với bất cứ cảnh tượng nào tôi từng chứng kiến hay nghe tả.

Lager vừa mới ngừng hoạt động đã ngay lập tức tan hoang. Không còn điện, nước. Các cánh cửa và cửa sổ rời ra đu đưa trong gió, các miếng tôn tung khỏi mái nhà kêu rít lên, đám tro từ những đám cháy bay xa tít trên cao. Ngoài hậu quả của bom là cả sự giày xéo của con người: những bệnh nhân rách rưới, hom hem, gầy trơ xương vẫn còn lê bước được đã lê la khắp nơi trên mặt đất đóng băng cứng nhắc, như trận xâm lược của lũ sâu bọ. Bọn họ lục tung tất cả các lán để tìm thức ăn và củi, giận dữ thiếu suy nghĩ tràn vào những căn phòng trang trí kệch cồm của các Blockaltester mà cho đến hôm trước Haftlings vẫn còn bị cấm không được vào. Không làm chủ được cơn đói của mình họ đã làm bẩn khắp nơi kể cả chỗ tuyết quý báu, nguồn nước duy nhất còn trong toàn trại.

Xung quanh những đồng đồ nát bốc khói của các lán bị cháy, từng nhóm bệnh nhân ngồi sát xuống đất cố hút lấy hơi nóng cuối cùng. Vài người tìm được khoai tây ở đâu đó đem nướng trên đồng than đám cháy phóng tia mắt dữ tợn ra xung quanh. Chỉ ít người có đủ sức nhóm một bếp lửa thực sự, và đun chảy tuyết trong một thứ đồ làm tạm.

Chúng tôi hướng đến khu bếp càng nhanh càng tốt, nhưng chỗ khoai tây đã gần cạn. Chúng tôi nhét khoai vào đầy hai cái túi rồi để đẩy cho Arthur trông. Cuối cùng Charles và tôi cũng thấy cái mình tìm giữa đồng đồ nát của Prominenzblock: một cái lò sưởi bằng gang nặng với chỗ đường ống vẫn còn dùng được. Charles mang một cái xe cút kít chạy đến và chúng tôi chất lò sưởi lên, sau đó anh ta để tôi chở nó về lán còn mình thì chạy lại chỗ mấy cái túi. Arthur đã ngất đi vì lạnh, Charles giấu hai bao khoai tây vào chỗ án toàn rồi quay lại chăm sóc bạn.

Trong lúc ấy tôi cố gắng hết sức mình để đẩy cái cút kít nặng trĩu, nhiều khi tưởng không làm nổi. Có tiếng xe mô tô, và rồi một tên SS cưỡi xe chạy vào trong trại. Như mỗi lần nhìn vào gương mặt nghiêm ngẽ của chúng tôi lại thấy trong mình tràn đầy sợ hãi và căm ghét. Giờ thì đã quá muộn để trốn với lại tôi cũng không muốn bỏ cái lò sưởi. Quy định của Lager ghi rõ phải đứng nghiêm và bỏ mũ ra, tôi thì không có mũ, người quần trong tấm chăn, thế là tôi đành bước mấy bước ra xa cái xe rồi hơi khụy chân khom người. Tên Đức đi qua mà không nhìn thấy tôi, hăn lượn quanh một cái lán rồi bỏ đi. Chỉ sau này tôi mới biết nỗi nguy hiểm mình vừa trải qua.

Cuối cùng tôi cũng về được đến bậc cửa lán chúng tôi, và trao cái lò sưởi vào tay Charles. Tôi không thở được nữa vì quá sức, những chấm đen to đùng tha hồ nhảy múa trước mắt.

Bây giờ thì cần lắp cho nó hoạt động. Tay cả ba chúng tôi đều tê liệt, lớp kim loại giá lạnh dính vào lớp da trên ngón tay, nhưng cái lò cần phải hoạt động sớm để còn sưởi cho chúng tôi và luộc khoai tây. Chúng tôi đã tìm thấy gỗ và than đá, cả chỗ than gỗ từ mấy cái lán bị cháy.

Khi cái cửa sổ hồng đã sửa xong và lò sưởi bắt đầu tỏa hơi ấm, có vẻ như trong mỗi chúng tôi có một điều gì nhẹ nhõm hẳn trong lòng. Và thế là Towarowski (một người Pháp-Ba Lan hai mươi ba tuổi bị thương hàn) đề nghị những người khác mỗi người cho ba người chúng tôi một mẩu bánh vì đã làm việc và đã được chấp nhận.

Chỉ mới hôm trước thôi một việc như thế là là không thể chấp nhận được. Luật của Lager nói “hãy ăn miếng bánh cầu bạn, và nếu có thể thì cả của người bên cạnh nữa”, không có chỗ cho sự biết ơn. Sự việc trên có nghĩa là Lager đã chết.

Đó là cử chỉ nhân văn đầu tiên xảy ra giữa chúng tôi. Tôi tin giây phút ấy có thể đánh dấu quy trình mà chúng tôi, những kẻ chưa chết, từ Haftling từ từ được trở lại làm người.

Arthur đã hồi phục khá ổn, nhưng từ lúc ấy anh tránh không phơi mình ra gió, anh nhận nhiệm vụ trong lò sưởi, nấu khoai tây, dọn sạch phòng và giúp đỡ người ốm. Charles và tôi chia nhau những công việc bên ngoài. Trời vẫn còn sáng khoảng một tiếng nữa, một lượt ra đã kiếm thêm cho chúng tôi nửa lít rượu mạnh và một hộp men bia không hiểu ai vứt ra trên tuyết. Chúng tôi phân phát khoai tây luộc và mỗi người một thìa men, tôi nhớ mang máng là nó có thể giúp chống lại chứng thiếu vitamin.

Bóng tối đến, chúng tôi tự hào vì phòng của mình là nơi duy nhất trong toàn bộ trại có lò sưởi. Rất nhiều bệnh nhân từ các khoa khác quây lấy cánh cửa, nhưng hình dáng to lớn của Charles đã giữ không cho họ dám lại gần. Họ cũng như chúng tôi không ai nghĩ việc lây những thứ bệnh của chúng tôi là không tránh được và vào phòng này là cực kỳ nguy hiểm, rằng bị bạch hầu trong cái điều kiện này thì còn chắc chết hơn là lao mình từ cửa sổ tầng ba xuống.

Bản thân tôi, dù biết, cũng không băn khoăn quá về chuyện ấy: từ lâu lắm rồi tôi đã quen với việc nghĩ đến cái chết vì bị ốm là một chuyện hoàn toàn có thể, trong trường hợp này là không thể tránh khỏi và dù sao thì chúng tôi cũng không làm gì được cả. Tôi cũng hoàn toàn không nghĩ đến việc chuyển sang một khoa khác, một lán khác ít nguy cơ lây nhiễm hơn. Ở đây có cái lò sưởi, công trình của chúng tôi đang tỏa ra một làn hơi ấm áp tuyệt vời. Ở đây tôi có một cái giường, và nhất là giờ đây đã có một sự gắn bó giữa chúng tôi, mười một bệnh nhân của Infektionsabteilung.

Họa hoằn mới thấy một tiếng pháo gầm xa hoặc gần, còn tiếng súng máy nổ giòn giã cứ một chốc lại có. Trong bóng tối chỉ có ánh hồng của than. Charles, Arthur và tôi ngồi hút thuốc cuốn từ các loại cỏ hương liệu lấy từ phòng bếp, và chúng tôi nói rất nhiều chuyện về quá khứ và tương lai. Ở giữa vùng đồng bằng bất tận đầy băng giá và chiến tranh, trong căn phòng tối đầy vi trùng này. Chúng tôi cảm thấy thanh thản với lòng mình và với thời gian. Chúng tôi một rãi rồi, nhưng lâu lắm rồi chúng tôi mới cảm thấy cuối cùng mình cũng làm được một việc có ích, có lẽ cũng giống Chúa trời sau ngày đầu tiên tạo ra thế giới.

20 tháng Giêng. Bình minh đã tới, đến lượt tôi nhóm lò sưởi. Ngoài cái mệt, các khớp xương đau đớn nhắc nhở tôi từng giây phút rằng căn bệnh của tôi còn lâu mới khỏi. Ý nghĩ phải ném mình ra cái giá lạnh ngoài kia để kiểm lửa ở những lán khác khiến tôi rùng mình vì sợ.

Tôi chợt nhớ đến mấy viên đá lửa: tôi lấy một mẫu giấy thấm đầy rượu mạnh rồi kiên nhẫn mài một viên đá thành một ít bột màu đen, rồi mài mạnh viên đá vào con dao. Đây rồi: sau vài tia lửa đồng bột bốc cháy, và từ mảnh giấy bốc lên một ngọn lửa còn nhạt màu.

Arthur phần khởi tụt từ giường xuống và hơ nóng ba củ khoai tây trong số khoai luộc từ hôm qua. Sau đó bụng đói và run rẩy, chúng tôi lại lên đường thăm dò khu trại đổ nát.

Chỉ còn thức ăn (tức là khoai tây) cho hai ngày. Nước thì chúng tôi phải đun tan tuyết, một việc khó nhọc vì không có cái đưng, tuyết thì tan thành một thứ nước đen và lợ phải lọc mới dùng được.

Trại yên ắng. Những bộ xương đói khát khác cũng đi vòng quanh như chúng tôi để tìm đồ, râu mọc dài, mắt hõm vào, thân thể giơ xương vàng vọt quần trong mớ giẻ. Lão đảo trên đôi chân ra vào những cái lán không người mang đi đủ thứ: rìu, xô, muôi, đinh. Tất cả đều có thể có ích, nhưng kẻ nhìn xa

trông rộng đã kịp nghĩ tới chuyện đổi chác béo bở với bọn Ba Lan ở làng bên cạnh.

Trong bếp có hai người đang tranh nhau mấy chục củ khoai tây thối. Họ nắm lấy mấy mảnh quần áo giẻ rách của nhau, đánh nhau bằng những cử chỉ kỳ lạ chậm chạp và do dự, đôi môi lạnh giá tuôn ra những lời nguyên rủa bằng tiếng Yiddish.

Trong sân kho có hai đồng bắp cải và củ cải (cái thứ củ cải nhạt nhẽo, thức ăn chính của chúng tôi). Chúng đóng băng lại cứng đến nỗi phải dùng cuốc mới tách ra được. Charles và tôi bắt tay vào làm, dồn hết sức lực vào mỗi nhát cuốc, và chúng tôi lấy được khoảng năm mươi cân. Có cả thứ khác nữa: Charles tìm thấy một túi muối và ("Une fameuse trou- vaille!"^[68]) một thùng đựng khoảng năm mươi lít nước trong hình dạng một cục băng khổng lồ.

Chúng tôi chất mọi thứ lên cái xe (trước đây vẫn dùng để phát thức ăn cho các lán: vẫn còn cả đồng xe như thế bỏ lại khắp nơi), và chúng tôi khó nhọc đẩy xe về trên nền tuyết.

Ngày hôm ấy chúng tôi đành bằng lòng với khoai tây luộc và củ cải cắt lát nướng trên lò, nhưng ngày mai, nhưng Arthur hứa, ngày mai sẽ cải thiện.

Buổi chiều tôi đến phòng thí nghiệm cũ để tìm xem có còn gì có ích. Tôi là người đến sau, tất cả đã bị những tên trộm không biết gì phá hỏng. Không còn cái chai nào nguyên vẹn, trên sàn là một đồng giẻ, phân, vật liệu y tế, một cái xác trần truồng còn queo. Nhưng kia rồi, cái vật đã lọt qua mắt những kẻ đến trước tôi: một cục ắc quy xe tải. Tôi lấy con dao chạm vào các cực, một tia lửa lóe lên, ắc quy vẫn còn điện.

Đêm đó phòng chúng tôi có ánh sáng đèn.

Ngồi trên giường tôi nhìn thấy qua cửa sổ một đoạn đường dài. Từ ba ngày nay Wehrmacht^[69] chạy trốn thành một lớp sóng trùng điệp ngang qua. Đi xe bọc thép, xe "hồ" ngụy trang thành màu trắng, bọn Đức cười ngựa, cười xe

đạp, đi bộ, mang vũ khí hoặc không. Trong đêm tiếng bánh xe ầm ầm vang đến rất lâu trước khi xe xuất hiện.

Charles hỏi: "Ca roule encore?"

- Ca roule toujours^[70].

Có vẻ như sẽ không bao giờ kết thúc.

21 tháng Giêng. Thế nhưng nó đã kết thúc. Bình minh ngày 21 cả vùng đồng bằng trông hoang vắng lạnh lẽo, trắng xóa hút tầm mắt dưới bóng bầu quạ, buồn đến chết.

Tôi những muốn vẫn thấy có gì đang chuyển động. Các thường dân Ba Lan cũng biến mất, trốn đâu không biết. Đến gió cũng như đứng im. Tôi chỉ mong được nằm lại dưới lớp chăn, buông xuôi theo sự ồm yếu trên toàn cơ thể, các cơ bắp, thần kinh và cả ý chí, chỉ muốn chờ đợi như một người đã chết sự kết thúc, hoặc không kết thúc, cái gì cũng thế cả.

Nhưng Charles đã đốt lò sưởi, con người Charles năng động, tin tưởng và thân thiện gọi tôi đi làm:

- Vas-y, Primo, descends-toi de là-haut, il y a Jules à attraper par les oreilles...^[71]

"Jules" là cái xô trong nhà xí mà mỗi sáng phải cầm quai xách ra bên ngoài đổ vào cái hố đen: đó là việc đầu tiên phải làm trong ngày. Xét đến việc ở đây không rửa được tay trong khi có ba người trong chúng tôi bị tình hồng nhiệt thì việc này không thích thú gì.

Chúng tôi phải bắt đầu với đồng sụp lơ và củ cải. Trong khi tôi đi kiểm củ thì Charles nhặt tuyết nấu tan, Arthur giục những người ồm còn ngồi dậy

được để họ giúp một tay nhặt rau. Towarowski, Sertelet, Alcalai và Schenck chấp thuận.

Sertelet cũng là một nông dân vùng Yosges, hai mươi tuổi, anh ta dường như vẫn sung sức nhưng ngày qua ngày tiếng nói của anh ta càng rõ ra giọng mũi, như nhắc nhở chúng tôi rằng bệnh bạch hầu hiếm khi biết tha thứ. Alcalai là một thợ thủy tinh Do Thái Toulouse, rất trầm tĩnh biết điều, bị viêm quầng ở mắt. Schenck là một thương nhân Do Thái người Slovak, anh ta đang khỏi dần bệnh thương hàn và ăn khỏe kinh khủng. Towarowski cũng thế, anh này là người Pháp-Ba Lan, gốc nghèo và lẩm mồm, nhưng rất có ích cho nhóm người trong phòng vì cái kiểu lạc quan dễ lây của mình.

Thế là trong khi những người ốm ngồi trên giường mình cầm dao gọt, Charles và tôi quyết định đi tìm một chỗ để kiếm chỗ nấu ăn. Một sự bất thiêu không tả nổi tràn ngập khắp các khu vực của trại. Nhà xí nào cũng đầy tràn, không ai lo đến việc dọn hằng ngày nữa. Những người bị kiệt lực (có đến hơn một trăm) đã làm bẩn mọi xó xỉnh của Ka-Be, trút đầy ra các xô, các bình thường dùng chứa suất ăn, những cái bát. Không thể bước đi mà không nhìn kỹ dưới chân, trong bóng tối thì không tài nào di chuyển được. Mặc dù phải chịu cái lạnh vẫn đang rất buốt giá, chúng tôi ghê sợ nghĩ đến chuyện sẽ xảy ra nếu chẳng may nhiệt độ ấm lên đến mức tan băng: sự nhiễm khuẩn sẽ tràn lan không cứu chữa được, mùi thối chắc sẽ ngạt thở và nhất là khi tuyết tan, chúng tôi sẽ hoàn toàn không còn nước nữa.

Sau một hồi lâu tìm kiếm cuối cùng chúng tôi cũng tìm được một khoảng trống vài gang tay không quá bẩn trong một chỗ trước là khu giặt giũ. Chúng tôi đốt một đồng lửa to rồi tẩy trùng tay bằng cách xát Clo và tuyết vào tay để tiết kiệm thời gian và tránh biến chứng.

Tin tức về nồi xúp đang chín loan rất nhanh trong đám đông những kẻ dở sống dở chết. Sau cánh cửa xuất hiện một đám đông những gương mặt đói khát. Charles giơ cái muôi lên cho họ một bài diễn thuyết ngắn gọn mạnh mẽ khỏi cần dịch dù nói bằng tiếng Pháp. Hầu hết bọn họ lui ra nhưng còn

một tiến lên, đó là một người Paris, làm thợ may cao cấp (lời anh ta nói) đang bị viêm phổi.

Để đổi lấy một lít xúp anh ta đề nghị sẽ may quần áo cho chúng tôi từ những cái chăn còn lại trong trại. Và Maxime đã tỏ ra thực sự có tài. Ngày hôm sau Charles và tôi đã có áo khoác, quần và găng làm từ một thứ vải sờn sùi nhiều màu sắc

Buổi tối sau khi xúp được phân khởi phát ra và ngẫu nhiên một cách tham lam, sự yên tĩnh của đồng bằng bị phá vỡ. Từ giường của mình, quá mệt không thực sự lo lắng được nữa, chúng tôi lắng nghe tiếng pháo bí ẩn có vẻ được đặt ở tất cả các điểm phía chân trời và tiếng các mảnh đạn nổ đánh gọn trên đầu.

Tôi nghĩ cuộc đời thật đẹp, và sẽ còn đẹp, và thật phí nếu chết chìm bây giờ. Thế là tôi đánh thức các bệnh nhân dậy, và khi tin chắc là họ đang lắng nghe, tôi nói với họ trước tiên là bằng tiếng Pháp và sau đó dịch sang thứ tiếng Đức tốt nhất mà tôi có, rằng bây giờ tất cả phải nghĩ đến chuyện về nhà, về phía chúng tôi sẽ có một vài việc cần làm và một vài việc cần tránh. Mỗi người sẽ phải giữ cẩn thận cà mèn và thìa của mình và nếu thừa xúp cũng không ai được cho người khác. Không ai xuống khỏi giường nếu không phải là để đi vệ sinh, ai cần bất cứ việc gì thì chỉ được hỏi ba chúng tôi. Arthur có nhiệm vụ giữ kỷ luật và vệ sinh, và cần nhớ là thà để bát và thìa bẩn còn hơn là rửa với nguy cơ sẽ bị lẫn đồ của người bị bạch hầu với người bị thương hàn.

Tôi có cảm giác là những bệnh nhân đã quá thờ ơ với bất cứ điều gì, không tự chăm sóc cho mình được như tôi vừa bảo, nhưng tôi tin tưởng vào sự can củ của Arthur.

22 tháng Giêng. Nếu can đảm có nghĩa là đối mặt nguy hiểm với trái tim nhẹ nhõm thì sáng hôm ấy Charles và tôi đã là những người dũng cảm.

Chúng tôi mở rộng sự thăm dò của mình sang trại của bọn SS ngay đằng sau hàng rào dây điện.

Bọn gác trại chắc đã rất vội khi rời khỏi đây. Chúng tôi tìm thấy trên bàn những đĩa cháo vẫn còn đầy một nửa giờ đã đông cứng mà chúng tôi ăn một cách sung sướng, những cốc vẫn còn đầy bia đã chuyển thành những khối đá màu vàng, một bàn cờ đang chơi dở. Còn trong phòng là cả một đống những thứ quý giá.

Chúng tôi lấy một chai vodka, các loại thuốc, sách báo và bốn cái chăn nhồi bông tuyệt hảo, một trong số đó giờ vẫn nằm ở nhà tôi ở Turin. Vui mừng và không suy nghĩ gì, chúng tôi mang thành quả của cuộc phá vây về nhà giao cho Arthur quản lý. Và chỉ đến tối chúng tôi mới biết chuyện xảy ra nửa tiếng sau đó.

Một vài tên SS, có thể đang bị lạc nhưng có vũ khí đi vào trong khu trại bỏ hoang đó, chúng tôi tìm thấy mười tám người Pháp trong phòng ăn của SS-Waffe. Bọn chúng giết tất cả cùng một kiểu, bắn một phát sau gáy rồi đặt những cái xác còng queo thành một hàng trên mặt tuyết ngoài đường, sau đó bỏ đi. Mười tám cái xác phơi ra ở đó cho đến tận khi quân Nga tới, không ai còn sức để chôn họ cả.

Hơn nữa, lúc ấy lán náo cũng có những giường nằm có xác chết, cứng đờ như gỗ và không ai còn nghĩ đến chuyện dịch chuyển chúng. Đất quá cứng không đào lên được. Rất nhiều xác chết được xếp vào một cái hào, nhưng ngay mấy hôm đầu cái đống ấy đã trồi lên khỏi chỗ đào, từ cửa sổ của chúng tôi có thể trông thấy rõ một cách tồi tệ.

Khoa kiệt lý chỉ cách chúng tôi một lớp ván gỗ. Rất nhiều người ngắc ngoải và nhiều người đã chết. Sàn nhà phủ đầy một lớp phân đóng băng. Không ai còn đủ sức chui ra khỏi chăn để kiếm thức ăn còn ai đã ra được thì cũng không quay lại chăm sóc bạn. Có hai người Ý nằm sát với nhau cho đỡ lạnh ngay cạnh bức ván ngăn, tôi vẫn thường nghe thấy họ nói chuyện nhưng họ

thì không nhận ra sự có mặt của tôi trong suốt một thời gian dài vì tôi chỉ nói tiếng Pháp. Tình cờ một ngày họ nghe thấy Charles gọi tên tôi theo đúng giọng Ý và thế là từ lúc đó họ không ngừng rên rĩ van xin.

Có phương tiện và sức lực nên dĩ nhiên tôi cũng muốn giúp, mà nếu không thì cũng là để chấm dứt những tiếng kêu ám ảnh của họ. Buổi tối, khi mọi công việc đã xong, tôi vượt qua sự mệt mỏi và ghê sợ để mang theo một bát nước và ít xúp ban ngày chúng tôi để lại đi qua cái hành lang tối tăm kinh tởm. Kết quả là từ lúc ấy cả khoa kiệt lực ngày đêm réo tên tôi qua tấm ván mỏng, với các trọng âm của tất cả các ngôn ngữ châu Âu, kèm theo đó là những lời van xin không hiểu nổi khi tôi không thể làm được gì cho họ. Tôi cảm thấy phát khóc lên được và chỉ muốn nguyện rửa họ.

Buổi tối chứa những bất ngờ đáng ghét. Lakmaker nằm giường phía dưới tôi là một người kiệt quệ bất hạnh. Cậu ta là (hay đúng hơn đã từng là) một người Do Thái Hà Lan mới bảy tuổi, cao, gầy và hiền lành, nằm viện từ ba tháng nay. Tôi không hiểu làm sao cậu ta thoát khỏi bị chọn lọc. Lakmaker bị thương hàn rồi sau đó là tinh hồng nhiệt, cùng lúc đó lại xuất hiện thêm chứng tim khá nặng. Phần thịt nằm áp vào đệm lâu bị thối khá nặng nên giờ đây cậu ta chỉ có thể nằm sấp. Bị tất cả những thứ ấy nhưng Lakmaker lại ăn rất khỏe, cậu ta không nói tiếng gì khác ngoài tiếng Hà Lan nên không ai trong số chúng tôi hiểu được.

Nguyên nhân có thể do cái món cháo bắp cải và củ cải mà Lakmaker đòi ăn những hai suất. Nửa đêm cậu ta rên rĩ và nhảy xuống khỏi giường, cố gắng đi vào nhà vệ sinh, nhưng quá yếu nên ngã lăn ra đất, gào khóc ầm ĩ.

Charles bật đèn (thật may mà có cái ắc quy) và chúng tôi có thể chứng kiến mức độ nghiêm trọng của tai nạn. Giường của Lakmaker và sàn nhà đều bẩn, mùi căn phòng nhỏ nhanh chóng trở nên không thể chịu đựng được. Chúng tôi không có tí nước dự trữ nào, không khăn đệm khác để thay. Cái thằng bé khốn khổ bị thương hàn này là cả một ổ vi khuẩn lây nhiễm khủng

khiếp, nhưng cũng đâu có thể để nó nằm trên sàn suốt đêm rên rỉ và run rẩy trong cái đông băng thiu ấỵ.

Charles trèo từ giường xuống và nhanh chóng mặc quần áo. Trong khi tôi giữ cái đèn anh lừa con dao vào chỗ đệm và chặn cắt đi hết những chỗ bắt đỡ Lakmaker lên với sự nhẹ nhàng của một người mẹ, anh lau nó thật kỹ bằng mảnh rơm rút ra từ đệm rồi nâng nó lên giường đặt vào đúng tư thế duy nhất mà nó nằm được. Rồi anh lấy một mảnh thiếc cạo chỗ sàn nhà, vẩy một ít clo và cuối cùng là tẩy trùng mọi thứ và người mình.

Tôi thăm đo sự hy sinh của anh bằng cái mệt mỏi mà tôi sẽ phải vượt qua để làm được như anh

23 tháng Giêng. Khoai tây của chúng tôi đã hết. Có tin đồn quanh các lán là một thùng khoai tây cực to nằm ở đâu đó bên ngoài hàng rào kẽm gai, cách trại không xa lắm.

Một vài tên thám hiểm chắc đã kiên nhẫn dò xét hoặc ai đó đã biết chính xác chỗ để nên đến sáng ngày 23 một đoạn dây kẽm gai đã bị kéo xuống và hai dòng người khốn khổ đi ra đi vào trại.

Charles và tôi lên đường trong cơn gió của đồng bằng tím tái, bước qua cái rào cản đã bị dìm xuống.

- Dis donc, Primo, on est dehors!^[72]

Đúng là như thế: đây là ngày đầu tiên tôi thấy mình tự do kể từ khi bị bắt, không bị lính gác mang vũ khí, không có hàng rào ngăn cách giữa tôi và gia đình.

Khoai tây nằm cách trại khoảng bốn trăm mét: cả một kho báu. Hai cái hào cực dài tràn đầy khoai được phủ bằng đất và rơm xếp cách lớp để chống giá lạnh. Sẽ không ai chết vì đói nữa.

Nhưng cây được khoai ra không phải chuyện đơn giản. Vì lạnh nên mặt đất phía trên cứng như đá. Cuốc vất vả mãi mới mở được lớp đất ở trên và để lộ ra kho báu bên dưới, số đông chọn cách chui qua những cái lỗ người khác bỏ lại, chui vào thật sâu và chuyển khoai tây cho người đứng bên ngoài.

Một tù lớn tuổi người Hung đã chết đúng ở đây. Anh ta nằm xuống đúng trong tư thế đói ăn: đầu và vai chui xuống dưới đồng đất, bụng áp xuống tuyết, tay vươn ra chỗ những củ khoai tây. Người đến sau dịch xác anh ta ra khoảng một mét, rồi tiếp tục công việc qua lỗ thông đã được giải phóng.

Từ lúc ấy thực đơn của chúng tôi khá khăm hơn. Ngoài khoai tây luộc và xúp khoai tây chúng tôi còn cho những người ốm ăn khoai tây rán theo công thức nấu của Arthur: trộn lẫn khoai tây sống và khoai luộc rồi nướng hỗn hợp ấy trên một mảnh sắt nóng, món đó có vị bồ hóng.

Nhưng Sertelet thì không hưởng được những thứ đó, bệnh anh ta ngày càng nặng. Ngoài tiếng rít trong mũi hôm ấy anh ta còn không nuốt trôi được chút thức ăn nào, có cái gì đó trong cổ anh ta, miếng nào cũng khiến anh ta nghẹn.

Tôi đi tìm tay bác sĩ người Rumani ốm nên ở lại lán đối diện. Ngay khi nghe tôi nói về hầu hãn ta lùi đến ba bước và bắt tôi đi ngay.

Tôi cho tất cả nhỏ mũi bằng dầu long não, cốt cho yên lòng. Tôi cam đoan với Sertelet là nó sẽ giúp anh ta khỏe lên, và cố thuyết phục cả bản thân mình như thế.

24 tháng Giêng. Tự do. Cái lỗ trên hàng rào dây thép gai là một hình ảnh cụ thể, để nhắc nhở tâm trí chú ý rằng không còn bọn Đức, không còn chọn lọc, không bị đánh, không điểm danh và có thể sau nữa sẽ được trở về.

Nhưng vẫn cần tốn sức để thuyết phục chuyện đó và không ai có thời gian để thưởng thức cảnh ấy cả. Khắp xung quanh là cái chết và cảnh tàn phá.

Đồng xác chết ngay trước cửa sổ chúng tôi giờ đã trôi lên khỏi cái hào. Mặc dù có khoai tây nhưng tất cả đều rất yếu, trong trại không bệnh nhân nào khỏi ốm mà rất nhiều người còn mắc bệnh viêm phổi và kiết lỵ. Những người không di chuyển được hay không có sức để di chuyển nằm lịm đi trên giường, người lạnh cóng cứng đờ lại, và khi họ chết cũng không ai nhận ra.

Những người khác đều mệt mỏi đến phát sợ: sau hàng năm hàng tháng ở Lager, chỉ khoai tây không đâu có đủ để một con người tìm lại được sức mạnh. Khi xúp chín, Charles và tôi đẩy hai mươi lăm lít xúp hăng ngày từ khu giặt giũ về phòng là phải nằm vật ra giường thở dốc. Trong khi đó Arthur cẩn thận và đảm đang chia xúp, chú ý giữ ba suất "rabiote pour les travailleurs^[73]" và một ít dưới đáy "pour les italiens d'à côté^[74]".

Trong căn phòng bệnh truyền nhiễm thứ hai, cũng kế sát phòng chúng tôi và chủ yếu là bệnh nhân lao phổi thì tình cảnh lại khác. Tất cả những người có thể thì đã chuyển đến trú ở những lán khác. Những người tù bệnh nặng hơn hoặc yếu hơn thì lần lượt ra đi trong sự cô độc.

Một buổi sáng tôi vào đó để mượn một cái kim. Một bệnh nhân hấp hối ở giường trên nghe thấy tiếng tôi, anh ta cố ngồi dậy rồi đâm đầu bổ nhào qua thành giường xuống phía tôi, ngực và cánh tay cứng nhắc còn đôi mắt trắng dã. Người nằm giường dưới theo phản xạ giơ tay lên đỡ thì mới nhận ra anh ta đã chết, đành dần dần buông tay xuống vì nặng. Người kia lăn xuống đất và nằm yên ở đó. Không ai biết tên anh ta cả.

Trong lán 14 thì lại đang có chuyện mới. Ở đó là bệnh nhân nằm dưỡng bệnh sau phẫu thuật, một vài người trong số đó ở trong tình trạng khá tốt. Bọn họ tổ chức một chuyến sang trại tù chiến tranh người Anh mà mọi người đoán chắc đã đi sơ tán, thu về được một chuyến thành công. Họ quay về mặc toàn đồ kaki và một xe chất đầy những thứ trước đây chưa từng thấy: bơ thực vật, bột kem trứng, mỡ muối, bột đậu, rượu.

Tối hôm ấy những người ở lán 14 ca hát.

Không ai trong số chúng tôi cảm thấy đủ sức đi hai cây số sang trại của bọn Anh rồi đẩy xe về. Nhưng chuyến đi may mắn ấy cũng mang lợi cho chúng tôi một cách gián tiếp. Sự phân chia của cải không cân bằng đã khiến sản xuất thương mại hưng thịnh lại. Trong cái căn phòng mang mùi chết chóc của chúng tôi đã ra đời một nhà máy sản xuất nến có lõi tẩm axit boric dính với nhau bằng giấy bồi. Những kẻ giàu có ở lán 14 tiêu thụ hết hàng của chúng tôi, trả bằng mỡ lợn và bột.

Chính tôi là người tìm thấy cái khối sáp ong trong Elektromngazin. Tôi vẫn nhớ vẻ nghi ngờ của những người nhìn tôi mang nó đi và những câu hỏi lúc ấy:

- Cậu làm gì với cái đó?

Không phải lúc để tiết lộ một bí mật sản xuất, tôi nghe thấy tiếng mình tự trả lời bằng cái câu tôi vẫn thường nghe được từ những ma cũ của trại, câu chứa đựng phẩm chất được yêu thích nhất "tù giỏi", người biết thích ứng, lúc nào cũng xoay sở được: "Ich verstehe verschiedene Sachen" (Tớ đây biết nhiều thứ lắm).

25 tháng Giêng. Lần này đến lượt Sómogyi. Anh ta là một nhà hóa học người Hung khoảng năm mươi tuổi, gầy, cao và ít nói, cũng bị cả thương hàn lẫn tinh hồng nhiệt như cậu Hà Lan. Anh ta bị một cơn sốt nặng, sau khoảng năm ngày không một lời nào, đến một hôm anh ta mở miệng và nói bằng một giọng bình tĩnh:

- Tôi có một suất bánh mì dưới cái xắc. Ba anh chia nhau đi. Tôi không ăn nữa.

Chúng tôi không biết nói gì, và không động đến bánh lúc ấy. Một nửa mặt anh ta sừng phồng. Còn tỉnh thì anh ta còn im như thóc, nhưng đến đêm hôm ấy và suốt cả hai ngày sau thì sự im lặng bị thay thế bằng cơn mê sảng không dứt. Theo cái giấc mơ bất tận của sự chịu đựng và cảnh nô lệ, anh ta

lầm rầm "Jawohl" sau mỗi nhịp thở, đều đặn liên tục như một cái máy, "Jawohl" mỗi khi cái rẻo xương sườn tội nghiệp hạ xuống, hàng nghìn lần như thế, đến mức người ta chỉ muốn lắc mạnh anh ta, bóp cổ anh ta hay làm gì để ít nhất cũng nói một câu khác đi.

Tôi chưa bao giờ ngộ ra cái chết của một con người khổ sở thế nào như lúc ấy.

Ngoài kia vẫn là sự tĩnh lặng mênh mông, số quạ đã tăng lên nhiều, ai cũng hiểu tại sao. Chỉ thỉnh thoảng sau một lúc lâu tiếng pháo mới lại gầm lên.

Tất cả đều bảo nhau quân Nga sẽ đến ngay bay giờ đây, sẽ đến sớm. Tất cả đều tuyên bố thế không ai có thể tin tưởng thực sự vào điều đó. Vì ở Lager người ta đã mất đi thói quen hy vọng, mất cả sự tin tưởng vào lẽ phải, ở Lager nghĩ chỉ vô ích, vì mọi sự đều xảy ra theo hướng khó lường nhất. Nghĩ chỉ có hại vì nghĩ là giữ cái cảm giác cội nguồn đau khổ, còn những cảm giác khác khi vượt quá một mức độ nào đó sẽ khắc có một quy luật tự nhiên phù hợp khiến chúng dịu đi.

Sự chờ đợi, cũng như niềm vui, như nỗi sợ hãi và cả nỗi đau khổ nữa đều có thể khiến người ta mệt mỏi. Đến ngày 25 tháng Giêng, đúng tám ngày cắt đứt mối quan hệ với cái thế giới hung tàn mà dù sao cũng vẫn là một thế giới, số đông trong chúng tôi đã quá kiệt sức để chờ đợi.

Buổi tối quây quanh lò sưởi, Charles, Arthur và tôi lại một lần nữa cảm thấy mình trở lại làm người. Tôi say mê câu chuyện của Arthur về những gì người ta làm mỗi Chủ nhật ở Provençères, vùng Vosges, còn Charles bật khóc khi tôi kể cho anh ấy về thời kỳ ngừng chiến ở Ý, về sự khởi đầu lộn xộn và tuyệt vọng của đội du kích kháng chiến, về người đã phản bội chúng tôi và lúc chúng tôi bị bắt trên núi.

Trong bóng tối, đằng sau và phía trên chúng tôi tám người ốm không bỏ sót một lời, cả những lời bằng tiếng Pháp mà họ không hiểu. Chỉ Sómogyi vẫn

kiên quyết tỏ ra dâng mình cho cái chết.

26 tháng Giêng. Chúng tôi nằm trong một thế giới của người chết và kiệt sức. Dấu hiệu văn minh cuối cùng đã biến mất xung quanh và cả bên trong chúng tôi. Công trình biến con người thành thú vật mà bọn Đức đã đắc thắng dựng lên giờ đây đang được bọn Đức bại trận hoàn thành nốt.

Chính con người ra tay giết, con người gây ra hoặc phải chịu đựng những bất công. Nhưng ai chờ đợi kẻ bên cạnh mình chết để lấy nốt một phần tư miếng bánh thì dù không phải lỗi tại anh ta cũng chỉ là một kẻ gần với dạng man rợ nhất trong bọn man rợ, tàn bạo nhất trong bọn tàn bạo hơn là với hình mẫu của một con người biết suy nghĩ.

Một phần sự tồn tại của chúng ta nằm trong tâm hồn của những người bên cạnh: vì thế những tháng ngày sống trong hoàn cảnh con người bị coi là đồ vật trong mắt của những con người khác sẽ không được coi là thời gian sống không phải là người. Ba chúng tôi phần lớn thời gian đã thoát được chuyện ấy, và chúng tôi biết ơn lẫn nhau. Cũng vì thế mà tình bạn của tôi và Charles bền mãi theo thời gian.

Nhưng một nghìn mét trên đầu chúng tôi, giữa những đám mây xám cuộc đổ sức bằng máy bay đang đe dọa. Phía trên bọn người trần trụi, bất lực và không thể tự vệ những con người cùng thời của chúng tôi đang tìm đến cái chết song phương bằng những phương tiện hiện đại nhất. Một cử chỉ ấn ngón tay có thể phá hủy cả một trại, giết chết hàng nghìn con người, trong khi sức lực và ý chí của tất cả chúng tôi gộp lại cũng không đủ để kéo dài thêm sự sống dù của chỉ một người và chỉ trong một phút.

Sự hỗn loạn chấm dứt khi đêm xuống, và căn phòng lại tràn ngập câu độc thoại của Sómogyi.

Trong bóng tối mịt mù tôi bỗng chợt tỉnh. "L'pauv'vieux^[25]" đã im tiếng: anh ấy đã đi rồi. Với sức lực cuối cùng anh ấy ném mình từ trên giường

xuống đất, tôi nghe thấy tiếng đầu gối, hông, vai rồi đến đầu anh ta đập xuống.

- La mort Ta chassé de son lit[76], Arthur kết luận.

Chúng tôi không thể đưa anh ấy ra ngoài trong đêm, nên chỉ còn biết ngủ lại.

27 tháng Giêng. Bình minh. Trên sàn, nghịch cảnh đáng buồn của thân hình gãy vỡ xương, cái cảnh Sómogyi.

Có những việc cấp thiết hơn: không tắm rửa được nên chúng tôi không thể động đến anh ấy trước khi nấu nướng và ăn. Hơn nữa, Charles nói rất đúng: “...rien de si desgoutant que les dessborde-ments[77]”.

Cần dọn nhà vệ sinh. Người sống quan trọng hơn, người chết có thể đợi. Chúng tôi lại bắt tay vào việc như mọi ngày.

Quân Nga đến trong khi Charles và tôi đang đưa Sómogyi ra xa một chút. Anh ấy rất nhẹ. Chúng tôi trút cái cáng lên mặt tuyết. Charles bỏ mũ xuống, tôi thì rất buồn vì mình không có mũ.

Trong số mười một người của Infektionsabteilung chỉ có Sómogyi chết trong mười ngày đó. Sertelet Cagnolati, Towarowski, Lakmaker và Dorger (người cuối cùng này tôi chưa bao giờ nhắc đến, anh ta là một nhà công nghiệp người Pháp bị bạch hầu ở mũi sau khi được phẫu thuật viêm màng bụng) qua đời vài tuần sau đó trong trạm xá tạm thời của Nga ở Auschwitz. Tôi gặp lại Schenck và Alcalai tại Katowice vào tháng Tư, họ cũng khỏe Arthur hạnh phúc về với gia đình, còn Charles quay lại nghề dạy học của mình. Chúng tôi viết cho nhau những lá thư dài và tôi hy vọng sẽ gặp lại anh ấy một ngày nào đó.



Cuốn sách này được xuất bản với sự hợp tác của Đại sứ quán Italia

Mô tả ngắn gọn như một hiên bản nhưng chạm tới những chiều sâu siêu hình nhất của tâm hồn con người. Có được là người từng sống trong lịch sử văn học như một trong những tác phẩm lớn lao nhất mà con người có thể viết về lò Thiêu. Không chọn cách bỏ trốn hay quên lãng, Primo Levi nhất định đứng ở phía bên này của thiện và ác, mang lại cho chúng ta một cái nhìn từ bên trong Lager khủng khiếp và từ bên trong chính những con người từng trải qua nó. Cái ác mà Primo Levi cùng những người bạn từ Auschwitz từng biết là sản phẩm của cả “bọn Đức thời đắc thắng” lẫn “bọn Đức bại trận”; điều khó khăn nhất mà Có được là người nêu lên nằm ở chỗ: làm thế nào để tin được rằng chuyện ấy đã thực sự xảy ra?

[1] Trào lưu chính trị ra đời năm 1929 tại Paris, sau đó được phát triển ở Ý với mục đích chuẩn bị cho một cuộc cách mạng chống phát xít. (Mọi chú thích nếu không có lưu ý gì thêm đều là của người dịch.)

[2] Lấy ý tưởng từ Thần khúc, ý nói mắt thường không thể thấy những sự việc quá nguy hiểm.

[3] Đây cũng là nhắc lại một ý trong Thần khúc, cuốn Địa ngục, Khúc XXXIII, câu 57: “Đến cực độ ấy trí nhớ đành sụp xuống”.

[4] Thành phố cuối cùng của Ý giáp với biên giới Ý-Áo.

[5] Tiếng Đức, chỉ Đế chế III, tức nhà nước Quốc xã.

[6] Tiếng Đức: Ai nói được tiếng Đức?

[7] Ý nói trận đánh quan trọng cuối Thế chiến thứ nhất (diễn ra vào năm 1917) mang lại chiến thắng cho người Ý.

[8] Tiếng Pháp: Các anh có đang ở nhà các anh đâu

[9] Trích trong Khúc XXI cuốn Địa ngục, Thần khúc, miêu tả cảnh các linh hồn bị trừng phạt không được ngẩng mặt lên như khi nhìn thấy tượng Thánh được rước qua hay khi tắm ở Serchio, con sông ở Florence quê hương Dante.

[10] Tiếng Đức: Giải tán!

[11] Tiếng Đức: Thợ rèn.

[12] Tiếng Đức: sắt, lửa.

[13] Tiếng Đức: Tôi, nhà hóa học.

[14] Tiếng Đức: Nhà hóa học tốt.

[15] Tiếng Đức: Tại sao?

[16] Tiếng Đức: Sưng.

[17] Tiếng Đức: Tôi Schlome. Anh?

[18] Tiếng Đức: Vâng ạ.

[19] Tiếng Đức: Trật tự! Trật tự!

[20] Tiếng Pháp: Sạch sẽ là sức khỏe.

[21] Ý nói nhà văn Jack London.

[22] Tiếng Ý: Ngựa.

[23] Tiếng Ý: Hành khách.

[24] Tiếng Đức: Không bị sốt.

[25] Tiếng Đức: chú ý

[26] Bắt nguồn từ câu trong Kinh thánh: “Đừng làm với người khác điều anh không muốn người ta làm với mình”.

[27] Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, bị trừng phạt bằng cách ở trong nước nhưng không thể uống nước, các cành cây đầy quả ngay trước mặt nhưng không thể với tới.

[28] Hai từ đều có nghĩa là “Dậy đi!”.

[29] Tiếng Đức: Đốc công.

[30] Tiếng Đức: Trường kíp.

[31] Tiếng Pháp: Nào, đỡ lấy, anh bạn.

[32] Tiếng Đức, lần lượt có nghĩa là: “Dành cho người Anh”, “Dành cho người Ba Lan”, “Dành cho phụ nữ Ukraine”, “Dành cho tù nhân”.

[33] Tiếng Pháp: Anh có phải người Pháp không?

[34] Tiếng Pháp (không chuẩn): Nếu có chó thì tôi sẽ không đuổi nó ra ngoài trời (ý nói trời quá xấu).

[35] Câu chúc cổ truyền của dân Do Thái vào lễ Phục sinh, nguyên gốc là “Năm tới được ở Jermsalem”- giờ được Pelicio đổi thành “Năm tới được ở nhà”, “ở nhà qua ngả lò thiêu” (tiếng Pháp).

[36] Tiếng Pháp: Tôi á, chưa ai trộm được bánh của tôi hết,

[37] Tiếng Pháp: Cái loại đầu mà may mắn!

[38] Tiếng Đức: Giao du với thường dân.

[39] Tiếng Pháp: từ “type” ở đây chỉ người (tay đó, người đó).

[40] Tiếng Pháp: Tôi có việc phải làm.

[41] Tiếng Pháp: Tôi có cái hẹn.

[42] Tiếng Đức: thưa các ông.

[43] Tiếng Pháp: để chơi xấu dân Do Thái.

[44] Tiếng Pháp: đừng có mà hiểu.

[45] Tiếng Đức: Nó bảo nó là nhà hóa học.

[46] Tiếng Latin: chỉ loại bằng tối ưu.

[47] Ludwig Gattermann, nhà hóa học người Đức, đã viết cuốn Die Praxis des organ- ishen.

[48] Tiếng Đức: Pikolo, có tin gì không?

[49] Tiếng Pháp: Xúp hôm nay có gì?

[50] Tiếng Pháp: Hôm nay Primo đi lấy xúp với tôi.

[51] Tiếng Pháp: Anh điên hay sao mà đi nhanh thế. Chúng ta có thời gian mà.

[52] Tiếng Pháp, rồi tiếng Đức: Cái thằng đấy bắn tính lắm. Rất là chó.

[53] Tiếng Ý: xúp, trại, nước.

[54] Tiếng Pháp: Không sao đâu, cứ tiếp tục đi.

[55] Câu 133 Khúc III cuốn Địa ngục - Thần khúc.

[56] ý ai đã muốn” là cách nói về một sự việc “trời khiến”, ai đó ở đây chính là Chúa.

[57] Hoàn cảnh lịch thời ở đây nói đến hoàn cảnh của Ulysses với tất cả những lo âu cũng như bướng bỉnh, giống hệt những lo âu và bướng bỉnh Dante cảm nhận được trong thời của mình và cả trong hoàn cảnh của tác giả lúc bấy giờ.

[58] Nguyên bản dung từ “confitto”, lấy trong câu “Những linh hồn mắc kẹt thấy ở kia”, Khúc XXII cuốn Địa ngục – Thần khúc.

[59] Tiếng Pháp: Nhìn tao đây này! Thằng ngu, đừng có nhanh thế chứ!

[60] Tiếng Đức: Sang trái, sang trái, sang trái.

[61] Tiếng Đức: Páili đấy à, khỏe không?

[62] Ngạn ngữ Pháp, tạm dịch: Được tiếng thì phải chịu thôi.

[63] Tiếng Đức: Còi phòng không.

[64] Tiếng Pháp: Ông.

[65] Tên khổng lồ ba mắt trong Odyssey, khi bị Ulysses và các bạn chọc mù ba mắt hắn đứng chặn ở cửa hang để sờ xem cừu hay đám người đang ra khỏi hang.

[66] Tiếng Đức: Ngày mai, tất cả đi.

[67] Tiếng Pháp: cần gì phải nói cũng biết.

[68] Tiếng Pháp: Một phát hiện tuyệt vời!

[69] Tiếng Đức, chỉ quân lực Quốc xã.

[70] Tiếng Pháp, ý nói: “vẫn tiếp tục cơ à?”, “vẫn tiếp tục”

[71] Tiếng Pháp: Đi nào, Primo, xuống đây đi, phải đi xách Jules kia kìa.

[72] Tiếng Pháp: Này Primo, chúng ta đang ở bên ngoài rồi này!

[73] Tiếng Pháp: cho những người làm việc.

[74] Tiếng Pháp: cho mấy tay Ý ở bên kia.

[75] Tiếng Pháp: anh già tội nghiệp.

[76] Tiếng Pháp: Cái chết đã đẩy anh ấy khỏi giường

[77] Tiếng Pháp: không có gì đáng tởm bằng đồng phân tràn ngập kia.

Table of Contents

LỜI TÁC GIẢ

HÀNH TRÌNH

DƯỚI ĐÁY SÂU

BẮT ĐẦU

KA-BE

ĐÊM CỦA CHÚNG TÔI

CÔNG VIỆC

MỘT NGÀY TỐT LÀNH

BÊN NÀY BỜ THIÊN ÁC

CHẾT CHÌM HAY SỐNG SỐT

KỲ THI HÓA

KHÚC CA CỦA ULYSSES

NHỮNG SỰ KIỆN MÙA HÈ

THÁNG MƯỜI NĂM 1944

KRAUS

DIE DREI LEUTE VOM LABOR

NGƯỜI CUỐI CÙNG

MƯỜI NGÀY CUỐI